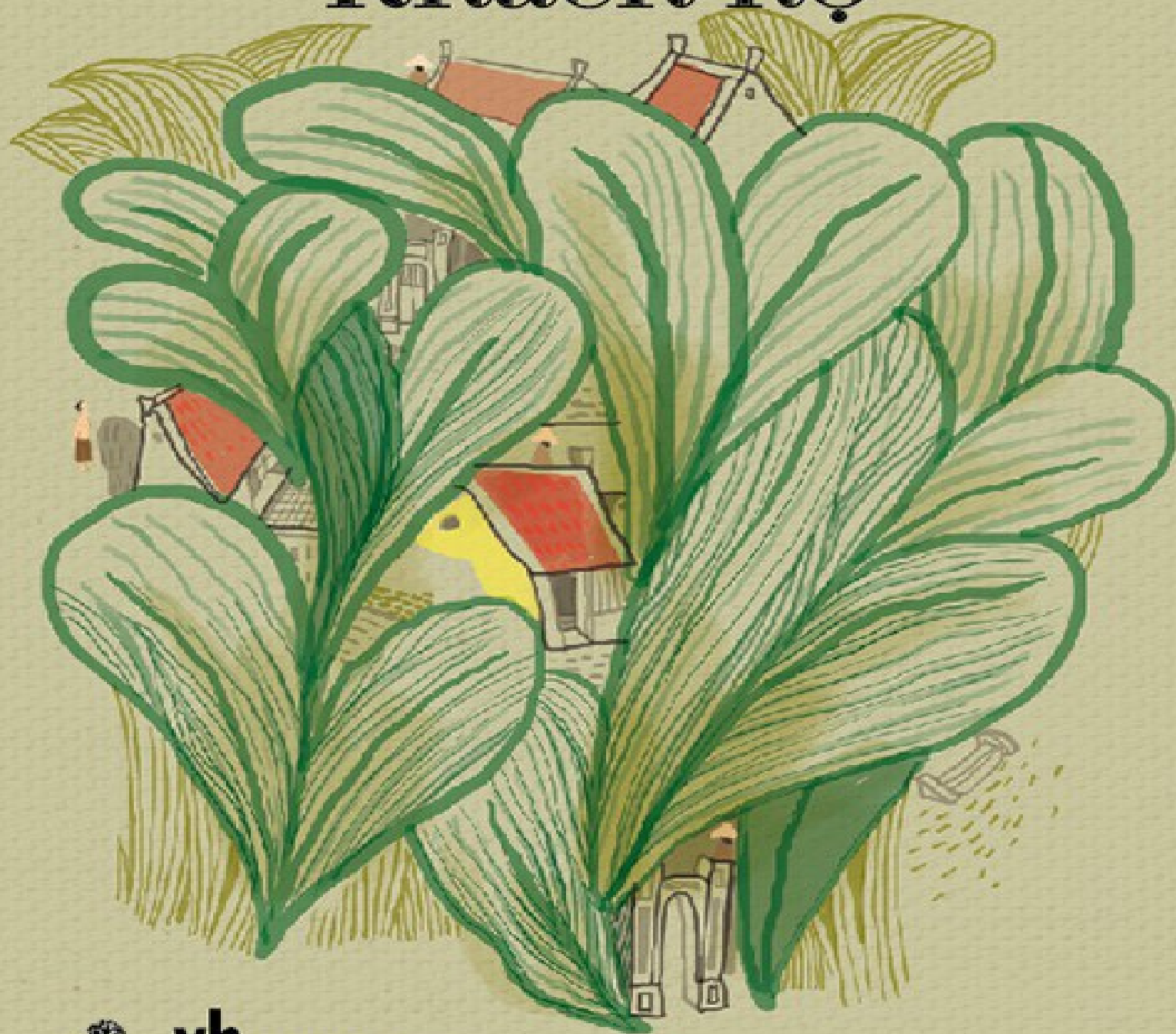


TÔ HOÀI

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Khách nợ



TÔ HOÀI

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Khách nợ



vh

NXB Văn học

“KHÁCH NỢ”

Được xuất bản theo hợp đồng trao quyền sử dụng tác phẩm
giữa đại diện gia đình tác giả và Công ty TNHH Sách Phương Nam.

Mọi sao chép, trích dẫn phải có sự đồng ý của

Công ty TNHH Sách Phương Nam.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



... Sùng sùng một tòa ngôn ngữ chân chất, tinh diệu...

(Thay lời giới thiệu)

Trong tập tùy bút *Thăm thăm bóng người* của Đỗ Chu, Nguyễn Tuân, Tô Hoài được tác giả giới thiệu bằng cảm hứng và lời văn trác tuyệt. Trong thăm thăm bóng *người* có bóng *ta*. Có thăm thăm bóng Nguyễn Tuân trong những kiệt tác ông để lại cho đời. Tô Hoài còn đây, “*đứng chống đòn gánh, dưới chân là hai quang sách nặng*”, bóng của hàng triệu độc giả hòa vào bóng Tô Hoài trong những tác phẩm bất hủ của ông. Trước “cốt kiêu” và uy bút lực của hai ông, Đỗ Chu - lần đầu tiên tôi thấy - ... đứng khép nép.

Tôi đã có lần khép nép trước một tác phẩm của Tô Hoài, đó là *Chuyện đầm sen Đền Đồng Cổ* in trong tập truyện ngắn này. Sau *Giăng thề*, đây là kiệt tác thứ hai của Tô Hoài. (*Dé mèn phiêu lưu ký* đương nhiên là một tác phẩm bất hủ, nhưng ý tôi nên xếp sang một chiều khác). Trong *Chuyện đầm sen Đền Đồng Cổ*, hơi thở hùng tráng của lịch sử vừa kín đáo, vừa mãnh liệt chạm vào tình cảm sâu lắng nhất của bất kỳ độc giả người Việt nào. Ta gặp lại đam mê của Tô Hoài quan sát những lễ tục dân gian và sự am hiểu tinh tường những tập quán ngành nghề, sinh hoạt mà tác giả miêu tả.

Cảnh đám rước kiệu “bà” quay tròn:

“*Kiệu bát cống quay tròn, bây giờ mới thật như chiếc hoa giữa đám hội, vừa bay vừa cong cánh nở. Lòng hân hoan mong đợi của cả ngàn người xem hội cứ thế bông bột mãi lên. Hai mươi bốn trai kiệu, nghe tiếng trống khải, một lượt quỳ như hai mươi bốn thót voi rồi từ từ bò qua gò, vai kiệu vẫn phẳng lỳ như tường đứng.*” (tr. 146)

Mùa vụ cây dó (làm bột giấy):

“*Cạn kỳ dó chính tuyết, vừa cuối thu. Lăn sang vụ dó Một Chạp đến tháng Giêng là “đầu giao”. Một Chạp hay “đầu giao”, áo dó mới lột, quệt sương hay mưa đều ố nước, mất công phơi nhiều nắng mới bó được. Nhưng vừa xong cái vất vả rừng này lại phải lặn lội sang rừng khác, đã vào vụ dó chiêm. Dó chiêm tiếp dó đuôi tháng, quanh lại vừa trở lại chính tuyết.*” (tr. 163)

Đúng là Tô Hoài. Chỉ có thể là Tô Hoài.

Nhưng cái mà tôi kính nể là đọc tác phẩm này tôi như đứng trước sừng sững một *tòa ngôn ngữ* chân chất và tinh diệu. “Trong ngọc” nhất trong tòa ngôn ngữ này là những câu văn thuộc loại “văn xuôi thơ” sáng giá của văn chương Việt Nam hiện đại. Đây là những câu văn tả tình cảnh một người con gái ngồi trên thuyền ngược sông đi lấy chồng giàu mạn ngược:

“Những lời hò vui mà thăm thiết:

Ra khoang... em bước... qua cầu...

Bến vui em đến...

Trên mũi bồng lóng lánh một trời sao. Con thuyền đêm nao cũng đi qua một trời sao ấy. Dù cho con người có cạn nước mắt rồi cũng muốn hy vọng, như người chèo thuyền mong đến bến...

Một đêm, Hạ ra khoang sau. Hạ ngồi một lúc thật lâu. Bốn bề lặng ngắt. Những ngôi sao long lanh nhỏ lã chã những giọt nước mắt xuống thế gian...” (tr. 162)

Một lần Hội nghị nhà văn trẻ, nghe giới thiệu nhà văn Tô Hoài lên phát biểu ý kiến, cả hội trường im phăng phắc. Trái với sự chờ đợi của mọi người, nhà văn lão thành lên diễn đàn chỉ để nói với các nhà văn trẻ một câu: “... *chừng nào chưa phân biệt được “môm” và “miệng” thì đừng có cầm bút...*”. Tôi thiết nghĩ các bạn trẻ háo hức viết văn nên tìm đọc *Chuyện đêm sen Đền Đồng Cổ*, đọc xong mà nhận ra được vốn ngôn từ của mình sao mà nó nghèo nàn, thảm hại, xô bồ đến thế thì dù có tiến hay thoái cũng là một sự thức nhận hết sức có ích.

Thăm thẳm bóng người trong tập truyện ngắn này:

Bóng cô Cúc, “một sinh viên người Huế đẹp tuyệt trần” được nhà văn Tô Hoài trao cho bản thảo cuốn tiểu thuyết *Đêm mưa* “một chiều đông rét mướt” năm 1946 và tòa nhà lưu niệm “tiêu điều, ảm đạm” của bà Diễm (cô Cúc năm xưa, nay đã trở thành nhà điêu khắc nổi tiếng Diễm Phùng Thị),... “*trong những tủ kính trang nhã, phủ bụi mấy bức khắc tự họa của nhà điêu khắc*”. (Hồi ký *Tiểu thuyết đêm mưa*)

Một người đàn bà “cả đời chỉ đi bó chèo ước mong tái hợp” vì chồng đi “đất đỏ Sài

Goòng” mãi không trở về. (*Cô đào Thương*)

Bà Tứ dờ điên dờ dại lúc hấp hối phải gặp được người tình năm xưa mới yên tâm nhắm mắt. (*Tình buồn*)

Có một loạt truyện giúp độc giả hình dung được đầy đủ hơn trí tưởng tượng kỳ thú và hóm hỉnh của tác giả *Dế mèn phiêu lưu ký* : *Đôi ri đá, Con gà trống ri, Truyện gã chuột bạch, Một cuộc bể dâu, Mụ ngan...*

Trong những truyện về các dân tộc miền núi mà tiêu biểu là truyện *Vợ chồng A Phủ*, còn gì giản dị và sâu sắc hơn tinh thần cứu đất cứu người nảy sinh trong tâm khảm và gắn với cuộc đời của các nhân vật.

“...Nhấn nhớ lại cả cái đời thảm của mẹ và của mình. Nhấn muốn khóc.

Giữa khi ấy thì tiếng chim kỳ lạnh lạnh như tiếng kèn giục phường săn. Nhấn không khóc được. Nhưng từ đây, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đầu rừng nào có tiếng chim kỳ kêu, Nhấn tưởng hồn mẹ và hồn em đi đâu cũng đuổi theo Nhấn.” (*Cứu đất cứu người*)

Tập *Chuyện để quên* có những truyện rất “quý”, làm sống lại không khí hồ hởi hồn nhiên của những năm đầu kháng chiến, những đoàn dân công, bộ đội, cán bộ đi công tác...

Truyện - ký *Khiêng máy* là một tác phẩm xuất sắc. Tiêu biểu là cảnh đám công nhân nhà in báo “ *Cứu quốc Việt Bắc*” khiêng máy nghỉ lại ở lán.

“...Cứ tới đến, các lán sàn trên, sàn dưới, hai tầng ghép lại bằng ống vầu tươi, người nằm người ngồi ngổn ngang. Một ngày cật lực khiêng máy, vác giấy, tải gạo, tải muối... Tưởng như mỗi khi ngã lưng xuống thì thiếp đi đến chết. Tiếng moóc-chi-ê ình oàng vào sương đêm, không biết từ phía nào. Nhưng chẳng ai có thể chớp mắt. Từ chập tối đến khuya, người nằm cứ rào rào kháo đủ các thứ chuyện. Chẳng chuyện nào vào chuyện nào, nhưng thú vị, hả hê. Họ đổ nhau ăn uống cái gì ngon nhất, rồi lấy quần áo ra đổi chác. Quanh quần chỉ vài cái cứ đổi đi đổi lại lẫn lộn, như bọn đánh bạc. Lúc thì ồn ào như đương chè chén ở hiệu cao lầu. Lúc thì tranh nhau giá cả, bót xén như ở nhà cầm đồ Vạn Bảo. Lúc lại bắt chước vợ chồng ỏn ẻn, nũng nịu. Rồi hát tuồng, gảy đàn môm, mãi khuya mới ngớt “cuộc vui”...” (*Khiêng máy*)

Có những truyện nói về cuộc sống cơ cực của người dân trong vùng bị chiếm đóng.

“Hòn khoác thùng kéo cày vào người, lúc đổi vai, lúc thắt ngang bụng. Cái cánh tay cụt giờ lên, cồng rết, bị nếp thùng kéo thít xuống. Có hôm chỗ đau lại bật máu ra, chảy thấm xuống tận nách áo. Nhưng Hòn vẫn cắn răng, lợi. Hòn chỉ còn sức dựa vào cái thùng, lạch đi. Trên cánh đồng này biết bao nhiêu người bì bõm cày bừa, cấy hái quanh năm như thế, cho đến lúc phía tỉnh gầm gừ tiếng xe, trời tảng sáng, các đồn bắt dọc đường sắp xua nhà phạt và lính tráng vác gậy đi dò mìn, thì những người làm đồng kiệt sức mới lục đục về làng.” (Người mất trí)

Trong một thời gian khá dài (hơn bốn năm), tôi tham gia làm đề tài nghiên cứu khoa học do anh Tô Hoài chủ trì. Thời gian đầu, một tháng họp một lần. Công việc tiến triển hơi chậm, anh Tô Hoài quyết định một tuần họp một lần. Tôi nghĩ bụng đến tuần thứ ba không biết còn chuyện gì để mà bàn, có khi phải hai, ba chiều bìa mới hết buổi. Nhưng không phải như vậy. Tô Hoài là một kho chuyện vô tận, có khi một nghìn lẻ một buổi họp vẫn chưa hết chuyện, không riêng gì chuyện văn hóa, văn nghệ, hình như chuyện gì anh cũng biết, chuyện nào anh cũng nhớ vài ba chi tiết đặc sắc, rất quan trọng. Không riêng gì những thời kỳ gần đây, mà những chuyện thời Tự lực văn đoàn và Thơ mới, thời Đề cương văn hóa và Văn hóa cứu quốc, những năm đầu kháng chiến... anh Tô Hoài vẫn nhớ và nhớ tường tận. Những chuyện anh hồi tưởng và kể lại bao giờ cũng hấp dẫn. Anh rất quan tâm đến sự chính xác: tên người, địa danh, niên đại, những sự kiện lịch sử và những chi tiết của đời sống thực tại. Tô Hoài hay nhận xét về những chỗ sai, không chính xác trong các bài báo, bài văn và công trình nghiên cứu anh đọc nhưng tôi chưa thấy ai nêu những điều không chính xác trong những trang viết của anh. Duy có một lần Nguyễn Nguyên, một ký giả lão thành ở Sài Gòn nói với tôi: “Trong bút ký, hồi ký của Tô Hoài có những chi tiết thần tình, phải là một người sành ăn thì miếng thịt chó ngon mới gọi là “đậm và phải chăng cái miếng thịt”. Chỉ tiếc là trong một bài viết về “xóc đĩa” đăng trên *Kiến thức ngày nay* hồi năm trước có những chi tiết sai, tôi có cảm tưởng là Tô Hoài chưa từng bước chân vào sòng xóc đĩa.”

Nghe anh Tô Hoài hồi ức về “những năm tháng, con người và cuộc đời”, tôi hình dung một lịch sử văn hóa, văn nghệ khác, không giống như những điều được trình bày trong những bộ sử đã công bố, nó phong phú hơn, sống động hơn, chứa chất kịch tính, xem ra thâm hơn, mà cũng lớn lao hơn. Cuối cùng thì tôi thông, họp tuần một lần không phải là nhiều vì đề tài nghiên cứu của chúng tôi có liên quan mật thiết đến lịch sử văn hóa. Những chuyện anh Tô Hoài hồi tưởng và kể lại thiên về giải ảo hơn là ảo hóa những người thật, việc thật. Cách nhìn giải ảo thường là một nhân tố tiên bộ trong văn hóa, nhất là khi người

giải ảo có ý thức đặt sự thật cao hơn những ước lệ và cảm ký. Tô Hoài quá hiểu lịch sử và lịch sử xem ra cũng nể ngòi bút hồi ký của ông. Tô Hoài không chỉ là một nhà tiểu thuyết phong tục có hạng, tác giả *Cát bụi chân ai* còn là một tác gia hồi ký bậc thầy, và chẳng những truyện hay của Tô Hoài thường là mang tính chất hồi ký: *Giăng thề* (1943), *Mười năm* (1957), *Tự truyện* (1978), *Ba người khác ...* Anh Tô Hoài không thích nói chuyện sách vở nhưng khi nói chuyện đụng đến những công trình nghiên cứu thì thấy anh có đọc và đọc khá nhiều. Tôi vẫn cho rằng khổ công đọc sách là một biểu hiện đáng tin cậy của sự khiêm tốn, có thể giả vờ khiêm tốn trong ứng xử nhưng đọc sách thì không giả vờ được. Trong một chuyến thầy trò trường viết văn Nguyễn Du hành hương về Tiên Điền, Nghi Xuân thăm quê hương đại thi hào có nhà văn Tô Hoài, chủ tịch đầu tiên và cuối cùng Hội đồng giáo dục Trường Nguyễn Du cùng đi. Trong buổi lễ viếng mộ, mọi người nín lặng khi nhà văn Tô Hoài bước ra đứng trước mộ. Ông thấp nhang, rưới rượu lên mộ rồi ông rót rượu vào cái chén ông cầm trên tay và uống cạn chén rượu trước mộ Nguyễn Du và trước mặt mọi người. Tôi nghe tiếng mấy sinh viên viết văn thì thảo: “Tô Hoài tranh thủ uống rượu”, “Tô Hoài cũng ngang đây chứ”... Tôi nghĩ đến hai câu thơ chữ Hán trong bài thơ *Đối tửu* của Nguyễn Du:

Sinh tiền bất tận tam bôi tửu

Tử hậu thùy kiêu mộ thượng bôi.

Diễn nghĩa:

Lúc sống không uống cạn hồ rượu

Chết rồi ai rưới rượu trên mộ cho?

Làm đề tài nghiên cứu khoa học, về bất kỳ vấn đề nào anh Tô Hoài cũng có chủ kiến riêng. Về vấn đề tranh luận: làm thơ bằng *ý* hay bằng *chữ* ? Ý kiến của Tô Hoài: làm thơ bằng chữ nhưng vấn đề là người làm thơ *sống những chữ* của mình như thế nào? Tôi thấy nói như vậy cũng là rõ và đủ. Đề tài của chúng tôi được phân thành nhiều vấn đề. Giải quyết mỗi vấn đề, trong nhóm đề tài (có Ngọc Trai, Vương Trí Nhàn và tôi) mỗi người viết bài, sau đó anh Tô Hoài tổng kết. Tôi nghiệm thấy trong bài tổng kết, anh Tô Hoài hầu như chỉ trình bày những chủ kiến riêng của anh. Mặt khác, anh Tô Hoài không bao giờ có ý định đưa ra những ý kiến hướng dẫn, dù là dưới hình thức góp ý, gợi ý nhẹ nhàng. Riêng tôi thấy cách làm việc như vậy hết sức dễ chịu. Có một buổi sinh hoạt nhóm tôi trình bày những ý kiến của tôi về văn hóa làng. Sang buổi sau anh Tô Hoài đưa tôi cuốn sách của Nguyễn

Hồng Phong về Công xã nông thôn và hỏi: “Hiển đã đọc cuốn này chưa?”. Quả nhiên tôi chưa đọc cuốn này và đây là một tài liệu quý đối với đề tài của tôi, không có nó nội dung bài viết của tôi sẽ kém phần “chắc thiết” nhiều. Trên đời có một loại ân nhân rất đáng quý nhưng lại ít được chú ý, đó là những người biết ta đang cần đọc cuốn sách gì và đưa cho ta một cách hờn nhiên đúng cuốn sách ấy. Trong các bạn đồng nghiệp ở trong nước, loại ân nhân này rất hiếm. Trong những bạn đồng nghiệp Pháp, Mỹ và Việt kiều dễ gặp hơn những người sẵn sàng chia sẻ sách và tư liệu với mình. Không có những cuốn sách mà Dan Duffy, Neil Jameison, François Jullien, Nguyễn Bá Chung (Mỹ), Nguyễn Ngọc Giao (Pháp)... cho tôi, những công trình biên khảo của tôi sẽ khó khăn hơn rất nhiều.

Những ý kiến riêng của anh Tô Hoài đôi khi rất bất ngờ. Trong một cuộc hội thảo, có một diễn giả nói rất mạnh về sự thiếu khiêm tốn trong giới trí thức. Đây là một định kiến phổ biến và tôi cũng nghĩ như vậy. Giờ nghĩ, anh Tô Hoài nói với tôi: “Lạ thật, cứ nói đến trí thức là nhân mạnh vào bệnh không khiêm tốn, tất cả những người trí thức tôi biết đều hết sức khiêm tốn, không khiêm tốn làm sao có trí thức được?” Tôi thấy anh Tô Hoài có lý. Thiện cảm và ác cảm ở anh Tô Hoài cũng rất riêng. Có một người bạn văn anh Tô Hoài quen đã hơn bốn chục năm nhưng chưa lần nào anh đến chơi nhà, anh giải thích: “Giả dụ hôm nay tôi mời ông ấy ăn phở, y như rằng ngày hôm sau ông ta mời bằng được trả lại ngay, những người như vậy tôi thấy rất khó giao thiệp”.

Hoàng Ngọc Hiến

Nhà nghèo

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Họ thường cãi nhau vì những cơ rất nhỏ, không có nghĩa. Cái đó cũng đã thành một thói quen. Lúc nào ngửa miệng, muốn to tiếng là to tiếng liền. Hàng xóm bên bị nghe chán cả tai, không buồn nghe nữa.

Cũng như thế. Hôm nay hai vợ chồng anh Duyệt lại cãi nhau ầm lên. Đầu tiên, có gì đâu. Khốn nạn, câu chuyện rắc rối chỉ chớm như thế này:

Anh Duyệt thì nằm trong nhà, ghéch hai chân lên cột, ư ử mấy câu Kiều lầy: “ *Trăm năm trong cõi người ta. Chữ tài chữ mệnh mấy là ghét nhau* ”. Anh ngâm đương có hứng. Cái cột nhà rung lạch bạch với hai bàn chân. Chị Duyệt ngồi đụp áo ngoài sân. Bỗng nhiên, không hiểu có việc gì, chị muốn tìm cái Gái. Trông ngoài đầu ngõ không có. Chị gọi:

- Gái ơi!

Không có tiếng đáp. Chị réo:

- Ô ời... Gái... Cha đẻ mẹ con chết giẫm, ngã xuống ao chuôm rồi!

Đương ngâm nga, bị có người làm râm rĩ, hồng mặt thú, Duyệt nói chớ ra:

- Làm cái gì mà nhăng lên thế! Có im đi không!

Chị không im. Chị nói thêm:

- Người ta gọi nó mà cũng cấm hả?

Chưa thôi, chị lại đay:

- Nằm chổng lên đấy, hát với hồng, được tích sự gì!

Cái chỗ này mới là cái tức. Ra ý mĩa mai anh không đi làm bữa nay, vô tích sự đấy. Nay, trời! Thực con đàn bà kia ăn nói những điều phụ công phụ của quá đỗi. Cả năm anh đi làm quần quật. Họa có ngày người ta làm hết việc, mới được nghỉ như hôm nay. Rồi rãi thì anh nằm nghe ngao một tí chứ sao. Nó láo quá. Anh bèn quát:

- Tao bảo cho con què biết rằng hai cái bàn tay này mà rời việc ra độ mười bữa thì mẹ con nhà chúng mày rã hòng ra! Đừng có...

Anh cũng không biết “đừng có” thế nào nữa. Anh im. Chị Duyệt đáp:

- Người ta làm lắm thì người ta ăn nhiều chứ. Đây què thì đấy cũng làm sao. Thử sờ lên gáy mà xem.

Thế là hai người chua ngoa nói cạnh nhau. Chị Duyệt vốn có tật chân bên phải từ thuở lọt lòng. Đã mang tật, lại nhà nghèo, nên ba mươi tuổi chị mới lấy chồng. Mà chồng cũng chẳng ra hồn chồng. Anh Duyệt nguyên là người ở đâu đến ngụ cư. Ngụ cư đi làm mướn, chứ cũng chẳng danh giá gì. Khi anh gặp chị, thì đôi bên đã là cảnh xế muộn chiều rồi, cho nên cũng dễ dãi mà lấy nhau.

Và họ sinh con đẻ cái cũng thực là dễ dãi. Hai năm một, ba năm đôi, thậm thoát mà đã riu rít được ba đứa. Con Gái, con bé đầu lòng. Rồi thằng Cứng, thằng Chân. Ấy là bỏ mất hai đót về sau, nếu không còn lút nhút nữa kia. Thêm ba miệng con ăn, cũng đã là khổ lắm. Nhiều khi hai vợ chồng cãi nhau om sòm cũng chỉ vì vấn đề mấy đứa trẻ nhãi ăn không ngồi rồi đó. Con Gái nhớn đã biết, nhiều lần cha mẹ cãi nhau, nó ngồi khóc thút thít. Thằng Cứng thì dắt thằng Chân xúm lại xem.

Bữa nay hai vợ chồng cãi nhau, trong lúc lũ trẻ đi chơi vắng. Nhưng đến lúc con bão cãi nhau đương nổi hăng, chúng ở đâu lù lù dẫn nhau về. Con Gái cõng thằng Chân. Thằng bé ngất ngưỡng ngủ, ngoẹo một bên đầu, rãi và nước mũi chảy lòng thòng.

Thằng Cứng chập chững đi sau lưng chị. Nó giả cách đương làm quan. Nó cầm cái roi phết đen đét vào cánh tay chị Gái và chửi rầm rĩ. Nhưng vào đến trong sân, nghe tiếng bố mẹ nói to, Gái đứng yên mà Cứng thì tung hứng. Chỉ có thằng Chân vẫn ngủ khò khè. Lúc ấy, cái quá, anh Duyệt nói nặng vợ một câu.

Anh vừa nói xong, người vợ trông thấy lũ con dẫn nhau về, chị lu loa:

- Ấy đấy, chúng mày về mà nghe bố chúng mày chửi tao.

Cáu, anh Duyệt vắng:

- Ủ, ông chửi cha con què đấy.

Lập tức, mẹ Duyệt ôm mặt, khóc ti ti. Rồi mẹ kể lể. Nhưng không phải kể lể với chồng và ba đứa con, mà kể lể nỉ non với cái bức vách trước mặt:

- Ôi thiên địa giờ đất ơi! Ôi cha ơi! Ôi mẹ ơi! Tôi ăn ở với người ta chẳng gì cũng năm bảy mặt con, con sống có con chết có, mà nỡ nào người ta rêu ông cha tôi lên. Cái thân tôi cực nhục trăm đường. Tôi buộc bụng nuôi con... hu... hu...

- Mày đẻ lắm thì mày nuôi nhiều...

- Ôi ông cả bà nhón ơi!... A, bấy lâu tôi nằm với... chó đấy a...

Anh Duyệt ùng ùng chạy ra:

- Chó này!

Nhưng anh chưa thui, vợ anh đã ngã lăn kên, tay chân múa đàn đạch, rên rĩ:

- Đánh chết tôi đi! Cứ đánh chết tôi đi!

Hai đứa con thấy bố làm dữ, sợ quá ôm điu lấy nhau, khóc inh ỏi. Nằm trên vai chị, bị thức giấc, thằng Chân, cũng bật khóc theo.

Cả một góc xóm vắng bỗng vang tiếng khóc. Những con chó nằm rồi chẳng biết chuyện gì cũng hóng mõm cắn xuống. Anh Duyệt tức lắm rồi. Con nóng kéo đến đầu anh. Những chiếc gân xanh ở xung quanh trán và cổ nổi đũa lên. Giậm hai chân bạch bạch, anh quát:

- Ông giết chết cả lũ! Ông giết chết cả lũ chúng mày rồi ông đâm cổ ông sau. Những của nợ kia, ông nhất quyết xử chúng mày trước, rồi đến con mẹ chúng mày.

Những của nợ ấy khiếp vía, bấu nhau chạy. Chị Duyệt cũng lật đật trở dậy, ôm váy lạch đạch ra ngõ.

Duyệt quay vào bếp, tìm được con dao phay, hồng hộc chạy ra sân đã không còn ai. Anh quăng con dao “choeng” một tiếng xuống đất.

- Từ giờ đến chiều, ông bắt được đứa nào thì ông giết chết tươi. Ôi giờ ơi! Chúng mày

làm khô ông. Ông mà đến nổi thân tàn ma dại thế này cũng vì chúng mày. Chứ ông đâu đến nổi.

Ngoài ngõ có tiếng nheo nhéo đáp vào:

- Nào tôi ăn tàn phá hoại gì của ai. Nào tôi bòn rút của chím của nổi gì của ai. Một nhời nói một đọi máu, ăn nói còn có giới đất, có quỷ thần hai vai chứ.

Thế này thì anh Duyệt uất đến chết được. Nó cứ núp ngoài kia mà đối vào từng tiếng. Anh đuổi, nó lại chạy. Anh uất quá. Uất run mười đầu ngón tay bần bật. Anh phải đập một cái gì cho đã. Trong nhà chẳng có thứ gì khả dĩ đập được. Cái giường, cái án thư, cái cột. Toàn những đồ đau tay. Có con dao, thì anh đã đập lên đập xuống nhiều bận rồi.

Ngoài cửa, mưa lấm điều lại la trời, la đất. Trời ở đâu mà la. Đất thì giẫm dưới chân đó. Kêu lấm mồm miệng. Nhưng mà nó nói chọc dao vào óc anh. Vụt một ý, anh Duyệt bỗng kêu lớn:

- À, mày đã khỏe to hòng, ông đốt nhà cho xem.

- Anh đốt nhà thì hàng xóm bắt vạ anh.

- Thì ông đi ngồi tù cho chúng mày đi ăn mày cả lượt.

Mụ vợ đứng ngoài bờ rào, ngó thấy chồng hăm hờ, hục hặc đi tìm lửa, vội kêu chóc:

- Ôi ông cả bà nhón ơi! Nó đốt nhà... Thằng Duyệt nó đốt nhà... Nó...

Chẳng có ông cả bà nhón nào chạy đến. Ai cũng đi làm chưa về, cửa ngõ đều đóng trở ra. Nhưng rồi loanh quanh mãi vẫn chưa thấy anh Duyệt đốt được nhà.

Thì ra, nhà không có một chút lửa. Mỗi bận thổi com cái Gái vẫn phải ra tận đầu xóm xin lửa. Và tối thì mọi người trong nhà đi ngủ cùng với mặt trời, không cần đèn. Biết vậy, chị Duyệt yên trí, lại sắp hồ trời hồ đất. Xong nào đã thôi.

- Mày tưởng ông sợ à? Ông đi xin lửa cho mà xem.

Có lẽ anh toan chạy đi xin lửa thực. Và chị vợ cũng sửa soạn kêu nữa.

Nhưng trên không trung, từ ban nãy, ông trời bao la đương đau bụng, mặt ông xám xịt lại. Bụng ông sôi ục ục, réo róc róc. Rồi bỗng nổi gió giật, lạnh ngắt. Sau cùng đổ xuống một

trận mưa lớn.

*

* *

Bảy giờ là đầu mùa hè. Trời ít mưa. Nhưng đã có trận nào thì mưa rõ cho ra chuyện.

Trận mưa đó thực to. Nước xối xuống rào rào, trắng xóa. Ở những vườn chuối, nước giội lòng bùng như trống đánh. Từng cơn gió chạy dài, rít lên, đập thùng thùng. Trên những mảnh sân thấp nước ngập lưng thềm. Được độ một lúc lâu, mưa dần dần ngớt. Những đám mây nước tản mỏng bay nhanh như biển. Mặt trời lại lộ ra. Trời đất sáng ngời. Màu lá cây xanh mướt. Những con chim sáo sậu nhanh nhẩu bay linh tinh, hót từng hồi véo von. Mưa tạnh.

Bảy giờ khắp làng bày ra một cảnh lạ mắt. Ở các ngõ lộ nhỏ chạy ra từng đám người. Đàn ông thì cởi trần tròng trục, đánh chiếc khó đơn. Đàn bà phong phanh cái yếm, đội sùm sụp chiếc nón. Còn trẻ con thì trần truồng như những viên đá cuội. Người ta chạy đồ xô đến các ngách cổng, các bờ ruộng và các luống vườn. Tay mỗi người cầm một cái giỏ. Họ chen nhau, chạy tới tấp.

Vì trời vừa mưa xong. Ở những mặt sân đất, sôi bong bóng. Trong các lỗ ngập nước, giun quần quai tòi lên. Trong các bụi cây tối và ướt, có con giun sâu nhoi lên, chúng ra kiếm ăn.

Và người ta cũng kéo đi bắt nhái, bắt chẫu kiếm cái cho người ăn.

Không hẹn, mà cha, con, chồng, vợ nhà Duyên cũng gặp nhau trong đám đông đi bắt nhái bắt chẫu này. Mưa vừa tạnh. Chị Duyên chẳng biết trú ở đâu, đã xon xon chạy về lấy giỏ. Thì chị đã thấy khuyết hai cái giỏ treo trên đầu bếp. Thằng Chân và thằng Cẩng đã được chị nó nhốt cẩn thận vào gài phỉn, bốn bề chắn gỗ kín đáo. Hai đứa trẻ loanh quanh cứ bò lổ lổ thò đầu ra như hai con chó con. Chị và bố chúng đi bắt nhái. Anh Duyên đã hết giận vợ, để bụng nghĩ đến bữa cơm chiều nhiều hơn. Bữa cơm nhà có cái thịt nhái nướng thơm phức chấm muối ớt, nhai giòn rau rầu, ngon tuyệt.

Chị Duyên cũng vác giỏ chạy. Người ta đã đổ ra nhiều quá, không bắt mau, hết mắt. Chị gặp chồng. Cái thằng phải gió ấy cũng chịu khó vò nhái ra dáng. Mặt nó không sung sĩa lên nữa. Ấy vậy mà lúc nãy nó đã hùng hổ những giết con, giết vợ, đốt nhà.

Chị Duyên gặp cái Gái. Nó giơ giỏ lên khoe với u. Cái giỏ đã được lung lừng. Trong giỏ, nhái xô nhau kêu oe oé. Con Gái nhe hai hàm răng cái mả đen xỉn, cười toét. Rồi nó lại lễ mễ vác giỏ xuống một vệt ao gần đấy. Trong khi mẹ nó tắt tả ra miệt đầu đình.

Gái rón rén bước. Nó vạch xem từng ngọn cỏ. Nhưng cây cỏ nước xanh om, vươn cao ngọn, lò xo xòa cửa vào người, khiến nó ngứa ngáy khó chịu. Mỗi lần vò được một chú nhái, nó bẻ gãy hai chân sau, bỏ tót vào giỏ, nó lại cười tùm một mình. Nó lặn theo vệt ao, khuất sau mấy rặng dừa dại lờm chớm. Đàn nhái nhảy lồm bồm xuống nước.

*

* *

Cuộc bắt nhái trời mưa đã vãn. Ai nấy ra về. Anh Duyên xách giỏ về trước. Thứ hai đến chị Duyên. Thằng Chân và thằng Căng phải tù trong gằm phản, đương khóc be be. Chị Duyên đưa cái giỏ nhái của mình cho chồng rồi chạy lại dỡ gạch, lôi hai đứa con trong gằm phản ra. Chị nựng con cho chúng nín. Anh Duyên ngồi ngẩn ngơ nhìn hai giỏ nhái. Nét mặt anh chờ đợi. Có lẽ anh đương tưởng tượng đến bữa nhắm thú vị chiều nay.

Bỗng chị Duyên nói:

- Này, con Gái chưa về nhỉ? Nhà đi gọi nó xem...

Giọng chị ả dịu lại. Chính anh Duyên cũng không còn tưởng rằng lúc nãy mình vừa cãi nhau kịch liệt với vợ. Anh đứng dậy, đi ra ngõ. Vừa đi, anh vừa lẩm bẩm: “Tiên nhân con ranh, đi đâu thì chết rấp ở đây”. Rồi anh gọi:

- Ồi Gái...!

Ở trong sân, vợ anh nói với ra:

- Nó đi về phía bắt cá rô rạch ao nhà ông Cả Tràng ấy. Để mẹ con ranh con!

Anh Duyên đi về phía bờ ao nhà ông Cả Tràng, về phía có nhiều cây dừa dại. Anh trông thấy cái Gái. Cái Gái nằm gục trên cỏ, hai tay ôm khư khư cái giỏ nhái. Lưng nó trần xám ngắt. Chân tay nó co queo lại. Người bố nhìn đứa con nằm chết, rú lên một tiếng quái gở. Tuy cuống lăm, nhưng anh cũng còn nhìn thấy ở ngay bên vệt ao, trên lớp bùn phẳng mới nguyên có một lốt rấn bờ dài như cái sào nửa còn hằn lại.

Duyệt cúi ẳm xác con. Anh chợt nghĩ bấy lâu nay nó ở trong cửa vợ chồng anh, cực khổ trăm đường. Người nó có bao nhiêu xương sườn, giờ hết cả ra. Thương ơi, bây giờ nó bỏ đi. Hai hàng nước mắt rỏ ròng ròng. Anh ghé vai, xốc con lên. Xác con vẫn còn ẳm nóng, anh chạy về.

Tháng Mười hai 1942.

Lụa

I.

Tháng tám, tháng Chín, cho đến Tết Nguyên đán, tháng của làng xóm những đám sêu hỏi, cưới xin.

Bây giờ đương vào giữa tháng Chín. Cốm xanh ngăn ngắt, mềm mát lòng bàn tay. Còn hồng thì những quả hồng chín đỏ chon chót. Trong làng, đầu xóm này lạch tạch bánh pháo, cuối xóm kia một đám người áo the, thắt lưng lụa đỏ, đi từng dãy, đội mâm cau, mâm hồng. Trẻ con, đàn bà, người lớn, ông già lũ lượt ồn ào rủ nhau đi ăn cỗ.

Cuối xóm Giếng có một đám chạm ngõ. Chạm ngõ, nghĩa cũng như là gặt đầu. Đây là lễ chạm ngõ cô Lụa, con ông hương Rền lấy con trai ông phó An bên xóm Đình. Nhà ông phó An đã sang một cành cau ba chục quả thật tốt, với hai chai rượu. Chắc cũng chỉ xin vài ba hôm nữa thì đến đám hỏi. Bởi bên nhà ông phó An đã rậm rịch đi mua dưa cải và dạm mua lợn.

Nhưng cô Lụa không bằng lòng lấy con trai ông phó An. Cô nhất định rồi. Chẳng phải bướng, nhưng cô không thể lấy chồng một cách ép uổng như vậy, cũng không chê bai gì ai, mà cô không ưa thằng đó. Cô phụng phịu. Cô âm ừ. Cô khóc lóc.

Song ông bà hương Rền coi thường, không để ý, cứ cho chạm ngõ. Và cứ cho người ta định ngày hỏi rõ ràng. Bà hương vừa nhai trầu vừa cười:

- Ôi, con gái mới nhón, đi lấy chồng, cô nào chẳng khóc tí tí.

Cô Lụa càng nỉ non khóc lóc. Nhưng nước mắt không đủ cản được những lo liệu về việc vui mừng của cô. Chợt một hôm, người nhà ông phó An đến chạm ngõ. Cô ôm mặt nức nở:

- Tôi không lấy thằng ấy đâu! Tôi không lấy thằng ấy đâu!

Ông hương Rền phát xằng một cách vui vẻ:

- Không lấy nó thì lấy chó à!

- Đừng có cho người ta chạm ngõ!

- Tao bằng lòng với người ta rồi. Hai mươi hai này.

Cô Lua khóc nức lên.

Ông hương trợn mắt, trợn râu, hè:

- Im!

Cô con gái thút thít im ngay.

Nhưng lúc đứng một mình với mẹ, cô lại làm già:

- Thày u mà ép con thì con cắn lưỡi mà chết, con đâm đầu xuống ao, xuống chuôm con chết.

Bà hương dịu dàng:

- Con ơi! Đừng có nghĩ xằng thế. Cha mẹ sinh ra con.

- Con đi đâu thì con đi.

- Xà, chớ có nói nhảm, làng nước người ta mĩa mai chê cười.

Cô Lua quả quyết:

- U liệu thế nào thì u liệu. Con đã nhất định không lấy thằng ấy.

- Thế mày định lấy ai? Lấy Giời nhé? Con ơi! Con dại lắm. Nhà nó cũng là nhà có tai mắt trong làng, con biết đâu được...

- U đừng nói nữa. Giời đất ơi! Hu hu hu...

Cô Lua nhất định không lấy con ông phó An. Nhưng ông bà hương Rền vẫn không để ý mấy tới sự nhất định của cô con gái búng bình. Bởi vậy hôm hai mươi hai, nhà người ta cứ dẫn cau dẫn rượu đến chạm ngõ tự nhiên.

Thấy việc “lấy con lão phó An” chắc như đinh đóng cột rồi, cô Lua lo quá. Nhưng cô vẫn quả quyết không lấy thằng con lão phó An. Mà ác nỗi, cha mẹ cô khẳng khẳng một mực. Hay là cha mẹ cô biết. Cha mẹ cô cho là con gái quả quyết giả vờ, dọa suông đấy thôi. Ôi chao, khó nghĩ quá.

Đi chạm ngõ rồi, Lua không khóc, không dỗi cơm, không giả vờ cách ồm nằm liệt trong buồng nữa. Chẳng phải cô đã bằng lòng. Chỉ bởi cô nghĩ rằng phản đối như thế mãi không thể ăn thua.

Cô đã nghĩ ra một mẹo, tuy then nhưng phải tro trên ghê lắm. Cô không dùng dăng, tro mấy cũng đành.

Chiều hôm đó, trời đã sâm sẩm. Không mưa không nắng mà cô Lua cũng đội nón sùm sụp, đi sang xóm Đình. Đã nhọ mặt người, đường cái vắng, không có ai. Ngõ nhà ông phó An nghe có tiếng gọi ới ới. Đàn chó nhâu nhâu chạy ra sủa. Cô Lua theo người nhà ra đánh chó. Đi thẳng vào trong sân. Phải, cô Lua đó. Bà phó đi vắng, ông phó An vừa ăn cơm xong, đương ngồi đầu hè xia răng, cô Lua chạy vào “lạy ông” rồi nói luôn một câu rất tron tru:

- Lạy ông, cháu sang để thưa với ông rằng cái số cháu không được về hầu hạ cửa ông của bà thì xin ông bà đừng cho miếng giàu miếng cau làm gì...

Ông phó An gất:

- À cô chê con tôi chắc?

- Dạ, cháu không dám, là cái số cháu thế, thì dám xin đưa gửi lại ông bà số tiền giàu rệu chạm ngõ hôm qua.

Lua chìa ba đồng bạc ra.

Nhưng ông phó An xua tay:

- Này, tôi bảo thật. Cô về ngay đi. Tôi không nói câu chuyện này với trẻ con. Đã có ông hương bà hương bên ấy.

- Cháu xin ông là hết. Cháu gửi.

Lua đặt ba đồng bạc xuống thêm hè. Lua chào ông phó An. Rồi Lua thoăn thoắt ra ngõ.

Câu chuyện bí mật không có hai cánh như ruồi, nhưng cũng bay từ chỗ nọ ra chỗ kia rất mau. Hôm sau, chuyện “cái Lua đem trả tiền giàu cau chạm ngõ của nhà lão phó An” tràn khắp các ngõ xóm.

Đang ông phó An đưa tin đến nhà Lua một câu mát mẻ:

- Ông bà khéo dạy con cái quá. Cô ấy thực là ngoan.

Ông hương Rền trần tình với người mới:

- Sinh con ai nỡ lòng. Nó làm quái ra như vậy chứ chúng tôi chẳng đã nhận nhời đảng ấy là gì đây.

Còn bên nhà ông phó An, tuy vậy, vẫn nằn nì nói lại định hỏi Lụa cho bằng được. Nhưng đảng ông hương Rền biết họ cố hỏi để lấy người về hành hạ cho đỡ tức, nên không dám nhận lời.

Cuộc nhân duyên ép uổng thế là tan.

Người trong lối xóm bàn tán:

- Cái Lụa bạo thực, dám lại tận nhà giả tiền giàu rệu.

- Ai có thừa đồ mà lấy thằng con lão phó An, nó cảm hấp bỏ mẹ.

- Mấy lị có người xui chứ. Tôi biết.

- Ai xui?

- Cái Lụa phải lòng thằng Nguyên, mê nhau như ăn phải bùa. Nó xui gì mà chẳng nghe.

- Có nhẽ, nom thằng Nguyên có mã người hơn thằng này. Nhưng con gái thế thì đoảng rồi.

II.

Buổi trưa, đường xóm vắng, í ới mấy đứa trẻ vừa nhảy vô, vừa la.

Ngoài đồng vắng, lúa cao ngấp đầu người, đương giỗ chín. Những bông lúa vàng hoe đeo nặng bông trĩu cong. Mấy con ri đá kêu kéc kéc trong ngàn lúa, chuyền loi chơi. Nhưng khi đàn chim ri chuyền đến một góc ruộng kế bên bờ tre, thì thấy hai cái đầu người nhấp nhô. Hốt hoảng, cả đàn chim ri nhón nhác vù lên ngọn tre.

Đó là Lụa và Nguyên. Hai người ngồi chéo khoeo, luồn hai tay dưới đầu gối, mắt đờ đẫn, nhìn băng quơ. Lại bút mấy ngọn cỏ. Chùng như đã lâu, đôi bên chưa nói với nhau một câu nào. Sự im lặng ngẩn ngơ trên những nét mặt bấn khoăn. Lại có tiếng lạt sạt nho nhỏ của

con chim ri đã rõ ráy trong tùm lú sau lưng.

Mãi sau, như không thể để mẩu câu chuyện dở dang, Lụa nói:

- Em đã hết lòng với anh. Nếu không, sao em đến tận nhà người ta mà giả giàu cau người ta.

Nguyên ngắt lời:

- Không, tôi có dám trách em lấy chồng đâu. Chúng mình chết thì cùng chết chứ gì. Chết với nhau cũng sướng. Thiên hạ chán vạn ra đây.

Lụa buồn bã:

- Tính chuyện liêu làm sao được!

Nguyên hỏi dồn:

- Thế chúng mình không thể lấy nhau được ư?

Lụa lấy dải yếm lên lau mắt:

- Em biết làm thế nào?

Lại im. Không ai nói với ai một lời. Gió dạt dào trong ngàn tre. Con chim sáo sậu đậu trên ngọn cây hót véo von.

Lụa giật mình:

- Ô, sáo sậu đã ra hót bóng, đến bữa em phải về thổi cơm rồi. Em xin anh...

- Về hả?

- Vâng.

Lụa đứng dậy, nhìn người yêu rồi rón rén đi ra ngoài bờ ruộng. Nguyên gục mặt xuống đầu gối, bỗng anh gọi:

- Lụa!

- Dạ.

Lụa quay lại, Nguyên cũng đứng lên, nói:

- Tôi đã nghĩ kỹ rồi, Lụa ạ.

- Anh nghĩ sao?

- Chuyện chúng ta mà không xong, thì tôi phải đi.

- Anh đi đâu?

- Tôi đi vào Sài Gòn.

Lụa chép miệng:

- Đi làm gì cho nó khổ thân, ở làng ở nước, vẫn là phần hơn, mấy lị em đã nói, nếu như em mà vì cái số không lấy được anh, em chỉ còn có đi chùa mà thôi.

Nguyên bùi ngùi:

- Nhất định tôi đi. Tôi không thể ở lại làng này làm gì nữa. Chứ Lụa đi tu làm gì cho phí đời, Lụa ạ.

*

* *

Tháng Chạp năm ấy, cô Lụa lấy chồng người bên làng Phú Gia. Sang tháng Hai, Nguyên cũng lấy vợ, người xóm dưới, cùng làng.

Không ai nghĩ đến chuyện đi đâu. Vào Sài Gòn đường xa vắng vắng. Đi tu phải cạo trọc mà cũng khổ lắm. Những lời quả quyết kia cả hai người vu vơ cũng đã quên.

Dầu Tiếng, tháng Mười hai 1942

Buổi chiều ở trong nhà

Ba bố con ngồi giữa sân, trong lòng một mảnh chiếu rách nham nhở.

Anh Hối xoe quần lên tận bẹn, đoạn dài hai cẳng chân. Thằng Bang cười một bên khoeo bố. Giả làm ngựa đang té, nó nằm mọp xuống. Cái Hiệu ngồi cạnh, miệng nhai kẹo bột tép tép. Cả hai cùng chăm chú nhìn lên mồm bố đương hát. Anh Hối đương hát thực. Anh hát cho hai con anh nghe. Trước hết, anh phồng hai má, giảo đầu mấy điệu mồm. Chỉ có một cái mồm cũng đủ và cũng kiêm cả. Từ tiếng trống com bùng bùng, tiếng nhị cò cu đến tiếng hát tình bằng ừ ự. Hai đứa trẻ thích bố quá. Bố vừa cho ăn kẹo bột, bố lại hát cho mà nghe.

Bung bập bung! Bung bập bùng!

Đào liễu, ối a! Cô mình

Đôi vai tình tang gánh chữ chung tình xa là đường xa...

Hai đứa trẻ lim dim mắt. Chúng mãi mê theo lời hát vỡ rè rè. Chắc chúng đương tò mò nghĩ đến một đêm vào đám tháng Hai, đứng trước rạp chèo, trong sân đình làng... Thấy bố im, thằng Bang phát vào đùi bố: “Bố ngựa ời, hát nữa đi, bố ngựa”.

Anh Hối thở phè một cái, lại cao hứng:

Anh thương cô nàng như lá đài bi

Ngày nắng dãi đêm thì dầm sương.

Rồi ba bố con cùng im. Trong tịch mịch, chỉ nghe tiếng người nhai còn cọt và tiếng muỗi hát o o. Cả ba cái mồm cùng nhai kẹo. Lúc chiều, anh Hối mua một chĩnh bốn chiếc kẹo bột ở ngoài ngõ xóm. Còn một cái để dành vợ. Chị Hối đi làm bây giờ cũng sắp đến độ về.

Trời đã chạng vạng.

Chị Hối đã về.

- Làm gì mà ngồi như bụt mọc cả thế kia?

- A mạ về! A mạ về!

Hồi pha trò:

- Đáng nhẽ bố con tôi ngồi cả trong phản ấy, mà lơ mơ muỗi khiêng lúc nào không biết.

Bác Hồi gái cười tùm. Cái Hiệu tùm lại, hỏi mẹ:

- Mẹ bung gì thế?

- Bát dầu.

Bác bung bát dầu vào trong nhà. Mấy tháng nay, cả nhà bác thường đi ngủ từ lúc chập tối, lúc gà nháo nhác lên chuồng.

Bởi không có gì để làm cho sáng đèn. Riêng hai đứa trẻ thích đi ngủ kiểu gà vịt ấy mà thôi. Còn hai người lớn thì lấy đó là sự khổ. Bởi họ không làm thêm được một việc gì về ban tối. Vào những tuần trăng, cũng còn có thể ngồi đánh cái thùng, quay một ống tơ. Nhưng phải đâu đêm nào trăng cũng sáng. Và cái mảnh sân bé nhỏ của nhà này, bóng xế nghiêng xuống, ánh trăng lọt vào chẳng được mấy chốc, trăng chỉ nhớn đến chơi có một tí rồi lại lảng đi. Không ai nghĩ đến chuyện bỏ tiền ra mua dầu. Từ ngày các thứ dầu thắp trở nên đắt đỏ, vợ chồng bác Hồi coi mua dầu là một chuyện tiêu hoang. Vợ chồng bác chưa biết tiêu hoang bao giờ. Nhưng lâu nay, bác Hồi thấy người ta tính: mỗi tối thắp chập chờn độ hai xu dầu ta, có thể làm được đến năm xu việc. Bác muốn bắt chước mọi người. Chiều hôm ấy, mua về một bát dầu.

Bấy giờ, ở trong nhà, bác Hồi gái hỏi với ra:

- Ba bố con ăn cơm chưa?

- Ăn rồi. Nhà ra tôi cho cái kẹo này.

Nói xong câu ấy, bác Hồi lại bắt đầu hát cho hai con nghe. Bác đổi sang giọng kể chuyện. Tiếng trầm tiếng bổng hòa theo bàn tay vỗ vào bụng làm nhịp:

Có yêu thì nói rằng yêu

Chẳng yêu thì nói một điều cho xong

Làm chi dỏ dục dỏ trong

Lờ đờ nước hén cho lòng chẳng thương.

Dứt câu, bác Hối hỏi vợ:

- Hay đây chứ, mẹ mày nhỉ?

Nhưng người vợ không đáp. Bác ta đang tìm cái gì lục cục trong nhà. Đúng, đương tìm vật gì thực. Hết đứng lại ngồi xuống, lại lom khom, quờ quạng tay vào trong gầm phản.

Người chồng hỏi:

- Mẹ mày tìm gì thế?

- Tìm cái chai.

- Chai nào?

- Chai đựng dầu chứ còn chai nào nữa!

Bác Hối trai ngẩn người:

- Tưởng mẹ mày mang chai đi mua dầu?

Bác gái biết có sự không tốt chi đây, liền lòng ra hiên, trợn mắt:

- Ai mang đi mua dầu. Thôi chết tôi rồi! Cái chai đâu?

Người chồng tần ngần một tí rồi hỏi:

- Tưởng nhà ta có hai cái chai.

- Bán một cái hôm nọ để mua thuốc cao cho thằng Bang rồi. Còn cái chai nữa ở nhà đâu?

Bác Hối cười ề ề:

- Thế thì tớ không biết. Lúc nãy tớ bán nốt cái chai ấy rồi. Tưởng nhà có hai cái thì đằng ấy đem đi mua dầu. Ai biết đâu. Tớ bán cho thằng đồng nát được hai xu rưỡi. Một chinh đem mua kẹo chia cả nhà đấy.

Đáng lẽ bác còn kể lể dài dòng và dụi dàng nữa, nhưng vợ bác đã lu loa:

- Ôi giờ đất ơi! Hại tôi rồi! Làm hại tôi rồi. Có mỗi một cái để đựng dầu mà cũng bán tào bán huyết của tôi đi rồi.

Thế là người đàn bà dần bát dầu xuống phản, ngồi xoạc hai chân ra, kể lể. Chị làm ghê gớm như chồng vừa ăn trộm tiền để trong hòm. Bao nhiêu điều gì không phải từ năm ngoái năm kia, chị đem ra nói lại. Chị nói, kè nhẹ giọng cao giọng thấp. Thôi thế là anh Hối tức quá. Song anh cũng còn ngọt nhạt:

- Cái gì mà nói dai thế. Người đâu có người...

Chị vợ lấy hơi, gào to hơn trước:

- Ôi giờ đất ơi! Người ta làm hại tôi rồi, người ta cấm đoán tôi...

- Bớ mày, ông cấm đoán gì mày?

... Thế là người đàn ông rục lên. Y mắch môi lại, xông vào đá ngay vợ một cái. Mụ đàn bà ngã lăn chiêng, kêu làng ầm ĩ. Hai đứa con cũng sợ quáng quàng, giơ tất cả hai tay lên khóc ra rả.

Cáu quá, anh chồng lại xô đến. Mụ vợ, tuy khóc nhưng vẫn trông trộm, vội bưng mặt, tóc rũ rượi, chạy tót ra ngõ. Chồng không đuổi, anh vớ cái chén uống nước ngoài hiên ném ra sân. Tiếng “cách” sắc, nhưng hơi rè của một mảnh sành vỡ rạn. Chưa đủ hả giận, anh Hối vẫn còn nghe thấy cái gì tung tức quanh đây. A hai đứa trẻ đương nhau thì khóc. Người bố nóng tính liền phóng cho mỗi đứa một cái bộp tai. Chúng khóc réo nữa và nhảy xuống bếp. Nhưng, chúng xuống đến cửa bếp thì hai đứa trẻ cùng im khóc. Chúng sợ bóng tối om om và sợ những ông vua bếp tưởng tượng. Rồi dần dần, chỉ còn tiếng thút thít. Và ngoài ngõ còn tiếng ậm ục.

Lúc sau, anh Hối vào phản đi ngủ. Chỉ có hai đứa trẻ vẫn ngồi, rồi nằm ngay xuống trước cửa bếp. Chúng ôm nhau, khò khè ngủ như hai con chó ốm.

Có một lúc, thằng Bang thức giấc. Đôi mắt nó mở thao láo. Nó thấy ông trăng vàng bạch, lơ lửng giữa trời, ở ngay trước mắt. Mắt nó khép lại. Giấc ngủ mê mệt lại tiếp theo.

Sáng hôm sau, hai đứa trẻ thấy chúng trở dậy trên phản, không biết ai bế chúng vào trong nhà lúc nào.

Mẹ đã đi làm từ tờ mờ đất. Còn bố cũng dậy sớm và cũng đi sớm. Nhưng không phải đi

làm. Anh ta chạy qua cánh đồng lên đường “cái tây” nậy ít nhựa đường. Mang về, anh nhặt vào cái chén anh đập tối hôm qua rồi cặm cùi lấy nhựa chắp lại, vừa hí hoáy làm, vừa vui miệng hát:

Anh thương cô nàng như lá đài bi

Ngày thì nắng dãi đêm thì dâm sương.

Hai đứa trẻ thấy bố gấn gấn chắp chắp hay hay mắt, xúm lại xem. Thằng Bang ngồi xỏm, hai tay luồn dưới khoeo, môi thưỡn ra, dãi chảy rõ giọt xuống ngực.

Ông giảng không biết nói

- Này em ngồi xuống đây.

- Nói gì anh cứ nói, tôi không ngồi đâu.

Gã đàn ông cười nhạt:

- Gớm làm bộ nhỉ? À, sắp về nhà chồng có khác.

Người con gái im lặng. Nhưng chỉ một lát, rồi cô ấy nói, tiếng nho nhỏ.

- Đừng diếc tôi thế. Tôi đã bảo với anh nhiều lần rồi mà.

Gã đàn ông lại cười, tiếng cười nức nở, như xé ra ở trong cổ họng.

- Em nói những gì nhỉ? Tôi vô tâm quá! Quên mất rồi đấy.

- Thôi, đừng giả cách nữa.

- Tôi có giả cách đâu! Thì em cứ ngồi xuống đây.

Bấy giờ người con gái mới ngồi ghé xuống một bên thềm giếng. Mặt trăng đã tới đỉnh đầu, trĩu ra phía cánh đồng. Trăng về khuya, nét sáng gọn lại. Vòng tròn về góc dưới, bọt mắt một miếng nhỏ.

Người con gái ngồi xuống, thì gã nhích lại gần. Gã nhìn mặt người yêu, âm ỉ muốn nói một câu, nhưng lại thôi. Gã bàn thân nhòm xuống giếng. Lòng giếng tối om. Gã ngẩng mặt lên, cái mặt vênh váo và trơ trẽn một cách vô lý của người say rượu. Gã không nói, nhưng “hừm” một tiếng. Người con gái thấy lạnh lạnh trên gáy. Nàng quay lại đằng sau. Đằng sau là mặt trăng vàng vạc đương ngấm hai người. Dưới đất trước mặt có hai cái bóng. Bàn chân giẫm kê lên bóng chân. Người ta thở cũng nghe tiếng phào. Gã nghiêng má nhìn người yêu. Rồi gã lại thở dài phè phè. Cô gái xua tay lên mặt.

- Gớm! Mùi rượu ghê quá.

- Làm gì mà ghê! Có một cút rượu.

- Thì hãy một chút rượu. Thế là hại vợ hại con.

Người con gái nói một câu vô tâm ấy mà gã thấy đau nhói trong ruột. Lại ức nghẹn lên cổ. Tiếng ức ứ ra tiếng ợ. Gã uống rượu thì hại vợ con gã. Gã đã làm gì ra có vợ con. Bây lâu nay, gã chỉ yêu nó, gã chỉ định lấy nó mà thôi.

Nhưng người ta trong xóm nói mong manh rằng nó sắp lấy chồng. Gã đã gắng hỏi nhiều lần, người con gái chỉ chối, chối bai bãi. Gã không làm sao mà biết được sự thực ở lòng người yêu của gã. Nó ngồi trước mặt gã đây. Mặt nó phơn phớt ánh trắng. Hai con mắt nó đưa long lanh. Hai con mắt say quá. Có lẽ gã mê hai con mắt ấy hơn là mê chính nó. Bởi vì, đã bao canh khuya vắng vẻ, nằm vò võ một mình, gã thường chỉ nhìn thấy đôi mắt. Đôi mắt đăm đăm, đen đen, ngời như nước giữa hai hàng mi. Gã muốn hớp lấy. Nhưng chưa bao giờ gã hớp được. Gã chỉ nghĩ đường dài rằng bao giờ nó là vợ mình, thì mình sẽ hớp được hai con mắt ấy. Chao ôi! Bao giờ, bao giờ...

Gã nắm tay người yêu. Gã hỏi một giọng rất buồn:

- Em ơi! Có phải em sắp lấy chồng hử?

Nắm tay nhau để hỏi câu ấy, thực không hợp thời. Bởi vậy, ả rút tay ra. Gã lại dòn thêm:

- Nay, này... Đây bảo thực cho mà xem. Đây biết rõ cả rồi. Có lấy chồng thì cứ việc mà lấy, ai cấm đoán gì nhau đâu mà phải giấu giếm cái con cóc gì. Đây mà biết đi ở riêng, thì rồi đây cũng đi lấy vợ. Ai kém cạnh gì ai đâu.

Ả không nói gì, lé mắt nhìn gã. Gã phồng mép, toan nói nữa, nói thực to. Nhưng lại thôi. Gã ngậy ra. Bởi gã vừa bắt gặp được cái đuôi mắt rất sắc trong ánh trắng. Cái đuôi mắt chao đi, gã trề làn môi dưới thèm thuồng, môi đăm màu trắng. Người con gái mồm mím cười. Thế là gã cũng cười lây.

Gã lại hỏi dụi dụi:

- Chúng mình yêu nhau mấy năm rồi nhỉ?

- Không biết.

- Từ phiên chợ Tết năm kia.

Ả rón rén đứng dậy.

- Anh có nói gì nói ngay đi.
- A... thì em hãy cứ ngồi đây.
- Khuya rồi.
- Chưa khuya, giăng hãy còn cao chỗ kia.
- Nghe như trống hồi tan chèo? Thôi đích rồi.
- Không phải.

Đằng xa, bên kia vẫn rộn những nhịp trống cơm. Vàng trắng sáng lòi lòi ngả dần xuống cuối cánh đồng chiêm, ngát mùi cỏ và mùi lúa thơm. Người con gái thở dài. Không biết cô ta nghĩ gì. Nhưng cô ta lại ngồi xuống, đưa tay lên miệng và khẽ nói:

- Anh ạ!
- Gì?
- Chúng ta mà không lấy được nhau thì cũng là cái số giờ bắt thế!
- Không lấy được nhau thì cùng chết với nhau chứ sao. Giờ nào!
- Nhảm!
- Thực đấy.
- Chẳng nên oán trách nhau làm gì.
- Thế ra em sắp đi lấy chồng thật à?

Người con gái tự dưng khóc. Gã ngạc nhiên lạ. Cùng một lúc, gã thấy trong lòng bồi hồi. Không phải gã bồi hồi vì tiếng khóc thay lời thú tội của ả. Mà gã có cảm tưởng như ngày mai gã sẽ đi xa, đi phu phen đâu xa lắm. Người ngồi kia là vợ gã đương khóc tiễn gã đây. Gã giơ tay vuốt vào mắt em. Nước mắt dính ướt trên đầu ngón tay. Gã chắm lên miệng gã. Gã đương khát nước. Rượu làm cổ họng gã ráo se lại.

Nàng khóc nhẹ như khóc dối cho nên cũng chóng tạnh như mưa bóng mây. Mảnh vạt áo bỏ xuống thì người đã đứng dậy.

- Em về.

- Không.

Bên kia thành tre, một hồi trống rung lên. Gã hơi giật mình.

- Tan chèo a?

- Không phải. Đây mới là trống hết tẩn *Nhị Độ Mai*. Còn tẩn *Kiều Liên Tắt Chánh* nữa.

- Em cũng phải về.

- Năm ngoái, em vẫn ngồi với anh đến lúc giăng lặn kia mà.

- Bây giờ khác năm ngoái.

- Cái số chúng ta thế nhỉ?

Chua chát, gã cười khà khà.

Ả quay mặt, nói:

- Em về đây.

Rồi ả đi. Bỏ ông trắng với gã lại phía sau lưng. Gã chạy lên, bấu lấy:

- Em về thì tôi chết ở đây.

Ả cứ đi. Gã chúi choáng theo. Và bước chân đuổi hụt những bóng chân lung lay. Gã bấu lấy cánh tay ả. Chà, cánh tay trần, trắng bạch chắc nịch như đũa mía, có thể nhá được. Tim gã đập mạnh, vang lên tận tai. Đầu gã bưng bưng. Nếu bình tĩnh một chút, chắc gã sẽ khóa trái cánh tay ả lại, đưa chân ra ngáng. ả liền ngã xuống bãi cỏ. Nhưng gã đương cẩu. Mà gã lại cẩu vì việc khác. Gã gào vào tai ả một câu thế này:

- Ông biết thừa ra rồi. Ông hỏi thử chơi đấy thôi. Ông biết đến mười hai tháng sau thì cưới mày. Đồ khốn nạn!

Mắt gã long lên. Người con gái rú một tiếng, đẩy gã một cái mạnh, rồi chạy biến về lối xóm. Gã vốn khỏe. Nhưng rượu làm cho gã loạng choạng, ngã chúi xuống cỏ. Hai tay còn chơi với gờ lên. Đến khi ngồi dậy được thì không còn thấy nó đâu nữa.

Mặt trăng vàng ệch xuống thấp lè tè ngay trên bờ ruộng. Bông lúa mảnh khảnh vươn vào trong trăng. Gã không theo ả vào xóm mà gã bò về bờ đá thành giếng. Hai tay khoanh lên bờ đá thành giếng, mặt gã gục xuống. Như thể một lúc. Hình như nằm xuống thì người mềm ra và say hơn lúc ngồi. Trong đầu gã lộn xộn những ý nghĩ. Nhưng ý nghĩ hòa với hơi rượu lan man không ra đầu mối nào. Có lúc gã cười khích khích, thè lưỡi liếm hòn đá, hai tay ôm quờ quạng, xoa nắn như xoa người ai. Gã mê. Nhưng có mỗi một điều gã tỉnh. Gã biết gã khát nước. Cổ gã ráo hoảnh. Nước bọt cũng đặc sít lại.

Gã thò tay vào trong miệng giếng. Lắng nghe phía dưới, có hai con chấu đương đuổi nhau trong nước. Chân nó đập nước kêu tóc tách. À! Dưới kia có nước. Gã thò đầu vào. Gã tuổi đầu xuống. Hơi thở của gã vang lên, thấm vào trong vòng tròn của thành đá.

Gã nói lầu nhàu. Giọng khao khao, khàn khàn. Gã lại cười khích khích. Lúc ấy là lúc hai tay gã đã vừa với tới nước và lưng gã đã tuổi xuống khỏi thành đá, mà hai bàn chân không thể là hai cái móc nữa.

Thế là gã lặn xuống giếng sâu. Một bàn chân hất rơi theo cả một tảng đá. Hai tiếng, người và đá rơi tùm vào nước, giống như nhau.

Róc rách một lát. Rồi im. Cánh đồng mông mênh ánh trăng.

*

* *

Ngày mười hai tháng sau, cô gái nọ về nhà chồng. Gã trẻ tuổi kia chết đuối dưới giếng vào giữa đêm hát chèo ngoài cửa đình. Hai việc ấy không bận gì tới nhau. Người ta chỉ thương gã là một anh con trai hiền lành, vốn ít nói, chăm canh củi đêm hôm, xưa nay được tiếng ngoan. Không ai rõ duyên cớ cái chết ấy.

Nhưng nếu ai chịu khó để ý tất thấy cô gái nọ, mỗi khi ở nhà chồng về nhà mình, lại đi vòng cánh đồng vào trong xóm chứ không đi qua bờ giếng như mọi người khác. Song nào ai biết đâu mà để ý. Đêm ấy chỉ có mỗi một ông trăng ngồi trên trời là nhìn được tỏ tường từ đầu đến cuối.

Song ả nọ đừng lo. Ông trăng thì ông ấy không biết nói.

Vợ chồng trẻ con

Hai vợ chồng nó lấy nhau từ tháng Mười hai năm ngoái. Tháng Ba đi hỏi, tháng Mười đón dâu. Nhà trai, nhà gái cùng giết bò, giết lợn. Nhà trai còn đón cả nhà trò bên Bắc về hát. Ăn uống linh đình.

Hôm cưới một người kếp xách đàn đi với cô dâu sang tận bên làng nhà gái, ngồi trước hương án, đàn hát - vừa hát thờ, và để “các cụ bên ấy cùng nghe vui chung”. Hai họ vui vậy, tung bừng.

Nhưng chỉ hai họ là vui những nỗi vui ăn uống, đàn hát ấy, mà cô dâu chú rể thì mỗi người lại vui, buồn ra một thể khác.

Chú rể thú lắm, hả hê sung sướng, như mở cờ trong bụng. Bởi vì khắp nhà mấy hôm nay ồn lên, ken ních những người. Lại đốt pháo, mổ bò. Các bạn của chú rể kéo đến chơi đầy sân, đầy vườn. Cả những đứa mọi khi vẫn thù, vẫn giã nhau với chú, bây giờ cũng theo người nhà len lén ăn cỗ.

Song chú rể rộng lượng, chẳng để ý gì. Với ai, chú cũng cười. Trong túi chú xung xoảng tiếng tiền. Chú đi nhặt pháo sì, đánh hủ, ngồi xem bò thui. Và chú nhảy tâng tâng.

Có gì đâu. Ấy là một thằng nhãi, vừa chẵn mười tuổi. Người quen vẫn gọi nó là cu Phúc. Bố mẹ nó, ông bà xã Ngưỡng lấy vợ cho nó. Vợ nó là cái Ngói, con ông bà hương Cải. Cái Ngói mười hai tuổi. Không ai lại có lúc nghĩ rằng chúng nó còn non nớt quá. Người ta chỉ biết so đôi tuổi hợp, thế là có những người khăn đóng áo dài bụng đến nhà cái Ngói một mâm chè mạn.

Bắt đầu, người ta chế cái Ngói là vợ thằng cu Phúc. Nó chửi những đứa nói như thế. Rồi một hôm, nhà bỗng ồn ào những bà con xa gần. Người ta đi tậu bò, người ta đi mua lợn. Cái Ngói cũng theo mẹ, đi rửa và thái tong rô lớn dưa cải. Ngày cưới đã đến đấy. Họ nhà trai sang rước dâu được giờ lành, từ lúc gà mới gáy sang canh và trời chưa tan sương. Cái Ngói mặc áo the mới ngồi ôm mặt khóc thút thít.

Mấy đứa bạn cái Ngói, cái Bi, cái Đáo, vào buồng dỗ Ngói và dắt Ngói ra. Nó khóc um lên. Nó gọi bà hương Cải âm ỉ. Rồi nó chun lại, khiến cho mấy cô kia phải lôi hai tay. Làm như người ta dọa sắp đem giết thịt nó. Chị em kèm riết nó hai bên nách kéo đi. Bởi các cô

và các cụ sợ Ngói chạy tụt mất. Nó khóc e é giữa những nếp áo mới, giữa đám cưới đi dài, lặng lẽ trong khói hương và bóng đêm còn âm u.

Chú rể Phúc thì len lỏi trong đám bạn, cười rúc rích. Lúc này nó đang ngủ ngon lành ở giữa đồng rơm thui bò thì có thằng lại tìm kéo tai nó dậy, lôi nó đi đón dâu. Mắt nó vẫn còn cay sè và đông cứng những nhử, cựa chưa hết. Nghe thấy nói sang bên ấy cũng ăn cỗ, cu cậu cười nhắm tít mắt lại, hấp tấp đi liền. Quên cả mang giày. Lúc đã đến gần nhà gái, mới sực nhớ ra, nó toan chạy lại lấy. Nhưng các ông, các cụ bảo không được, phải kiên trì về như thế. Một anh phù rể đành đi chân đất, tụt giày ra nhường cho chú rể vậy.

Sáng ra, suốt ngày và cả đêm ấy nữa, cô Ngây, cô Bí, cô Đào, mấy cô bạn phải ở lại bên nhà trai với cô dâu. Vì nếu các cô kia mà về thì cô dâu cũng nhất định vừa khóc vừa chạy theo, ai can cũng chẳng nổi. Các bạn phù dâu ngủ chung giường cô dâu trong đêm đầu tiên về nhà chồng. Họ đánh tam cúc với nhau. Ông xã Ngưỡng bỏ tiền ra cho các cô vui chơi.

Ôi chao! Chú rể có để ý đâu đến điều vật ấy! Cứ tu rượu tì tì. Mắt Phúc hoa lên, rồi lại rúc đầu vào đồng rơm. Nó cù nhau với mấy ranh con khác.

Nhưng rồi mấy hôm sau, những cô bạn phù dâu của Ngói ra về. Mình Ngói ở lại, cũng quen dần. Không phải người ta bắt cóc nó, mà chẳng phải người ta hứa nhau đem nó đi chộc tiết, giết thịt. Nó ở nhà này, nó về nhà mình cũng tự do thế mà thôi.

Thành thử nó trở nên có hai nhà để ở, hai bố, hai u để gọi. Và nó có một người bạn mới, thằng chồng. Hai đứa trẻ đánh bạn với nhau. Ngói và Phúc chưa hiểu hơn - và có thể chưa biết tới - hai chữ rành rõ ấy.

Ngày lại ngày qua, mùa đông nghiêng đi, cho mùa xuân về.

*

* *

Mùa xuân đã trở về, sang đầu tháng Hai. Mọi làng đều vào đám.

Ngoài vườn, trên các lối xóm, những cây xoan gầy, thân mốc trắng, giơ lên những cặp tay đen đui, trơ trụi, đã trở từng túm lá tơ. Trong những đám lá nhỏ, xanh rờn vân vân ấy, nhoi ra từng chùm nụ be bé. Gặp mưa bụi li ti, những chùm nụ nở hoa. Hoa xoan nhỏ cánh chấu, tím tím, trắng trắng, vừa nở lại rụng phơi phới trong mưa xuân.

Làng Nghĩa Đô cũng vào đám lễ. Cờ bay phấp phới trước cửa đình. Trẻ con xoạc cẳng nện trống thòm thòm cả ngày. Sáng mười hai, anh cả Phúc - giờ, vợ con đứng đẵn rồi, làng xóm phải gọi thế cho được tề chỉnh - cùng với vợ về bên nhà ông nhạc ăn cỗ.

Hai đứa ăn mặc trang nhã như ngày Tết. Phúc thấp hơn vợ, bé loắt choắt. Và đôi vợ chồng là đôi chuột nhất tí hơn. Phúc đội vành khăn lượt chít, sùm sụp, lấp xuống đến nửa trán. Trên khoáy, chùm tóc hoa roi dài lòng thòng như cái đuôi đỏ của con ngựa bạch. Bởi đầu nó vừa cạo hôm qua, trắng phau như lông ngựa bạch thật. Nó mặc áo the ba chỉ, ống trùm kín nửa bàn tay. Cái thắt lưng nhiều điều đỏ chót còn dài hơn hai vạt áo xòe xuống gần đất. Nó bước tung tăng, chốc chốc lại thò tay vào túi đếm mấy đồng hào mới. Nó cười tùm, khịt mũi, nghe mấy cái răng sún, hồng, đen xín.

Phúc ta thích chí vì được diện bộ bốp và được tiền mẹ cho. Thực chẳng phải thích vì được đi cạnh vợ.

Cái Ngói cũng làm đom tề. Bộ tịch của cô bé ra lối đứng đẵn hơn chồng. Nó cũng mặc áo the ba chỉ mà hai vạt trước thắt quả găng gọn gàng. Dải thắt lưng hoa hiên bay phất phơ trước gió. Cái váy lĩnh xùm xòe phên phật trong gió mỗi bước đi nhẹ. Ngói vắn khăn nhiều bóng. Nhưng cô ả lại trùm mỏ quạ trùm hụp một tấm khăn vuông láng thâm. Chỉ nom thấy cặp môi ăn trầu đỏ loét và thỉnh thoảng, hàm răng nhuộm cánh kiến màu cánh gián. Nó đi làm điệu ve vẩy hai tay mềm mại. Cái nón to vành kẻ Chuông đội trên đầu, chốc chốc, gió lại đánh ngật ra đằng sau.

Anh chồng đi trước, nóng nẩy, thỉnh thoảng lại rút giày ra chạy một mạch, rồi thở hắt hên, đứng lại đợi vợ. Nắng mới hoe lên dịu dàng óng ả. Đường cái sạch sẽ, sáng gọn. Bên lề, hoa tầm xuân nở màu đào trên nền cỏ xanh mướt. Những đóm bướm trắng rờn lung linh thành những chấm hoa lung linh trong ánh nắng.

Đi đến đầu làng, Phúc nhìn xuống đình, thấy đỏ khé những cờ. Bao nhiêu trẻ con đương chạy lảng xảng và người lớn xúm đen xung quanh đám thò lò.

Trông thấy đám bạc, Phúc ta mê tí. Phúc quay lại, bảo Ngói:

- Có canh ty không?

- Hầy?

- Thò lò ấy mà.

Cái Ngói bấu môi, nguyệt:

- Thèm vào. Có đồng nào cúng đồng ấy. Rồi lại ăn cắp của người ta.

Phúc nhe hàm răng sún ra cười. Đúng là đã có lần nó ăn trộm tiền của Ngói. Ấy là hôm trước Tết vừa rồi, Phúc chơi tam cúc nướng nhẩn tiền. Đêm ngủ, nó lén thất lưng vợ, ăn cắp được hai hào. Giá Phúc chỉ lấy có thể thì cái Ngói không biết. Khôn Phúc lại tham, lén thêm. Vợ hấn chột thức, túm ngay được tay cu cậu đang rờ. Hai đứa liền đâm đá nhau một trận khá kịch liệt trên giường. Nhưng Phúc cũng đã xoi trôi được hai hào, không chịu buông.

Bây giờ, Phúc biết gạ gẫm tiền của vợ chẳng ăn thua nào. Nó bèn rẽ xuống cửa đình và nói với lên:

- Cứ về trước! Bảo mấy u rằng “đăng này” còn đi đăng này cái đã. - Nói xong, Phúc chúi đầu vào đám thò lò.

Nó đặt một bạc xuống khe chiếu “tam tứ”. Đánh cầu tài một cái chơi. Người quay cái ngòi đăng đầu chiếu nhắc bò-hợp cái thúng nhồi đầy chiếc đĩa có con thò lò. Trong giữa chiếc đĩa trắng, con thò lò sáu mặt nằm phơi mình lên mặt “nhất” có một chấm đỏ tươi. Phúc thua. Tai chú mình đã hơi đỏ. Lần sau, Phúc đánh đuổi khe “nhất nhị”. Nhưng thò lò mở mặt “lục”. Phúc lại thua. Nó đứng ngẩn ngơ nhìn người ta vơ mất đồng hào của nó, bỏ gọn vào cái đấu lớn để trước mặt. Tai Phúc đỏ, má Phúc cũng đỏ.

Và chỉ một lúc sau, Phúc mặt sạch sáu hào. Tai, má, cả mũi, cả tay Phúc đều đỏ gay. Vành khăn chụp xuống kín mặt, để hờ cái quả đầu dưa trắng toát và núp hoa roi râu ngô. Người bên cạnh thấy Phúc đứng ơ ra, liền nói:

- Thằng này đứng châu rìa thì lui ra, lấy chỗ cho người ta đánh chứ!

Mọi người chen lấn chỗ đứng, vô tình đùn dần dần Phúc ra ngoài vòng. Bây giờ Phúc mới kịp nhớ mình còn phải đến nhà bố mẹ vợ. Vội vàng, nó rút giày, lách théch chạy vào trong xóm.

Cái Ngói ở trong cổng ngăn đi ra. Trông thấy Phúc, hỏi:

- Hết nhẩn rồi chứ?

Phúc tiu ngriu, đi lên nhà trên. Thấy ông bà hương Cái, Phúc liền làm bộ nghiêm

chỉnh, chấp hai tay cúi xuống, nói như hát chèo:

- Lạy thầy ạ, lạy u ạ!

Ông hương Cải cười:

- Anh cả lên uống rượu với thầy. Kìa khăn anh cả lại chít xuống cổ thế kia?

Bấy giờ “anh cả” mới sờ lên cổ thì thấy cái khăn đóng chòng lọng xuống cổ thực. Lúc nãy vội vàng, quên, Phúc đã nguyên thế mà chạy về.

Một bà cô ông hương Cải, hỏi Phúc:

- Năm nay cháu bao nhiêu tuổi nhỉ?

Phúc chưa tính xong câu trả lời, cái Ngói đã láu táu trước:

- Cháu hơn nó hai tuổi. Năm nay cháu mười hai ạ.

Mọi người đều cười, cười râm ran. Ăn cơm uống rượu xong. Phúc chuênh choáng mặt, mắt đỏ tía lên, trờ cái đầu vẫn trắng hếu. Nó đứng xĩa răng trước hiên, trông thấy cái Ngói dưới bếp, chợt nó nghĩ ra một điều.

Phúc nháy vợ xuống sau vườn, tán:

- Có tiền cho mượn mấy hào, ngày kia phiên chợ “đăng này” bán trứng gà, thì giả ngay.

Ngói chao mặt đi:

- Thừa của nó đổ xuống sông cũng chẳng cho những ngữ ấy vay. Chẳng biết dơ!

Phúc tức lắm, mắt môi, nhìn vợ chăm chăm. Nó giờ quả thui lên trước mặt vợ, nói rít trong cổ:

- Ở đây ông nể một tí, chốc nữa về nhà, mày biết tay ông.

Rồi cu Phúc ngoay ngoáy, hăm hăm lên nhà ngói uống nước.

Khách nợ

Lái Khế béo tròn như quả mít. Đầu lão bịt một vành khăn tai chó, hai tai khăn vênh như đôi tai trâu. Trẻ con tưởng lão mới mọc hai chiếc sừng bò trên đầu. Lái Khế mặc một tấm áo nâu dày cộp, chó cắn có thể gãy được răng. Ngang lưng cuốn một vòng thắt lưng điều cũ, rách xơ xác. Tay lão ta xách một cây hèo lua tua mấy sợi tơ đỏ.

Sớm mai đó, lái Khế lên khỏi bậc đá cửa đình làng Nghĩa Đô, sương mới bắt đầu tan. Bữa nay, hai mươi chín tháng Chạp, phiên chợ cuối năm. Con đường từ Bạc xuống, quanh qua cánh đồng sau lưng làng tới tập những người xuống chợ.

Trong làng đã lác đác vài người đi chợ. Mấy đứa trẻ, mấy bà mặc váy, thắt lưng bó que, có cả một bác lôi chó đi chợ bán. Con chó nợ hết sức phản đối. Lưng nó không chùn lại. Nhưng cái xích ông đã đóng vào cổ chó, bác ta vẫn lôi tuồn tuột được nó. Vừa lôi, bác vừa bước tăt tưởi. Chợt trông thấy lái Khế đi lững thững, nách kẹp cái hèo hoa, bác kéo con chó, co cẳng chạy.

Bác nói thực lớn, cả bọn đàn bà đi trước cũng nghe tiếng:

- Lái Khế đây!

Một mụ hỏi:

- Nó về nhà ai, nhẩy?

Bác nợ, lồi thông thạo, đáp:

- Lại về nhà hương Cay. Bỏ bu anh hương Cay!

Khắp vùng này, ai nghe đến hai chữ “lái Khế” cũng khiếp như nghe tiếng cú rúc đầu nhà. Nhất là những người có nợ Bá Khoản trên Bạc. Bởi lái Khế là nặc nô đi đòi nợ cho nhà Bá Khoản. Gọi cho sang trọng thì gọi lão là ông khách nợ. Không hiểu tại sao, người ta lại trêu lão mà gọi là lái Khế. Thực lão chẳng buôn đường, bán kẹo gì bao giờ. Lão đi ở cho nhà Bá Khoản đã mấy chục năm nay. Ba mươi Tết nào lão cũng được cụ Bá cho vác hèo đi quanh hoành hộc đòi nợ và ăn vạ những nhà có nợ ở các làng.

Bấy giờ lái Khế xăm xăm vào trong xóm. Rồi, quả nhiên, tạt về phía bên ngõ nhà ông

huong Cay.

Nhà hương Cay không có cửa mà cũng chẳng có một que hàng rào. Lái Khế nhòm khắp chỗ, chẳng thấy bóng ai.

Lão nhòm cả xuống gầm phản. Chiếc phản đã mọc rưng, mỗi đùn dưới gậm từng đống đất to xù. Cầm cái hèo, lão đi xét thật nhanh, gõ đóp đóp vào các bức vách. Từng tảng đất vách, trấu trắng ngã xuống, lăn lóc. Rồi lão ra sân. Mảnh sân um những cây ké đại thấp lè tè, đóm hoa vàng sọng. Quanh năm, đáng chẳng ai bước vào đây. Rõ cảnh bản hàn quá, mà khô như nhà hoang. Bỗng lái Khế cong cổ lên, gọi thực to:

- Ồi hương Cay! Hương Cay ơi!

Tiếng lão ồm ồm, ông ổng, nghe nhức tai. Lão gọi vu vơ. Chẳng thấy ông hương Cay ở mô tê. Trong cái hàng rào râm bụt đằng sau nhà, có đôi ba chiếc đầu trẻ con thò ra ngó lơ lảo rồi lại thụt mất, theo với tiếng chân chạy huỳnh huých.

Lái Khế quay vào trong nhà, đặt chiếc hèo lên án thư. Lão ngồi lù lù trên tấm phản giữa. Lão ngồi ngáp rền mấy cái. Mới sáng ra lão đã ngáp. Đêm qua lão đánh chấn, thức khuya quá. Ai ngáp nghĩa là gọi con buồn ngủ tới. Con buồn ngủ đến đậu ngay hai bên mi mắt lão. Đôi mi nặng quá, cơ hồ lão phải trĩu xuống. Lão ngấm quanh quất, ý muốn tìm cái chiếu... Nhưng không có. Lão liền ôm cả cái ổ rạ dưới đất lên xếp lênh nghênh trên phản. Rồi lão chui người vào giữa ổ rạ, đầu và chân tay thò ra, cong queo như một con bò thui. Một chốc, tiếng ngáy đã vang ròn ròn...

Mỗi năm, lão thường đến nhà hương Cay đòi nợ một lần, vào ngày phiên chợ cuối năm. Món nợ hơn mười đồng bạc. Không phải ông Cay nợ Bá Khoản. Khi bà cụ mất, trước mặt con và chủ nợ, bà cụ giới lại rằng: “Tôi không dám ăn cướp công ông bà đâu. Con tôi rồi nó phải chu tất. Con ơi! Mày nhớ lấy nhờ mẹ...”. Món nợ được viết văn tự miệng sang tên như thế. Nó thành một thứ nợ lưu cữu truyền kiếp. Cho nên, có năm Bá Khoản quên dặn lái Khế, mà lái Khế cũng sang đòi như lệ thường. Lão đã đi nhẩn ngõ, nhớ cả ngõ có mấy hòn gạch. Vợ hương Cay sợ lão lắm. Sợ lão đánh, sợ lão “bĩnh” các trò ma ra nhà, ra cửa. Bởi thế, bao giờ gần Tết, thấy lão lù lù đi ngoài ngõ vào, bà ta phải ra đon đả, cười cười, nói nói: “Kìa ông đã sang. Mời ông vào chơi...” Rồi mụ xuýt xoa như khấn: “Năm nay hàng họ ế ẩm lắm. Nhờ ông về nói với cụ Bá thư thư cho nhà cháu đến sang Giêng ngày rộng tháng dài. Thôi gọi là...” Lão cúi cái đầu gáo dừa xuống nhìn hai hào bạc trắng nằm trong lòng bàn tay bà hương. Lão giốn lấy, đút vào hầu bao, buộc thắt nút lại.

Sang năm, ngày rộng tháng dài, con nợ có trả được hay chưa, lão không cần biết.

*

* *

Đến lúc lái Khế bừng thức dậy, mặt trời đã xé.

Ánh nắng nhạt luôn khe vách thủng, đọng từng miếng nhỏ lỗ chỗ trên nền đất tối. Lão vươn vai mấy cái. Cùng với tay giơ lên, miệng lão kêu “Ồi giòi ơi!” rầm rĩ. Cái thói của lái Khế bao giờ cũng vậy, vừa vươn vai vừa gọi giòi.

Lão ngơ ngác ngó quanh nhà. Lão biết vợ chồng hương Cay chưa về. Lão ngồi ngẩn, đôi mắt liu diu, bộ suy nghĩ ráo riết.

Lão nhớ rằng nhà này vốn không phải là nhà trây lười với khách nợ. Đã từng đi đòi nợ cho chủ hàng trăm cửa, lão thuộc từ con chó đá đầu thôn đầu ngõ, đến cái bát ăn trong nhà. Bởi vì nhà nào gàn bướng keo cú, lão “đóng đô” cho mấy ngày liền. Tới khi phải lễ sống mà dâng bạc, lão mới chịu đi. Ừ, đã đành là nhà này không thể làm gì có tiền trả nợ cụ Bá. Nhưng năm nào chẳng thế, lão vừa tới cửa, không để nói lời thôi, mụ vợ vẫn đưa biếu lão ít nhất cũng là hai hào. Khổ chủ đây không phải là một thứ khổ chủ quen lẩn khách nợ.

Nhưng năm nay, hẳn hoi là vợ chồng hương Cay định trốn lão nặc nô này. Họ lẩn đi đâu từ sáng sớm. Đi chợ? Đi chợ tất cũng phải có lúc về. Đi xa? Ba mươi Tết là hôm nay, ai còn đi khỏi nhà. Vậy thì vợ chồng nhà nó đi đâu? Mặt trời còn bóng. Rồi mặt trời nghiêng ra phía trước cửa. Nhà vẫn vắng tanh. Cả cái xóm lẻ ấy cũng vắng tanh vắng ngắt. Ngoài bờ ao, có tiếng đàn bà nói léo xéo và tiếng cọ lá dong sần sạt. Xa xa, những hơi thở vang động của ngày phiên chợ miên man tới, mơ hồ như có như không.

Lái Khế đứng trên phản. Hai chiếc mễ già nua rên rĩ, cút kít dưới tấm ghế. Tấm ghế mọt lắc lư, chao đi chao lại như chiếc thuyền thúng.

Tự nhiên, lão vén quần đái một bãi ra giữa nhà.

Thế rồi buổi chiều bắt đầu ngả xuống. Chiều hôm nay rét mướt căm căm, nhưng thiếu gió bắc. Sương hôm đã lấp lên. Tiếng nói cười của những người đàn bà vo gạo nếp và cọ lá dong muộn ngoài bờ ao cũng không còn nữa. Nhưng thay vào đấy, vắng vắng tiếng cãi nhau đòi nợ. Và đây đó những tràng pháo nhỏ cúng Tất niên lạch tạch vắng lên. Cái thanh

văng của một chiều hăm chín bắt làm ba mươi đó, nứt vỡ ra.

Lão không thể kiên tâm đợi thêm được. Ra vợ chồng nhà thằng này chí tình trốn khách nợ. Lái Khế, phải giờ thủ đoạn của mình để thị uy với những quân ôn vật này. Lão đứng phắt dậy. Tầm phản đồ sập xuống như một cái bẫy chuột. Cả chiếc án thư cụt chân cũng giật mình nghiêng ngả chuyển răng rắc.

Chợt lão trông thấy ngoài sân, thấy ngòi sau bụi kén, một con chó vàng. Con chó gầy hốc hác, vêu bốn chiếc xương hông. Ngắm con chó thảm hại, lão lẩm bẩm:

- Con chó nhà nó cũng đói sùi bọt mép ra thế kia, mình còn hòng ăn cóc gì. Thôi, xéo.

Chiều đã muộn. Lão lái còn phải về trình cụ Bá, rồi mới được về nhà ăn Tết.

Lái Khế có để ý một lần nữa xem có món gì khả dĩ có thể xách về được chẳng. Cái phản mọt, cái án thư gãy một chân. Giường thờ, lơ lảo một chiếc bát hương nhỏ. Trên vách một ống tre buộc lưng lửng. Đáng là cái ống đựng quyển sổ biên ngày kỵ ông vải. Không có một nén hương, một mẫu nến, một trâm vàng. Một mảnh tranh gà cho trẻ con chơi cũng không nốt. Tết, Tết chẳng gọn một bóng vía ở nơi lạnh lẽo này. Nhưng lão nghĩ ra rồi. Lão xách chiếc bát hương xuống, đổ cát đi. Lão lấy chiếc ống đựng sổ. Rồi một tay cầm chiếc hèo hoa, kèm ống sổ, nách bên kia cắp cái bát hương, lão đi ra ngõ.

Tới đầu ngõ, lái Khế ghé bờ rào hàng xóm gọi với:

- Bác ấy ơi, bác ra cho tôi nhờ.

Một cái đầu đàn bà lấp ló.

- Nhà bác hương Cay đi đâu thế bác?

- Chắc ông ấy đi chợ.

- Góm hai vợ chồng cùng đi chợ mát mặt từ sáng.

Người đàn bà nhăn nhó, cười, pha trò nhạt:

- Bà ấy xuống âm ti tháng trước rồi, chỉ còn ông ấy một mình thôi...

Không khỏi ngạc nhiên, nhưng đứng tần ngần một tí, rồi lái Khế nói:

- À nhờ bác, lúc nào hương Cay về, bác bảo sang nhà lái Khế chuộc bát hương, bài vị nhé. Mai mồng Một năm mới, không có nó thì ông vãi không về được đâu.

Rồi lão rảo bước ra đường.

Bỗng khoạc một tiếng dưới chân. Vội ngoảnh lại: con chó vàng khặc khừ ban nãy chạy theo, đập trộm lão một đập vào bắp chân. Lông nó xù dựng lên, góm chết. Bọt mép phòi ròn ròn. Và hai mắt nó đỏ ngầu tựa hai miếng tiết bò.

Lái Khế thở xì một tiếng, giơ thẳng cái hèo hoa, phét vun vút xuống đầu con chó. Con chó chồm lên, ngoạm miếng nữa vào tay lão, rồi, nhanh như biến, cúp đuôi xuống, lưỡi đỏ thè lè, hục hặc chạy đi mất.

Lái Khế cau có chửi con chó cắn trộm mấy câu. Lão cúi xuống xem vết chó cắn. Tay chỉ hơi sồn da, còn chân thì may, nhờ cái quần nâu dày, bắp chân lão chỉ bị ngoạm một mảnh nhỏ. Máu chảy rom róm. Trời lạnh, lão hơi xon xốt. Nhưng chẳng hề chi, lái Khế vốn lành da.

*

* *

Sẩm tối, ông hương Cay dò về nhà.

Trên lưng, ông cồng thẳng Ót. Từ độ mẹ chết, thằng bé quấy quá. Thực ra, lúc chiều đã có lần ông hương ló đầu về. Nhưng nghe tiếng lái Khế còn ho khoạc khoạc trong nhà, ông lại ù té chạy. Không có xu nào biểu nó, ông không dám về. Ông sợ nó đánh.

Bước chân vào nhà, ông đánh hơi thấy mùi hăng hăng. Ông bèn sang bên hàng xóm xin ít lửa và nhân tiện lấy cái đèn. Sáng sớm, lúc đi trốn khách nợ, có cái đèn, cái vò gạo và cái điều ăn thuốc ông đã đem gửi bên này. Những việc hằng năm vẫn gửi ấy, đã thành kinh nghiệm và thói quen. Hàng xóm kể lại cho ông nghe những điều lái Khế nói lúc nãy. Ông hương nức lên mấy tiếng, hai tròng mắt đỏ hoe nước mắt.

Ông lật đật đi về, rồi ông lại sang.

- Nó đái ỉa cả ra nhà tôi đây, lấy bát hương bài vị nhà tôi, lại dắt mất cả con chó vàng ốm của tôi đi rồi.

- Hoài của.

Nhưng người vợ nói:

- Bây giờ tôi không thấy nó lòi chó mà!

Anh chồng bảo:

- Chẳng nó thì ai vào đấy!

Ông hương Cay thở dài:

- Thế là bố con tôi mất cái thịt Tết.

*

* *

Hôm mừng bầy hạ nêu, lái Khế uống một bữa rượu say. Lão quát con, chửi vợ rầm. Rồi lão gục xuống chiếu, ngủ ngáy khò khò...

Ngủ được một giấc ngắn, lão tỉnh dậy ngay. Quái, sao đầu nặng như mới đeo thêm cái cối xay. Khéo mình bị men rượu bốc lên đầu. Chống khuỷu tay, đứng dậy. Khuỷu tay lão quy gập xuống, lái Khế lăn ngay ra. Một cơn sốt kéo đến hun đốt ruột gan, da thịt lão. Sốt đến nổi lão phải rên hu hú, và tuy trời lạnh buốt, mồ hôi trán cứ vã ra.

Vợ lão lấy gừng và rượu đánh gió cho lão. Nhưng mụ vừa mó tay vào chân, lão đã giẫy nảy, đẩy ra. Da lão sồn vẩy ốc lên. Lão sợ ai đụng vào người, sợ cả gió, cả cánh cửa mở.

- Đóng hết cửa lại cho tao. Đóng lại. Gió lùa vào thì ông chết tươi ngay bây giờ đây này.

Dần dần, càng sốt già. Lão sốt cuồng. Lão sốt, múa cả hai chân, hai tay lên. Vợ lão khiếp quá, cứ chạy quanh quẩn từ trong nhà ra ngoài sân, lại từ ngoài sân vào trong nhà. Mụ rụt rè không dám chạy đi gọi ai. Năm mới chưa động thổ, bà con anh em nào dám đến thăm người bệnh.

Bây giờ cái mặt lão lái Khế đỏ xuống tận quanh cổ. Hai tay lão cũng đỏ tía. Mắt lão trợn ngược lên, đục ngầu, thắm đòng đòng. Sốt lâu quá. Lão cứ phải luôn há miệng. Cái lưỡi thè ra thè lể. Lão lái Khế có cái dáng của con chó vàng ốm của nhà ông hương Cay hôm nọ. Đúng là giống một con chó dại.

Đến chiều, nóng ruột không thể dùng được, mẹ lái phải ra kể bệnh chồng cho ông lang trên đầu chợ nghe.

- Hồng! Hồng! Hồng!

Rồi tiếp:

- Lão nhà bị chó cắn. Mau mau về xem có phải bị chó cắn không?

Lúc mẹ về đến nhà thì lão lái Khế đã không còn là lão lái Khế. Lão mê rồi. Quần áo, lão xé toang, không còn dính một mảnh vào người. Lão không biết rét. Mẹ vợ đi vào, lão chồm ngay lên. Mẹ chạy tụt ra. Vô trượt vợ, lão ngã lặn như một quả dừa rụng.

Hôm sau, lái Khế chết. Lão chết điên, cứ móc hai bàn tay vào họng. Vợ con đứng ngoài cửa nhòm vào. Tỉnh không có một người tới thăm. Cụ Bá Khoản nghe tin lái Khế chết, cho tiền mua cái áo quan gỗ tạp.

Đám ma lái Khế, bốn người khiêng cái hòm ra bãi tha ma sau làng. Theo sau quan tài, vợ lão khóc tí tí. Thằng con lếch thếch đi bên cạnh mẹ. Bố nó cao lớn thế mà nó gầy đét như chiếc tăm.

Sài Gòn, mùa mưa 1942

Chớp bề mưa nguồn

Chiều hôm ấy, tất cả làng Nghĩa Đô nháo lên về câu chuyện bà Móm tự tử. Đầu tiên, cái tin hỏa tốc bùng đến tai họ:

- Bà Móm tự tử.
- Ở đâu?
- Chết ở ngoài ao giếng.

Người ta ào ào kéo đi xem. Hóa ra không phải. Câu chuyện xoay nghiêng ra thế này: Chẳng biết có một điều gì bức dọc, bà Móm giận con trai và nàng dâu. Không giận vừa vừa, mà bà lại giận quá. Thế là cơn tức bùng bùng lên. Bà xắn hai mép váy, xăm xăm chạy ra ngoài cái ao giếng đất. Bà la vang cho bốn bên hàng xóm và cho vợ chồng thằng cả Mí biết rằng bà đương đi đâm đầu xuống ao đây. Không có ai ra can bà. Vậy bà nhảy phóc xuống ao thực. Đánh ùm một cái. Rồi bà bấu hai tay vào cái cọc cầu ao. Bà rúc đầu vào giữa bụi cây cúc tần mọc lòa xòa xuống vệ nước. Không phải để hát hơi. Bà ngoác mồm ra kêu thật to. Kêu như có nhà ai cháy ở trong xóm. “Ồi làng nước ôi! Ôi làng nước ôi!”.

Làng nước chạy đến rầm rập. Ai cũng chung hứng. Người ta hốt hoảng chạy đến, không cốt để xem bà lão tự tử cái kiểu hài như thế. Tay bấu vào cái cọc, đầu ngóc lên ở trong bụi. Miệng la om sòm. Những người khó tính văng ra mấy câu chửi. Họ chó thây, diêm nhiên đứng xem bà lão kêu. Vợ chồng anh cả Mí tưởng là mẹ cãi nhau tay đôi với ai đó ở đầu ngõ, rủ nhau đóng kín cổng lại. Ở dưới mặt nước, bà lão vẫn kêu ông ổng. Hơi lọt qua những kẽ khe răng hểnh, làm cho những tiếng vỡ ra phều phào. Ai cũng tưởng, bà chỉ kêu được vài chục câu thì chối cổ, phải lóp ngóp bò lên. Chẳng ngờ, hòng bà lão khỏe quá. Bà lão chúi trong nước vẫn kêu rầm rầm. Mãi về sau, có người sốt ruột, xuống kéo bà lão lên, đưa hộ về nhà. Bà lão liền lên ngay. Ở dưới nước một lúc, đã thấy chán!

Bây giờ bà lão Móm ngồi đấy, ngay phía ngoài đầu hè. Váy áo vẫn ướt sũng. Cái màu nâu bệch, dính thêm vào nước và bùn, thâm xỉn lại. Khuôn mặt nhăn nheo xịu xuống.

Đôi vành mắt khép lại. Tất cả những nếp nhăn trên khuôn mặt cần đều chảy giọt xuống phía cằm, chiếc cằm méo mó, thung một hõm mòm. Cái mòm mòm mém ấy, thế mà kêu to. Giá cứ yên lặng mãi, thoát nhìn, người ta tưởng đấy cũng là một đồng rạ nát như những

đổng rạ nát ở xung quanh. Chợt bà lão Móm nheo mắt, kêu é một tiếng, hai tay bà xốc vấy lên. Ở dưới bụng chân, lũng lảng, lắc lư một con đĩa trâu. Nó to mòng mòng như quả chuối bự. Ra nó theo bà lão từ dưới ao lên. Máu bà lão đưng vào trong bụng nó, làm cho bụng con đĩa tròn xoe đỏ máu to kèn.

Bà lão rút chú đĩa trâu ra. Máu cũng tuôn theo tay. Bà quẳng con đĩa ra giữa sân. Một anh gà ở đâu chạy đến, xia thử một mỏ, rồi đứng hiếng một mắt lên trời mà ngẫm nghĩ. Một lát, chừng như đã ngẫm nghĩ xong, anh gà cung cúc tha chú đĩa ra phía đằng sau nhà.

Bà lão Móm đi lấy vôi khoan vào chỗ đĩa cắn một vòng tròn. Rồi bà lão lại về ngồi chỗ cũ. Bà bắt đầu một cuộc chửi. Trước hết bà chửi con đĩa. Con đĩa nó hút máu bà. Thứ, bà chửi đứa con dâu. Thứ nữa, bà chửi đứa con trai. Rồi bà chửi đến những đứa nào lúc này kéo bà lên, không để cho bà được chết.

Hai vợ chồng anh cả phải sang thổi cơm nhờ bên hàng xóm. Và cũng ăn nhờ ngay ở nhà người ta.

*

* *

Ngày tháng Tám năm ngoái, thằng Mí lù lù dẫn ở đâu về cái báo chường của nó về. Cái báo chường ấy là một con đàn bà. Nó gặp “người ta” ở một đám hát trống quân bên làng Phú Gia. Chắc là hai đứa bắt chim nhau. Rồi con kia theo thằng này về nhà. Ở lì với nhau. Thành vợ chồng từ đấy.

Ôi thiên địa! Bà lão Móm ngạc nhiên không thể tưởng tượng được. Bà không thể tưởng tượng được rằng ở trên đời lại có một con đàn bà đón mặt như thế. Chẳng cưới xin gì hết, nó đường hoàng đến nằm vạ nhà người ta. Bà cầu nài phản đối. Thỉnh thoảng Mí lại bênh vợ - cũng là vợ ư? - mà cự bà kịch liệt. Nó cự bà cố chấp. Bà khoanh. Bà ác. Nó lại giải nghĩa rằng bà không có tiền lấy vợ cho nó, thì nó phải lấy như thế đấy. Cái thằng bất hiếu, mở miệng ra nói toàn những câu chối tai.

Bà khoanh gì? Bà ác gì? Bà không có tiền lấy vợ cho nó à? Bà đâu có muốn thế. Chẳng qua là cái ông trời cay đắng kia chưa muốn cho bà khá. Thôi thôi vứt đi ráo con gái con trai, con trai lấy vợ hoang, là vứt đi ráo! Nhà bà không có cái giống ấy. Ngày xưa, bà đi lấy chồng, nghèo khó lắm. Vậy mà hàng xóm cũng được nhai bóm bẻm miếng trầu. Làng nước cũng nhận được năm chục viên gạch thay tiền cheo...

Trong nhà, sinh ra lắm sự ửng oảng. Cũng may về phần kinh tế, ai cũng độc lập cả. Người ta chỉ trong một nhà, còn người ta ăn riêng của nhau. Đồng tiền, phân bạc chia rẽ nhau ra. Bà mẹ đi khâu vá mướn kiếm ăn. Hai vợ chồng người con cũng làm lấy nuôi miệng. Không ai phải nhờ lụy ai. Thành thử cả nhà cứ cãi nhau suông. Phần nhiều, chỉ vì những câu chuyện rất cón con. Người ta cãi nhau cho âm nhà.

Cứ trông thấy mặt vợ thằng Mí là bà lão Móm đã lộn ruột lên rồi. Bà ghét nó về cái gì? Đủ thứ. Ví dụ như bà ghét cái áo cánh của nó mặc. Áo đâu mà áo hồ lơ xanh lè. Chỉ có nhà thổ, chỉ có nhà trò, mới hồ lơ cái áo chường mắt như thế. Con này đích là ở hai cái phường ấy.

Áo đâu mà lại may chèn vào người, xung quanh gấu tròn xoe, không xoe không chiết. Thực là dơ dáy. Bà đây đã già đời cầm kéo, cầm kim, cũng chưa thấy ai mặc cái áo lố lằng như nó mặc. Bà lão nói bô bô tất cả những ý nghĩ của mình lên đấy chứ. Con vợ nó tím mặt lại. Thằng chồng nó tái mặt lại. Chúng nó đối lại rằng bà hủ lậu. Cả đời, bà chưa bước chân qua cái đất Hà Nội, bà biết đâu những sự tân thời bây giờ. Bà chỉ nói vu vơ. Bà chẳng biết cóc khô gì hết.

Tức quá, bà lão chửi té lên một độ. Chúng nó im. Chỉ có chửi là chúng nó phải câm. Chúng nó sợ miệng bà. Cái miệng móm mém mà nói loe loe.

*

* *

Một hôm. Đâu sau cái ngày bà Móm tự tử hụt được độ nửa tháng. Buổi chiều, vợ cả Mí đi làm về, bỗng kêu đau chân. Nguyên từ một phiên chợ nay chị ả đi đường, giẫm phải cái vỏ hén vỡ. Nó cắm vào gan bàn chân. Máu loang ra. Chị ta nhổ mảnh vỏ hén rồi nhét đất vào chỗ vết đau, để cho máu cầm lại. Cũng coi làm thường.

Chẳng ngờ vết đau loét mãi ra. Hôm nay nó nhức nhối. Một thứ nước vàng lầy nhầy theo vết loét chảy ra. Chị ả thấy kệnh kệnh dưới bàn chân. Đi đứng có vẻ khó khăn. Rồi chị không thể đi được nữa. Ấy là khi vết đau bắt đầu tấy. Nó sưng lên vù vù. Đầu tiên, cái gan bàn chân to như chiếc bát úp và đỏ lừng lừng. Cả đến cái bụng chân cũng béo ra. Nó thấy cứng cứng như có tụ máu. Chị ả nhăn nhó ngồi ôm chân cả ngày. Rồi mủ, rồi máu tươi do chỗ đau cứ phòi lên. Người ta bảo rằng bị sung bắp chuối. Người ta bảo rằng mụ lên đầu gối ông voi. Mụ đành nằm mà rên hừ hừ. Sung sướng cho bà lão Móm! Bởi vì, nhân dịp này, bà

lão có thể trả thù được con mụ. Nó nằm chổng đậy, không lạch đi đâu được. Bà lão có thể bắc ghế lên mà chửi rửa, mà nhiếc móc nó. Nó không thể lảng đi đâu được. Nó phải nghe đây hai lỗ tai.

Thế rồi, bà lão Móm làm như vậy thực. Mỗi buổi sáng, từ lúc trở dậy, bà nhiếc, móc nó, cho tới khi bà cấp thúng đi khâu. Chiều về, bà ngồi ngang trước bậc cửa mà chửi. Bà chửi mãi đến lúc bà đi ngủ. Cô ả nằm bệt trong giường. Không dám hé răng. Chắc cũng chối tai lắm. Nhưng mà đau quá, không thể nói được.

Bà lão tha hồ nói. Đủ các câu nhảm nhí và đủ các kiểu chửi. Anh cả Mí cãi nhau với mẹ, không thể địch lại được. Bà lão thắng thế, càng chửi già. Người đau nằm kia, tiếng của bà lão bay vào chơi chối, nghe như đóng đinh vào lỗ tai, nghe như vết nhưc dưới chân.

Được nửa tháng, vết đau của nó bắt đầu dịu xuống. Nó chán phòng lên, thì nó tẹt xuống. Mụ đàn bà tin như thế, và mặc kệ. Cũng như mụ mặc kệ cho bà lão dờ hơi muốn nói đông nói tây gì thì nói, tùy sở thích. Nhưng ở chính chỗ đau dưới bàn chân, lại nổi bờ lên cao vờ vờ. Những đường trắng trắng bờ xung quanh miệng. Cái miệng đỏ hoe, sâu vào, thành một cái lỗ tun hút. Lúc nào cũng nực lên một mùi thối lăm. Bây giờ nó hóa ra một vết sâu quảng. Bà lão Móm lại rửa cái vết sâu quảng của nó. Nó tập tễnh đi ra cửa. Nó đã chán tai nghe chửi, từ bữa nằm giường. Nghe lắm, như nghe hát hay. Không thấy cảm động và tức tối nữa. Nhưng thực nó đã ngán cái cảnh nhà này rồi. Bởi vậy, một bữa kia, nó khập khiễng téch đi mất.

Khi anh chồng biết vợ mình đi, chắc không bao giờ trở lại nữa, thì buồn iu mặt xuống. Bà lão mừng rơn, bà bảo con:

- Cái ma cái quái nó vào nhà mày đấy. Mày lại còn thương tiếc nó nổi gì!

*

* *

Sau ngày vợ đi được vài tháng, anh cả Mí cũng ra đi nốt. Không phải là đi tìm vợ, mà anh đi làm ăn. Ở làng nước, vào hồi này, cơm gạo cũng khó kiếm lắm. Vả lại, anh chán và sợ bà mẹ lắm điều quá. Vợ anh đi rồi không có ai để cãi nhau, bà lão cứ hục hặc với anh. Cãi nhau đã thành nghiện!

Người ta đồn rằng anh cả Mí đi Sài Gòn, và người ta lại đồn rằng vợ anh cả Mí đem cái

chân sâu quảng vào nằm nhà thương, người ta cựa cụt ngoéo chân đi rồi.

Bà lão Móm cũng chỉ được nghe làng nước đồn đại mơ hồ như thế. Bây giờ thì bà lão ở một mình trong cái nhà rộng thênh thênh. Có những buổi chiều mùa hè, từng tảng mây trắng đùn lên ở phía chân trời Tây. Không có cơn mưa. Nhưng có chớp dầy chớp dợt ở trong những đám mây. Có ì ầm tiếng sấm ở đâu đâu. À, đây là chớp bể, đây là mưa nguồn.

Bà lão đứng trong cổng ngó trông ra.

Chao ôi! Chớp bể mưa nguồn. Chắc ở bên Sài Gòn đang mưa to lắm.

Bà Móm ôm mặt, hu hu khóc: “Ôi con ơi!...”.

Lá thư tình đầu tiên

Cô Mì mười tám tuổi. Đến tuổi ấy, từ mùa xuân trở đi, đôi mắt người con gái trong thâm và đen lay láy. Cô nhìn sang hai bên, con mắt lừ đừ đưa nghiêng nghiêng. Ôi chao là say sưa. Miệng hoa mím mím. Mỗi khi mỉm cười một nụ cười nhỏ, đôi má hây khê gọn lúm xuống hai nét vòng yêu.

Mì là cô gái đẹp nhất làng. Tất cả những người con trai đều công nhận thế. Và anh nào cũng ngấp nghé muốn phải lòng. Nàng chẳng kiêu kỳ chi đâu, nhưng yêu được nàng cũng không phải dễ. Bởi vì nàng nhan sắc. Bởi vì nàng lại biết chữ nữa. Sự biết chữ của một người con gái ở làng Nghĩa Đô quả là một tài hoa hiếm có. Nàng viết thư hộ những người hàng xóm. Nàng đọc truyện *Hoàng Trừu* vanh vách. Nàng thông thạo về đường “tiểu thuyết” lắm. Bởi vậy, đã xảy ra một chuyện tức cười về chữ nghĩa khó khăn ấy. Có một người con trai khác xóm phải lòng Mì. Một bữa kia, chẳng biết làm thế nào, anh chàng đưa đến tay Mì một bức thư. Mì đọc. Rồi Mì đi nói với các chị em bạn:

- Nó không biết chữ, nhờ ai viết cho cái thư, người ta lại thêm, đi chép ở trong truyện ra. Truyện ấy tôi xem rồi. Đã đốt đặc cán mai, lại còn ti toe, điệu bộ.

Và nàng chép miệng:

- Không biết chữ, nhục thế đấy!

Những lời nói chẳng hay cho người con trai nọ cứ lọt ra ngoài và lan đi khắp ngã ba, ngã bảy.

Anh Công cũng rõ câu chuyện như mọi người. Nhưng anh còn biết rõ thêm hơn nhiều. Bởi Công có cô Nghiên, cô em con nhà chú, là bạn thân của Mì.

Cũng bởi rằng anh Công yêu cô Mì. Công là một gã trai mới lớn. Thường là anh vẫn được trông thấy Mì, mỗi buổi chiều, dù hai người ở cách hai xóm. Chiều chiều, Mì sang chơi nhà Nghiên. Cũng chiều chiều, lúc hoàng hôn đã đỏ sạm, mọi người đều rời khung cửa, Công ra đứng ngẩn ngơ trước ngõ. Hễ thoáng thấy cái thắt lưng lụa bạch của Mì phát phơ đằng đầu xóm, anh chàng đã đỏ bừng mặt, chân tay tự dưng lú lú lại. Và khi Mì sắp đến nơi thì Công ngượng nghịu lảng lạng thụt vào cuối ngõ. Đến lúc Mì đã đi khỏi, Công mới lại nhô ra cúi lom khom nhòm theo, nét mặt ra chiều chờ đợi. Giá bấy giờ có ai chợt

đến trông thấy Cuông thì Cuông vội đứng ngay ngắn, hai tay chấp ra đằng sau, mặt ngẩng lên trời, giả như đương mơ nghe tiếng diều sáo vo vo trên cao.

Ấy buổi chiều nào cũng tương tự như buổi chiều nào. Nếu không có một sự gì mới mẻ khác, chẳng biết cuộc “tình duyên một vế” này còn kéo dài đến tận bao giờ!

Cuộc đổi thay vào những đêm có hát chèo bên làng Thượng. Một hôm, cô Nghiên nói chuyện với anh Cuông:

- Cái hôm hát trò Lục Vân Tiên ấy mà. Em đi xem với chị Mì, anh nhớ không?
- Ừ, lúc bấy giờ tao len qua chỗ cửa đình chứ gì.
- Vâng. Lúc chị Mì thấy anh đi qua, lại bảo em thế này chứ: “Anh ấy hay nhỉ?”.

Cuông bưng người, thấy như từng đốt xương đốt sống một đưng rung. Cuông hấp tấp hỏi dồn:

- Sao? Sao thế?
- Chị ấy cười, bảo: “Anh ấy có vẻ hay phạm. Chiều nào cũng đứng ngoài ngõ. Trông thấy em lại đi vào”.

Cuông ngơ ngác, lẩm bẩm chối bâng quơ:

- Quái nhỉ? Tao có đứng ngoài ngõ đâu!

Nhưng trong lòng anh nghĩ khác. Trong lòng anh có hoa đương nở.

- Thế là cần rồi. Bây giờ chỉ thả một cái thư là ăn thua đấy. Nhưng chết một cái, mình lại cóc biết chữ. Nó mà hỏi đến, mình cũng mít đặc như cái anh cu kia thì bỏ xừ.

Cuông thở dài ở đoạn này. Anh nghĩ lơ mơ.

- Có lẽ cũng đến phải đi học chữ quốc ngữ!

*

* *

Một phiên chợ Bưởi, Cuông xách một con gà mái lên chợ bán. Con gà hư quá, phải cho

ăn bún rất nhiều, mà để trứng lại cách nhật, há mở ra kêu cục te cục tác cùng đường.

Bán gà xong, anh đến một hàng xén. Anh có ý tránh những hàng có cô gái ngồi bán. Anh vào hàng một ông cụ già kèm nhèm mắt. Và anh mua một quyển “Lên Sáu” năm xu. Công thu gọn lỏn ngay quyển sách vào bụng áo, chẳng một ai nhìn thấy. Rồi anh ung dung về làng.

*

* *

Công học chữ quốc ngữ liền từ tối hôm ấy. Thằng Tể cháu anh, học trò lớp bét ngoài trường làng, dạy anh. Mỗi phiên, anh trả công thằng bé một xu, nó bằng lòng ngay.

Bắt đầu, anh lảm nhảm những cái chữ to thô lớ - gọi là chữ cái có khác - một cách nhọc nhằn và hơi chán nản. Nhưng anh chỉ gắng, chịu khó vài bữa, đã học sang đến nửa vắn bằng *ba be bê bi* rồi.

Tối đến, dẹt củi đầu xong, Công mang đèn ra ngoài hiên. Thằng Tể đã đợi sẵn ở đấy. Anh ngồi xồm, chăm chú chỉ từng chữ, theo ngón trỏ tay của thằng bé. Học đuôi nhau như vậy một lát, anh đã thuộc. Thằng bé đi ngủ, anh ngồi gật gù lảm nhảm một mình. Khi đã thuộc kĩ, có thể gấp sách lại mà vẫn đọc được, anh mở vở ra. Anh nằm nhoài xuống, cong hai chân lên. Bút và mực để sẵn đấy. Anh nhắm môi, nheo mắt, nghiêng đầu tô từng cái gậy một. Hết hàng gậy này xuống hàng gậy khác. Cầm thì cầm úp ngòi bút xuống, chấm mực vừa phải và vạch cho khỏe. Nhiều lúc tức ê ảm cả bụng, cả ngực mà anh vẫn chịu khó nằm thẳng duỗi ra. Viết xong một trang, anh mới bò dậy, thở phào một cái rõ mạnh, rồi gấp sách lại, đi ngủ.

*

* *

Anh Công chịu khó học. Nhưng anh giấu giếm cẩn thận việc học của anh. Bạn bè không ai biết.

Mùa đông đã sang những ngày cuối. Công ngồi học phải quàng chăn lên tận cổ. Nhưng anh cũng sắp thành công rồi.

Trong giấc ngủ, lẫn với bóng dáng hình ảnh cô Mì, lòng anh xốn xang hi vọng.

Thế rồi, đến một đêm đầu mùa xuân. Cái Tết đầm ấm, cái phong thái nhàn nhã hãy còn phảng phất trong mọi gia đình. Cuông khuôn sách vở, bút mực ra ngoài hiên. Nhưng tối nay không có cu Tể. Anh ngồi gập giường, ngả đầu, mắt nhìn đăm đăm vào ngọn đèn. Thoáng mơ màng một vẻ nghĩ ngợi. Anh xếp bằng tròn hai chân ngồi nghiêm như ông Phật, qua hàng giờ im lặng.

Anh xé ở cuối vở ra một trang giấy. Anh đặt lên trên bìa sách. Vuốt hai mép cho thực phẳng, rồi từ từ nằm bò xuống. Cái bút chấm vào lọ mực tím cứ hí hoáy đưa ngòi bút. Chiếc ngòi bút sắt, bên ánh đèn, lấp loáng màu mực, đưa đi theo dòng kẻ, như ngượng ngịu reo lên còn cột vì được gặp mặt tờ giấy trắng. Một chữ, lại ngừng. Một chữ viết, lại rụt rè xóa. Song Cuông đưa bút rất nắn nót, tề chỉnh. Có khi cố gắng và đam mê công việc quá, Cuông ngoẹo cổ, trợn lồi mắt lên, méo xệch để đẩy nét chữ O cho thực được tròn trặn.

Mặt giấy đầy dần dần được ba dòng, rồi bốn dòng, đến bốn dòng rưỡi thì anh buông bút xuống, bâng khuâng ngó ra ngoài vườn. Bấy giờ đã khuya lắm rồi. Vườn tre và vườn dứa lẳng xuống một chút ánh trăng xé dịu dàng.

Cuông cúi xuống, hai tay nâng tờ giấy, trầm ngâm nhìn mười hàng chữ nằm ngổn ngang, trong những đường kẻ xanh. Nhưng khi anh lấp bấp đọc lại nhỏ nhỏ, thì mắt anh sáng lên. Những tiếng chữ lẫn với tiếng ư a bật ra miệng và cả ở đôi mắt, một cách khó nhọc, nhưng rất kính cẩn, thiêng liêng. Thành thử, những hàng chữ xấu xí và bẽ bộn cũng lấy được ít nhiều khí sống mạnh mẽ, trở nên quý giá và đẹp đẽ.

Anh Cuông đã đọc lại xong. Ồ, đó là một bức thư ngắn - mà dài cho người viết - để gửi cho người yêu. Thư của Cuông gửi cho em Mì. Thư rằng:

Em Mì. Bấy lâu nay tôi vẫn trộm nhớ thầm mong em lắm, chẳng biết em có biết cho không, tôi viết thư này là chính của tôi viết cho em đấy, em Mì ơi. Gió đưa tờ giấy lên mây, gió đưa thư này bay đến nhà em. Em mà bắt được em nên trả lời. Trăm năm xin quyết cùng nhau chung một lời vàng đá.

Cuông viết thư

Thực là một công trình ghê gớm của Cuông. Anh đọc lại một lần nữa, rồi hơ giấy lên ngọn đèn cho chóng khô mực. Bấy giờ anh mới cẩn thận gập lại làm tư, để vào trong quyển vở, đem nhét xuống gối đầu giường.

Đã vào canh một, gà gáy lên te te. Vùng giăng đã khuất hẳn.

*

* *

Thế là Cuông cầm cúi học từ ngày vào mùa đông đến ngoài Tết Nguyên đán, thì viết tròn được lá thư đưa cho Mì.

*

* *

Nhưng lá thư tình đầu tiên ấy, không bao giờ được gửi cho ai. Bởi vì, ngày đầu xuân đó, cô Mì đi lấy chồng. Cô lấy chồng người bên làng khác. Tất nhiên là Cuông không hay biết gì cả. Cho đến khi cái Nghiên lại nói chuyện với anh thì đã muộn, người ta rước dâu rồi. Anh không thể dám oán ai. Bởi vì anh chưa có ai để mà oán hận.

Lá thư tình vô duyên nằm buồn thiu trong mép bím anh được mấy hôm. Những nếp gấp đã lên nước mờ hôi và đen xỉn lại. Một đêm, anh châm đèn lên, kẻ tờ giấy vào ngọn lửa mà đốt đi. Đôi mí mắt nặng sụp xuống.

Rồi dần dần mọi người xung quanh đều không hiểu sao tự nhiên mà Cuông thông thạo và viết nhoang nhoáng được chữ quốc ngữ. Ai cũng khen Cuông sáng dạ.

Nhưng anh buồn lắm. Cả ngày anh chỉ giải khuây mối hận kín đáo bằng cách đọc truyện *Kim Vân Kiều* .

Một hôm, anh nói với cô em:

- *Truyện Kiều* hay lắm. Trong ấy có nhiều câu buồn ghê!

Nghiên cười:

- Độ chị Mì còn ở nhà, chị ấy cũng thích đọc *Truyện Kiều* . Hoài của, giá ngày trước em làm mối chị Mì cho anh nhỉ!

Đi tắm đêm

Văn bắt đầu kể câu chuyện như sau:

Nghỉ hè năm ấy, Hiếu rủ tôi và Căn, Bích, Hiền về quê anh ta nghỉ mát. Nhân thể vừa thi trượt xong, chán không buồn ở Hà Nội, tôi nhận lời ngay. Quê Hiếu ở ngay bên bờ sông Đuống, cách núi Thiên Thai độ hơn một cây số. Đang ở Hà Nội đông đúc được thả về quê mát mẻ, tôi thấy người khỏe hẳn lên, quên khuấy ngay cả cái buồn hổng thi. Lại thêm được một lũ bạn đùa như quỷ sứ làm cho tôi giá có khóc cũng phải cười.

Làng ven sông có một phong cảnh khá nên thơ. Chiều chiều rợp nắng, chúng tôi thường ngồi thuyền đi dạo mát trên sông Đuống. Dòng sông dào lờ dờ chảy giữa hai bên bờ chen nhau những hàng dâu mát rượi, những rặng tre lá ngọn quện trên mặt nước. Đàng xa, nổi lên nền lá xanh một dịp cầu tre mảnh khảnh. Cảnh trí như hệt một bức tranh thủy mặc.

Nhà Hiếu gần một bến nước. Người vùng ấy gọi là bến Đá vì ở đây có mấy phiến đá rất lớn. Bến Đá là chỗ rửa ráy, giặt giũ của cả xóm. Bởi thế chúng tôi thường được ngắm những cô gái làng ra bên quẩy nước. Gái sông Đuống xinh chẳng kém gì gái Lim, lại thêm được cái tính chua ngoa thì không đâu bằng! Tụi Căn, Bích - hai kiện tướng trong làng “môi mép” - cũng phải chịu thua. Họ ví von rất khéo đến nỗi không mở mồm nói vào được nữa. Thế nào cũng bị chặn cứng lưỡi. Một là các cô giỏi biện bác, hai là giọng của các cô rất hay. Chúng tôi đành đứng ngẩn ra cả lũ nghe các cô ví. Họ xỏ xiên cay độc mà chúng tôi cũng đành khóa miệng. Nhưng sự thất bại của chúng tôi một phần lớn tại Hiếu. Vì Hiếu là người hiền lành, sợ các cô. Anh thường ngăn cản chúng tôi trong các cuộc đấu khẩu. Mà chúng tôi cũng vì nể Hiếu, nên lăm phen cũng phải nín thít. Ở xóm có độ bốn năm cô, chúng tôi phải kiêng mặt.

Độ ấy vào khoảng trung tuần tháng Năm, một đêm sáng trăng. Trừ Hiếu hay đi ngủ sớm, còn chúng tôi bắc ghế ra sân ngồi chơi. Bỗng lắng nghe tiếng cười đùa từ bờ sông vẳng lại. Căn tò mò ra cửa nghe ngóng. Một lát Căn hốt hải chạy về, rủ chúng tôi đi chơi. Tôi hỏi đi đâu. Anh để ngón tay lên ngang miệng làm dấu bí mật và dẫn chúng tôi ra ngõ, đi về phía bờ sông, chỗ có tiếng cười ban nãy đưa lại.

Anh bắt ai nấy đều phải yên lặng và theo mệnh lệnh của anh, vì anh tuyên bố sẽ có một cuộc vui rất lý thú. Chúng tôi ngậm miệng, kẻ trước người sau đi nương vào bóng những

cây trúc mọc sát vệ đường, về phía bờ sông. Không biết là trò quỷ quái gì, nhưng cũng cứ đi. Chừng hơn trăm thước đã trông thấy bến Đá. Một dịp cười giòn tan từ dưới nước hắt lên. Chúng tôi tiến mấy bước nữa, rồi đứng lại. Trời ơi! Có anh nào đoán được chúng tôi trông thấy những gì không? Bích, Hiền và tôi đứng ngây người. Căn có vẻ ranh mãnh leo tót ngay lên một cây khế to, dòm xuống. Trên mặt sông, bốn cô gái đang tắm, các cô đang đùa với sông. Cho đến hôm nay, trông mặt hồ Tây này, tôi còn nhớ cảnh ấy như tối hôm qua.

Những thành vai trắng nõn, tóc buông lòa xòa trên mặt nước, gợn những vòng vàng vì ánh trăng. Tôi tưởng như gặp một lũ hồ ly trắng phau trong những chuyện thần kì, hay ít nhất cảnh này cũng phải ở trong mộng. Nhưng nghe tiếng nói thì tôi lại nhớ là gái làng, và đây, sự thực, sự thực như tôi và các anh. Các cô đùa nghịch tự nhiên vì không biết có ai nhìn trộm. Cô nọ té nước cô kia, đuổi nhau í ới cả một góc sông. Đến khi các cô rục rịch sắp lên, chúng tôi lui về hết. Chỉ còn Căn nấp trên cây khế. Các cô kéo về qua cửa nhà Hiếu. Chúng tôi nhận mặt được cả bốn cô đều là “cua” ngoa ngoắt nhất xóm.

Căn thao thức không ngủ. Thỉnh thoảng đang nằm chúng tôi lại bị hấn dựng dậy, vừa lay, vừa nói rít lên:

- Chúng nó đẹp như tiên sa...

Rồi hấn vùng chạy ra sân. Trăng sáng trong im lặng. Căn chấp tay sau lưng đứng ngửa mặt nhìn trăng, nhìn trời, rồi lại quay vào. Suốt đêm cứ lũng củng như thế! Có lẽ anh chàng bị “cảm” nặng quá! Ngày hôm sau, Căn chơi gì cũng chán, chỉ mong đến tối. Câu chuyện đêm qua, Căn yêu cầu chúng tôi đừng nói gì cho Hiếu biết, vì Hiếu biết thì thế nào hấn cũng gàn.

Đến đêm, khi nghe tiếng cười ánh ỏi phía sông, nhưng chúng tôi không anh nào muốn đi xem cả. Vì chúng tôi sợ người trong xóm biết thì ê mặt. Rồi chúng tôi không đi. Chỉ có Căn không bỏ. Năm sáu đêm liền đêm nào hấn cũng mò mẫm.

Một đêm chúng tôi còn thức, chỉ có Hiếu đã ngủ. Căn vừa đi... xem được một lúc thì có tiếng huỳnh huých từ phía sông chạy lại và văng vẳng tiếng cười rít lên.

Chúng tôi còn ngơ ngác, chợt cánh cửa mở tung. Căn ướm lướt thướt chạy vào. Anh vừa thở vừa bảo Hiền ra đóng cửa. Chúng tôi nhìn Căn, không nhìn được cười: đầu tóc, quần áo chỗ nào cũng ướm như chuột lột.

Hiền và Bích xúm lại hỏi. Căn không trả lời và đứng im, chỉ tay ra ngõ. Một lát sau có

tiếng cười của các cô đi tắm về. Nhưng lần này tiếng cười dữ dội và ồ ạt như muốn ném vào trong này. Căn tái mặt vào thay quần áo. Một câu hát bỗng nổi lên giữa những tiếng cười:

Lạ chi mà phải đi dòm

Để người quân tử lặn tòm xuống sông.

Căn tức ngay người. Anh rủ rỉ kể chuyện. Ồ thì ra cái anh chàng ma quái ấy trèo lên cây khế, cho rõ, mới trèo lên tận ngọn, để thỏa lòng nhìn hoa. Chẳng ngờ cành khế giòn. Đang leo... leo... bỗng cành khế gãy, ném thẳng anh chàng xuống nước. “Người quân tử lặn tòm xuống sông” vội lội vào bờ, quàng chân lên cổ, chạy một mạch về.

Căn cay đến tím ruột. Mấy đêm sau, tuy các cô vẫn đi tắm như thường mà Căn không dám đi... xem nữa. Chúng tôi nói pha, anh chỉ mỉm cười. Từ buổi ấy, anh đi ngủ rất sớm. Có lẽ để tránh những tiếng cười, câu ví như ném muối vào mặt, mỗi khi các cô đi tắm về.

Và chừng như anh suy nghĩ lung lắm thì phải!

Băng đi một dạo, trời tối không có trăng, các cô không đi tắm đêm. Căn đã nguôi nguôi, lại vui vẻ như thường. Và ngược lại tâm tình lúc trước, Căn có phần nô giỡn hơn xưa. Quá nữa, anh chàng lại mong đến tuần trăng để lại đi... xem. Chúng tôi thường hỏi pha:

- Thế mà vẫn chưa chừa?

Anh chỉ mỉm cười vợ vắn, nói một câu mà anh thường nói:

- Cóc cần!

Đến tuần trăng. Các cô, đêm khuya, sau những buổi giã gạo hay dệt vải, lại ra bến Đá tắm. Một buổi tối Căn bỗng nhiên nói luôn mồm:

- Sướng quá! Thì... nghĩ ra rồi.

Câu nói không đầu không đuôi khiến cho Hiếu cũng phải làm lạ, hỏi chúng tôi. Tôi không biết hơn Hiếu, cả Bích, Hiên cũng vậy. Đêm ấy Căn không đi ngủ sớm với Hiếu như mọi tối. Chúng tôi hỏi:

- Thức để đi xem chắc?

Căn cười mũi:

- Mấy chẳng đi, đã bảo tôi cóc cần mà!

Bích hó háy:

- À ra thế kia đây.

Hiên lấy giọng hát nhại:

Lạ chi mà phải đi dòm

Để người quân tử lăn tòm xuống sông...

Căn phá lên cười:

- Để rồi các anh xem đứa nào lăn tòm xuống sông.

Tôi nói kháy:

- Thách đấy!

- Không phải thách. Tôi nay có đứa biết tay tôi!

Đợi xem tôi nay đứa nào biết tay anh Căn!

Đêm ấy trăng sáng quá. Vì sáng quá, chỗ nào cũng trắng ánh trăng, nên phong cảnh nhuốm một vẻ rờn rợn.

Bấy giờ vào khoảng nửa đêm. Vừa nghe tiếng ầm ĩ ngoài sông, Căn đã lủi lủi đi. Chúng tôi nhìn nhau cười. Nhưng rồi Căn về ngay, khoác đi một cái áo dài trắng. Không hiểu anh ra làm trò gì.

Thế rồi chỉ mười lăm phút sau, Căn lại lủi lủi về, lần này về với một bọc to tướng. Chúng tôi ra xem. Ô hay! Một đồng, những áo, những quần, những thắt lưng. Chúng tôi đã trông thấy cái thâm ý của anh rồi.

Thì ra anh chàng chơi khăm. Lúc các cô nàng mãi đùa nhau tíu tít dưới nước, không ngờ ở trên bờ có kẻ ma mãnh đã nhẹ tay đỡ mất tất cả các xống áo. Thật là không ai ngờ. Căn lại cẩn thận khoác áo trắng lẫn ánh trăng. Mà ngờ thế nào được!

Đây cũng giống như những chuyện chú tiều ăn cắp cánh tiên, nhưng đằng này chú tiều phu không được nhả sự và “sự thực” mất một tí. Căn lật đật dắt chúng tôi lại trèo lên một

cây nhãn to ngay trước cổng để xem “thế sự xoay vần ra sao”.

Đường đi từ trong xóm ra bến Đá là một con đường cụt, đến bến là hết, không rẽ đâu cả. Từ nhà Hiếu ra bến, hai bên đường có mấy nếp nhà nhỏ và vườn rau. Thế mới rầy rà. Nấp trong cây nhãn bùm tum, không ai ngó thấy mà chúng tôi có thể nhìn ra xa đến bến được. Tuy anh nào cũng phàn nàn về lối chơi ác, nhưng ai lại cũng ngầm bằng lòng vì sự “trả thù” đích đáng ấy.

Trăng sáng vàng vạc như ban ngày. Các cô vẫn đùa ì òm dưới nước. Lúc sau, một cô lên trước bồng kêu thất thanh, rồi nhảy tùm ngay xuống. Rồi bốn cái thân hình trắng nhễ trắng nhại lướt thướt chạy lên.

Như những nàng tiên trần truồng đi tìm cánh, các cô lẳng lẳng đi hết gốc cây này qua bụi cỏ khác. Sau chùng hiểu chắc là có đũa nào nghịch ác, các cô đứng lặng nhìn nhau.

Bây giờ trời trong xanh không gợn mây. Ánh trăng tha hồ tò mò. Các cô, khép nép nhưng khép nép cũng vô hiệu. Các anh hãy tưởng tượng giản dị như thế này. Trên một phiến đá lớn kê ngang trước mặt nước, trong trăng sáng, nước dưới ánh trăng cũng sáng, bốn thiếu nữ trắng như ngà, loay hoay cô nọ dựa cô kia. Các cô muốn tránh ánh trăng sáng quá, nhưng cái ánh trăng hóm hỉnh, chỗ nào cũng có. Chợt một cô chỉ tay về phía cổng, chỗ cây nhãn của chúng tôi, bốn cái mặt đều ngó về phía ấy. Bỗng mấy tiếng rú nổi lên, các cô ôm mặt, nhảy đại cả xuống sông.

Tôi tưởng các cô trông thấy chúng tôi. Nhưng Căn đã ôm bụng, mắt môi nhin cười và chỉ tay xuống dưới bờ giậu phía sau lưng: thì ra cái áo trắng dài đã được cắm vào một cái cọc giậu dưới bóng cây, ban đêm xa trông hệt như hình người đứng. Các cô cứ bì bõm dưới nước, không ai dám ngó mặt lên nữa. Chúng tôi nghĩ thương hại bảo Căn cắt cái áo bù nhìn đi. Căn cười:

- Mấy khi được dịp thế này. Mà giá bây giờ có cắt cái áo đi, dù thính các cô cũng chẳng dám lên để dẫn xác đi qua đây về nhà.

*

* *

Văn ngừng kể. Cả bọn cười rũ rượi.

Thịnh hấp tấp:

- Thế sao nữa, hờ anh?

Văn:

- Chúng tôi không biết ra sao nữa. Vì bây giờ đã khuya quá, khuya hơn thế này nhiều. Đến gần hai giờ sáng. Chúng tôi buồn ngủ đến díp cả mắt lại mà trông xuống sông vẫn thấy những cái bóng người lập lòe và lặng im.

- Tội nghiệp, dễ thương các cô ấy phải ở đến sáng?

Hải trợn mắt:

- Ô, đến sáng? Đến sáng thì chết. Sao nữa?

- Rồi chúng tôi về đi ngủ, cũng lấy cả cái áo dài trắng về. Đời nào các cô dám ở tô hô đến sáng. Nó lại ác một cái, trừ con đường độc đạo đi qua nhà Hiếu - mà cố nhiên các cô sợ người rình không dám đi qua - muốn vào trong xóm, không còn lối nào khác. Có lẽ rồi các cô lội qua dọc sông, xé rào một vườn rau nào đó, chui lên rồi lặn vào đầu xóm trên. Vì thấy chó trong xóm cứ cắn đồ xô về một phía. Hôm sau, mụ chủ vườn nheo nhéo chửi mãi đứa kẻ trộm chui qua vườn giẫm nát mấy luống rau.

Trúc đoán:

- Có lẽ các cô bò?

Văn reo lên:

- Chính thị. Vì sợ sáng trắng mà đi cao lênh khênh quá!

Chúng tôi ra xem: mấy luống cà, luống cải đỏ có cả vết chân lẫn vết tay. Từ đây các cô kệt không đi tắm đêm, mà cũng chừa không dám ví von với chúng tôi nữa. Có lẽ các cô đoán ngờ ngợ. Hễ gặp đâu, mặt các cô đỏ như cà chua chín rồi lặn mất.

Một người đi xa về

Buổi trưa hôm ấy, có một chiếc xe sắt, chở một người khách lạ, vào đầu làng Nghĩa Đô.

Con đường nhỏ, mỏng manh, bò ngẩn ngơ giữa cánh đồng lúa, như một làn khói vương. Thanh vắng quá. Nói là một đám mây bao la. Cánh đồng bát ngát im, đợi. Bây giờ đương mùa thu. Trong mùa thu thường có những ngày rất êm ả, trời đất dăng dăng mơ hồ, khó lòng mà đoán được giờ giấc.

Chiếc xe ngật ngưỡng trên dải đường gồ ghề. Cái chốt bánh nỉ non lên từng hồi cọt két. Đôi vòng sắt nghiêng xuống những mô, hõm đất, vỡ ra những tiếng nức nở nhỏ. Người phu xe khom lưng xuống, hai khuỷu tay nhô lên như hai cánh chim, mặt đất trắng lì, những bàn chân và xuống bạch bạch.

Người khách ngồi ngất ngheo, lắc lư theo từng vòng bánh. Khách lạ thực. Hình như không phải là người làng. Nom không quen mặt. Mà cách ăn mặc lại ngộ nghĩnh, khác kiểu. Đó chừng là một người ở xa tới. Một người ở trong những cái thành thị ánh sáng nào đó, về đây.

Người ấy, đầu đội một chiếc mũ cát-két bằng vải mông-ta-nhắc, sọc đen sọc trắng lẫn lộn. Cái lưỡi trai lại lật ngược ra đằng sau gáy, tỏ vẻ một tay ăn chơi. Chiếc áo bành tô vàng sọc, có một chuỗi khuy đồng trước ngực. Ở cửa tay, ở hai bên cổ, ở những miêng túi, cả hai bên ngực, cũng rải rác những chiếc khuy nhỏ. Làm gì mà lưng cũng những khuy. Và đến túi cũng lấm. Túi nhỏ, túi lớn. Túi ở hai bên bẹn, túi ở hai bên ngực, túi ở hai bên trong lườn. Giá mà để đựng tiền thì đựng biết bao nhiêu tiền cho đầy! Chàng vận một cái quần lĩnh đen bóng nhoáng. Nền lĩnh lấm tấm hoa dâu óng ánh. Chân mang đôi giày Tàu bằng nhung. Đôi giày Tàu nhung thực là đẹp. Nếu có ở hai bên mũi giày hai cái ngù hoa đỏ, thì đúng hết đôi giày của một ông tướng võ, một ông Triệu Tử Long chẳng hạn, trong những phường hát đám tháng Giêng.

Đây, người khách ăn mặc kỳ lạ như vậy. Điềm vào bộ quần áo khác người, một khuôn mặt đen nhánh và rần rỏi. Ở Nghĩa Đô, không có ai giống thế. Vả lại, trước mặt chàng ta, trên sàn xe, lù lù hai cái bồ cao ngất ngưỡng. Hai cái bồ mới, thùng chằng xung quanh kỷ lưỡng. Đúng là người ở đâu đến. Một người ở xa đến làng. Một người đi làm ăn xa trở về làng. Có thể.

Chiếc xe đỗ. Con đường dẫn đến một cái cổng gạch. Chiếc xe ngừng ở đây. Nhưng đường còn tiếp theo, đi dọc mấy ruộng rau muống ven sông Lịch và tựa vào một thành tre dài dằng dặc, rồi lẩn nghiêng sang cánh đồng khác.

Bên trong cái cổng là một túp lều lá. Quán hàng nước đầu làng. Người ta, những ông già, những người rồi việc, thường ra ngồi uống nước chè tươi và lấy đó làm nơi tụ tập để nói những câu chuyện hay, chuyện dở của mọi nhà. Những câu chuyện hàng nước vớ vẩn.

Người phu vừa hạ hai cái còng xe xuống, đã có mấy đứa trẻ không biết ở đâu, chạy đến. Lũ trẻ con lắt nhắt rất tài. Ở đâu cũng có chúng. Việc gì cũng có chúng. Chúng xán ngay lại và vây lấy chiếc xe. Những đôi con mắt mở to nhìn trùng trùng. Người kia không để ý gì đến bọn trẻ. Chàng bước gần lại phía hàng nước, trong khi người phu khuân hai chiếc bò xuống đất, rồi đứng định dắt xe ra. Ở hàng nước, chỉ có vài người đàn bà. Chàng nọ bật chiếc mũ kết ra cầm ở tay.

- Thừa các bà ngồi chơi...

Người ta nhao nhao:

- Chúng tôi không dám.

- Các bà không nhớ tôi ư? Tôi là Tại đây mà. Tại, con bà ba Miến mà.

Có người trở mắt nhìn. Bỗng có một người sừng sốt, kêu tru lên:

- Ôi giời ôi, anh Tại đây ư? Thảo nào, tôi nom cứ ngờ ngợ. Anh có nhớ tôi không? Tôi là dì anh đây. Hai Trụy! Hai Trụy!...

- A...

Anh Tại chỉ mới “a” được một tiếng, thì bác gái hai Trụy đã cướp mất lời. Bác nói láu táu, láu táu. Bác nói như sợ ai nói tranh hết. Bác nói tất cả những điều thân mến với anh Tại, cũng cốt là nói để cho những người đàn bà đứng quanh đấy dòng tai ra mà nghe nhân thế...

- Anh về nhà chứ?

- Vâng, cháu có hai cái bò kia...

- Để trẻ nó khiêng cho. Chúng mày khiêng cho tao hai cái bò vào nhà bác ba Miến. Có quà đấy.

Lũ trẻ xúm vào, *dô ta*, khiêng đi nhaoay nhaoáy. Nghe tiếng “quà” là hai lỗ mũi trẻ con nở ra rồi.

Bác hai Trụ tong tả đi vào trong xóm. Những người đàn bà ở hàng nước nói chuyện với nhau đằng sau:

- Con mẹ nặc nô chỉ hay làm công làm cán. Bà lão Miến bà ấy vẫn khinh như con chó. Vò chú ruột thịt đêch gì!

- Trông thằng Tại bây giờ khác nhỉ?

- Chuyện! Nó đi Sài Gòn đã tám chín năm rồi đấy. Tôi còn nhớ năm đôi ấy nước to lắm.

Chóng nhỉ.

*

* *

Chóng thực. Chóc là tám năm trời. Làng nước bây giờ cũng đổi thay nhiều. Con đường ngõ xóm đã được lát bằng mấy dòng gạch phẳng phiu. Hai bên lối, không còn là những rặng cúc tần, rặng ô rô, những bụi xương rồng. Mà là những bờ tre gọn gàng, những nếp tường hậu vững chãi. Những người trai trẻ đứng lấp ló trong các ngõ nhìn ra đường, nom như những đứa bé ngày xưa, vừa mới lớn lên. Cả những tiếng chó sủa gâu gâu ở bên bờ ao, nghe cũng là lạ. Một mùi đất mốc dâng lên, ngửi quen thuộc như mùi lá vối. Đổi thay. Đổi thay. Thương ôi! Dưới gót năm tháng, cái gì không xô lệch đi. Hai bên má anh Tại đã mờ mờ hai vết lõm. Khi anh nhếch mép cười, để lộ ra hai chiếc răng vàng chóc.

*

* *

Ngày trước, đáng lẽ cũng như những người con trai khác trong làng, công việc cả đời của anh Tại là tập học cho thạo nghề nhà, nghề dệt lĩnh. Chẳng may - hay là may - Tại lại không giống như họ. Cũng vì một câu chuyện nhỏ mọn. Câu chuyện nhỏ mọn lắm. Khi người ta lớn hơn lên, nghĩ đến câu chuyện cũ kia, có thể người ta bật buồn cười một mình. Hoặc khi người ta đã đề râu rồi, nghĩ lại, có lẽ phải tự xỉ vả ghê lắm. Cái gì thế? Ôi, nó là câu chuyện

tình của những người trẻ tuổi. Anh Tại, ngày ấy cũng có một câu chuyện tình. Câu chuyện đã làm xiêu vẹo cuộc đời anh đi.

Ngày ấy, anh yêu một người con gái làng. Cô Pha. Hai người yêu nhau lẫn lóc, mê tơi. Cả làng đồn ầm lên rằng thể nào đôi ấy cũng lấy nhau. Và chính cả đôi ấy cũng tin chắc như thế. Yêu nhau rồi lấy nhau. Những ngày tháng sắp đến, bấm đốt ngón tay mà tính trước được.

Mùa đông năm ấy, đảng nhà anh Tại mượn người đến nhà cô Pha đánh tiếng. Nhà cô Pha bằng lòng. Hai nhà cũng gần gựi đặng đối như nhau. Trong làng, không đến nỗi lép vế gì. Thầy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: “Phải cái nhà nó khí thanh bạch”. Thì mẹ cô Pha kêu lên rằng: “Ôi chao, thầy nó chỉ nghĩ lẫn thân sự đời, nghèo thì càng dễ ở với nhau. Tôi chỉ thích những nơi cũng tiêm tiêm như mình”. Ông chồng không nói gì thêm. Tức là ông chồng đã ưng. Công việc của đôi trẻ xong được phần thứ nhất, cái phần giáo đầu. Bên nhà Tại, một hôm tốt ngày, đã xin cho đi lá trầu quả cau chạm ngõ.

Anh Tại mừng rơn, không phải thấp thỏm gì nữa. Tiền đồ đã trả sẵn, chẳng còn lo ai ngồi tranh mất chỗ. Anh ta, mẹ anh ta, anh anh ta đương cùng cố để dành dụm lấy ít tiền. Ngày cưới định vào mùa rét năm sau. Những đứa cháu con nhà anh anh Tại hong hóng đợi ăn cỗ chú.

Nhưng mà hỏng. Nếu lũ trẻ đợi, ắt chúng nó mồm mép ra. Bởi rằng nhà cô Pha, thầy mẹ cô đã không ăn ở đúng được như lời nói. Tháng Giêng năm sau, có một đám khác cũng đến đánh tiếng muốn hỏi Pha. Người này là con một nhà khá giả bên Phú Gia. Người ta có ruộng, có đất bên làng này. Thầy cô Pha không biết nghĩ thế nào cho phải. Song lại chính mẹ cô Pha đã bằng lòng. Mẹ cô lật lười ra mà nói rằng: “Ừ, mà phải. Cha mẹ mong cho con cái được sung sướng, chứ có mong đâu cho con cái phải khổ sở. Lấy cái thằng Tại thì bao giờ mới mở mắt được bằng ai”. Thầy cô Pha vốn hiền lành và nhu nhược. Ông ta tặc lười. Ừ, công việc lại xong một lần nữa. Nhưng công việc xong với anh cả Nhiệm bên làng Phú Gia, không phải với anh cu Tại. Lá trầu quả cau chạm ngõ của nhà Tại người ta coi như không có. Chỉ thấy mẹ cô Pha ra đèn lễ. Không ai biết được bà ấy khẩn khứa thế nào.

Không ai nói gì với Pha. Cha mẹ xếp đặt nơi ăn chốn ở cho con gái. Song đến khi Pha biết thì Pha cũng ừ. Thế mới chết người. Chẳng hiểu cô nghĩ ngợi ra thế nào. Ai mà biết được những ý nghĩ tráo trở của người con gái mắt trắng kia. Có lẽ cô ta cũng chẳng nghĩ ngợi gì đâu. Nghĩ quái gì cho phiền phức. Muốn nơi no ấm, chẳng ai muốn nơi bần hàn. Cô

ta nghĩ phần lợi cho mình. Tháng Giêng năm ấy, cô Pha lấy anh cả Nhiệm. Đám cưới làng họ đi sang làng kia rất linh đình. Cưới xong, hai vợ chồng đem nhau về bên Nghĩa Đô làm nhà ở bên này, cho được gần gũi cha mẹ. Thật là khéo, con gái đi lấy chồng mà bố mẹ không mất con. Anh Tại không khóc. Anh lại cười. Anh cười nhạt, gằn lại. Trước ngày cưới Pha, mấy lần anh hẹn Pha đi nói chuyện mà Pha không đi. Pha nhất định không dính líu rắc rối gì với Tại nữa. Những người con gái, hay quên quá. Đầu tiên, Tại lấy sự bị quên đó là một điều rất tủi cực và đáng để tâm thù lắm. *Thù này ắt hằn thù lâu, Trông tre nên gậy gập đầu đánh què.*

Anh không định đánh què. Mà anh định cắt lưỡi nó đi. Phải, cầm một con dao bầu thực nhọn và thực sắc, đưa ngay vào cuống họng nó. Anh nghĩ thế ra lóí hăng lắm. Nhưng tới khi anh tưởng tượng rằng rồi nó ngã gục xuống, máu ở vết dao đâm tuôn xối ra ướt hết áo quần và bắn lên cả mặt anh. Một cái gông bằng gỗ to lắm tự dưng lù lù kẹp vào cổ anh... Anh thoáng rùng mình, lạnh gáy. Thế là những cái mâu tư lự ghê gớm đó tan mất.

Để nghĩ tiếp, anh Tại lại nghĩ được thêm rằng: Nên con cơ này chỉ vì anh ta thiếu mất một thứ, nên mới bị phụ tình. Anh thiếu những đồng bạc tròn tròn, trắng trắng. Gõ xuống gạch bạc kêu reng reng. Anh ta đã hiểu. Từ đó, anh lại không hục hặc gì nữa. Giữa năm đó, Tại bỏ nhà đi vào Nam kỳ. Ai can cũng chẳng nổi. Ừ mà năm ấy nước to, đói kém.

*

* *

Cho đến bây giờ.

Anh Tại về làng. Cái gì cũng thay đổi cả. Từ kẻ bỏ làng, bước chân ra đi, cho tới người ở lại nhà. Anh Tại bây giờ đã là một tay buôn bán. Anh buôn bán gì ở đâu thì chẳng ai biết, chỉ rõ ràng anh mang về nhà có được bạc trăm. Còn cô Pha? Cô Pha bây giờ nghèo khổ lắm. Vài năm hàng họ ế ẩm, vốn liếng bây giờ bay lên mây hết. Nhà đã nghèo, lại thêm một đàn con riu rít như đàn gà. Ừ, ai mà biết trước được sẽ ra sao!

Anh Tại sai các cháu đi chia quà bánh cho khắp xóm. Những quả măng cụt đen sì. Những quả dưa đỏ - thứ này trái mùa, ở vùng đây bây giờ không có. Rồi, cuối tháng, anh Tại làm một bữa rượu, mời bà con anh em đến chén. Khắp làng đồn inh lên rằng anh Tại bây giờ giàu sang lắm.

Cũng buổi chiều hôm ấy, vợ chồng anh cả Nhiệm choảng nhau một trận kịch liệt. Trước

cũng vùng vắng xoàng, sau hình như chị ta có than một câu rằng: *Ngày xưa, giá như thế này... thế nọ... tao đã chẳng khổ như bây giờ...* Anh cả Nhiệm hiểu ngay lập tức. Anh cả Nhiệm giận tím mặt lại. Anh vác rỗi công phang vào lưng vợ. Rồi anh cầm cả một cái rổ bát, quăng ra giữa sân...

Mùa ăn chơi

Đã có mưa bụi. Về buổi sáng, từng cơn mưa nhỏ rải bụi nước bay vân vân, phủ mờ mịt trong cánh đồng. Cỏ xanh rười rượi. Cây lên ngút ngàn. Mùa xuân mới đã sang rồi.

Bấy giờ đã ngoài rằm tháng Giêng. Những đám bà già lũ lượt đi hội chùa đã vắng. Bắt đầu vào các hội đình. Một buổi sớm đầu tháng Hai, một toán khách lạ đi vào trong làng. Có đến bảy tám người. Ai cũng chít khăn lượt, bận áo the dài. Trong nền áo, lòi xòe tím thất lung lụa đỏ, hoặc thất lung nái vàng khè. Mấy ông đứng tuổi đi trước. Cánh tay khoác lồng thong cái ô. Những bác con trai, bác nào cũng đeo trên lưng một khăn gói nhỏ. Khách có dáng ở nơi xa tới. Đi đến cửa đình thì mọi người đứng lại. Một ông trong bọn đón một người đàn bà đi chợ qua, hỏi thăm:

- Bác cho tôi hỏi thăm nhà ông lang Thái.

- Nhà ông lang Thái ạ? Các ông cứ đi hết đường gạch này, đến chỗ bờ ao có bụi cúc tần, thì trông thấy cái cổng tán cạnh ba cây xoan. Nhà ông lang Thái đấy.

Bọn khách đã đi khỏi, người đàn bà đứng ngó theo. Những ai lạ đi vào xóm, bao giờ người làng cũng hay nhìn, ngấm tò mò như thế. Và không biết ở ngõ nào đã có mấy đứa trẻ con cống em ngật ngưỡng lóc cóc chạy ra. Chúng hỏi:

- Người ta vào nhà ai thế, hả bác Niệm?

- Nhà ông lang Thái.

Chúng reo vu vơ:

- Anh em ơi! Vào nhà ông lang Thái.

Có những đứa trẻ khác đã lẻo đẻo theo sau bọn khách, hợp thành một cái đuôi lôi thôi rách rưới. Cũng có đứa nhanh nhẩu đã lon ton chạy đến cổng nhà ông lang Thái để gọi họ.

Trong những hàng rào dâm bụt sau nhà, người ta đứng ngó đám khách lạ. Chó các nhà thi nhau sủa loạn làng. Một người, vẻ thông thạo, đoán:

- À, người đến đấu võ hội tháng Hai làng ta đấy mà.

Năm ấy, làng vào đám tháng Hai. Đám cũng đám lệ, không có hội hè gì. Làng mổ một con lợn, một con bò, cắt phần việc cho bốn giáp. Cửa đình mở từ sáng sớm hôm mừng mười. Bên sông Lịch, một lá cờ được kéo lên đầu cột. Trong đám lá xanh đậm, màu cờ nhuộm một sắc đỏ chói lọi. Giữa sân bày một chiếc long đình.

Đôi bên cắm hai hàng cờ đuôi nheo. Pháp phối, hỗn độn những màu xanh đỏ tím vàng vẩy nhau trong gió. Gần đấy, đặt nghiêng một chiếc trống cái. Trẻ con giăng căng, thả sức nện trống suốt ngày. Bên góc sân, phía gốc đa, đã dựng lên một rạp chèo. Bốn cái cọc tre, đỡ một nền sàn bằng ván gỗ vuông vắn, trên phủ một lá cót, che mưa nắng. Đêm đêm, có hát chèo. Ngày mười một, các cụ trong làng phúng sắc vào một cái long đình, gõ chuông công công, rước loanh quanh thôn này qua thôn khác. Đám rước lệ, lèo tèo có vài bô lão đi guốc, áo thụng bạc phếch, và một lũ rất nhiều trẻ con. Trẻ con trong làng đổ theo cái long đình, sau mấy bô lão, bám như cái đuôi. Ba hôm việc làng, rước xách, trong các xóm, khung cửi nào cũng nghỉ dệt. Người ta nghỉ ngơi, ăn uống và tối lũ lượt ra cửa đình xem hát chèo.

Nhưng đám tháng Hai năm nay hơi khác mọi năm. Rước xách vẫn nhật nhèo vậy. Đêm đến, cũng phường hát chèo. Năm nào, phường Bắc cũng nhớ ngày tới xin đám. Song đám năm nay khác, đám lớn hơn thường khi. Chèo hát ồn ã liên những tám đêm. Ban ngày, ngoài cuộc thường niên kia, lại có nhiều cuộc vui khác. Đánh cờ bãi, chọi gà bên bãi Com Thi. Diễn võ trên rạp chèo. Leo cầu noi, lại có trò vui bắt chước hội Tây: bắt vịt dưới ao làng. Đám hội năm nay, ngoài sự lấy lệ, còn có tính cách một hội khánh thành cầu mới. Chiếc cầu quét vôi trắng xóa một nhịp ngang con sông nhỏ đã cạn dòng gần hết nước. Bởi thế, người ta gọi là hội cầu. Hội cầu làng Nghĩa Đô.

Suốt buổi có đánh cờ bãi. Với đàn trẻ, trò này nhật quá. Đâu chỉ có mươi ông râu dài đứng ngẩn ngơ bên những rào nửa cắm lỗ. Đánh gà chọi còn thú hơn. Hai con gà, da ức đỏ gay, nhảy lên đá nhau bịch bịch. Nhưng khoái nhất là xem đấu võ.

Ai cũng thích võ. Người lớn ham xem. Ông già lại càng ham nữa. Thời xưa, kẻ nào xoàng hạng bét cũng có thể vỗ đùi một cái, nhảy qua được một bờ rào xương rồng. Cái ngày dựng võ của thuở những ông cụ tám mươi ấy, còn in dấu vết nhiều trong đầu mọi người. “Ngày xưa, làng ta có cụ tám Lừ hét một tiếng vượt rút nóc nhà... Trước, bác cả Chứng làng ta,

chân tay không mà đánh ngã được mười tên cướp... Cái độ loạn Cờ Đen bà Kháng lừa mẹo chặt cụt tay một thằng giặc Khách..." Câu chuyện ngày xưa, cái hồi giặc Cờ Đen sang ta... được kể trong những đêm mọi nhà tụ họp dưới ánh đèn. Chao ôi, ngày xưa ấy, người ta giỏi võ quá. Ai cũng ưa xem võ. Từ hôm đoàn các lò võ lục tục đến thì cả làng rộn rịch, nháo lên. Các nhà võ thì ăn chực nằm chờ, đợi ngày đấu. Người ta ngong ngóng đi xem.

- Hôm nào nhỉ?

- Mai.

- Nhớ rủ tớ nhé.

Đến đàn bà, con gái cũng náo nức:

- Mai chị rủ em đi xem đấu võ nhé!

*

* *

Hôm đó, từ buổi sớm, sân đình đã đông ngộn, ghê người lên. Người đứng chen nhau, đen ngòm. Không một chỗ hở đủ cho đưa được một bước chân. Nghẹt quá, không thở được, trẻ con khóc inh ỏi như một đàn lợn bị chọc tiết. Rồi chúng trèo tường đình, chúng leo lên gốc đa. Bám thèo đánh như con nhái bén. Một chân bông bênh, một chân bấu rễ đa, đầu ghéch dòm vào trong rạp chèo. Cứ kiêu lạ ấy mà chịu khó đứng được mãi.

Trên sân khấu cao, chưa thấy bóng một nhà võ nào. Nhưng các đồ võ đã bày la liệt. Một cái giá bằng tre, cắm ổi thứ đánh nhau, mà người ta bảo là những mười tám thứ khí giới. Một thanh siêu dài, lưỡi xám xít, đầu khoằm cong, cao cùng hàng với chiếc côn, cái thương và thanh kích mũi sắt. Hàng dưới, đều một dãy, hai con cá gỗ đuôi nhọn, gọi là song hỷ, hai quả chùy to thô lỗ như hai quả dừa. Một lá chắn đan bằng mây để đánh lẫn khiên. Lại thanh mã tấu lưỡi vạt sắc lém. Hai thiết lĩnh có xúc xích loăng quăng. Tất cả, bày dàn một hàng dài cho mọi người ngắm nghía.

Bên cạnh giá khí giới, kê một chiếc trống cái lớn. Một bác trai tuấn, áo the dài, khăn lượt chít, một tay chống nạnh mạng sườn, cúi lom khom, nghiêng tràn dột từng hồi ngũ liên.

Tùng tùng tùng... Tùng tùng...

Ba tiếng một, hai tiếng một. Những hồi trống ngũ liên rền rĩ vang lên như nước cuộn cuộn chảy, như khói lửa nhuốm lên, nghe như xô đẩy, thúc giục kêu gọi ráo riết. Đây là những tiếng trống thảm thiết của những ngày nước lớn, những khi có lửa cháy trong xóm. Với những người khổ đơn, nghe mấy tiếng trống đòi nợ này, ai cũng giật mình, nghĩ đến tháng Năm của mùa hè sưu thuế. Nhờ trời, đây chỉ là những tiếng trống oai hùng thúc giục người ta đấu võ cho khỏe, và làm nao nức những người đứng xem.

Tiếng trống liên miên càng thúc người xô đến nhiều nữa. Đứng trên rạp chèo trông ra, đầu người lô xô, man mác. Người ta ganh nhau, cổ nhô được mũi lên để thở. Đông quá, ai cũng nhăn nhó. Bọn con gái trong làng đứng họp một tốp lớn trên thềm đình cũng càng ngày càng nghển cao cổ lên, mới trông được thấy rạp. Lần lần, người ta len đến càng nhiều. Những anh con trai lúc này hay lượn qua lượn lại chỗ ấy, bây giờ cũng chịu đứng im, hết lượn. Không còn chỗ mà lách được nửa bàn chân! Nhưng ai cũng chịu khó ngong ngóng đợi. Sắp đấu võ đến nơi rồi. Trẻ con hét lên như thế. Rồi một tiếng đồn lan rộng trong đám đông, bao nhiêu người thét rầm rĩ:

- Đã ra kia. Đã ra đây, anh em ơi!

*

* *

Các đoàn võ sĩ đi ra. Một bọn mấy người áo the khăn lượt đi guốc mộc là những người ở lò võ vùng Bạc. Các ông đi giữa, nhai trầu bồm bồm, mặt đỏ gay và trông mắt cũng đỏ lịm. Đây, đoàn võ bên Phú Gia. Đi sau cũng là các tay võ làng Nghĩa Đô và những nhà võ bên Bắc.

Tất cả mọi người lên đứng dàn phía sau rạp trò. Bên trên trò ràn rạn mấy thứ giải cuộc đấu. Hai cái gương tranh vẽ con diều hâu mỏ khoằm, đậu trên một hốc cây cụt, giương đôi cánh lớn. Hình *Anh hùng độc lập*. Pháp phối mấy vuông nhiều điều thắm tươi. Lại có treo lủng lẳng hai bánh pháo.

Bây giờ bác trai tuần đã dừng tay thúc trống. Người ta đốt một bánh pháo để khai cuộc diễn võ. Tiếng pháo nổ tì toạch. Khói pháo bay mịt mù, phủ vào trong đám đông. Đến lúc khói pháo tan lên ngàn cây sân đình, rạp trò đã mở ra cảnh múa võ.

Ông Thái là một tay võ làng này. Ông ăn mặc thực ra kiểu nhà võ. Đầu ông bịt vòng khăn, bỏ lủng một múi bên tai. Áo đen khuy tết may rộng thùng thình hai cánh tay, như áo

chú Khách bán thuốc ê. Quần cũng màu đen. Hai đầu ống bó lại, nhét trong bít tất đen, quần vòng ngoài một chiếc nịt cao su đỏ. Chân ông cũng dận một đôi giày đen. Khắp người ông toàn một màu đen tối xỉn lại. Chỉ trừ một dải lưng lụa bạch, thắt bỏ dài thông hai múi xuống. Dải lưng trắng xóa, nổi bật trên nền đen tuyền. Ông Thái cầm dùi trống, gõ chậm chậm từng tiếng. Ông đứng cầm trịch. Trước hết, người ta biểu diễn qua tất cả các môn võ các lò với những khí cụ cắm trên giá. Lần lượt, các võ sĩ trèo lên sân đấu. Mỗi người đi một bài. Một ông chụp hai tay lên miệng làm loa, quay xuống đám đông, hô thực to:

- Võ sĩ Nành ở Phú Gia đi bài “Quý châu”!

Võ sĩ Nành trèo lên sân khấu. Võ sĩ Nành cởi trần, mặc quần nâu lửng. Đứng giữa rạp, võ sĩ thóp bụng lại, khoảng hai chân, xuống tấn trung bình đánh huych một cái. Hai tay cong lên, lấy gân. Rồi mắt, rồi mũi, rồi má, trợn trừng trợn trạo, võ sĩ loay hoay đâm đá, gạt đỡ linh tinh ra bốn phía. Tiếng trống thúc đều đều... Một lúc, võ sĩ Nành khom lưng, xuống chào mã vòng khuỷu một tay, một tay xòe trước mặt, vêu cái cầm, tròn mắt nhìn ra mọi người. A, bái tổ, hết bài. Trẻ con vừa cười vừa kêu. Ngoài kia tiếng vỗ tay rầm lên như sấm động.

Cái ông làm loa ban nãy, lại hô:

- Võ sĩ Định ở bên Bắc đi bài “Hầu quyền”!

Võ sĩ Định lên đài, múa nhoay nhoáy một bài hầu quyền, chân tay thoăn thoắt như con khỉ trèo cây. Rồi khum người, bái tổ, lùi xuống. Ông “loa” lại quát:

- Võ sĩ Đại ở Phú Gia đánh bài “côn”!

Tiếp đến đánh côn, đánh song xỉ, lẫn khiên, múa chùy. Đủ cả. Mỗi võ sĩ lên múa một thứ, ông “loa” lại nói cho mọi người được rõ. Tiếng vỗ tay rền lên. Người xem thích quá, mê tít, không biết mỏi chân, mỏi mắt. Mãi đến quá trưa, mới vào những cuộc đấu. Trước hết, ông “loa” mời người đứng xem ở dưới, ai có giỏi thì lên đấu quyền. Không ai giỏi, nên chẳng mảnh nào dám lên. Rồi ông “loa” lại mời những người đứng dưới, ai có giỏi thì lên đấu kiếm, hoặc đấu một thứ khí giới nào cũng được. Không ai nhúc nhích. Lũ trẻ con bám ngoài cọc rạp thì há miệng, tưởng tượng. Tưởng tượng giá ta biết võ mà được lên đài bây giờ, ắt đấu nhau phải khiếp lắm. Kẽ ra, mời mọc như thế, cũng chỉ là mời lấy lệ. Bởi ai người ta cũng chỉ cốt đi xem. Ai có võ, đã đứng ra đằng sau rạp rồi.

Thường lệ, không mấy ai đấu quyền với các lò lạ. Đấu quyền nguy hiểm. Nếu cố ý, có thể

thời những quả ngằm chết được người. Bởi vậy, sau mấy cặp đấu quyền biểu diễn, người ta vào cuộc đấu kiếm.

Một nhà võ nhảy lên đài. Đầu húi ngắn, mặc áo nịt ngắn và quần cộc đen, tay xách chiếc kiếm gỗ, trèo lên sân khấu. Tiếng trống khua đều đều... Mỗi nhà đi một bài kiếm, trước khi đấu. Đường kiếm bắn ra xung quanh vun vút. Khi lên khi xuống, ngọn kiếm lia vù vù, thấp thoáng ẩn hiện.

- Võ sĩ Vị đấu với võ sĩ Tộ.

Bây giờ hai người đứng đối mặt nhau. Hai thanh kiếm so lại, dứ, rồi bắt đầu đánh. Tiếng song tiếng lụi đập chan chát. Chàng này xô thì chàng kia lụi. Một người đâm, một người đỡ. Những cái gạt xoèn xoẹt biến chuyển cùng với hai cánh tay rắn chắc, thịt nổi lên như những thớ đá.

Tiếng trống thúc đồ rền rền..., cuộc đấu càng ngày càng hăng và dữ dội. Người xem hội họp theo từng nhát kiếm vút.

Bỗng soạt một tiếng mạnh. Một thanh kiếm văng lên, rơi ra ngoài rìa ván gỗ. Võ sĩ Tộ, mặt tái mét, run run giơ cánh tay phải. Một dòng máu đỏ tươi, từ trong khe ngón nhuộm xuống lòng bàn tay. Kiếm của Tộ đã ăn một đòn mạnh quá của Vị, văng đi mất. Tộ bị toạc hở khâu, chảy máu. Tiếng vỗ tay dội lên. Nghe như thác nguồn đổ xối vào hốc đá. Võ sĩ Vị thắng cuộc.

Và cuộc đấu kiếm, cứ đôi một, kéo dài mãi. Mọi người xem mê mải. Cho tới quá trưa, đám võ mới thôi. Nhưng hôm nay mới là cuộc đấu loại. Ngày mai vẫn còn đấu loại. Ngày kia mới đấu thực ăn giải. Ai cũng đoán:

- Năm nay giải kiếm về bên Bắc mất.

*

* *

Ba hôm sau, hết hội làng. Mọi khung cửi lại sắp bắt đầu dệt. Những cây hoa giấy xanh đỏ trồng trong các ngõ xóm đã rách tước và rụng lá tả. Trẻ con buồn, tiếc ngẩn ngơ. Ngày vui thực là chóng tan.

Các đoàn võ sĩ cũng giải tán, đầu về đấy. Những khăn gói lại đeo lên vai. Đoàn bên Bắc

vẫn tám người đầy đủ. Mấy ông áo the chùng, khăn lượt chít, cánh tay khoác ô đi trước. Vài bác con trai đi sau, tay nải nằm trên lưng. Có bác vác một cái gì như một chiếc mâm gỗ vuông, ngoài phủ vuông lụa đỏ. Nom tựa mâm đồ đi đám cưới. Không, không phải. Đó là cái giải kiếm, chiếc gương lớn vẽ hình *Anh hùng độc lập* . Kết quả của sự tài giỏi và những ngày ăn chực nằm chờ khó nhọc. Về đến nhà, lại tốn kém, chết vô khối gà vịt để ăn mừng. Nhưng giờ không ai bận nghĩ đến chuyện tốn kém. Ba tháng xuân hội hè, người ta ăn chơi.

Đoàn võ sĩ vác giải về tận bên Bắc. Thôi đường cánh đồng xa thẳm, đi hàng nửa ngày. Nhưng mọi người bước những bước vui. Bấy giờ trời đất vẫn còn cái u ám mát rượi của mùa xuân dịu dàng. Gió bay phấp phật những dải thắt lưng lụa nhuộm điều, những dải thắt lưng nái vàng khè. Mưa sa phơi phới.

Giữa thành phố

Trên tàu hỏa bước xuống ga đầu cầu, Lắm đã trông thấy chú Tư nghênh cổ trong đám người lố nhố trước mặt. Lắm vừa reo, vừa nhảy, vừa kêu lên:

- A chú Tư! Ôi, ôi kìa chú Tư!

Hắn xô cả mọi người, chạy lại với chú Tư. Hắn nói vội ngay một câu đầu tiên:

- Hết cái cầu sắt thì đến ngay ga, chú nhảy? Đúng quá.

Làm như cái sự đúng ấy là một việc gì kỳ dị.

Hai chú cháu, kẻ trước người sau, vòng theo cái cầu bậc đá, đi xuống vệ đường. Vừa đi bác Tư vừa nói:

- Dem làm gì khoai với củ ra thế này. Ở nhà đã chả có.

Lắm cúi nhìn sâu khoai đeo lưng lẳng dưới cái tay nải. Lắm nhìn chú. Và Lắm ngo ngác nhìn xung quanh. Hắn nhếch mép để hểnh hai hàm răng mái hiên màu cải mả nhờ nhờ. Không hiểu Lắm cười hay là Lắm mếu!

*

* *

Hôm xưa, về quê ăn giỗ ông nội, bác Tư dặn cháu Lắm đến mười tư thì sang Hà Nội chơi. Bác đưa sẵn cả cho Lắm một suất tiền tàu và thêm mấy xu cho uống nước.

Bác hơi huénh một tí. Bởi bác nghĩ tội nghiệp thằng cháu ngốc nghếch ngót hai mươi tuổi đầu mà chưa được trông thấy cái đèn điện sáng nó ra thế nào. Hôm về làng, ngoài mấy phong bánh khảo nhân đậu, bác Tư còn bọc được vào đáy bị mạt cưa một cân nước đá. Để làm cái quà lạ mắt. Và cả nhà đều lấy làm lạ mắt thật. Cân đá chảy ngót gần hết, nhưng cũng còn đủ để bác Tư chặt mảnh đá nhỏ, đem đặt vào lòng bàn tay Lắm. Thấy lạnh, Lắm cười khì khì. Đến lúc buột, Lắm giãy nảy, kêu rầm lên. Lắm bảo với chú: “Cái thứ đá Tây quái nhẩy? Nó buột tê thìn thít. Ai có tội, đem bỏ vào mồm thì đến rụng ráo cả răng!”.

Sáng nay, Lắm trở dậy tự lúc gà mới gáy tam canh. Mẹ Lắm, thầy Lắm và cả cái Hoe, em

gái Lắm cũng dậy sớm như thế. Cả nhà rộn rịch sửa soạn cho Lắm sang tỉnh. Thầy Lắm soi đèn vào buồng, chọn từng củ khoai nghệ mầm, đem xâu cái lạt tre. Mẹ Lắm và cái Hoe xuống bếp thổi cơm. Cơm chín, Hoa lấy vuông khăn vải, bóp nhào nhuyễn lại thành một nắm lớn rồi bọc kẹp vào hai mảnh mo cau non để Lắm mang đi làm lương ăn đường. Mẹ Lắm cứ nhắc đi nhắc lại: “Lên tàu thì ngồi vào giữa ghế, không được trông nghênh, trông ngáo, không được thò cổ ra ngoài. Nhớ để cái tay nải kẹp vào hai đầu gối, kẻ cấp tàu hỏa là chúa ranh đây. Mà ngồi thì phải chọn chỗ ngồi với ông già bà cả. Mỗi bận tàu đổ phải hỏi người ta xem đã đến nơi chưa. Ga gì nào? Ga Đầu Cầu. Tàu đi hết cái cầu sắt kêu xoành xạch điếc tai một lúc là đến nơi. Nghe kỹ chứ đừng nhăn răng ra cười mà có khi trắng mắt ra đấy, nỡm ă!”

Lắm ra vẻ ngoan ngoãn nghe. Nhưng mà ra vẻ thế thôi, chứ từ hôm chú Tư cho tiền để đi Kê Chợ, Lắm được nghe những câu mẹ dặn đã tới tám mươi năm bận rồi.

Lắm rồi rít đi rửa mặt và vuốt nước lên chòm tóc đỏ hung hung. Hàm răng vầu như chìa dài thêm ra, Lắm mặc cái áo tấc chồi vàng chóa, còn nguyên cả đầu máu. Cái quần vải ta của Lắm, hai ống rộng huếch, cứng cằn cạnh. Lắm định mượn đôi giày của anh Diễm để diện, nhưng thầy Lắm mắng: “Chớ có mó đuôi ngựa. Mà lại không biết tính cách thằng Diễm keo cú! Đi lên chỗ đồ hội, kẻ cấp như rươi, mà mắt của nó thì gọi là đèn mượn. Đi chân đất thì làm sao? Càng thanh mảnh, càng mát mẻ cái chân. Tao, tao cứ đi đất hàng đời”. Cho nên, Lắm lại thôi không dám mượn. Và quả tình với sự quen xưa nay, cũng thấy đi đất là nhẹ nhàng, chả có khác gì cả.

Chỉnh tề rồi, Lắm đeo lên vai cái tay nải trong đựng nắm cơm. Xâu khoai thì buộc vào núm đầu vai.

Trời chưa tan sương. Từ làng Lắm đi ra cái ga xếp gần nhất, phải qua hai cánh đồng. Mẹ và cái Hoe đi với Lắm ra tận cổng làng.

Và bây giờ Lắm đã để chân được xuống ga Đầu Cầu.

*

* *

- Vào đây, cháu.

Từ lúc vào đến trong phố, đôi mắt, đôi tai, hai lỗ mũi và cả mồm dẫu của Lắm cứ trông,

cứ nghe, cứ rối rít tang bồng. Người ta và các thứ xe cộ đi lại nhộn nhịp leng keng cả lên. Bao nhiêu tiếng động rầm rầm, to bằng mấy hợp việc làng, như sắp vỡ chợ, như trong xóm có đám cháy. Lắm để tinh thần vào tất cả đến nỗi chú gọi mà cũng chẳng nghe thấy tiếng.

Bác Tư tóm lấy cánh tay Lắm:

- Vào đây chứ, Lắm!

Lắm hốt hoảng chìa răng ra cười:

- Hờ. Đã đến nhà rồi? Chỗ nào, chú?

Chú dẫn cháu vào một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu. Cái cửa hàng đó ở giữa một phố cụt, lúc nhúc những nhà hẹp và tối, rộng bằng bề ngang cửa như những bao diêm để cạnh nhau.

Chẳng biết đây có phải là một cái nhà không, hay là một cái đình con con. Nếu cứ trông lên nóc nhà của các phố buôn bán thì không thể nhìn cười được. Những mái hẹp, ngắn, méo, dài cổ lỗ tự đòi kiếp nghiệp lai nào! Mái nhà, tường nhà chen chúc nhau, kèn cựa nhau để lấy một chỗ ló mặt. Những mái nhà trong những phố đông đúc, khổ sở, khôn nạn, bản mắt. Đến ngay cu Lắm, ngấm nghĩa mãi, mà cũng phải lấy làm không thích cái chật hẹp quá thế.

Lắm bước chân vào trong nhà, đụng phải vô khối người. Cả người cũng lũng củng, chật hẹp thế. Nào đàn bà, nào đàn ông, nào trẻ con. Nhưng dường như chẳng một ai chú ý đến chú cháu nhà Lắm. Bác Tư cũng không để Lắm đứng ở đấy. Bác đưa Lắm vào một góc nhà tối om. Mắt Lắm bỗng sầm lại. Bác bảo Lắm: “Trèo lên”. Lắm ngẩng đầu để xem là mình trèo lên cái gì.

Ồ! Lắm sẽ trèo lên một cái thang. Ở phố phường mà cũng có cái thang. Ừ, cái thang. Nhưng có làm sao, trông thấy cái thang để trèo lên, Lắm lại ngần ngừ và quay lại nhìn chú? Ấy bởi những cái bậc gỗ, lắp vào hai gióng gỗ và gắn dựng đứng lên cái tường xám. Nó thẳng như một thân cây cau. Nó thẳng nghiêm chỉnh, không nghiêng, không vẹo về phía nào hết. Những bậc gỗ, vì lên xuống nhiều, đã lên nước bóng nhoáng.

Thấy thằng cháu nhìn mình thì bác Tư hiểu ra cơ sự nó lạ nó sợ. Không nói, bác thực hành luôn để cho nó trông thấy. Vít cái bậc gỗ, bác cong người lại. Tay bác lên một bậc thì chân bác lên một bậc, y như thằng người leo cột mỡ. Trên đầu bác Tư hồng ra một cái lỗ vuông. Bác chui lọt vào cái lỗ rồi đưa tay xuống với lấy cái tay nải và râu khoai. Bác ra hiệu:

- Oách... oán... oong... đơ. Trèo dễ như bỡn. Cứ như trèo cây ổi ở nhà ấy mà.

Lắm nghe lời chú, bám cái bậc gỗ, khom lưng lại mà trèo. Ở nhà, ngày nào Lắm chẳng trèo cây. Thì quả dễ y như rằng. Lên khỏi thang, Lắm luôn được người vào trong một cái bậc gỗ. Cái bậc này ba phía giáp với mái nhà, một phía có cửa nhìn ra đường chẳng một lượt dây thép mắt cáo. Để cho ai vô ý khỏi lẫn thòm xuống thêm hè dưới kia. Người ta không thể đứng được. Hay nếu có gọi được là đứng, thì chỉ khom người, không không cái lưng.

Hai người ngồi trong cái gác thì vừa vắn. Những tiếng lắc rắc chuyển động xung quanh cái mộng ván nghe đều đều vui tai nhưng sao cứ cảm như mảnh ván bập bênh có thể sập xuống như một cái cạm chuột, lúc nào không biết chừng.

*

* *

Chui rúc trong cái gác đó đến sáng hôm sau thì Lắm chỉ để ý để mắt cũng thông thuộc cả nhà dưới, nhà trên, nhà ngoài - nói là hai gian nhà ngoài thì đúng hơn - nhà ngoài là một hàng bán tương cà, mắm, muối và kim chỉ của vợ chồng một “thầy ký” mà chú Lắm bảo: “Ông ấy đi làm việc Tây”. Nhà ấy có một đàn bốn đứa con.

Nhà trong chỉ là một chiếc giường rộng, kê vừa khít vào cái ô buồng, lối lên thang gác nhà chú Tư. Ban ngày, giường ấy chẳng có ai. Nhưng tối đến, có năm người đàn ông nằm song song. Tính ra, kể tất cả lớn bé, tối xấp xỉ mười lăm mười sáu người nhét trong cái bao diêm nhà chồng lên nhau này. Gác của bác Tư ở lơ lửng quãng giữa. Chui vào gác tối om như thể chui vào cái vỏ chai. Chưa bao giờ Lắm nghĩ ra Kẻ Chợ lại như thế.

Nhưng thế mà Lắm cũng thấy thích đáo để. Cả ngày chú Tư đi làm. Chú Tư làm việc sở lục lộ. Chẳng hiểu chú làm việc gì. Lạ lùng, có hôm thấy chú vác về cái chổi tre cán dài như chiếc đòn gánh. Chỉ biết dấu sao sở lục lộ cũng là nhà nước. Chú Tư mặc quần áo nâu và đeo ở bên cánh tay trái một cái biển đồng bóng nhoáng to bằng cái lá mít. Chú thổi cơm buổi sáng, ăn cơm rồi còn bao nhiêu đem nấu làm hai bữa. Một đem đi ăn trưa, một để lại cho Lắm. Như thế tiện và đỡ diêu vợi bếp nước. Bởi vì đỡ phải khó chịu về sự thổi cơm nhờ bếp lại thêm việc bùng nôi lên cái thang kỳ quái ấy còn là một điều khó nhọc hơn.

Lắm cũng ăn cơm như chú. Lắm ngồi nhòm nhòm trên gác, nhìn qua cái lưới mắt cáo, xem những người đi lại dưới đường. Cũng vui mắt. Đêm đến, không phải thắp đèn. Cái đèn điện của nhà nước ở luồng dây thép giữa đường sáng cả vào chỗ chú cháu Lắm nằm.

Lắm đêm, chợt thức giấc, thấy sáng vằng vặc, giật mình, quên không biết nằm ở đâu. Mãi mới tỉnh ra. Tản mẩn, Lắm nằm nhìn xem những con muỗi đất bay lảng nhăng xung quanh cái chao đèn trắng bong. Lại cũng không tưởng tượng ra được cái cảnh ngoài Kẻ Chợ như thế này.

Lắm bảo chú:

- Nghe thấy bảo ngoài Kẻ Chợ có tượng *bà đầm xòe* ?
- Ừ, tối hôm nay tao cho mày đi xem.

Cả ngày hôm đó. Lắm ngồi ôm khối hy vọng.

.....^[1]

^[1] Kiểm duyệt thời Pháp bỏ mấy trang cuối.

Ông dỗi

Bữa cơm chiều vừa ăn xong. Nhưng lão Múi vẫn chưa đứng dậy. Trong khi ấy, vợ lão lục đục dọn dẹp mâm bát, bỏ vào rổ, đem ra ngoài ao để rửa. Rửa bát xong, bà lão vẫn thấy ông chồng ngồi lì ở góc phản. À, lại muốn có sự gì đây. Bà lão vừa úp bát vào chạn, vừa ngấm trộm ông lão. Lão ngồi cái điệu khác thường lắm. Hai tay chống xuống phản. Cái mặt đầy ngòm những râu ria rậm rạp thì thười ra. Đuôi mắt cá ngáo, gương bạnh, tròn xoe. Y như lối ngồi của một chú ếch ương bụng ổng và lồi mắt. Nhìn chán, xong bà lão không nói, không hỏi gì. Bà lẳng lặng đi ra ngoài đầu hè.

Bấy giờ chiếc mặt thười ấy mới động dậy. Chòm râu hơi rung rung. Thực cho đến lúc cái chòm vừa râu vừa ria ghê gớm ấy chuyển động, người ta mới kịp nhớ để biết rằng trong đó, còn có cái miệng ông lão. Miệng ông lão mấp máy. Đầu tiên, nẩy ra mấy tiếng tốp tốp, tốp tốp. Rồi ông thở khà. Và chợt cười nức lên một hồi *khớ khớ* quái quỷ như nút võ ở trong cổ họng và đưa ra ngoài từng miếng, từng miếng.

Bà lão không lạ gì lối cười của ông lão. Lão làm như ông thái sư mồm đồm trên rạp chèo, vượt râu mà cười khênh. Lão Múi cười khẩy đấy. Bà lão biết. Và bà lão lấy thế làm sột ruột. Bà cũng cười, nhưng cười nhạt:

- Mát mẻ gì thế?

- Hừm, ông lại thêm mát mẻ đưa nào à? Này ông bảo thực... Này ông bảo thực cho mà biết...

- Biết cái gì?

- Ông không phải con chó, biết chưa? *Cu soong bú dù* cái nhà quê nhà mày!

- À à... ông có là con chó đâu, ông chỉ được ăn hai bát cơm ngũ. Con chó thì vào nồi rồi.

Ra từ nãy, ông Múi đã tức bà lão Múi, vì bà ấy chỉ cho ông ăn có hai bát cơm. Thế thì đáng giận thực. Bụng ông to ngàn này. Miệng ông to ngàn này. Ông có thể ăn bốn bát đầy. Làm sao chỉ cho ông ăn có hai bát cơm? Có làm sao, hời con mẹ chợt một mắt kia?

Bình tĩnh, vợ ông đáp thủng thẳng:

- Hết gạo... Còn có từng ấy gạo. Mai đóng được thêm thì mới có mà ăn đủ.

Rồi bà lão ung dung xĩa răng, nhìn lên trời. Trên trời có gì mà nhìn. Có mỗi một ông sao Hôm long lanh. Nhưng, không phải bà lão chú ý nhìn ông sao Hôm. Bởi vì, có tiếng bà lẩm bẩm:

- Ngồi giữ vua bếp ở nhà, thì nóc gì lăm cho hại gạo nhà nước!

*

* *

Chao ôi! Ông lão Múi đã nghe, nghe rõ tất cả cái câu xỏ xiên của vợ nói ra. Nó nói như lấy cái sào nửa dài mà chọc vào bụng ông. Nó bảo ông giữ vua bếp. Nó bảo ông ăn hại gạo nhà nước. Nó nói một câu ngu hết sức. Chính ông đã từng là thằng người nhà nước rồi đấy.

Ngày xưa, ông đi lính. Ông đi lính thời kèn. Ông cũng được đi giày sắt đá, đeo thắt lưng da, đội mũ chào mào như những ai. Ngày ấy, mỗi tháng ông gửi từng đồng bạc, từng nắm tiền về cho vợ. Vợ ông đã tiêu hết tất cả tiền bạc của ông rồi. Cho đến khi mãn khóa trở về, hai bàn tay ông vẫn trắng bạch, không có một đồng xu nhỏ dính túi.

Bây giờ lão cũ kỹ. Lão là đồ bỏ ra ngoài đồng rồi. Vợ lão khinh lão ra mặt. Nó cậy thế rằng bây giờ nó phải làm để nuôi lão. Lão cần cóc gì. Lão có cần một tí gì đâu. Chẳng qua là nó không ra gì, nó thiếu âm đức, nên nó cụt cuối cụt ngọn, con cái không có. Lão cũng vô phúc mà lấy phải nó.

Lão Múi đã nghĩ đến chuyện lấy nhau như xưa kia người con trai mười tám. Lão nghĩ như là ở những ngày mà đôi vợ chồng còn son rỗi.

Thế là, nhất định lão không thèm ăn cơm của vợ nữa. Bắt đầu từ ngày mai trở đi, lão thèm vào!

*

* *

Từ ngày hôm sau, lão Múi không ăn cơm thực.

Bà lão già thấy chồng giở chứng như vậy, cũng không nói năng gì. Bà lão không sợ, bà lão cũng không bức mình. Sự chịu đựng lâu năm đã đến với bao nhiêu nỗi quen thuộc. Và

vốn tính bà lão không thích nói, không thích nghĩ xa nghĩ gần. Bà lão chỉ nghĩ độc có mỗi một câu khôn ngoan và thiết thực: “Ông lão dỗi cơm hầy? Mặc! Không đưa cái khóa hòm gạo cho ông lão nữa”.

Cả ngày bà Múi bán hàng ngoài chợ. Hàng của bà là một cái thúng, trong đựng kim chỉ, lơ, nện và vài thứ linh tinh, lặt vặt. Vậy, cũng sống. Người ra vốn sống dễ dàng. Vào cảnh nào cũng xong. Kiếm được ít, ăn ít. Trong cuộc đời tàn tảo, rất đổi khó khăn, chẳng có gì là khó, hình như thế, bởi cứ thấy khổ mãi.

Hôm ấy, bà lão ăn quà vợ vào ngoài chợ. Bà yên chí chiều về, thế nào lão Múi cũng phải làm lành với mình. Nhưng không, chiều đến, bà lão về, vẫn thấy chồng ngồi im tây ngậy trên phản. Hai mắt - và cả một lũ râu - trùng trùng nhìn bà. Nhưng không phải con mắt đói. Vẫn ung dung, bình tĩnh như thường và lại có ý thách thức nữa. Ra điếu ta no rồi đây. Ta chẳng cần phải lụy đứa nào.

Bà lão đoán:

- Chắc lão còn có một hào trong túi.

*

* *

Chiều hôm sau, bà lão ở chợ về nhà. Ông lão đi đâu vắng. Lão vẫn dỗi cơm. Một lát, lão sùng sục về, một bên tay xách lưng lẳng cái vò. Chiếc khố đơn dính sát vào người, ướt sũng. Những đầu ngón chân, ngón tay nhăn lại, tím bệch. Dáng lão vừa mò mẫm dưới ao lên.

Lão đứng giữa sân. Một tay lão thò vào trong vò. Bỗng trong cái miệng vò tối om om, rộn lên những tiếng *ngóe ngóe* thảm thiết. Như có rắn bắt nhái. Không là rắn bắt, nhưng là một bàn tay lão Múi thò vào vò, lôi ra từng con nhái lớn chỉ xanh, quật đét từng con xuống mặt đất. Những chú nhái khôn nạn run rẩy, nhuỗi hai tay, hai chân ra, chết cứng. Cả thầy chừng mười lăm nhách. Rồi lão lặn cái vò xuống đất. Độ từng nẩy con ốc nhồi đen nháy đồ ra.

Bỏ cả ốc và nhái vào rổ, lão cắp xuống cầu ao. Một lúc sau, lão đem lên một xâu nhái lột da, đã chặt đầu, chặt chân cẩn thận. Những con nhái trắng phếch, thịt gọn tia gân đỏ, tanh nhúc mũi.

Ốc thì bỏ vào nồi luộc. Nhái, hơ lên ngọn lửa, nướng như nướng chả. Vặt chóc, một mùi thơm gây gây dâng lên ngọt ngào. Lão tít tít loay hoay vừa nướng vừa đun.

Chẳng bao lâu, lão Múi đã làm xong cả các công việc. Lão khệ nệ bung nồi ốc lên đặt ngoài đầu hè. Lão ngồi xuống, xếp bằng tròn hai gối, chỉnh chện như ngồi ăn cỗ. Có nhẽ lão cũng tưởng như lão đương ngồi ăn cỗ thực. Những con ốc nhồi cỡ tháng Bảy béo lắm. Nhai sừn sực tựa nhai thịt gà mái ghe. Lại chấm thêm một chút muối. Tuyệt, điểm món ấy, còn món chả nhái. Chả nhái cũng chẳng kém chả lợn. Có phần ngon hơn chả lợn. Lại thơm vô cùng. Thơm điếc cả mũi hàng xóm. Thơm điếc cả hai lỗ mũi bà lão chột mắt kia. Cho con mụ biết rằng lão đây không cần gì con mụ. Trời sinh voi thì trời sinh cỏ. Con mụ không cho lão ăn, lão cũng chẳng chết đói nào. Cửa trời, khối ra đây. Ốc dưới ao. Nhái ngoài vườn. Tha hồ ăn suốt năm, cũng không thể hết được ốc, được nhái. Con mụ cậy con mụ làm ra tiền. Ngày xưa, lão cũng làm ra bao nhiêu tiền. Cái thúng kim chỉ nát của con mụ? Ra chó gì. Lão chỉ đá phốc cho một cái thì bồng cả thúng lẫn người lên nóc nhà! Nhưng ghét cái giống đàn bà bạc bẽo, lão không thềm đá. Lão chỉ khinh vào mặt. Lão nhai thực rõ to. Tóp tép... tóp tép...

Bảy giờ, trời sầm tối. Ông sao Hôm quen thuộc lại lấp lánh trên ngọn tre, đương hờ hững nhìn xuống. Ngồi xa, bà lão Múi không trông thấy chồng. Nhưng bà cũng nghe rõ ràng những tiếng rau rầu, tiếng tóp tép. Bà không có những ý nghĩ khinh người và bướng bỉnh như ông lão. Bà chỉ đoán:

- Nóc lấm ốc, lấm nhái vào! Tối hôm nay, miệng nôn trôn tháo sớm!

*

* *

Quả nhiên. Suốt đêm đó, lão Múi không chợp được mắt. Những quân vô danh vô thức nổi loạn trong bụng lão, kéo binh đi rầm rầm, ục ục... Lão nằm một tí, lại chạy ra đầu nhà. Cứ thế! Cứ thế! Đến tận sáng bạch.

Sáng ngày ra, ông mặt trời ló xuống, xuyên vào ngấm nghĩa cái mặt tái ngoét của lão già. Những chòm râu vô tri, dường như cũng phờ phạc, ngơ ngác. Lão nhọc quá, mệt quá.

Đến lúc vợ lão sắp bung thúng hàng ra chợ, lão khẽ gọi:

- Này...

...

- Đưa cái chìa khóa hòm gạo cho tôi...

Lẳng lặng, bà lão cởi hầu bao, lấy cái chìa khóa, đặt xuống đầu phản. Bà lão định nói một câu: “Ăn thêm nhái nữa vào! Sao chẳng nhất định dỗi nữa đi?”.

Song bà lão Múi không nói ra như thế. Hình như bà ta thở dài. Từ ngày xưa ngày xưa mà đôi bên lấy nhau, đã có đến mấy mươi nghìn lần, lão Múi “nhất định” như thế rồi.

1942

Vàng phai

Có lá lót tình phụ xương xông,

Có chùa bên Bắc, bỏ miếu bên Đông tôi tàn.

Có bát sứ tình phụ bát sành...

(Ca dao)

Hẹn phải lòng Mây từ một ngày giữa năm ngoái.

Chàng trai ấy chẳng bạo dạn một chút nào! Đến bây giờ, Hẹn chỉ mới dám nhìn Mây mà tím tím cười nụ. Mỗi khi gặp Hẹn, hai má Mây cũng bừng đỏ, và Mây đi rào bước, nghiêng nón về một phía.

Lòng Hẹn càng thêm nao nao. Chẳng lẽ đã “thâm yêu” những bảy tám tháng rong rồi mà lại “cứ vậy” mãi. Biết đến bao giờ Hẹn mới dám nói với Mây một lời? Không thể thế này được. Phải khác và phải hơn nữa.

Vốn Hẹn đã quen Mây. Nhưng chỉ sơ sơ thôi. Ra lối ấy, nói đến yêu mới lại là sự khó. Bởi đã quen biết nhau mà ngổ ý tán tỉnh, người ta bằng lòng đã đành, ngộ chẳng may nếu không, cái mặt mình sẽ ra thế nào? Chao ôi, khó khăn thay là cái bước ban đầu này.

Mây ở xóm Giếng, Hẹn ở xóm Giữa. Cả đôi bên đều là người làng Nghĩa Đô. Nhà Mây làm lụa. Nhà Hẹn cũng sinh nhai nghề ấy. Mây mười tám tuổi, mà Hẹn vừa hai mươi.

Từ xóm Giếng vào xóm Giữa, phải đi một độ ngổ ngoắt và mấy đường bờ ao nhỏ mấp mô. Hẹn mà quen Mây là bởi có ngày trước hai đứa cùng học với nhau một trường.

Cũng như các trẻ khác ở trong làng, những năm còn nhỏ xíu, chưa đầy mười tuổi, Hẹn và Mây được thầy mẹ cho đến trường làng. Học cho biết đọc, biết viết. Bởi thế, học được chừng hai ba năm, khi chúng đã kể được chuyện *Hoàng Trừu*, viết được tọc tạch, và làm nổi cái tính cộng, thì thầy mẹ chúng nghĩ rằng: “Thế là đủ. Học ngàn ấy cũng nhiều rồi. Ngày xưa, thời các cụ ta, nhà nước phải cho đánh trống gõ mõ, bắt dân gian đi học, ai đến trường lại được thưởng giấy bút mà cũng chẳng mảnh đại nào đến. Bây giờ thời buổi này, học được bấy nhiêu đã là tốt lắm”.

Họ bắt con cái ở nhà. Hẹn nói nghề tổ là tập việc dệt lụa. Còn Mây thì tập quay tơ, làm hồ và đi chợ Bưởi mua rau.

Chỉ chừng ít lâu, bao nhiêu chữ nghĩa gần trả công thầy ráo! Hẹn và Mây đều chả cần. Bởi vì thế cũng còn thừa đủ chữ để đọc *Kim Vân Kiều* tân truyện.

Vậy sự giao tình của đôi bên khởi tự cái thừa đồng môn ấy.

Một hôm đương dệt củi, Hẹn bỗng nhớ ra một điều:

- À phải rồi, phải rồi. Nếu cứ rình để nói được một đôi câu với Mây thì chắc hẳn lâu lắm. Mà cái tính mình lại cả thẹn, chưa chắc đã dám nói. Mình viết một bức thư, ờ tả một bức thư để đưa cho Mây. Hà! hà! *Bút huê tay thảo thư đào*, có thể mới ra con người lịch thiệp được!

Hẹn bèn hì hục viết thư. Chàng phải nhấm mãi đầu bút chì mới nghĩ được một câu. Viết xong, Hẹn ư ử đọc lại mỗi câu. Rồi xóa rồi viết, mất mấy đêm liền mới đoạn được cái công trình kỳ khu ấy. Đây đây là những lời thư:

Thưa em Mây,

Bút huê tay thảo thư đào

Sự tình mấy chữ gửi chào tình nhân

Thấy em là gái má hồng

Hãy còn nghiêm cấm trong phòng đợi xuân

Cho nên trong dạ ước ao

Chỉ hiềm một nỗi ra vào chưa quen

Thường khi tôi vẫn gặp nàng

Cũng toan uớm hỏi, nhưng tình còn e

Ước gì như sợi chỉ xe

Muốn đi lại lắm, còn e ông bà

Tôi thấy nàng thật thà tử tế

Muốn tạc gương chỉ để soi chung

Nên ra nàng quyết cho xong

Chớ phụ lòng khách bỏ công đợi chờ.

Cái tác phẩm tuyệt cú đây viết trên một tờ giấy trắng mới nguyên mua ở hàng xén và được gấp nếp làm tám, bỏ cẩn thận trong xó cùng cái *dạ cá* của Hẹn đeo ở trước thắt lưng.

*

* *

Một ngày phiên chợ lụa, Hẹn đưa được cho cô nàng Mây cái bức thư đào đỏ. Hẹn run run đưa. Mây chúm chím cười, cầm lấy. Ô, làm sao mà dễ dàng. Chàng nghĩ ngợi khó khăn những trên trời dưới đất, mà chỉ phải hành động có một cái giờ tay, đã làm được việc.

Mây bỏ thư vào túi. Và Mây nói:

- Vê! Lại còn phải thư với từ...

Hẹn cảm động run cả người. Chẳng biết chàng áp ứng nói những gì. Thế là cái sự bắt đầu khó khăn trong cuộc yêu đương qua nổi rồi.

Mấy hôm sau, Hẹn cũng được Mây gửi cho một mảnh giấy. Đó là tờ thư trả lời của Mây.

Thư rằng:

Anh Hẹn ơi!

Quế trên trăng, nhận trên trời

Nghĩ chi cho nát dạ người như tương

Hắc huyền phó giả con hương

Làm chi mượn áp cầu hôn bận lòng

Nhỡ nhàng nước đục chưa trong

Trăm năm để một tấm lòng từ đây

Sông dù cạn, núi dù lay

Dẫu mòn bia đá, dẫu sai lòng vàng

Ngồi một mình lại nghĩ một mình

Than thân chẳng dám bạc tình với ai

Ngồi cành trúc tựa cành mai

Đông đào tây liễu lấy ai bạn cùng

Bức thư hồng phong tờ giấy đỏ

Gửi lời thăm hai họ bình an.

Hẹn nhận thư.

Hẹn đọc đi đọc lại bài thơ không biết bao nhiêu lần. Anh sung sướng đến nỗi hoang mang, bối rối, như chưa bao giờ có cảm giác ấy. Anh học thuộc lòng nó như cháo.

Những đêm dẹt củi khuya, dưới ánh đèn dầu hiu hiu, anh Hẹn cao giọng hát ngâm từng câu một. Tiếng vang ngân như lẫn với tiếng con thoi chạy thậm thọt qua mặt lụa kêu lách cách.

*

* *

Đã đến lúc hai người gặp nhau kín đáo ở một nơi hẹn hò. Chỗ đó là một khoảng vườn tre phía ngoài đầu xóm Giếng. Qua bờ giếng thôi, tiếp mấy khoảng ruộng trống, rồi đến vườn tre, ngoài kia lại là đồng ruộng mênh mông.

Vườn ấy người ta bỏ hoang. Bên những gốc tre sần sùi, mọc ken bẻ bộn những thứ cây dại, không có lối đi. Tha hồ các giống cỏ được trở tự do, cao đến lưng ống chân. Ở bên góc vườn có một cái cổng tán, bởi lâu ngày không người mở tới, những dây bìm bìm hoa tím được bò ngủ đầy ở trên nóc làm cho cái cán tre gãy mục, đổ quỵ cả tám thân cổng xuống.

Một buổi trưa, Hẹn và Mây đứng với nhau ở đấy.

Anh chàng lúng túng trong cuộc hẹn lần đầu. Anh chẳng biết nói gì cả, còn Mây thì cứ cười tí đi. Mây hay cười quá. Đôi má phúng phính lúm lại và đỏ hây lên. Cặp mắt long lanh giữa đôi mi húp híp. Cái mắt mới tình tứ làm sao! Mây cười cả má, cả mắt.

- Anh Hẹn, anh làm thơ hay quá.
- Em nói khen dối.
- Không em bảo thật mà.
- Em cũng thế, em lại còn làm giỏi hơn tôi.

Những lời vụn vặt ấy trao đổi nhau. Và đôi tình nhân ấy đứng với nhau rất khờ khạo. Hẹn đứng xa Mây tới một xoạc chân dài. Có khi chính Hẹn cũng muốn mem chân lại gần xít xít một chút. Nhưng chỉ muốn thôi chứ không dám.

Rồi Hẹn cũng đâm ra bạo. Bởi vì nếu chẳng liều một tí thì biết bao giờ mới dám cầm tay người bạn tình. Hẹn bèn nói rằng:

- Cái thắt lưng lụa bạch này Mây chuội nhà hả?

Mây nói:

- Vâng, em chuội lấy. Trông được đấy chứ?

Mây nhấc mảnh thắt lưng lên. Hẹn cầm lấy ngắm và nhân tiện nắm ngay bàn tay Mây. Mây yên lặng.

- Mây ơi! Mây có yêu tôi không?
- Em chả biết.
- Ô, tôi hỏi thật đấy.

Mây tóm lại đôi bàn tay Hẹn vào lòng bàn tay nóng hôi hổi của mình mà nói:

- Yêu lắm chứ!

Hẹn cười:

- Thế hử?

Rồi anh chàng bần thần nhìn người yêu. Tay Hẹn cứ nắn vuốt tỉ mỉ từng ngón tay của Mây. Mặt Mây đỏ hồng, đôi môi mọng như hai múi quýt ngọt. Tấm ngực hơi đầy đầy trong cái yếm trắng bong. Nhưng Hẹn chỉ ngấm các thứ ấy và thở ra đằng mũi một hơi dài.

- Mây ơi! Thế nào tôi cũng lấy Mây.

Mây núng nính người, nói ngoay ngoáy:

- Em chả lấy.

Rồi Mây giờ tay tát nhẹ vào má Hẹn một cái.

- Chừa nói nhảm nhé!

- Tôi nói nhảm đâu.

Hẹn nhìn Mây, rất đù đờ, rồi im lặng. Gió nổi dạt dào trong ngàn lá tre, nghe quen quen như một thứ tiếng lúc nào cũng có. Những mảnh nắng nhỏ in hoa trên vai áo, trên tóc hai người. Bỗng Mây nói:

- Em về anh ạ. Đứng đây lâu ai biết thì chết.

Hẹn ngẩn ngơ buông tay Mây:

- Ừ, Mây về. Bạn khác nhá!

Mây về. Cái bóng người cao cao mặc áo tấc trắng nổi trên nền cỏ, và cây xanh xanh đi thoăn thoắt về ngã bờ giếng.

Hẹn đứng tần ngần. Anh chàng tưởng như nói thế hãy còn thiếu, còn muốn thêm và còn đương lúc dở dang câu chuyện nhiều lắm. Hẹn nhìn băng quơ lên trời, mუმ mუმ. Anh nghĩ: “Ồi dào! Còn khối, ngày rộng tháng dài, lo gì!” và Hẹn đi về xóm Giữa, bước những bước nhẹ lằng lằng.

Bây giờ Hẹn đâm ra sính làm thơ quá. Cả ngày chỉ vừa co cổ dẹt cửi, vừa dằm chiêu nghĩ thơ. Vì anh cho rằng cái môn nói chuyện hản mình kém. Chỉ có tả thơ thì chắc Mây phải phục và yêu mình.

Nên có đâu năm ba bữa sau, Hẹn lại gò xong một bài thơ để gửi cho Mây:

Bút huê thảo tình thư nhất bức

Tâm thư này tri thức nên chăng

Lần lần ngày gió đêm giăng

Thời anh mượn gió cát đang đưa duyên.

*

* *

Bỗng có một buổi chiều, có tiếng giầy Tây nện cồm cộp trên con đường gạch đi vào lối xóm Giếng gần làng. Cái tiếng động lạ ấy làm bao nhiêu chó và trẻ con trong xóm chạy nháo ra xem. Những người đàn bà đứng ngấp nghé sau những bờ rào râm bụi và cúc tần. Bởi vì ở trong cái xóm tĩnh mịch ấy, cả năm cũng chả một lần có cái âm thanh kỳ lạ như vậy.

Kẻ đi đôi giầy hùng dũng đó là một người lính tập. Người ta ngó bác lính rồi nói với nhau:

- Tưởng ai, bác Vực. Trông bác ta bây giờ oai phạm.

Những người đàn ông đang mãi dẹt củi cũng ngừng thoi lại, ngó đầu ra ngoài nan cửa, nói lớn:

- Kia bác quyền Vực về chơi.

Đáp lại những người hỏi thăm, bác quyền Vực ngả cái mũ vàng ra chào theo kiểu Tây.

Bác ta đi. Mỗi một tiếng giầy cộp trên nền gạch, một người tặc lưỡi: “Hừ? Cái tiếng giầy Tây có đình mới khiếp chứ!”.

Có đây người hàng xóm tới nhà bác Vực để hỏi thăm. Bà mẹ bác ta phải đun nước, tèm trâu, tíu tíu mời mọi người.

Nhà bác Vực ở gần nhà cô Mây. Cách có mấy ngõ.

Từ cái chiều mà Vực về, hôm nào bác cũng sang chơi bên nhà Mây. Sang chơi để nói chuyện Kẽ Chợ với thày mẹ Mây. Bao nhiêu là chuyện tân kỳ ở ngoài kinh thành phù hoa ấy. Gớm, sao con người mới uống nước máy chảy ngược bằng vòi có ba tháng mà đã có

được cái giọng đặc phổ. Những câu chuyện kể thực có duyên.

Thành ra cô Mây cũng phải chú ý và nghĩ ngợi.

Thoạt tiên, Mây thấy bác quyền cũng thường, chỉ hơi lạ một chút. Bởi mới năm ngoái, năm kia bác ở nhà, Mây chẳng để ý gì đến.

Thỉnh thoảng, bác quyền cũng nói chuyện với Mây, bác bảo:

- Chứ như cô Mây, chỉ ra Kẻ Chợ mà ăn mặc theo kiểu tân thời vào, thì đến con gái Hà Nội chính tông cũng phải thua đứt đuôi.

Mây cười:

- Bác cứ nói xấu con gái làng làm gì thế. *Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh, mảnh chai ngoài đồng.*

- Chẳng tin bữa nào cô cứ ra Kẻ Chợ với tôi.

Bác quyền liếc nhanh sang mắt Mây mà nói câu ấy. Mây hỏi:

- Hôm nào bác ra tỉnh?

- Tôi được nghỉ một tuần chủ nhật nữa.

Rồi có một bận, lúc chập choạng tối, bác quyền gặp Mây ở bên bờ giếng. Đường ngõ vắng lạnh. Bác liền mời Mây đứng lại nói chuyện. Mây chẳng chướng, nhưng rồi Mây cũng đứng. Ngoài đồng trời mờ mờ, trăng đầu tháng nhô lên một mảnh lưỡi liềm vàng hoe ở cuối đồng xa. Chiều hoàn toàn. Bác quyền nói nhỏ nhỏ:

- Thưa cô, tôi yêu cô lắm.

- Em xin bác, chỗ hàng xóm ta...

- Cô để tôi nói nào... Suốt cả tỉnh Hà Nội, chả ai đẹp như cô, tôi biết. Tôi chỉ muốn yêu cô. Sự tâng bốc ấy khiến Mây đứng lạng, cúi đầu, vuốt mái tóc. Quyền Vực ta đến sát tận nơi, giơ hai tay quàng chặt vai cô ả. Mây vùng vằng. Bác Quyền thủ thủ:

- Mình ơi! Tôi yêu mình quá. Mình đừng nguây nguây thế. Tôi bảo mẹ tôi cho tôi lấy mình. Chúng ta lên Hà Nội ở với nhau, sướng lắm.

Mây rùng rục cả người bởi sự đụng chạm của một thân trai lạ và bởi những câu nói êm dịu, ngọt như đường. Mọi khi Mây hay lí láo lẫm, mà bây giờ chỉ nói được một câu gắt khê: “Buông ra nào, có người kia kia”. Rồi im.

- Thôi vậy. Mình bằng lòng chứ? Tôi cứ phải hỏi trước thế cho cẩn thận đấy. Mình về nhé!

Quyền Vực buông Mây ra. Bác Vực cũng không quên cái lỗi gặp nhân tình Hà Nội là phải hôn một cái. Quyền Vực ta bèn cúi xuống hôn đánh choét một cái vào má Mây. Cái má phính nóng rừ.

Mây chạy ùng về nhà. Nằm đến quá nửa phần đêm mà Mây vẫn chưa ngủ được vì nghĩ đến cái hôn ấm áp - như hầy còn hằn lốt trên má - của bác quyền Vực giỏi trai và lịch sự “mốt” mới.

Thôi thế là cái mảnh tình của anh cu Hẹn bay lên trời rồi.

*

* *

Đám cưới cô Mây lấy bác quyền Vực thực linh đình. Hỏi xong, người ta xin cưới ngay. Làng xóm kéo đến ăn cỗ rất đông đảo. Giết hai con lợn thì vừa đủ cỗ chén hai hôm. Tong ơ đi mấy chục bạc, nhưng bác quyền Vực và mẹ rất vui được cái hân hạnh tiêu tốn với làng xóm như thế.

Công việc cứ xuôi nhẹ như nước sông Lịch chảy. Đến hôm hết nghỉ phép, bác quyền Vực đã ra tỉnh, đi cả với bác gái.

Cô quyền Vực vận cái áo vải rộng mới, đeo trên vai cái tay nải to tướng, miệng nhai trầu mủm mĩm, đi ve vẩy bên cạnh chồng - anh chồng bánh bao có đôi giày to, bước nghe còm cộp vui tai.

*

* *

Chao ôi! Ai đo được nỗi khổ lòng của anh chàng Hẹn bây giờ. Khi cái việc tày đình kia đến tai thì anh ta choáng váng cả người. Thơ của anh làm hay đến thế mà cô ta phụ tình

nhanh chóng vậy. Tình chàng coi như nặng đá đeo, mà ở người lại chỉ thoáng bằng một cơn gió may về sớm.

Nhưng nghĩ đến anh quyền Vực thì Hẹn thôi không tư lự gì nữa. Hẹn biết rồi. Bởi vì Hẹn không sộp. Khi Hẹn không sộp và mạnh bạo và một mới như cái người đã ra thị thành ấy, thì vài câu thơ thân lồi thôi, còn có nghĩa chi chi nữa!

Những lời thơ của con người ấy vẫn còn đây. Anh Hẹn vẫn gấp nếp mảnh giấy cẩn thận, nhét vào một bên cái thắt lưng da cũ. Giữ lấy chút hương thừa vậy.

Từ đó những khi châm đèn dẹt củi khuya, Hẹn thôi không hát ầm nhà lên như xưa.

Song thỉnh thoảng, buồn miệng quá, anh cũng hát. Nhưng anh bỏ cả mấy cái bài tình tứ trước đi. Anh chỉ rền rĩ có mỗi một câu rằng:

Tham vàng bỏ ngãi ai ơi!

Vàng thời ăn hết, ngãi tôi hãy còn.

Ý giả Hẹn ta hát kháy đời.

Bức vẽ truyền thần

Ở đây người ta ít cho trẻ con mang sách đến trường. Không cần mấy. Bởi vì đất này là đất công nghệ. Từ những đứa trẻ lên năm cũng đã tập tành giúp đỡ được công việc trong nhà. Làm là ra tiền, còn đi học không ra tiền, người ta để trẻ con ở nhà, cũng có cái lý cứng của người ta. Nhưng đó mới chỉ là một lý vật chất, mà người ta đã phê bình hộ cho cái làng này. Các cụ trong làng thì nghĩ khác. Có phải tại người ta hà tiện sợ tốn kém mà chẳng muốn cho con đi học đâu. Không, không. Người ta sợ là sợ cái khác kia. Sợ cái việc phong thủy. Sợ cái sự của trời đất sinh ra thế.

Bởi vì làng này không có đất làm việc, không có đất đi học. Ngoài đồng có thể đất hình cái mũ đồng cân, thì mũ vua mũ quan lại châu quay hướng về làng Phú Gia. Thành thử, thiên hạ làng khác người ta tranh đi học, tranh biết chữ mất cả. Cái lễ tạo hóa đã bày ra như vậy, không thể cưỡng. Người ta được dốt nát mà người ta bằng lòng.

Như nhà ông nhang Chỉnh. Nhà ông thuộc vào hạng khá trong hàng thôn. Ông có hai con trai. Chúng nó chỉ biết làm khỏe. Lệnh vai đi vì làm. Ngoạ cổ đi vì làm. Trông thấy cái bút chì thì chúng nó tấm tắc khen rằng: “Gớm nhỉ! Cái đầu mẩu nhọn kia mà viết được ra chữ thì tài thực”.

Tuy không lấy các con làm ra việc là sung sướng, nhưng ông nhang Chỉnh cũng không lấy thế làm buồn bao giờ. Chúng nó đã làm ra của cho ông. Ông mà được trở nên mát mặt như ngày nay cũng nhờ có hai thằng con hay làm ấy.

Nhà ông nhang Chỉnh bây giờ khá. Trong năm, sáu năm trời, ông trình bày với làng nước, rất khéo léo, sự của nả nhà ông như sau này.

Bắt đầu, ông xây một cái cổng gạch có hai tám cánh cửa gỗ. Trên nóc, đắp bốn chữ số ngòong ngoèo: 1940 vờn vào nhau. Rồi một con đường gạch nhỏ một hàng con kiến lát từ cổng nối liền vào đến thềm hè. Ấy là cái năm ông dỡ tất cả bốn bức vách xung quanh để xây con kiến hai đầu hồi và lớp tường hậu. Còn thừa gạch, ông lại cho lát hai vỉa xung quanh thềm ra đến gần giữa sân. Như thế, là ông yên chí lắm. Vì, rất có thể, một vài năm nữa, có đồng ra đồng vào hơn nữa, ông dỡ cái mái lợp ngói lên, là đã ra một nếp nhà gạch tươm tất rồi. Ông chờ.

Bây giờ ông nghĩ cách bày biện ở trong nhà. Gian giữa, lù lù một cái tủ chè. Cái tủ chè bằng gỗ mộc, trắng lôm lốp. Tuy trông nó không được đẹp lắm, nhưng thiếu nó là thiếu tất cả, là cái nhà không có hồn. Trong khi lại ngóng dịp có tiền để tậu một cái tủ chè gỗ gu, đánh bóng đen sẫm, thì ông nhang Chỉnh hãy cứ chơi tạm cái này để ước lấy chỗ kê. Hai gian bên, treo la liệt những ảnh và tranh Tàu lờ lợt. Trên bàn thờ, cái đỉnh đồng bóng nhoáng làm át cả những chiếc mâm đồng đỏ và chiếc đèn ba dây đen xín. Gian bên phải, một cái phản bằng ba tấm gỗ mít. Bên trái, nơi tiếp khách, song song hai chiếc tràng kỷ. Thế là nhà ông nhang Chỉnh sang ra phết rồi. Trong làng, chẳng có mấy nhà được lịch sự như vậy.

Ông thích khoe cho bà con biết mọi vẻ sang trọng của nhà ông. Nhưng ông biết cách khoe. Ông không nói trắng rằng: Nhà tôi có cái này... nhà tôi có cái nọ... đẹp lắm... quý lắm. Không, ông không nói thế. Ông đứng chơi lơ phơ ngoài đầu ngõ. Ai quen mà đi qua, ông đơn đả:

- Đi đâu thế?
- Tôi lên kia có chút việc.
- Thông thả chứ?
- Thông thả ạ.
- Máy khi, mời ông vào tôi chơi xoi nước cái đã.

Mời người ta vào xoi nước thôi, thế là nhà mình có cái gì người ta cũng biết. Người ta đi nói lại với người khác, những cái miệng là những cái cống chảy ra chuyện. Thế là ai cũng biết nhà ông nhang Chỉnh bây giờ tươm lắm, tươm lắm.

Một hôm, bác quyền Vực được nghỉ phép, về làng. Ông nhang đương thơ thẩn quạt mát ở đầu sân, nghe tiếng giầy lệt kệt ngoài đầu ngõ, vội chạy ra.

- Kia bác Vực!
- *Bông-xua* ông. *Xà-và* chứ ?
- Hè... hè... Ăn cơm rồi . Bác về phép đấy chứ?
- Vâng.

- Mời bác vào nhà xơi nước. Máy khi. Đường từ đây về xóm còn dễ đấy, hãy vào tạm làm chén nước cho vui cái đã.

- *Bồong!*

Rồi bác quyền ngả cái mũ vàng, tha đôi giày da to tổ bố vào trong sân. Lũ chó thất kinh, sủa lạc cả tiếng. Bác Vực uống luôn mấy chén nước chè mạn. Rồi bác nhìn quanh quất:

- Ái chà! Nhà ông ngang *bóp* phạm. *Bóp* thực! Không kém nhà ngoài tỉnh mấy.

- Bác cứ khen quá thế chứ?

- Thực đấy. *Bồong* lắm.

- Bác bảo *bồong* là thế nào?

- *Bồong* tiếng Tây là đủ tất cả các nhẽ. Sang trọng, danh giá, lịch sự. Đủ hết. Tuốt mo.

- Gớm nhỉ!

- Nhưng nhà này...

- Thưa, gì ạ?

Bác Vực trở tay lên đầu hồi bên trái:

- Chỗ khoảng tường trắng kia mà treo một bức truyền thần thì ăn *phom* lắm.

- Truyền thần là thế nào?

- Là cái ảnh chụp ông ấy. Ảnh chụp rồi vẽ to bằng cái mâm xếp vuông kia kia.

- Làng ta chưa ai có nhỉ?

- Xì, gớm. Ngoài Kẻ Chợ người ta mới biết chơi chứ. Ở đây, ai đã vạch mắt ra cho. Ông cũng nên chơi một cái truyền thần. Vài đồng bạc thôi.

- Ồ...

- Rẻ lắm.

- Để hôm nào thông thả tôi ra ngoài tỉnh nhờ bác.

- Được... *Bồ ông* .

Từ hôm ấy, ông nhang Chỉnh cứ tơ tưởng đến cái ảnh truyền thần. Giá đem treo ở cái đầu hồi kia thì *bồ ông* lắm, cừ lắm. Bác Vực bảo thế. Chưa ai biết chơi cái ấy. Đến chính ông cũng lờ mờ chưa thể rõ được cái truyền thần nó là cái gì. Nhưng mà kẻ chơi như vậy thì rẻ. Chơi một thứ cả làng chưa ai biết mà tốn chỉ có vài đồng bạc. Thế ra, ở đời, cứ tinh thạo là biết chơi sang mà chẳng mất mấy nổi tiền.

Một hôm, ông nhang Chỉnh vận áo the, quần trắng tề chỉnh. Ông cầm ô, móc cái khăn gói điều vào cán, vác ghéch lên trên vai. Con ông hỏi:

- Bố đi đâu?

- Tao lên Kẻ Chợ.

Mười hôm, ông nhang Chỉnh về. Vẫn như hôm đi, ông không mang gì ở ngoài tỉnh về. Cả ngày, ông kỳ cục cưa một ống vầu lớn. Cái ống vừa dài, lại vừa to. Ông cắt thủng một đầu mấu, lấy giấy bịt kín lại.

Rồi ông lễ mễ ôm cái ống vầu kỳ quái ra tỉnh. Chiều hôm đó, người ta thấy ông nhang Chỉnh đi thủng thỉnh trên đường cái Tây xuống. Mặt và tai ông đỏ gay. Ông vừa uống rượu ngoài chợ. Cái khăn lượt tụt xuống trông lóng quanh cổ. Cả cái áo the cũng quần vào bụng. Một vai ông vác ngược cái ống vầu. Một tay ông cắp cái gì to, như cái mâm xếp, bọc kín hai mặt những giấy nhật trình.

Ông đi khệnh khạng, với điệu vung vỉnh ghê. Mặt ông vênh lên. Hai cánh ria mũi mác đen đen cũng vênh ra. Hai cái ria, nom thú vị lạ. Nó tựa như là ai viết một chữ *bát* vào giữa mặt ông nhang Chỉnh. Cái chữ *bát* hơi mấp máy, động đậy. Ấy là lúc ông đương có vẻ hể hả lắm. Ông đương sửa soạn một nụ cười tùm.

Mà ông đương sung sức, hể hả thực. Bởi vì, về đến nhà, ông cười các thứ kia ra, thì đó là những thứ mà bấy lâu nay ông hằng ao ước - do bác quyền Vực khơi mào cho.

Này, những tờ giấy nhật trình được bóc ra. Một cái khung gỗ, đã đánh bóng, lắp mặt kính nhấp nhánh. Màu gỗ vàng sọng, tươi như nghệ, bao quanh mặt kính sáng loáng. Soi vào thấy rõ cả mặt người.

Đến khi ông nhang Chỉnh trịnh trọng gỡ nút đầu cái ống vầu, tụt ra một tờ giấy trắng

phốp. Ôi chao! Cái hình ông nhang Chỉnh. Đúng lắm. Đúng quá đi mất.

Ông nhang Chỉnh chít khăn đen nhánh. Cái mặt ông hết là... cái mặt ông. Đủ hai tai, hai mắt, có lông mày cẩn thận. Trên mồm, chỉnh chệch hai cái mác ria đen nhọn hoắt. Sao mà khéo thế, tài thế. Ông mặc áo gấm (ô hay, ông nhang có áo gấm bao giờ) gấm hoa tròn như cái bát cẩn thận, ông ngồi trên một bộ ghế rất sang. Cánh tay ông khuỳnh ra, tựa vào mép cái bàn, một tay ông cầm chiếc quạt. Rõ ra điệu bộ một người đứng bậc và phong lưu.

*

* *

Người trong khắp xóm và khắp cả làng kéo đến xem cái ảnh truyền thần của ông nhang Chỉnh. Ai cũng khen:

- Tài thực. Giống ông nhang như đúc.

Một buổi trưa, đương nắng to, ông nhiều Phận bên Phú Gia, đội nón sang chơi với ông nhang Chỉnh. Ông vừa lau mồ hôi, vừa hớn hớn nói:

- Nghe thấy người ta đồn bên bác mới có cái hình gì tài lắm.

Ông nhang cười, trở lên tường:

- Đây này...

Ông nhiều Phận nhìn đến tròn mắt lại:

- Ôi giỏi ơi kìa, hết quá! Chết chữa, sao mà lại giống như lột ấy. Mà gớm sao bác ăn mặc chừng chặc đến như thế, bằng khăn áo quan phủ!

Ông nhang Chỉnh cắt nghĩa:

- Tôi chỉ chụp có cái ảnh con con ba hào thôi. Thế là người ta vẽ luôn ngay ra to như thế đấy. Vẽ được cả áo gấm, bác tính có lấu không?

Ông nhiều Phận tặc lưỡi:

- Chịu! Thiên hạ lắm người tài!

Con gà trống ri

Trời sớm chưa rạng hẳn đã nghe thấy tiếng gà te te gáy.

Tiếng gà non gáy e é như một giọng rít hơi đưa từ trong cuống họng ra. Rồi thì cả nhà ai cũng nhắc đến:

- Ô, con gà gáy đã dọn giọng ra phết đấy!

Một lát sau, cu Lặc ra mở tung hai cánh cửa chuồng gà vịt. Lập tức, anh gà trống te tái chạy ra đầu tiên, sau mới đến mấy mụ ngan lạch bạch, mười chú ngỗng khề khà vừa bước vừa thò cái cổ dài nghêu ra nghe ngóng. Thật là một cuộc điểm binh long trọng mà anh gà giữ địa vị một ông thống soái đi dẫn đầu. Nó nhảy phóc ngay lên cái sàn chạn bát ở ngoài hiên, vỗ đôm đốp đôi cánh rồi lấy thẳng gân cổ, gáy một câu rõ thật oai: “Kéc... ke...ke...”.

*

* *

Xa đây chừng hơn một tháng, một ngày phiên chợ Bưởi, u tôi mua về đôi gà nhỏ giá có gần ba hào cả hai. Người bảo: “Có thêm mấy con gà lắt nhắt cho nó vui sân”.

Hai con gà - một trống, một mái - còn bé tẹo, đáng như mới lìa đàn, suốt ngày cứ rúc vào một góc sân và kêu chíp chíp bằng một giọng thảm thê. Chúng nó biếng ăn. Gạo rắc đầy ra chỗ cạnh lon nước mà thỉnh thoảng chúng mới mổ vài hột. Con gà trống đôi khi cũng nhanh nhẹn, chạy chỗ nọ chỗ kia, ngơ ngác như muốn tìm đường về. Còn ả gà mái, dễ thương ồm bệnh nhớ: nó nằm liệt giữa bụi cây sồi mà kêu ai oán. Rồi được đâu có vài hôm, một buổi sáng, tôi mở cửa chuồng chỉ thấy có một nhách gà trống lò dò đi ra. Còn gà mái nằm chết còng queo dưới bụi gỗ. Người ta đem ném xác con gà chết ra đồng và từ hôm ấy, anh gà trống còn lại sống lủi thủi một mình.

Nó là một giống gà ri, thấp bé và nhỏ nhắn hơn giống gà thường. Nó còn nhỏ chưa vỡ lông vỡ cánh mà ủ rũ như một người buồn, cho nên trông càng ái ngại. Lông cánh nó màu xám xịt. Cái mào nhu nhú tái ngoét ở trên đôi mắt lơ lơ mà lúc nào cũng muốn nhắm. Hai cái chân nhỏ quá, thấp quá, xám đen lại luôn luôn run rẩy như sắp ngã quỵ, như không chịu được thời tiết, dù đây là thời tiết đầm ấm của những ngày mùa xuân. Nên khi nó đứng

ở một góc sân kia, Cu Lặc ném từng nắm thóc ở đằng này cho ngan, cho ngỗng ăn mà nó cũng không buồn chạy lại. Nó ngẩn ra nhìn lũ ngan con bước đi lú lút.

Những con ngan nhỏ mới được ba hôm, chỉ to hơn cái trứng một ít. Chúng có bộ lông vàng óng - một màu vàng đáng yêu - như màu những con tơ nõn mới guồng. Nhưng đẹp nhất là đôi mắt và cái mỏ. Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, lúc nào cũng long lanh đưa đi đưa lại như có nước, làm hoạt động hai con ngươi bóng mỡ. Một cái mỏ màu nhung hươu vừa bằng ngón tay đứa bé mới đẻ và có lẽ cũng mềm như thế, mọc ngắn ngắn đằng trước. Cái đầu xinh xinh vàng nõn và ở dưới lẩn chũn hai cái chân bé tí màu hồng. Chúng nó chỉ líp chíp khe khẽ và lẩn quẩn dưới chân mẹ. Mẹ ngan mẹ, lơ lơ như một người đàn bà đụn và hiền, lúc nào cũng mãi nghĩ ngợi một điều gì ở tận đâu đâu. Thỉnh thoảng mẹ kêu kiu kiu, dụi mỏ vào lũ con lắc cái đuôi. Lối chần con của mẹ thật là vụng.

Anh gà trống ri bé nhỏ và cô độc lắm lúc đứng nhìn đàn ngan bằng đôi mắt hỏ háy thèm muồn. Anh ngoe nguẩy cái đuôi ngắn cùn khi có mấy con ngan tí hon sán đến chân. Và khi chúng hấp tấp chạy lại với mẹ chúng đang lừ đừ đi, con gà trống khôn nạn cũng lấy cái vui sướng, cong cóc đuổi theo. Nhưng đến gần, mẹ ngan cái xù xì liền giờ mỏ lên quàng quạc đuổi nó. Nó chột tung hửng. Nó lùi lại, lảng đi một phía, ngẩn ngơ kêu chim chíp, khắc khoải như tưởng nhớ, như đau thương. Có lúc nó nằm gục xuống vệ cỏ, buồn nghiêng một bên má, màng trắng kéo che kín mắt.

Tội nghiệp con gà trống ri bé nhỏ sống một thân một mình.

*

* *

Nhưng rồi con gà trống ri cũng lớn và đẹp, sau đấy hơn một tháng. Qua mấy bữa ốm o, tiếp đến những ngày đẹp trời, có ánh nắng dịu lòng đầy góc sân, con gà trống bắt đầu rìa lông, rìa cánh, sửa sang bộ mã cho bớt bản ướt. Rồi trông nó cũng choai choai đẹp mắt và nhón nhao dần lên. Đến bây giờ ngắm nó trông cũng khá đường được.

Một buổi sớm, cả nhà đều nghe thấy một tiếng gì khang khác đằng sau nhà. Tiếng kêu rít như tiếng ho thúng thảng của một người khản cổ. Một lát, cu Lặc chạy học tốc vào gọi:

- Cả nhà ra mà xem con gà ri nó học gáy.

À đấy là tiếng con gà ri tập gáy. Thảo nào. Nghe như tiếng người ta ọe. Nó đứng trên đầu

một cái cọc giậu nửa, chốc chốc lại thuôn dài cổ, phồng tướng cái điều đựng com lên rồi đưa ra một hơi “Quéc... ke... ke...” Cứ một lát lại thế. Gáy rất khó nhọc, nhưng xem ra anh gà khoan khoái lắm, mỗi khi xong được một tiếng như vậy. Vì thấy lúc tiếng “ke” cuối cùng vừa thoát ra khỏi mỏ, gà ta nhìn ngang nhìn ngửa, hiêng hiếc hai con mắt tráo trâng ra vẻ lắm! Và lại bộ tịch nữa!

Rồi ngày dần qua, con gà trống trút được cái dáng điệu buồn thiu, buồn thiu buổi nọ đi. Có lẽ nó quên đàn, quên mẹ, quên con gà em chết hôm mới đây, quên rồi. Vì nó đã lớn. Khi người ta lớn, những ý tưởng liên lạc về gia đình cứ lỏng lẻo dần. Con gà đang thời kỳ sấm sủ, thời kỳ ăn chơi, của chàng thanh niên.

Màu sắc bộ mã nó sẫm lại, đen thì đen biếc, trắng thành trắng bạch và đỏ trở nên đỏ khé. Mào nó mọc dài, thắm hoe như dải lá cờ nheo. Đuôi nó uốn vòng lên như chiếc lông dài huyền bóng. Mỏ nó thẫm ngà vàng và rắn chắc, có thể mỏ dôm dóp được vào thân một cây nửa tép.

Bây giờ những buổi sớm, cậu gà trống ri thường trở dậy gáy te te từ lúc chưa tỏ mặt người. Mỗi ngày cái câu “kéc... ke... ke...” lại nối dài thêm tiếng “ke” vào. Bác xã Khóm làm nghề bán cháo rong bên hàng xóm đã phải theo tiếng gà báo thức để trở dậy làm hàng. Bác thường khen con gà báo đúng giấc lắm.

Nó đứng đắn và hóa ra có bộ mặt khinh khỉnh ta đây. Nó bắt đầu coi thường mấy chú ngan nhép cứ quần bên chân, những con ngan nhỏ nhắn ngày xưa đã làm nó vương nhớ đến mẹ nó. Nó thị uy bằng cách đá cho chúng mấy cái. Bọn trẻ con này sợ, phải lảng ngay ra xa. Nó rất bằng lòng với cái sự tấn công đầu tiên mà lại được thắng lợi. Dần dần nó lấn lên một bước, nghĩa là con gà ri của tôi, một bữa kia mỏ ông ngỗng cao lêu nghêu một cái vào cổ rồi lúi chạy rất nhanh để giữ miếng. Ông ngỗng bại và lẩn. Thế là một lúc sau, con gà kiêu hãnh ấy nhảy lên vừa đá vừa mỏ vào lưng bà ngan cái lừ đừ. Lúc này lại khiêm tốn, bà ngan cũng dờ dẩn, làm ngơ đi.

Từ đây, con gà trống ri lên ngôi cửu ngũ ở cái sân nuôi gà vịt con con. Mỗi buổi mai, khi người ta mở cửa chuồng, nó bay ngay ra đậu trên một cái sào nửa ngát nghều, cất cao tiếng gáy trong khi mấy con ngan, mấy con ngỗng lần lượt điều binh qua dưới chân.

Ra vẻ tài ba lắm. Cái dĩ vãng buồn teo thật là xa, xa lằng lắc.

Đáng tiếc một nỗi, gà lại là giống gà ri. Một thứ gà bé nhất trong loài gà. Cho nên khi anh ta làm bộ tịch người lớn thì chỉ buồn cười như những anh lùn mà đi cái lối ngoe nguẩy. Gà cũng uống nước, cũng ria lông, cũng hiêng mắt lên nhìn trời những khi nắng to. Chỉ phiền một nỗi, anh gà bé và thấp lùn chũn. Bác lùn tịt lại hay làm điệu bộ của người cao. Có một lần, anh mon men sang bên sân nhà hàng xóm, chột gặp một bác trống thiến. Chao ơi! Sao mà bác gà trống thiến kia mới to thể, béo mẫm làm sao! Nó đứng mới đến bên anh không lỏ. Nó chuồn ngay về nhà và từ buổi đó không bén mảng sang bên ấy nữa.

Nó đi kiếm ăn phương khác.

Và con gà ri nhỏ cũng đa tình lắm. Nó có cái tật mê gái, như tính chung của loài gà - cả của loài người, khi mới lớn lên. Nó yêu rất ham, mặc dầu con đường tình của nó khó khăn và gặp nhiều trở ngại lớn. Bởi một duyên cớ.

Xung quanh khu vực chỗ nó ở, tuyệt nhiên không có đến hai con gà ri. Trước sau, có mỗi một mình. Tìm một người bạn tri âm bằng trắc, không tài nào thấy. Có vài ba chị láng giềng thì đã “nái xề”, chỉ biết đẻ trứng và biết “cục ta cục tác” loạn xạ chứ không còn chú ý những giọng yêu đương tình tứ. Anh gà ri của tôi đang ở cái tuổi mộng mơ, nghĩ những chuyện ái ân cao xa. Vả lại trắc vai anh ta cũng không bằng các ả mái nọ. Có lúc buồn muốn gỡ gạc, anh đến bên cạnh xòe cánh theo kiểu ghe mái, chực tán phỏ mát một đôi câu, nhưng lập tức bị các nàng phản đối và bị các chú gà trống - nhất là ông gà chọi - đánh cho chạy bán xác không kịp. Anh gà ri hoảng.

Trong vùng quanh đây cũng có hai chị mái tơ. Nhưng có lẽ nó đã biết thân phận cho nên không dám hé mở tán tỉnh. Hai chị thuộc về giống gà lớn. Tán như vậy, nếu gặp những thằng nhân tình của chúng thì thật là gặp con tối đại nguy hiểm của những trận đòn ghen. Anh chàng chịu thua. đành chịu làm ăn một mình.

Nhưng anh bực mình. Những sớm sớm, những chiều chiều, đứng giương cặp mắt hau háu trong bụi cây, nhìn từng cặp một vui thú tâm tình, lòng anh rạo rục và phiền muộn làm sao. Chúng khinh anh bé nhỏ quá. Anh rất buồn rầu và buồn rầu, ảo não bao nhiêu anh lại càng hay cáu kỉnh, bực dọc với lũ ngan, lũ ngỗng bấy nhiêu. Anh đá, anh đập, anh mổ, anh đuổi.

Nhưng rồi anh gà trống ri cũng học đòi đi kiếm ăn xa nhà. Hẳn lần thân đến những

khoảng vườn lạ. Như thế có lẽ đỡ được buồn và trong khi rẽ bước giang hồ từ vườn cây này sang mô đất nọ, được từng trải và hiểu biết nhiều cảnh khác nhau, anh cũng giác ngộ thêm. Và anh còn hy vọng gặp được một người bạn đồng tâm.

Anh hay đi vắng, ít khi phải về bới xó bếp. Bây giờ anh đã tiêm nhiễm cái thú của sự du lịch. Có khi một ngày anh chỉ về nhà có một lần, lúc sẩm tối, khi trở lại chuồng ngủ.

Rồi không ai biết rõ là bữa nào, con gà trống ri ra đi. Có lẽ hần đi theo tiếng gọi của ái tình. Một sáng, cu Lặc mở cửa chuồng như thường lệ, thấy vắng anh gà ri, tìm cũng không có.

U tôi chép miệng:

- Mất con gà ranh rồi!

Tưởng là mất hút. Nhưng một hôm, chúng tôi ra ngoài đầu xóm chơi, lại bắt gặp anh gà trống ri. Trông anh tang thương phờ phạc quá, gầy guộc phong trần cả đến lông cánh. Khi đó, chú gà đương mải mê đi theo một chị gà mái. Đó cũng là một chị gà mái ri. Chả trách, bấy lâu nay vắng mặt chàng cũng có nhẽ.

Bọn trẻ chạy về gọi cu Lặc. Lặc đuổi theo hai con gà thì thấy chúng chạy xô cả vào một cái ngõ gần đấy. Người ta bảo:

- Một hôm, tự dưng có anh gà này không biết ở đâu, theo con gà mái của nhà tôi. Chẳng thấy ai trong xóm kêu mất gà nên tôi cũng mặc. Mà anh này thì mê tíu con gà mái, không rời đi đâu nữa.

Chúng tôi ôm con gà trống ri về. U tôi bảo Lặc ra ngoài xóm hỏi mua con gà mái ri kia để cho có đôi. Và cốt là để buộc căng chàng gà. Nhưng người ta trả lời:

- Ngày kia, nhà tôi có kỵ. Cũng phải thịt đến nó.

Thực thất vọng gớm ghê cho anh gà ri. Và chỉ luẩn quẩn được vài hôm, anh lại biến đi đâu mất mặt. Nó đi tìm bạn tình. Nhưng cái nàng gà ri đã khiến cho gã phải bỏ cửa bỏ nhà, thì không còn nữa.

Rồi gã đi biệt hẩn. Chắc chẳng phải là đi với nỗi nhớ thương cô ả má đào bạc mệnh ấy. Gã vốn tính mau quên.

Đôi ri đá

Ít lâu nay, có một loài lạ lạc vào vườn. Anh chim sẻ xưa nay vẫn to hó đứng trong đầu nhà, kêu tặc tặc không được điềm tĩnh và đều đặn như mọi khi. Ra vẻ thảng thốt, như thể anh lo những kẻ lạ nào đang dò dẫm, tìm kiếm nơi ăn, chôn ở trong vườn nhà mình.

Quả đúng như nỗi lo của sẻ.

Có hai con chim ri đá, mấy bữa này, thường lai vãng đến vườn. Chúng nhăm nhoát chuyển từ cây bưởi sang cây khế, đến cạnh hồng bì.

Sẻ ta đứng bắn khoả nơi nóc hời nhà nhón nhác nhìn ra điệu ghét lắm.

*

* *

Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng lúa chín vàng hây. Những bông nếp mập và tươi ong óng, trĩu gù lưng xuống. Màu vàng san sát giải từ cánh đồng làng Nghĩa Đô, mênh mông đến tận bờ tre làng Phú Gia.

Theo với mùa lúa, từng đàn chim ri bay về mọi cánh đồng. Và hai con chim ri đá kia thần thơ vào trong vườn này.

Đó là một đôi vợ chồng. Chàng và nàng. Có lẽ là đôi vợ chồng mới cưới nhau vào đầu mùa thu vừa rồi.

Nếu nói so sánh, ta có thể so sánh rằng đôi chim ri ấy tựa một cặp vợ chồng quê mới rủ nhau lên tỉnh. Họ lò khò, ngẩn ngơ, xấu xí. Họ thuộc loài ri đá chính tông. Và hiệu là ri sùng. Người loắt choắt, chưa bằng ri cam, mà lại bé hơn cả chim sẻ. Trông một ri đá chỉ bằng nửa chim sẻ. Vừa như chiếc hạt mít mập mạp, có đỉnh chút đuôi. Đôi mắt nâu lò dò. Cặp mỏ ngắn, cục mịch, thây lầy trước đôi mắt như một viên cuội xám xám. Lông màu nâu, mượt, trơn và mịn. Đôi chân cũng xám như mỏ.

Ở con chim ri, có hình bóng một người cù rù nhưng nhẩn nại, lam lũ và luôn chân lấm tay bùn - những người cần lao của đồng ruộng.

Một buổi sáng, vợ chồng ri từ đâu sà xuống cây buri. Chúng kêu kéc kéc nho nhỏ. Thế là anh chim sẻ lắng tai nghe tiếng cũng tặc tặc âm ỉ. Dáng hẳn chàng ta chửi đứa nào dám vào nhà mình. Nhưng sẽ chỉ nỏ mồm công kích suông thế thôi, không dám xuống tận nơi.

Vợ chồng ri đã điềm nhiên, chẳng để ý đến sự lèm bèm đó. Chàng nghiêng má nhìn cây hồng bì rồi nhún cẳng nhảy sang. Nhẹ như một chiếc lá rơi, và cũng lún ngay vào lá, không động tĩnh gì hết. Nàng bay theo chàng nhưng bay hơi nặng nề, đôi cánh vỗ xè xè, bởi người nàng có đầy đà chút đỉnh. Không hiểu nàng ri đã đã có con lán nào chưa, chứ thực trông nàng chẳng được gọn mấy. Đầu hơi phờ. Lông bụng bạc phếch. Cườm ngực, cườm cổ không đen nhánh và bóng mượt như của chàng. Có cái lỗi của những người đàn bà xười xinh khi không còn thì con gái, ăn mặc xóc xếch, chẳng thiết gì đến điểm trang nữa.

Chàng xáo xác trong cây hồng bì. Cây hồng bì thấp nhưng rậm lá. Và lại, với một anh ri bé bỏng, thế đã là khá cao rồi. Nàng cũng sục sạo trong cây, như kiếm chác một cái gì. Chẳng có lẽ. Họ tìm chi trong tùm lá hồng bì đó? Loài ri đã không thể biết ăn sâu. Nhưng đâu có bông lúa vàng ở đây. Kìa, đôi vợ chồng lại bay ra đậu ở một cành cây cụt. Họ nghiêng má nhìn trời. Trời cao và xanh, không cùng. Vụt một cái, bốn cánh vút bay đi loang loáng.

Người ta thấy ở ngoài đầu xóm, hai vợ chồng ri đã đến đậu trên một mái rạ cũ. Rạ đã bạc trắng và nát mủn. Chị chim ri hé mỏ mổ vào cuống rạ. Anh cong đuôi lên để lôi cuống rạ đứt ra. Khi đã lôi được, anh quắp lấy và bay vụt đi. Cô ả cũng bay liền ngay theo. Họ bay về cây hồng bì. Cây hồng bì ở ngay trước sân, bên cạnh một bể nước. Những chiếc lá mùa đông, rụng xuống, vàng úa trên gai nửa. Chàng đặt cuống rạ vào một cành hồng bì kín và cao nhất. Rồi họ lại bay đi, vợ theo đuôi chồng, đến lấy rạ ở mái nhà nát nọ. Chị mổ và anh kéo. Dù được mẩu dài hay mẩu ngắn, anh không phiền hà, quắp ngay lấy mang về cây. Công việc cứ thế, đều đều suốt ngày, như người ta mắc cửi.

Được chừng ba hôm, bác sẽ bay qua cây hồng bì, đã thấy trong cây lù lù một nắm rạ lòng thông, bản thiu như một mớ rơm rửa bát. À hai vợ chồng con ri đã đến ngụ cư ở nơi này. Họ đang làm nhà.

Bao nhiêu công việc xây dựng, người chồng phải đương lấy tất cả. Chàng tha rác liên liên

về cây. Chàng xếp đặt cho thực khéo, thực gọn. Trong khi ấy, nàng chỉ biết có việc mỗ dứt cuộng rạ và việc bay nhón nhơ theo chồng. Thỉnh thoảng nàng lại khẽ hát kéc kéc, như để khuyến khích hoặc nói bông cho chàng vẫn hăm hụi, cắm cúi làm.

Chàng đặt móng cho nếp nhà mới bằng một lớp rạ. Rồi chàng đi tìm ở những bẹ dừa lấy những sợi dây rất nhỏ. Việc tha những sợi dây này vẫn là việc của người chồng chịu khó. Chàng đem về, đánh đai rất xinh, vòng trong những cuộng rạ, dựng thành một khung tròn hình lòng tổ.

Cái lòng tổ êm ái đã hoàn thành. Bây giờ chàng đi tìm lá khô. Chẳng biết mò mẫm thế nào mà tha về được từng nạm lá duối, đem chắt lù lù cả lên xung quanh thành tổ. Mỗi chuyến chàng mang về chừng đôi ba tờ lá nhỏ.

Một chuyến kia, vợ chồng ri đá song song bay từ ngoài bờ giậu vào vườn. Vừa sà xuống cây hồng bì, anh ri đá đã hoảng hốt buông rời mấy chiếc lá, cuống cuống nhào lên, rồi bay tít tắp ra tận ngoài đồng. Chị vợ cũng nhón nhác rồi đuổi theo.

Có gì đâu! Dưới gốc cây hồng bì bỗng lộn xộn bao nhiêu là người. Khắp sân, đầy đông những lượm lúa vàng rươi. Người ta kê ra một chiếc cối đá hồng đáy. Từng lượm lúa chắc nịch cặp vào hai thanh tre rồi người ta đập lên cối đá từng hồi, cho thóc rơi vung vãi ra bốn phía.

Họ vừa làm vừa cười cười, nói nói ồm ồm, cả đàn ông lẫn đàn bà. Thấy thế, vợ chồng ri đá sợ hết vía. Không dám bén mảng về nữa. Nói của đáng tội, chiều hôm đó, cậu mợ cũng về. Nhưng ở sân vẫn còn tíu tít ồn ã những người, nên lại phải vội vàng bay đi. Sáng hôm sau, chàng lại về. Mỗ ngậm rác cẩn thận. Song người ta vẫn thi nhau đập lúa thành thịch. Chàng lại bỏ đi, để rơi mấy chiếc lá khô xuống đất.

Người ta đập lúa trong sân. Bác sẻ mon men xuống kiểm chác, nhặt những hạt thóc rụng. Không thấy vợ chồng anh ri đá đâu, ý chừng bác sẻ ta hả hê lắm.

*

* *

Gió may ràn rạt gào, lúc lắc những cành hồng bì mảnh khảnh. Cái tổ hoang kia, không chim nào chăm nom đến, những cuộng rạ ở xung quanh đã ải sẵn, cứ trệ xuống dần. Rồi nó chỉ còn là một nắm rác rưởi, một nắm bụi nhùi của một đứa trẻ nào gài vu vơ lên đấy. Hai

con chim sợ người đã bỏ phí mất một cái tổ đương dựng. Nó sắp rơi hoài xuống cỏ mát.

Công việc gặt hái đã xong. Sân vườn lại trở về hiu quạnh như thường ngày. Chỉ còn tiếng anh sẻ rền rĩ. Cây hồng bì, không phải mùa quả, hoang vắng lạnh lùng như một cây rừng. Đôi chim ri chẳng trở về nữa.

Không, họ lại trở về. Một hôm, từ lúc trời vừa dưng sáng đã nghe có tiếng lạt sạt trong cây. Bấy giờ bác chim sẻ chưa dậy. Đến khi trở dậy, ra đứng ngoài đầu ống, bác đã thấy vợ chồng ri đá đương nói đuôi nhau tha rác về cây hồng bì. Bác lại trông xuống mà hé mở. Bắt đầu kêu than kêu vãn. Đôi chim ri tha về những cuộng rạ nát. Lại những cuộng rạ nát nhũn. Bởi vì họ lại bắt đầu. Nghĩa là vợ chồng chim ri lại kỳ cục xây lên trên cái ổ dở dang kia, một cái ổ khác, mới nguyên. Lại những cuộng rạ mục, những dây dợ ở những bẹ dừa, bẹ cau. Lại những chiếc lá đuôi khô, đã quấn queo. Và lại vẫn anh chồng còm còm tha rác suốt ngày để cho chị vợ thần thơ bay theo. Có khi, chàng bắt được đâu cả một mảng mạng nhện nhăng nhít, cũng lôi thôi tha về.

Chẳng bao lâu, cái tổ có lòng trứng xuống và những chiếc lá khô thì làm thành một vòng cao lên. Ở trên trông vào, tựa hình một cái tổ bé tí tẹo của trẻ con chơi. Giá ở nhiều loài chim khác, như chim chào mào, sáo sậu, ắt cái tổ kia đã được khánh thành. Nhưng với ri đá, tính cẩn thận, chàng chưa thể gọi thế là xong được. Họ còn tạo tác thêm. Nói là họ, kỳ thực công việc xây dựng đều do mỏ và chân của anh chồng. Chàng nựng vợ đủ điều.

Chàng ta đi kiếm ở các xó vườn lạ về những cặng lá xoan, cặng lá khế đã khô đét. Chàng lợp một cái mái. Cái mái nhà để che mưa và che nắng. Chàng lại đi khuôn lá đuôi, khuôn cặng rạ về và xếp một lượt dày lên trên những lượt cặng. Xuôi đâu đấy, chàng loay hoay khoét một cái lỗ. Khi đục xong lỗ, vậy là lúc công cuộc làm tổ đã hoàn thành.

Chàng chui vào trong tổ, kêu lên mấy tiếng ke ke. Ở ngoài cô vợ cũng đáp lại như thế. Chàng liền bay ra, đứng cạnh nàng tỏ vẻ âu yếm. Chàng xích lại một chút. Chị vợ cũng nhún nhún đôi chân và rung rung đôi cánh. Hai cái mỏ chiu vào nhau. Đôi chim hoan hỉ nhìn nhau và cùng xù lông ra rũ phành phạch. Chàng khoan khoái bay tung tăng đi vu vơ đâu một lúc, rồi lại trở về, cùng chui tọt vào tổ. Cái tổ kín và riêng tư như một nếp nhà của người ta.

Thế là tổ đã làm xong. Trông nó xấu xí tựa một mớ rác lộn. Song đó chỉ là bề ngoài không quan hệ thôi. Đây, hãy đến gần, ló đầu vào một tí mà xem. Đường cửa tổ tròn, xung quanh nhẵn thín, chui ra chui vào rất gọn, không vướng víu mây may. Cái lòng tổ thì êm và

mịn, vừa cho chỗ nàng ri nằm. Ri đực chỉ rón rén nằm ghéch bên cạnh, hai cái mỏ cùng chìa ra phía cửa.

Từ hôm ấy, sớm mờ mờ đã nghe tiếng ri động lạt sạt trong cây hồng bì. Họ đùa nhau. Họ móm mỏ nhau. Và có tình yêu luôn luôn. Chị vợ chỉ nằm xù xù trong tổ cả ngày. Nàng ấp dạn cho những ngày sắp sinh trứng. Đến khi hoàng hôn xuống, cả hai vợ chồng cùng chui vào tổ, nằm chầu mỏ ra ngoài cửa.

Họ chờ ngày đẻ trứng

*

* *

Những con chim hét đen chặm chụi, mỏ vàng bệch, đã từ phương xa bay về. Dấu báo hiệu mùa lạnh sắp đến.

Gió may trở về đã từ lâu, hiu hiu và hiền lành. Nhưng chiều ấy, gió may bỗng trở mạnh và đột nhiên hóa cái kinh, nổi cơn bùng bùng. Trời đất âm u sầm lại. Từng làn mây nước lớn xám xịt, chuyển vận theo gió bay xuôi hỗn độn, tới tấp như một cuộc thay đổi kỳ lạ của vũ trụ.

Sáng hôm sau, trời đổ mưa xuống đều đều, nhưng không to lắm. Vòm không mù trắng những nước. Và trời cứ mưa đều đều, lai rai, nhỏ nhẹ như thế, hết ngày ấy sang ngày khác. Ông mặt trời đã đi đâu mất, để cho trời đất cứ thi nhau khóc ra mưa ra gió. Người ta đều phải ở trong nhà. Đường trong làng lầy lội, bùn xám ngập cao tới lưng ông chân.

Đôi ri cũng phải ở trong nhà. Chúng nằm ro ró mà nhìn ra xem mưa. Chao ôi! Cái thứ trời gì mà cứ xối mãi nước xuống. Mưa ba hôm, đôi chim bắt đầu thấy buồn buồn. Mưa được bốn ngày thì lạnh lạnh. Những hạt nước đọng ở trên mái tổ rích vào, thấm xuống, ướt hết cả xung quanh. Nhưng sự lạnh và sự thấm nước đó chưa đáng để ý, bởi đôi chim mặc một bộ lông dày và họ có hơi nóng của nhau. Song không dám bay ra ngoài. Nằm nhịn đói cũng đã thường quen, không hề chi.

Trời vẫn mưa. Bây giờ lại có những giọt nước mới đến nữa, lá và cành khô không chịu thấm được hơn. Nước mưa lăn trên mái tổ rồi rỏ rả lạch tạch xuống đầu vợ chồng gã chim ri. Lại có thêm gió. Gió đùng đưa cành cây hồng bì. Từng loạt nước rơi xuống rào rào, liên tiếp. Vợ chồng ri đá xù lông ra lắc bụi nước. Nhưng rồi bụi nước - tuy đã lắc mãi - cũng bám được

vào lồng chim. Hai cái đầu thấm nước, bết lông vào với nhau, bé tọp hẳn đi. Trông thảm hại như hai người ốm liệt giường mà bị cạo trọc đầu. Lúc này là lúc hai vợ chồng chim ri không nên được nữa. Nếu họ không đi tránh mưa, nước cứ rót lạch tạch luôn vào đầu thì đến chết rét mất. Bối trời lạnh. Buổi sáng người ta mó tay vào nước thấy buốt thon thót. Mưa thì liên miên. Giọt gianh chảy rích rích xuống bốn bên xung quanh nhà.

Một hôm, hai vợ chồng chim ri đành lòng rời cái tổ ẩm ướt, đi tìm một cái nhà nào kín để tạm ẩn. Chúng bay đi trong bụi mưa, bốn cánh vỗ nặng nề. Bấy giờ mới là xế trưa, nhưng trời đầy mưa, xám và trắng những nước, nên tưởng như trời đã sắp tối. Vợ chồng chim ri rời tổ. Bác sẻ già kia không biết. Mấy bữa nay mưa gió, bác ta rúc tránh vào tận đáy ống tre.

*

* *

Nhưng cũng vẫn còn cuộc trở về của đôi chim. Ấy là một ngày mùa đông có nắng, sau trận mưa ghê gớm liên miên đến nửa tháng. Mọi vật vẫn chưa khỏi hẳn ẩm ướt. Nước ẩm nhiều quá. Bức tường ngoài đầu ngõ, thảm rêu lên xanh om. Tuy nắng, nhưng nắng chưa đủ gây ẩm. Không khí vẫn phảng phất hơi giá.

Đôi chim ri lìa tổ ngo ngác ở đâu về đậu bên cây bưởi. Bác sẻ ở dưới sân, đứng trong nắng để hong lông, hong cánh, trông thấy đôi chim đáng ghét liền bay vù lên nóc nhà và kêu chơe chơe như bị ai bóp cổ. Chàng ri đực liệng vào trong vườn lá hồng bì. Chàng vào thăm tổ. Trận mưa cũng có làm hư hại mất đôi chút. Mấy chú nhện lạc lổng nơi nào đã chẳng mạng kín cả cửa ngõ. Ri ta mới tức làm sao! Hẳn mỗ luôn cho mỗ mỗ, tan hoang cả khung cửa nhện. Vào trong tổ, hẳn dùng mỗ và cẳng bới xếp, dọn lại một lát thì giường nệm lại phẳng phiu gần được như cũ. Hẳn chui ra, nhường chỗ cho vợ vào. Chị ả lại nằm xem xếp thò chiếc mỗ ngấn ngấn ra cửa.

Và hai vợ chồng lại luôn luôn thay nhau ấp tổ. Mười hôm, ri cái đẻ ra một chiếc trứng nhỏ xíu. Trước sau chị đẻ được bốn chiếc trứng. Bốn chiếc trứng chỉ nhỉnh hơn bốn củ lạc lớn, màu trắng đục lốm đốm nâu, nằm đều đặn, gọn thon lỏn trong lòng tổ. Chị ri phải xòe lông bụng ra mới đủ che cả bốn trứng.

Trong cái tiểu gia đình này, người ta nửa mừng và nửa lo. Sáng ngày ra, hai vợ chồng hát nho nhỏ. Họ hát ru sao? Chỉ có mỗi một điệu hót ke ke. Và riêng khi nào vui lắm, âu yếm nhau lắm, họ mới rung hai cánh mà làm điệu mỗ ri ri ri... Họ ăn ở dè lén, bình lặng,

chịu khó, ít ồn ã. Cuộc đời trôi chảy âm thầm dưới vòm lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa Đô, cần cù và nghèo khó trên cái khung cửi, trong bốn lũy tre. Họ ít nói. Trái hẳn với loài sẻ lấu tấu, luôn mồm kêu cãi nhải.

Bốn trứng đã tới kỳ nở. Những cái mỏ non nớt tự mở rạn bốn vỏ trứng để thoát ra. Thế là bốn con chim ri nhỏ vào ánh sáng. Mẹ chúng nhảy ra cửa, đứng giăng chân, ngó bố của chúng đứng gần đấy. Bốn con mắt nâu đục nhìn nhau lơ lảo.

Bây giờ cái tổ là chiếc giường của đàn bà con mọn. Bừa bãi đầy những vỏ trứng vỡ, bần thiu như mấy cái tã. Líp nhíp bốn nhách chim đỏ hỏn. Mụ ri cái càng phờ phạc, đờ đẫn tợn. Anh chồng cũng ra vẻ lo lắng thay. Song giờ đương là đầu tháng Chạp. Không còn mưa rớt của tháng Bảy như trận mưa tầm tã hôm xưa nữa. Thời tiết lạnh, nhưng hanh và khô cứng.

Bốn con ri cũng đã nhón nhao. Bố mẹ chúng rạc cả người, về nổi đi kiếm môi nuôi con. Chúng lớn dần dần. Cùng với Tết Nguyên đán, cũng lần lần nghiêng đến với mọi người ta.

*

* *

Năm nay, ở Nghĩa Đô, người ta ăn cái Tết Nguyên đán không vui.

Bởi vì làng có mỗi một nghề làm linh, lựa thì linh, lựa lại ế. Hàng dẹt ra không thể bán đi được. Chẳng có ai mua. Nhiều khung cửi phải xếp lại. Những guồng tơ bỏ trống. Văng tiếng lóc cóc ran ri của cái vày tơ. Ngày phiên, không có những bác thợ cửi say rượu, mặt đỏ gay, đi chệnh choạng trên đường cái làng. Công việc chẳng có hoặc bao nhiêu dân vốn đều hết cả, người ta phải quẩy đất thuê, đi làm thợ nề và ra Hà Nội kéo xe. Có những kẻ liều lĩnh đã ký giấy “mộ phu” sang “Tân thế giới”.

Cái Tết hững hờ đến với mọi sự lạnh nhạt. Giá gạo cao tới ba đồng rưỡi một chục đấu nhỏ. Xưa nay chưa như thế bao giờ! Túng quẫn quá, người ta không cần và không thể nghĩ đến lo Tết lắm nữa. Hàng lá dong vào làng rao ới ới, rồi lại ê hề quẩy ra. Làng mạc buồn teo.

Chiều hôm Ba mươi, cả làng vắng tanh. Ấy là một buổi chiều bòn chòn và khó chịu. Người ta ở cái hoàng hôn u uất đó để đợi một năm mới vẫn hằng mong ước sắp đến. Một năm mới với đầy bí mật và hy vọng còn khuất bên kia một lần lặn mặt trời và một đêm đen thẫm, nặng trĩu. “Nhờ phép tổ”, mà nghề nghiệp có được khá khảm chăng?

Gia đình tôi cũng không còn phong lưu như xưa. Ngày mùng Một, không pháo đốt. Tôi mặc tấm áo vải chéo go cũ, đi đôi guốc sơn bóng nhoáng, đầu vuốt nước lã lên để rẽ cho được mượt. Tôi thơ thẩn trong cổng ngõ hai tay thủ túi, buồn ngẩn ngơ. Cả làng chỉ có vài nhà đốt pháo. Nghe lẹt đẹt như tiếng gõ mẹt vậy.

Nhưng sang ngày mùng Hai, nhà tôi được tiếp một người đến lễ Tết. Khách có đem theo một bánh pháo: bác quyền Vực, người bên làng Phú Gia, một học trò “tam tự kinh” ngày xưa của ông ngoại tôi. Bác Vực đi lính, Tết nghỉ phép về chơi quê.

Bác ăn vận rất ngộ. Đầu bác đội chiếc mũ Tây lợp vải vàng và quần áo cũng màu vàng, xù ra. Bắp chân quần xà cạp chặt chẽ lên tận đầu gối. Bác dận một đôi giày có cỏ, da mốt théch như da cóc. Đi nện gót trên sân gạch, nghe kêu kệt kệt, đến ghê.

Lặc cầm bánh pháo của bác Vực, đem ra sân. Bánh pháo dài chưa đủ một gang tay. Hắn treo lên cây hồng bì. Rồi cầm một cái sào dài, đầu có mồi lửa, một tay bịt tai, một tay run run, châm. Pháo bén lửa nổ xì toạch, xì toạch toang toang. Mười cái xác pháo toàn hồng, rắc ra sân như những cánh hoa đào.

Con Đực đương luân quần dưới bếp, đột nhiên nghe tiếng pháo, hốt hoảng chúi cổ cúp đuôi chạy biến ra ngoài đồng. Chó sợ pháo.

Nhưng cái gia đình chim ri ở trên cây hồng bì thì không bao giờ còn về nữa. Sớm ấy, bỗng tiếng pháo kinh khủng nổ vang động trong cây, cả đàn chim cuống cuống bay đi. Những con chim nhỏ ngã xuống, cũng cố vỗ cánh mà bay ngoi ngóp. Tội nghiệp, bốn con ri nhỏ mới ra ràng. Ngày nào cũng đứng chen chân nhau ở cửa tổ để ngó ngác nhìn xung quanh và nhìn lên trời. Bố mẹ lượn xập xè như muốn bay cho các con bắt chước.

Sớm ngày mùng Hai Tết Nguyên đán ấy, sợ những tiếng pháo nổ một cách vô tình ở dưới gốc hồng bì, đôi vợ chồng ri đã chịu khó và nhẫn nại kia, cùng một đàn bốn con thơ dại, tan tác bay đi, không bao giờ còn trở về cây. Chẳng ai biết được cái bầu đoàn khôn khổ ấy long đong bạt đi đâu và về sau ra làm sao.

Đến độ tháng Ba năm đó, đương mùa hoa bưởi nở, cũng có một đôi chim ri lảng vảng đến vườn - biết có phải những gã chim ri cũ! Song chúng chỉ đậu trên cây bưởi một lát. Bác sẻ già đứng trong đầu hồi, ngó cổ xuống, trông thấy, liền kêu tẹt tẹt rộn rã, như muốn khơi chuyện cũ vãi.

O chuột

Trong nhà, trừ người, chó và mèo làm chúa tể. Chó giữ về mặt bộ, mặt thủy. Hắn có phận sự chạy nhông khắp chốn, để đánh hơi, để hỏi han và để mắng những người lạ đi to mớ vào trong ngõ. Có khi cao hứng hắn lội xuống ao, tắm, hoặc nếu có ai cầm hòn gạch ném vào nước và huýt mấy tiếng còi, hắn cũng động cốn mà nhảy tùm xuống. Một đôi bận, sự đùa cợt của hắn cũng được việc. Ấy là khi hắn bơi ở trong ao để dòn vịt về chuồng. Chó hay lèm bèm, ửng ửng, sinh sự nhỏ nhen, nhưng tính tình hắn lại phôi bò, dễ dãi và thường chóng quên.

Còn mèo rất khác. Mèo lờ dờ và nghiêm nghị tựa một thầy giáo nhà dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hắn có cái cốt cách quý phái và trưởng giả. Lúc nào hắn cũng ra vẻ nghĩ ngợi như sắp mưu toan một việc gì ghê gớm lắm. Có phải thế chẳng, hơi cái gã lừ dừ và nghiêm nghị kia? Gã lại càng ra vẻ khó hiểu tợn. Nhưng cái vỏ ngoài kia chưa thể đủ để nói rõ được bề trong. Biết đâu, mèo ta không khó chịu như mình tưởng. Mà vốn hắn lại hiền lành cũng nên?

Hôm nay, tôi kể chuyện một gã mèo kia. Một gã mèo trẻ tuổi. Y sống lặng lẽ trong nếp nhà ngói cổ kính, giữa một vườn cây rộng, ở làng Nghĩa Đô, cùng một sân với bọn chó, bọn gà ri, bọn ngỗng...

Y là một chàng mèo mướp. Giống đó, nhà quê người ta nuôi nhiều. Cái bộ lông mèo mướp thực là dị kỳ. Nó vừa trắng màu lụa, vừa xám màu tro, lại vừa đen xỉn. Khắp mình, ba màu ấy trộn lẫn với nhau, mà trộn rất nhỏ, hòa hợp lại thành một màu đặc biệt như màu cái chăn dạ của chú lính tập. Chỉ ở dưới bụng mới có một mảng lông trắng mềm mềm. Màu mướp ấy trông bản, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra sạch lắm. Nó sạm như đất, mà không phải là có đất bám. Nó lại mờ mịn như có tro phủ lên - bếp tro là chỗ ngủ tốt nhất của loài mèo - mà thực ra cái bờm lông xấu xí đó chẳng vẩn một chút tro bụi. Ngắm thì đẹp mắt, nhưng nếu sờ tay vào, nó muốt như sờ tay trên tấm nhung tơ.

Hai mắt mèo tròn và quắc như đôi hòn bi ve để dưới ánh mặt trời. Hắn không có môi, song hắn có cái mũi đỏ đỏ, đẹp như môi son hồng của các cô gái mười tám đương thì. Đàn bà không ưa cái mũi đỏ ấy. Người ta bảo mèo mũi đỏ là mèo hay ăn vụng. Hai bên mép hắn có hai hàng ria cứng nhắc như ria làm bằng thép nước. Lũ trẻ con, có lúc nghịch, đè ngựa

hắn xuống, lấy kéo cắt trụ cả đôi hàng ria sườn đuột. Nhưng chỉ ít ngày, nó lại trở ra như thường.

Gã mèo mướp ăn ở thì giờ như một người đứng mực. Ban ngày hắn thức cũng không làm gì, hắn chỉ nằm gù gù. Để đến đêm, trong cái bóng tối mung lung, hắn mới ra tay hoạt động. Hắn đi rà rà thâu canh như người trương tuần.

Gã mèo có cái vẻ đạo mạo như một ông đứng tuổi, đương bắt đầu đẻ râu. Hắn hiền hiền mà lại ang ác. Nghĩa là trông hắn thì không tài nào đoán được trong óc hắn nghĩ ngợi gì. Mà chừng hắn chẳng tư tưởng chi ráo! Hắn chỉ là một người rong chơi lông bông. Chẳng có những bác trông mặt thì ra dáng dăm chiêu tư lự mà thực ra trong đầu không chứa đựng một ý nhỏ nào.

*

* *

Gã ngồi đấy, ở trên mặt giai bễ. Hai chân trước đứng thẳng, đôi chân sau gấp lại, y như lối ngồi xồm. Đôi mắt nhìn xa xôi... Tỉnh thoảng, theo thói quen, hắn đưa căng chân phải lên gãi mép, cũng như người ta sờ tay lên vuốt râu cho nó oai vậy.

Trời đã chiều rồi. Một chiều thu êm ả. Vài gợn nắng vàng nhạt đọng trên những tàu cau rách rưới màu xanh om. Bên nhà ngang, tiếng guồng tơ quay đều đều. Trên đường cái, lũ trẻ con đi học về, vừa chạy thi nhau vừa la, nghe vang động xa vời vợi. Ngoài giếng khơi, người ta kéo nước rào rào. Cái gáo mo lạt sạt đụng vào thành giếng đá.

Trong bếp lặng tờ, bây giờ là sau bữa cơm chiều, người ta không dùng bếp nữa. Gã mèo mướp ngồi ngắm trời, ngắm đất mãi thì cũng chán. Gã bèn đứng lên, uốn cong cái lưng và nhuôi bốn chân ra để vươn vai, rồi đi về căn nhà hiu quạnh. Hắn bước từ tốn và uyển chuyển như một con hổ nhỏ. Khi qua gốc cau, chẳng biết ý định sao, hắn leo tót ngay lên, quào quào mấy móng sắc vào cái vỏ cây cau điệp trắng, rồi lại tụt xuống, lại đi lều đều, đạo mạo như trước. Hắn thường có những cử chỉ rất đột nhiên. Hắn làm bất ngờ như trong lòng đang khoái một điều gì mà hắn vừa nghĩ đến. Luôn luôn gã mèo mang một nét mặt tư lự.

Y vào ngồi thì lì bên bếp tro. Y nghiêng đầu lên. Hai cái tai mỏng vênh ra để nghe ngóng. Hình như có tiếng lịch kịch ở sau đồng củi. Nhưng khi bước lại thì không thấy động gì nữa. Gã quay đầu ra, ngược mắt nhìn lên đám mạng nhện có mắc bờ hóng đen xám, bị gió đưa lúc lắc trên trần bếp.

Có tiếng động thực. Lần này gã mèo dúm bốn chân lại, bước từng bước rất nhẹ vào phía đồng củi. Đồng củi đó người ta để phiền quá, vừa chường bếp, vừa làm cái rừng bùm tum, chỉ tiện cho quân gian núp nấu.

Giống mèo là một giống đứng ở chỗ nào, không thể chịu có được một tiếng động nhỏ. Đã có khi mèo mướp nằm ngủ suốt đêm ở trên một đồng củi. Đây là chỗ ra vào của lũ chuột ngày, cái lũ chuột con tinh ranh, hề tha được một hột com nhỏ cũng chạy tọt ngay vào đó để nhấm nháp.

Mèo và chuột là đôi loài có thù không đội trời chung với nhau. Mèo ghét chuột quá, ghét kịch liệt. Ý giả mèo ta tin rằng giống mình giỏi nhất thiên hạ, những tên chuột, tất cả lò nhà chuột, chỉ đáng đem thân làm nô lệ cho loài mèo thần thánh. Thế mà cái giống thấp hèn ấy không biết điều lại cứ hay tắt mắt, táy máy, bặng nặng làm nghịch mắt và rác tai bề trên.

Hai cái tai anh mèo mướp hơi động dậy. Ấy là khi anh đương hết sức lắng nghe. Tai mèo mỏng tanh, gần soi bóng qua được, dỏng lên như chiếc tai lừa tí hon. Cái vòng tai rộng mở và loe ra. Chả trách gã nghe rõ lắm.

Gã khum hai chân trước xuống nhìn vào gầm đồng củi. Rõ ràng gã trông thấy một chiếc đuôi nhỏ và dài thò lò dưới một mẩu gỗ. Đúng cái đuôi chuột. Gã nép về một bên, thon người lại.

Lúc này trông gã mèo quái ác dị thường, thoát hẳn cái dáng lừ đừ, hiền hậu hàng ngày. Y quờ quờ cái chân. Sau y biết làm thế hấp tấp quá. Phải chờ cho cái đuôi chuột lui ra nữa mới được.

Lại có tiếng rúc rích ở trong. À có hai thằng chuột rừng mờ đang đùa nhau. Chúng nó hẳn đến ngày tận số. Ai đời chuột lại dám đánh đu ở miệng mèo!

Tuy cáu nhưng mèo cũng đủ kiên nhẫn để chờ cơ hội tốt đến. Trong kia, hai con chuột vô tình, vẫn đùa cợt vui vẻ. Nhiều lúc, có nhách lại chạy ra tận ngoài. Thò cái mõm nhọn ngửi xung quanh. Lộn tiết, gã mèo đã toan chớp. Nhưng chuột lại chạy ngay vào mắt. Con mèo lại im lặng, chịu khó ngồi rình.

Bóng tối trùm xuống mau lẹ. Vừa mới nhọ mặt người, bây giờ đã đêm hẳn. Đêm nay là đêm rằm. Mặt trăng đã nhô tròn ở đằng đầu đường. Một mảnh sáng nhòn nhọt in trước sân

bếp.

Trên nhà, người ta quẹt diêm để châm sáng đèn cho trẻ con học. Tiếng những đứa trẻ ra ao rửa chân, vừa đi vừa khua guốc lóc cóc. Hai chú chuột ở trong gậm củi đáng hẳn thấy trời tối rồi thì muốn ra ngoài chơi lắm. Cái thằng mèo mướp ốm bệnh hen cò cữ quanh năm mà không chết ấy, bữa nay chắc đi chơi đâu vắng, nếu có nhà tất đã thấy nó rên gừ gừ ở trên ông đầu rau. Chúng mình ra ngoài kia đùa một tí hoặc kiếm chác một cái gì ăn thì hay quá.

Hai cái đầu ló ra. Rồi hai gã chuột bước ra hẳn đồng củi đi lần về phía bếp. Chúng vui vẻ cãi nhau choe chõe.

Hai cái bóng bé nhỏ quá, chụm lại với nhau chưa bằng một ngón chân người lớn ta. Đây là hai con chuột nhắt. Chuột nhắt bé hơn chuột chù. Nhưng nó nhanh và hoạt bát hơn nhiều. Anh chuột chù có cái mõm dài nghêu - cứ vác cái mõm đã đủ mệt - đi đến đâu cũng rụt rụt, rè rè. Hễ hơi có cái gì đáng sợ là vội hốt hoảng chạy cuống lên, vãi cả đái và kêu rồi rít. Đã thế còn chậm và còn không biết leo tường, leo cột, chỉ luẩn quẩn sát mặt đất. Thật là một thứ chuột cùng dân, thấp kém nhất trong xã hội chuột. Vậy mà thiên hạ lại ưa thứ chuột đó. Không phải là ưa cái thân hôi hám của nó - chẳng đã có câu mỉa “Hôi như chuột chù” - nhưng người ta chỉ ưa có tiếng kêu “*chuúc... chuúc...*” Các cụ ta nói: “Ấy chuột chù bảo: túc, túc, ắt nhà ấy sắp hẳn có việc đại phát tài”.

Và đây chỉ là hai con chuột nhắt. Thân chúng nhỏ nhắn, mõm chúng xinh xinh vừa phải. Về sự nhanh nhẹn, phải biết rằng nhờ ở cái thân hình bé bỏng, chúng leo vun vút, chúng chạy thoăn thoắt như có phép biến hóa.

Thoạt thấy bóng đôi chuột lúi húi ra khỏi đồng củi gã mèo mướp mừng khấp khểnh. Nhưng rồi chàng chán đờ ra ngay. Nó tưởng chuột chiếc to tát thế nào, chứ nếu biết chỉ là hai chuột nhắt nép ranh ấy thì nó đã bước từ nãy, không phải tốn công, tốn hơi sức mà rình nấp vô ích. Mèo ta cũng khá đại lượng. Song thực cũng tại cái tính lười nhác cố hữu chả muốn cất đại công trình mà chỉ được có một tí ti kết quả đó thôi.

Nhưng đã thế này thì cứ bắt chơi. Hầy! Đùa một mảy vậy. Nghĩ vậy, mèo ta co lưng lại để lấy thế rồi vươn hai chân ra chộp cả hai cái bóng đen cọ quây ở trước mặt. Có tiếng kêu “*Chí... i...*” Một con chạy thoát được, còn một bị nắm lại. Mèo gặm gừ để thị uy và dọa dẫm. Chú chuột khôn nạn bị tóm lại, nằm ngất trong hai bàn tay sắt đầy vuốt cong và sắc của ông mèo, y như cái cảnh rúm ró của chị của nhà quê mà bị cụ ếch đại vương lấy một bàn tay mà

vỗ vào vai.

*

* *

Chú chuột nhất bị mèo tha ra đến cửa bếp và được thả xuống đất. Mèo không hề nghĩ đến sự nhảm chú chuột nọ. Dễ thường chàng ta ví mình như một người anh hùng cái thế, có thềm sát hại lũ trẻ oắt bao giờ đâu! Sinh phúc cho chúng sống, còn hơn là túm lấy chúng mà nhai. Chưa bõ dính răng. Nhưng vốn mèo vẫn ác tính. Gã không ăn mà gã cũng không thả chuột ra. Cái mùi hôi ở lông chuột khiến cho gã mèo nhớ rằng thịt chuột ngon và loài chuột là cái loài đáng ghét lắm.

Mèo nhả chú chuột xuống đất, rồi ngồi ngây ra mà nhìn. Con vật khổ sở nằm co ro. Mèo ta đắc chí, lấy một chân vòn vòn vào mặt chuột. Bất tỉnh nhân sự từ nãy giờ mới lại hoàn hồn, chuột khe khẽ thoi thóp thở. Mèo yên lặng, dáng ngẫm nghĩ. Gã không để ý đến chú chuột đương giương đôi mắt lồi như hai hột chàng ràng ra nhìn gã. Chỉ ti hí mắt lươn mà ranh thượng hạng.

Bỗng, thoáng một cái, chú chuột chạy vụt vào phía trong. Nhưng chàng mèo vẫn nhanh hơn. Chàng vươn tay ra. Lại chộp liền ngay lấy gáy chú nhỏ. Ôi chao! Chàng ta mới chộp cho chú nhỏ một cái nhá! Chú nhỏ kêu “*Chii... chii...*” râm cả lên.

Có lẽ nhân cuộc chạy trốn ấy, gã mèo bày ra một trò chơi tiêu khiển cho qua thì giờ. Gã đem chuột ra chỗ ánh sáng trắng. Gã vờ để yên chú ta đấy. Rồi mèo yên lặng. Chú chuột sợ hãi không nhúc nhích. Nhưng chính ra chuột vẫn rình mèo và mèo cũng rình lại chuột. Để hề khác ý là chuột lại chuồn biến. Còn mèo, mèo cũng chỉ chờ chuột chạy là vồ ngay lấy. Gã mèo giương oai thả lỏng và chắc chắn khi nào chú chuột chạy thoát nôi đôi bàn chân nhanh móng của gã.

Mà cũng thế thật. Chú chuột tưởng bác mèo hác lờ, cứ sễnh một chút lại chạy. Có đến mười lần. Nhưng cũng không lần nào khỏi bị tóm lại. Mỗi bận chuột động chân mèo ta chỉ nhoi lên một tí, đã túm được dễ dàng. Mãi rồi con chuột hóa một lử. Nó chạy chậm dần và cuộc chơi cũng dần mất thú vị.

Khi đó, ở trong đồng củi, bỗng lại có tiếng rúc rích. Lại có tiếng lao xao của lũ chuột nào khác. Chẳng biết là chúng đùa nhau hay là chúng định chơi cái lối chó cạy gần nhà, đứng trong ấy mà chửi đồng ra. Toan nhảy vào vồ cho chúng chết một mẻ, nhưng mèo vương con

chuột tù binh ở dưới chân. Đã thế, phải mắng cho chúng một trận mới được. Mèo liền gầm gừ, gầm gừ làm như sắp lăn ngay vào chiến tranh với quân thù cỏ rác kia. Lũ chuột nhép câm ngay. Song chúng cũng không câm hẳn. Hể mèo mà ngắt tiếng là chúng nó lại “ *chiii chiii*” rầm rầm. Làm điệu như xỉ vả bác mèo.

Bực mình, mèo ta nhảy một bước. Chú chuột nhắt đang nằm yên như chết vụt vùng chạy. Mèo hoảng hốt thò dài chân ra, nắm lấy nó. Nhưng chỉ nắm hụt được cái bóng lưng của chú chuột in thoáng trên nền đất dài đầy ánh trăng. Hai mắt mèo long lanh, sáng quắc! Cũng không thể đủ sáng để chọc thủng bóng tối dày ra, mà tìm thấy chú chuột nhắt tí hon.

Gã mèo sục vào đồng củi. Giá gã đâm đến vỡ đầu ra cũng chẳng tóm được một nôm chuột. Mà những tiếng chii... chii quái ác, rất khó chịu vẫn văng vẳng đâu hai bên lỗ tai.

*

* *

Chàng mèo mướp - mà chàng mèo nào cũng thế - không cố ý ăn thịt chuột nhắt bao giờ. Mèo chỉ bắt những con chuột tiểu yêu đó để đùa nghịch và để hả cơn cáu kỉnh, vì loài chuột nhép cứ bặng nặng, rúc rích trong xó bếp, là chỗ nghỉ ngơi của mèo. Chính những con chuột nhón lại đứng đắn, không âm ỉ đến thế. Chỉ bực mình mà mèo bắt chuột nhắt. Nhưng chú chuột nhỏ khôn ngoan vẫn hay chạy trốn được. Đòi đòi, cái giống chuột nhắt tai quái cứ làm nhức tai loài mèo.

Suốt đêm hôm đó, gã mèo mướp kia chỉ đi quanh đi quẩn để tìm chuột, nhưng - vẫn khờ dại như thường - hấn chỉ tìm để đùa chơi một chút. Rồi nó có rông mắt, hấn lại khó chịu, bực dọc, hậm hực mà đi lòng bắt những con khác. Cái loài chuột nhãi cứ làm ta rối đầu và ngứa mắt quá.

Cơ chừng gã mèo mướp phải dành tất cả cái hoa niên của mình để mà chỉ luân quần đi o chuột.

Truyện gã chuột bạch

Lắng nghe có tiếng rộn nho nhỏ.

Lóc cóc... Lóc cóc...

Như tiếng một cái guồng tơ quay khe khẽ, nhưng không đã đúng hẳn. Âm thanh nó bé quá, chỉ vời vợi như tiếng tích tắc của một quả lắc đồng hồ trong đêm khuya.

Chẳng phải guồng tơ động đây. Vậy thì tiếng chi dầm dẫm và ồn ã cả một góc nhà, phía bên cửa sổ, dưới một giàn thiên lý? Ánh sáng, qua những kẽ lá thiên lý xanh rờn, ủa vào, đọng thành vũng, như một thứ ánh sáng hư huyền, lơ mơ, chỉ hửng gợn lên mà không có thực. Tiếng gì vui vui trong ấy?

À, ra một gã chuột bạch đang quay tơ. Không phải người. Chuột quay tơ? Phải. Gã quay cái kiểu riêng của gã.

Gã chỉ bé bằng quả nhót và cũng mũm mĩm như thế. Gã ở trong một cái lồng nhỏ, hình vuông, đan bằng tre. Giữa lồng, người ta treo hai cái vòng tròn bằng thép nhỏ, sát sát từng cánh, như hai cái đu tiên tí hon. Chuột ta chui vào đấy. Bốn chân dạo thoăn thoắt trên những sợi thép. Thế là chiếc vòng quay tít theo từng bước nhảy. Con chuột loay hoay chạy tròn mãi mãi trong cái vòng tròn mà không bao giờ hết được đường. Cái đu tiên xoay xung quanh một chiếc chốt. Chính ở chiếc chốt đó nảy ra những tiếng lóc cóc đều đều như tiếng guồng tơ quay.

Gã chuột bạch đánh vòng luôn luôn. Chán chân thì gã lại chui ra, vắn vơ, tìm những hạt gạo tẻ mà người ta rắc vào một cái đĩa để ở đáy lồng, cho chuột ăn. Gã rung hai hàng râu tơ, gật gù cái đầu, nhấm gạo. Đôi mắt gã đỏ sậm, như hai hạt gạo đỏ dính lên trên một nền bông nõn trắng. Bốn cẳng chân loắt choắt, ngắn cùn và trơ ra, đỏ hỏn. Bởi nổi đánh vòng nhiều quá, bắp chân đã kệp cứng thành chai. Ăn xong, gã nhìn quanh quẩn, ngược cái mũi bé xiu, đỏ hoe lên ngửi bên phải, ngửi bên trái. Rồi gã lại làm cái công việc đánh vòng liên liên.

Nếu không thế, gã đi ngủ. Gã đứng vào một góc lồng, dựng hai chân trước lên, đầu chụm vào chân. Hai mắt nhắm lại. Ấy vậy là gã ngủ. Ngủ đứng như một hộp diêm. Cứ cái kiểu đó, suốt đời.

Gã chuột bạch ăn, gã chuột bạch đánh vòng và gã chuột bạch ngủ đứng. Đó là tóm tắt tất cả những công việc một cuộc sống của chuột ở trong lồng.

Nhưng không phải là ở một mình. Bên cạnh cái vòng sắt đu tiên của gã, còn có một vòng sắt đu tiên khác, như hết cái này, và ở góc lồng kia, cũng có một con chuột bạch khác đương ngủ đứng lên. Vợ gã đây, cậu và mợ chuột. Cũng rất có thể gọi được như thế, chứ sao!

Dường như cậu mợ ấy khá yêu nhau. Họ yêu nhau thần tình và tài ghê. Hai người cùng bé bỏng, cứ luẩn quẩn chạy ngang chạy dọc xung quanh. Cậu gầy hơn mợ. Bộ lông xù lên và phờ phạc, mà cậu lại có tính mơ mộng. Thỉnh thoảng, gã thường đứng ngẩn ngơ nhìn lên trên nóc lồng. Qua những chiếc lá thiên lý mỏng mảnh, ngoài kia là trời xanh bao la. Tưởng như chiếc hình hài nhỏ bé chỉ điểm một chút sống còn con này đương giương cặp mắt đỏ, ngùi trông ra cái khoảng không bờ bến để mơ một giấc mơ sông núi chi đó. Chao ôi! Ai mà biết được lòng gã!

Cả hai vợ chồng cùng ư đêm tối. Bởi ban ngày họ thường ngủ. Bốn cái chân trước sát vào nhau, bốn con mắt cùng khép. Chiều đến, đem bóng đêm về dần dà trong cửa sổ. Ở chênh vênh ngoài khung cửa, vì sao Hôm từ từ lên cao, lấp lánh như một giọt ánh sáng lớn. Bấy giờ vợ chồng chuột mới bừng mắt. Họ ngơ ngác nhìn hoàng hôn. Gã chuột đực mò mẫm tìm cái đĩa đựng gạo. Chị vợ cũng nhẹ nhàng đi theo. Họ gặm, nhấm mấy hạt. Những tiếng răng nghiền trên hạt gạo, nghe ken két, sần sật như tiếng một con một nhỏ cựa mình trong gỗ.

Rồi gã chuột mon men ra leo lên cây đu, chui đầu vào, đánh một vòng chơi. Chị ả cũng bắt chước, chạy về cây đu của mình. Hai cái vòng quay tít, rộn lên những tiếng đăm đăm.

Những tiếng đăm đăm trong đêm khuya! Những âm thanh chỉ be bé, mơ hồ như hư không. Lúc chậm, nghe rỉ rách như tiếng nước giọt gianh. Lúc mau thì bồm chồm như tiếng vẩy tơ quay, lóc cọc như tiếng bánh xe sắt chạy trên đường cái đá trắng dài hun hút. Vào trong màn mà chợt thức giấc nghe tiếng guồng đu của chuột chạy thì sợ lắm. Chúng giương mắt thao láo mà cũng không thể nhìn thấy gì. Chỉ nghe tiếng lóc cóc... lóc cóc... như tiếng của ông Ba Bị hoặc của một con ma nào chưa biết tên, rất thường hay ghét giống trẻ con. Chúng hãi hùng, rúm ró, ôm chặt lấy nhau. Đôi mắt khép kín lại. Thế là giấc ngủ cũ của

mỗi trẻ lại tới để tiếp theo cho đến lúc mặt trời lên, chiếu ánh sáng qua khe liếp, vào tận trong đình màn.

Còn vợ chồng chuột chán đánh vòng thì lần ra ăn gạo. Ăn xong, lẫn thần thế nào, lại giờ trò đánh vòng. Cứ như thế, luẩn quẩn cả đêm. Cũng có đến khi trời tang tảng sáng, có tiếng chim chích chòe hót véo von dưới bờ ao, hai vợ chồng lại chúi vào một góc buồng, dựng đứng lên mà ngủ.

Cuộc đời chung ấy không có ai làm nhộn. Ý như họ mền những ngày tháng đó lắm. Đã một lần, có một đứa trẻ tinh nghịch mở cửa lồng xem chuột rồi quên không đóng lại. Đôi vợ chồng nôi đuôi nhau, tha thần bò ra ngoài. Hai cái bóng đi lồm cồm, héch chiếc mũi nhọn hoắt lên, ngơ ngác nhìn quanh quẩn. Như là họ hít phải cái không khí lạ. Như là họ chẳng quen bò giữa nơi khoáng đãng. Và họ lại nôi đuôi nhau, tha thần, từ từ bò vào lồng, cũng như lúc bò ra.

Từ đây, dù mở cửa, cậu mợ cũng không muốn đi ra. Họ yếu đuối. Ở ngoài, làm chi có gạo để ăn.

*

* *

Trời đã trở về mùa lạnh. Những cụm lá bánh khúc thấp lè tè, nở hoa vàng khắp cánh đồng làng Nghĩa Đô.

Đã không có nắng lớn. Những đứa trẻ nghèo cũng hồng đôi má còm cõi. Môi chúng khô cong lên, ăn cơm có nước mắm thấy xon xớt. Chúng gãi vào da, da nổi lên những làn bụi trắng. Buổi chiều, cậu nào rửa chân cũng ngài ngại, không yêu nước. Và đêm đã phải ngủ chung với chăn bông cùng ổ rạ rồi.

Đôi vợ chồng chuột cũng lạnh. Phong cảnh trong cái cửa sổ lại buồn nữa. Giàn thiên lý đã rụng hết lá xanh. Chỉ còn trơ lại những dây già đen đui, còng queo trên ngạch cửa. Từng nắm lá khô, rúm vào nhau, nằm co ro trong giàn. Để mỗi buổi chiều đỏ hoe, hể chớm hơi một gợn may nhỏ, cũng tới tấp rơi lạt sạt xuống mặt đất. Đêm đêm, vẫn có tiếng đánh vòng của chuột. Những tiếng khô và giòn, cũng như trời hanh và khô. Nhưng ít bữa nay, gã chuột bạch không được vui. Ta cứ thí dụ như việc đánh vòng đu là một sự vui làm mực thước, thì thấy gã thừa trèo vào vòng đu. Chỉ hay thấy chị vợ đập vòng. Anh chồng đứng bàn thần, mồm vêu ra. Người gã chừng như gầy và bé hơn dạo mùa hạ. Gã đi đứng ra lỏi lủ khủ, và

chỉ ngủ là ngủ nhiều. Đêm ngủ quên cả đánh đu. Mùa rét vào rồi. Tại sao gã chuột lại buồn? Ý như buồn vì thời tiết sang đông? Ý như buồn vì heo may hiu hắt? Không, gã chẳng có thể là một nhà thơ ưa những điều sâu muộn.

Mà chính chỉ vì những ngày lạnh lẽo tới, gã phải thương yêu vợ gã nhiều quá nên lò phờ cả người ra. Biết rằng nên buồn hay nên vui!

Thì gã buồn như kẻ ốm. Nhiều lần cũng hứng chí đánh đu, nhưng gã lại lười lĩnh chui vào vòng đu của vợ để cho vợ đẩy vòng, mà gã cũng được hí hửng đẩy theo, hai con chuột lồng chung vào một cái vòng. Tiếng lạch cạch đi chậm, nặng và rền ra.

Vợ hấn vẫn như thường và như thường. Đôi mắt nàng đỏ và sáng. Bộ lông của nàng trắng nuốt, óng ả. Đạo này trở rét, lũ trẻ bỏ vào lồng cho vợ chồng chuột một rúm tơ rồi để làm chăn. Lúc nào đánh vòng đã chán chân, chị ả ra rúc vào những sợi tơ vàng nõn, dựng đứng hai chân lên ngủ với chồng.

*

* *

Chiều ấy, chuột vợ thức dậy, bò ra ăn gạo. Gã chồng vẫn say sưa ngủ trong một giấc ngủ mệt mỏi. Nàng đứng bên vành đĩa, hướng nhìn ra ngoài lồng. Nàng chưa nhìn ra ngoài như thế bao giờ. Nàng vốn không hay có tính vắn vơ như chồng. Mặt trời đã gác núi, nhưng ráng vàng còn lên đỏ xuộm cả lũy tre. Thật chẳng phải vì bóng hoàng hôn u uất mùa đông mà nàng nhìn ra. Mà vì một cơ mọn khác. Chỉ tại nàng nghe thấy tiếng sột soạt ở bên khung lồng. Thì ra, có một con bọ ngựa nhỏ ở đâu lạc lõng tới đậu vào thành lồng. Hình như gió đánh con bọ ngựa này rơi từ trên cây xoan xuống và bám được vào đây.

Bọ ngựa mới ra ràng được ít lâu. Cánh chưa mọc dài đủ và màu người chưa được xanh thẫm. Đôi gươm hấy còn mềm, chưa có vuốt đen cứng và nhọn. Cái đầu bẹt của nó lồi ngang hai mắt sang hai bên, đu đưa nhanh nhẹn trên hai khấc cổ dài nghêu. Nó đứng nhún bốn chân, ghéch nhìn, như để ngắm xem nơi này là nơi nao.

Nàng chuột bỗng trông thấy một con vật nho nhỏ xinh. Cái màu xanh mon mớn của mình bọ ngựa nom đến là ngon. Không ngần ngại, chị tiến đến mép lồng, thò mõm ra, ngoáp luôn chú bọ ngựa. Chú bọ ngựa xấu số chưa kịp giơ hai càng lên thủ thế thì cái cổ đã bị gãy gục. Và trong khoảnh khắc cả người nó đã trôi vào họng chuột.

Một mạng lớn giết đi một mạng nhỏ, êm nhẹ như hơi chiều lặng lẽ sang.

*

* *

Đêm ấy, không có tiếng rộn lóc cóc của cây đu. Cả hai cây đu cùng im ắng. Thiếu những tiếng động quen thuộc, canh khuya mới tẻ làm sao!

Sáng hôm sau, người ta ngó thấy nàng chuột cái béo tốt, nằm chết cong queo ở bên cụm rác tơ. Bốn chân nàng rút rúm lại. Cái lưng nhỏ cong khum lên, và mồm nhọn của nàng thì há hoác. Nhòm vào trong còn cái đuôi bọ ngựa xanh xanh thò lò ra. Ôi! Cổ họng của nàng chuột bé quá, không đủ lối nuốt thoát được anh bọ ngựa. Nó tắc tị lại. Thế là nàng chết. Nàng chết nhẹ nhàng như một người chán ghét cõi đời này. Bước lên một chiếc ghế, cho đầu vào một chiếc thòng lọng bằng thùng đay rồi nhún chân đạp đổ ghế, cứ vậy mà đu đưa lung lơ cho đến lúc tắc thở, thè lưỡi dài ra. Để sang tìm ở *bên kia* một cõi đời vui vẻ nào đó.

Nàng chết từ bao giờ, không ai hay. Gã chồng nàng cũng không hay biết gì cả. Bởi vì gã còn đương mải ngủ. Đạo này gã yếu thì gã càng ngủ say tợn. Chim chích chòe hót sáng dưới bờ ao, gã cũng không nghe tiếng. Cho tới khi ông mặt trời đỏ gay nhô lên, xua ánh sáng vào nhà, đánh thức lũ trẻ dậy thì gã cũng mới bừng mắt. Ở trong đồng rác tơ vàng, gã ể oải thò đầu ra. Gã liền nhìn thấy vợ gã nằm chết ngay dưới chân. Gã nhìn, bằng đôi mắt đỏ thường ngày, lạnh lùng và tự nhiên.

Rồi gã chui ra khỏi mớ rác. Gã bàn thần mò đến bên đĩa gạo. Gã nhấm một hạt. Gã chạy quanh lòng vài vòng, cuối cùng, gã lại mò đến, chúi đầu vào mớ rác tơ, dựng đứng hai chân lên, lim dim hai mắt, làm một giấc ngủ khác.

Như là chẳng có sự gì lạ thay đổi ở quanh mình. Tối đến, người ta lại nghe tiếng gã đánh vòng đu lóc cóc.

*

* *

Từ đó gã ở trên đời một mình. Ở trên đời để ăn gạo, để đánh vòng và để ngủ dựng đứng hai chân lên. Gã đã khỏi ốm. Không có đàn bà thì chừng như gã khỏe khoắn hơn. Lông gã mượt bóng và trắng nõn. Một mình đánh cả hai vòng - lúc chạy bên này, lúc chạy bên kia

- nghe rộn ràng, cũng vui. Một buổi chiều, trước khi xuống ăn gạo, gã vẫn có thói quen nhìn và nghe ngóng ngoài lồng. Như là xem và đợi hoàng hôn bằng khuôn mặt lạnh đến.

Chính gã cũng không biết mình đã góa vợ. Tôi thì tôi chỉ rõ được rằng bây giờ gã đã khỏe, đã mạnh và hoạt động hơn khi gã có đàn bà ở chung. Gã thậm thọt chạy đi chạy lại, nhanh thoăn thoắt.

Thằng này là một thằng bạc tình chẳng?

Cũng chẳng có lẽ.

Một cuộc bể dâu

Ấy là một tay hảo hán trong loài gà chọi, cái loài sống ở trên đời, nhất sinh chỉ có một nghề đi đánh lẫn nhau cho người ta xem. Tay ấy oai lắm. Chẳng thể có đủ chữ mà tả cho hết cái oai lẫm liệt của chàng. Ở mà ta có thể cứ gọi chàng là Từ Hải chọc trời khuấy nước, đầu thì đội trời, chân thì đạp đất.

Râu hùm, hàm én, mày ngài

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao

Đường đường một đấng anh hào...

Đấng anh hào được phong vương - hay tự xưng cũng thế - ở đất này để cai trị cả một khoảng vườn rộng. Mà trong gồm có một chuồng gà, một chuồng vừa vịt, vừa ngan, vừa ngỗng và một chuồng chim bồ câu. Đại vương chỉ có mỗi một mắt và mang trong mình bộ mã ô miến tía - cái thứ áo có lông đen nháy, điểm dòng dọc đỏ. Chàng bị độc long là bởi trong một cuộc lên sới gần đây, phải địch thủ đánh một cái đá mé, lòi bật con người. Từ đấy, người ta không cho hán ra trận nữa. Để nuôi cho đẹp sân.

Chàng gà chọi đứng thẳng người, hai cái cẳng chân cứng và lẳn như hai thanh sắt, phủ đầy những vảy lớn sắp vàng bóng. Đôi bắp đùi chắc nịch, gân lên những thịt. Chàng chỉ có lông trỏ ra hai cánh, ở trên lưng, ở đuôi và lơ phơ mấy chiếc quăn queo dưới bụng. Lông ấy được xén, cắt thực gọn. Đầu chàng to và hung dữ như dáng một chiếc nắm đấm. Cái cổ bạnh và hai bắp đùi thì để lộ ra. Da chàng đỏ gay, đỏ gât, đỏ tía, đỏ bóng lên như có quét một nước sơn thắm. Mặt chàng lù xì những mào, những tai, những mấy cái ria mép tím lịm như mặt anh say rượu. Một bên mắt thì lép mịt mờ, còn một bên cứ chớp chớp nháy nháy cái trông vàng hoe.

Lúc gã đi, hai đầu cánh nhô lên thụt xuống, rõ ra điệu của anh chàng cuồng võ, lúc nào cũng chỉ ngửa ngáy chân tay.

Buổi sớm, khi cậu gà ri te tái chạy ở trong chuồng ra, dẫn đầu cho ba chị gà, một bác ngan với một lũ con líp nhíp và mấy thím vịt, thì, ở nóc chuồng, chọi ta cũng nhảy xuống, hai cái chân gieo bịch trên nền sân đất. Chàng không ngủ trong chuồng với những con gà khác ấy. Chúng làm quăn chân. Bởi vì chàng cao quá, đầu đụng đến tận nóc chuồng, nếu

phải đứng lom khom cổ thì chàng chịu không thể khom khom được.

Chàng đưa mắt nhìn quanh sân một lượt rồi vỗ đóm đập đôi cánh, lấy gân thẳng hai chân, cong bạnh cái cổ và phưỡn ngực ra gáy một hồi: *Côôô... côô... cô... cô... ô...*

Những thím vịt nhút nhát luống cuống đôi chân, nghiêng một bên má để hiểng mắt lên trời, ra hiệu nghe ngóng. Có thím lại hãi quá, cục cạc một hồi âm ỉ, như muốn kêu: “Ai cứu tôi với! *Cạc cạc cạc!* Ai cứu tôi với”. Cậu gà ri đang làm bộ tịch, đứng điều võ dương oai ở trên đầu mỗm cọc tre cũng giật mình, hai mắt nhón nhác. Hai kheo chân đã khum xuống, chực sự lùi, rõ ra bộ anh hùng rơm.

Loài ngan xưa nay có tiếng là gan góc. Lúc nào cũng lì lì lằm lằm. Thế mà nghe tiếng gà chọi gáy, mụ ngan cũng vừa kêu *kíu kíu*, vừa thò ra thụt vào cái cổ, dường như muốn hỏi các bạn cùng sân rằng: “Cái gì thế? Cái gì thế? *kíu kíu...*”

Lại đến tình cảnh những nỡm chó con ra ăn vụng cơm của gà mới buồn cười. Nghe tiếng gà ồ ồ gáy, chả biết là tiếng người ta chửi, người ta mắng hay tiếng máy móc ghê gớm gì, các ranh cứ nháo mắt lên, đuôi cúp thụt xuống tận bụng, len lét chuồn thẳng.

Cái tiếng gáy mới kinh khủng chứ! Ai mà chả phải sợ ông Từ Hải.

“Côôô... côô... cô... cô... ô...”

*

* *

Có những buổi trưa.

Những buổi trưa hè, nắng to. Ngoài vườn, cây cối rũ rượi đứng chịu tội trong nắng lửa. Những mảnh lá mướp to bản đều cụp uốn xuống, để lộ ra những cánh hoa màu vàng gắt. Có tiếng vỗ cánh se sẽ của vài con ong bò đen bóng, bay rập rờn trong bụi cây chanh. Nắng dữ quá. Gã Đục nằm đầu hiên, thè dài lưỡi ra thở hực hực. Lũ ngan, lũ ngỗng thì rủ nhau chúi xuống bờ ao, bên những tàu lá khoai sơn hà xanh rờn rợn. Ở dưới gầm cụm lá sồi, hai ba chị mái tơ thi nhau dũi đất, thỉnh thoảng lại rũ cánh phành phạch.

Ấy vậy mà có hai người bạn tình kia quên cả nắng, quên cả trời đất nóng nực. Đó là hai trái tim yêu, một anh gà chọi và một chị gà mái nà dòng. Nếu mà đôi gà chọi với chàng Từ Hải thì phải kể chị ta vào cái độ cô Kiều gặp người anh hùng đó, sau mười lăm năm luân

lạc, trên vai nàng đeo nặng hơn ba mươi cái gánh xuân. Có cần phải biết tại làm sao chàng gà chọi đứng mãnh ấy không yêu những chị mái tơ mơn mơn nằm bới đất ở dưới bụi sỏi kia mà lại đi tán tỉnh mụ nái xè này? Thưa rằng những cô ả đó vừa mới dậy thì, tính hay then thò như cây xấu hổ, vừa thấy thoáng anh chọi đồ sộ, đã cung cúc chạy cho chóng rồi. Những ngừ gái ngây thơ đó chỉ dành để phần cậu gà hóm hình đương choai thì hợp chuyện lắm.

Đằng này nàng là một ả Kiều già đã phong trần khiếp lắm.

Ba bốn lần ra vào chốn lầu xanh. Bây giờ con người thuyền quyên mới gặp được khách anh hùng đó. Cho nên, trời nắng là thế mà thuyền quyên cũng chịu khó đứng ở dưới gốc cây thêu dầu tía, gần bờ ao. Nàng xù lông vàng bản thiêu, phờ phạc, lốm đốm trắng như mớ rơm rửa bát. Vậy mà nàng cũng chớp chớp đôi mắt, rung rung cái mào xám xịt ngả về một bên má. Má già mà còn làm đốm, trông phiền mắt làm sao! Không những chỉ có thế, cô nàng lại còn hát nữa.

Nàng ngẩng cổ lên, nhìn sang phía góc cam - chỗ có anh gà chọi đứng he hé đôi mỏ, hơi thập thò cái lưỡi và động đậy đôi tai, chị cất một giọng oang oác, rất bông rồi trầm xuống dần dần: *kééééc... kééééc... kééééc... k...éc... k... é... é... é... c. ..* Y như ta làm duyên mà đưa tình nhau mấy câu Kiều lấy!

Cái tiếng *éc* cuối câu cứ kéo dài, vang động khắp vườn một cách hết sức lâm li và não ruột khiến cho anh gà chọi đứng bên kia đường như phải ngẩn ngơ bồi hồi mà ghéch một bên mắt lên nhìn lơ lảo. Và chàng vừa kêu *cộc cộc* vừa đi về phía cô ả.

Ấy thế là khách biên đình sang chơi. Kiều nhi bèn ra cái bộ làm gái, thấy tình nhân thì không hát nữa. Muốn tỏ với nàng rằng ta đây cũng là tay thiệp đời, gà chọi xõa hai cánh, doạng mấy móng chân để bới đất và cúi mỏ xuống, giả cách vừa mỏ vừa kêu *cộc cộc* làm điệu gọi mái đến ăn chung. Rất tình tứ. Nhưng mà xác anh ta thì nặng, hai cái cẳng chân thì to lều nghều, khi anh lấy cái dáng đẹp nhất, cái điệu chân dẻo nhất để bới, trông lại hóa ra ngây ngô và ngượng ngịu đến hay.

Chị ả còn làm bộ mãi, không chịu đến. Để cho chàng hết rử rê, tán tỉnh bằng điệu chân điệu mỏ, lại xòe cánh ra đập phành phạch. Mà cô nàng cứ còn cao giá làm lơ và lại bắt đầu hát *kéc kéc* ầm ĩ.

Ôn tồn, dịu ngọt mãi không được thì chợt ta tức lắm. Chàng ngẩng đầu lên.

Cái tính hung hăng, nóng nảy cố hữu của chàng ở đâu lại kéo đến ầm ầm. Chàng đỏ mặt

tía tai, lộc ngọc chạy đến tận nơi. Chị ả cũng ù té xuống phía bờ ao.

Nhưng này, ối ai ơi! Chị ả nỡn nường đó chỉ giả cách khệnh khạng một chút đấy thôi. Đến chỗ khuất bóng cây chanh, nàng đã nằm khịu hai chân xuống để đợi người yêu.

Sáng nào chị mái già ấy cũng nhảy ổ để đẻ. Mỗi lần đẻ xong, chị nhảy choàng từ trong ổ ra đứng ở giữa sân mà cục ta cục tác rộn rã, điếc cả tai. Chừng như muốn khoe với xóm làng rằng mình vừa mới đẻ được một chiếc trứng, công phu khó nhọc nhiều lắm đấy.

Được có chín cái trứng ả đã thôi và bắt đầu nằm ấp. Ấp ham lắm. Suốt buổi. Quên cả ăn. Cứ nằm sù sù cả ngày thâu đêm trong ổ. Ai động dậy gì ở đâu gần đấy là ả đã miệng thì kêu cục cục, lông cánh thì xù ra, chực những sự vừa chửi vừa đánh người ta.

Ả nằm ấp đúng cỡ hai mươi một ngày. Từ đầu tuần trăng lưỡi liềm cho tới những đêm trăng chỉ còn nhô lên lúc gà gáy sáng là tới thời kỳ những cái thai đã bắt đầu cựa cựa và mổ vỏ ra để tìm ánh sáng.

Nửa tháng sau, xung quanh chuồng gà đã ríu rít những gà con. Bây giờ cái mảnh sân sau ấy vui lắm. Qua một ít bữa, chín con gà nhỏ vỡ lông vỡ cánh và dần dần ở người chúng nó hiện ra những màu sắc của những bộ mã đứng đắn. Mỗi con một mã: hoa mơ, tía, cuốc, mấn trắng. Cũng có những đứa đeo cái màu vàng bệnh bệch như mẹ. Đây là một đàn gà pha. Có những đứa tuy còn nhỏ, mà đã giống bố: cổ dài nghêu và cao lênh khênh. Vài nhách thuộc dòng máu mẹ. Chân thấp lè tè, đầu bé, và lông mọc kín chứ không trụi.

Có thêm một đàn chín con gà nhỏ, sân và vườn bây giờ trở nên một ấu trĩ viên. Cả ngày, ròi lên những tiếng líp nhíp, líu nhíu, gà con chúng kêu luôn mồm. Nếu không *chép chép* to tướng thì *ừ ừ* be bé trong cuống họng. Xô nhau chúng cũng kêu. Mổ hạt tằm chúng cũng kêu. Đến cả khi mẹ ngồi xuống, xòe cánh ra cho chúng rúc vào bụng vào nách, nhảy lên lưng, chúng cũng kêu í ới.

Còn mẹ chúng nó? Thật là một người đàn bà giỏi giang, đa tình thì nhất mực đa tình mà khi phải vướng vào bốn phận dạy dỗ, nuôi nấng con trẻ, lại đáng nên một bà mẹ hiền gương mẫu. Luôn luôn đi cạnh các con, mụ không rời chúng lấy nửa bước ngắn. Luôn luôn mụ cong chùm đuôi, xù vành lông cổ lên, làm điệu nghiêm khắc và ác nghiệt. Thật ra, với các con thì mụ ấy rất ngọt ngào. Bới được một hạt giền nhỏ, mụ cũng gọi chúng đến, cho chúng ăn, mụ vừa *cúc cúc*, nói chuyện rất vui vẻ. Nhưng hễ động một bà ngan đang trí nào - những con ngan rất hay đang trí, lúc nào cũng bước đi thanh thản lơ lơ - ngắt ngưỡng

tới bên cạnh là mụ gà nhảy lên như chơi chơi, bao nhiêu lông dựng đứng ngay lên, mỏ kêu oang oác, khoéc khoéc, chân thì đạp, mỏ thì mổ khiến cho mụ ngan kia mở mắt không kịp, chúi đầu xuống đưa vòng kiềng hai chân mà lạch bạch chạy.

Mụ mê mãi chăn nuôi con đến quên cả mình. Chẳng thế mà trong khi có trẻ, thân hình mụ gầy xác, gầy xơ. Bây giờ thì không thể bảo mụ là gái giang hồ gần bạc tóc mà vẫn ưa điều lá gió cành chim được nữa. Phải gọi mụ là một bà khán nhà quê, một bà lý chỉ biết có việc tảo tần buôn bán để nuôi con cho đi thả chim thả diều và nuôi chồng một ngày hai bữa rượu. Những điều nguyệt nọ hoa kia giờ tịnh cấm, mụ không còn mơ tới, mà lại còn ghét là khác. Mỗi khi có mái tơ phơn phơ đi qua, mụ cũng đuổi đuổi mổ mổ túi bụi.

Còn anh gà chọi mã ô *miến tí* ? Thôi thôi thôi, nói làm chi đến cái thằng chồng lang chạ, cái con người bỏ đi ấy! Hấn còn biết gì đến con với cái! Hấn còn biết thế nào là gia đình. Trong đầu hấn xưa kia, chứa rất những tư tưởng ngỗ nghịch, đấm nhau, đá nhau thì bây giờ chỉ nghĩ đến những ý tình ma chuột. Hấn còn biết gì ngoài cái việc lệch một bên mắt đập phành phạch vào đầu cánh mà đi ve gái. Ờ, nói rằng thừa sức khỏe mà đi ve gái, sao mà xấu xa thế nhỉ?

Trong khi đó, mụ gà mái mẹ hiền thực chỉ biết có đàn con.

*

* *

Một ngày cuối tháng năm. Mấy hôm nắng dữ dội như muốn hun héo cả xóm làng. Đến hôm ấy, từ buổi sớm, nắng không lóe lên như mọi khi. Trời vùn vù đầy mây trắng. Song không phải là cái thứ mây trắng đục, để báo hiệu cơn mưa. Mây này trắng tinh chẳng biết ở đâu trôi lừ đừ đến từng mảng lớn, ngồn ngồn cả một nền trời xanh ngắt - trời xanh lắm, ở mỗi khoảng không có mây. Mây đến rồi mây đi, mây đến, mây lại đi, biến chuyển vùn vụt. Ấy thế là gió nổi lên dạt dào đâm lá tre run vào nhau, liên miên, tưởng như tiếng heo may cuối thu, mà không bao giờ ngớt, gây nên bởi từng luồng gió rất dài, bay rập rờn trên sóng lúa, từ ngoài đồng xa về. Người ta gọi gió ấy là gió giải đồng - gió quạt mát cho những người cày dưới ruộng.

Bữa đó gà mái dẫn đàn con lách qua bờ tre, ra ngoài ruộng nhớn nhơ chơi. Bởi vì không có nắng nên cả mẹ, cả con mãi đi bắt nhái, bắt châu chấu, mãi tới xế chiều mới dò về. Về tới chuồng, trời sắp đổ một trận mưa rào. Mưa rào đến đêm thì tạnh. Nhưng còn sập sùi mãi

tới lúc sang canh mới dứt hạt hần.

Sớm hôm sau, khi cửa chuồng đã mở, chỉ thấy chị gà mái dẫn có bốn con nhỏ lủi thủi ra. Nhòm vào trong năm chú gà con kia đã nằm mỗi chú một xó chết cứng queo từ bao giờ. Và chỉ sáng tới buổi trưa, cả bốn con gà còn lại này cũng căng ních lại. Thấy thế, thằng Lặc kêu ầm lên:

- Biết ngay mà. Trái gió. Gà bên nhà bác xã Khóm cũng chết lẩn đùng ra đấy.

Sẩm tối hôm ấy, ông ngoại tôi sai Lặc hun một đồng bò kết ở cửa chuồng, chỗ thang gà vẫn leo lên leo xuống. Trong sự tĩnh mịch âm thầm của một vườn sau, đám khói hoàng hôn sục mùi bò kết thơm gây gây ấy làm cho cái khu gà vịt ở có một không khí ảm đạm như xóm đang nhuốm bệnh thời khí. Thế mà sáng hôm sau, cũng không ngăn nổi được ba chị gà mái đương xuân nằm chết chổng hai cẳng lên trời.

Thật là một sự đời ghê gớm. Tai nạn chỉ bởi có một cuộc thay đổi thời tiết xoàng. Mụ gà mái mẹ và anh gà ri sợ không dám ở chuồng nữa. Tối đến, chúng ngủ cao trên bụi tre. Còn ở lại nhà chỉ có lũ họ nhà ngan, lũ họ nhà vịt - cái tội ngu dại lúc nào cũng chờ dẫn mà rất khỏe - và anh gà chọi đứng ngang nhiên trên nóc chuồng. Đáng hần thấy cảnh vật phút chốc bỗng nên quạnh hiu, anh cũng chán, không học mỏ kêu *côộc côộc* nữa.

*

* *

Chẳng những chỉ vắng vẻ thế mà thôi.

Một sớm kia, con gà chọi không cất tiếng gáy. Hần đi có cái dáng lừ đừ, đầu chúc xuống, mà cổ thì hình như nặng nặng. Hôm nay bác gà chọi giờ giờ. Loại gà không bao giờ ốm bệnh gì cả, trừ bệnh dây. Khi hần lủ khủ là tắt hần mắc cái bệnh ghê gớm đó. Hần bị truyền nhiễm bởi bọn gà chết hôm qua, hôm kia. Chắc thế. Bởi hần khỏe cho nên hần không quy ngay. Song cũng khó lòng mà khỏi được. Nếu có sức khỏe, bệnh chỉ thêm kéo dài. Nhưng thế nào, một ngày rất gần đây, cũng sẽ được nằm mãi mãi để nhìn lên trời xanh.

Hần không ăn gì được nữa. Chỉ uống nước thôi. Mà uống nước luôn luôn, rất khỏe. Cái bầu điều com của hần rắn lại. Cho đến chiều thì chắc nịch, sờ tay vào không thể bóp chuyển được. Đêm hần không gáy. Chỉ có tiếng hần *quéc quéc*, như có vương cái gì trong cuống họng. Cái tiếng quéc sắc gọn lành lạnh, nghe ghê ghê người.

Sang ngày thứ hai, mào bắp chân và bụng gà chọi đã xám lại. Gã bước đi, cái cần cổ gục xuống, hai vai cánh so lên, khệnh khạng, xiêu vẹo như một lão kiết đã nghiện nặng mà còn thiếu cả sái hút. Đôi chân dững mãi nọ như sắp không khiêng nổi cái mình to lớn nữa. Thảm hại quá. Ôi! Con gà chọi anh hùng! Con gà chọi anh hùng chỉ còn đứng mở thao láo một mắt ra nhìn, mà ngẫm nghĩ về cái chết của mình sắp đến. Không còn hực hực đập phành phạch. Không còn gáy *cồ cồ... cồ cồ*, không còn kêu *cộ... cộ* gì cả.

Tới ngày thứ ba thì gã đành chẳng thể nào nhấc chân được nữa. Gã nằm gục một chỗ, chống đuôi lên, đầu lả dụi xuống. Người gã tọp hăn đi. Tựa như một người vồn thân thể rất to lớn mà bị bệnh lao phổi đã sang thời kỳ thứ ba, bây giờ chỉ còn làn da, ôm một vóc xương. Sang ngày ốm thứ tư thì gã tắt thở.

Thằng Lặc được nhận cái việc xách một bên cẳng nó, mang ra ngoài đồng.

Hỡi ơi! Ông Từ Hải về với đất rồi. Ô hô hô!...

Cậu gà ri không dám bén mảng về đến sân nhà. Trông trước chẳng có ai, trông sau chẳng có ai, chỉ còn có một mình chị gà mái già, ra lại vào ngăn ngõ.

Mụ Ngan

Sự biến động khủng khiếp trong họ nhà gà không ảnh hưởng gì đến các chú ngan, thím ngan cũng cùng ngủ một sân ấy. Loài ngan rất khỏe mạnh, ít khi trở giò mà bị trái gió.

*

* *

Xóm gà vịt này có hai con ngan trắng lớn.

Độ nọ còn có thêm một đàn ngan nhỏ nữa, nhưng bây giờ đã tan tác mất cả. Chẳng phải vì bệnh đây, là vì nhiều sự không may khác. Đời sống của người và vật lẫn dài vào thời gian, rộng lớn và cao cả, triền miên đi bao nhiêu năm, trong khối óc tí hon của các loài. Với chúng - nhất là với những con vật luẩn quẩn xung quanh người ta, trái lại. Ở các ngày tháng vụn vặt, chỉ có những đau thương nhỏ bé, có những chết chóc ít đáng để ý. Ấy là những cuộc sống tũn mủn, bèo nhèo. Chúng chẳng làm hại gì ai, chẳng hít bớt của người ta ít khí trời, dù chúng cũng thở ra, thở vào cẩn thận. Tựa như những con giun cái kiến. Đếm đàn ngan con ấy có được sáu cái đầu cả thấy - sáu cái đầu xinh xinh, sáu đôi mắt tròn xoe, đen láy và ngơ ngác. Chúng luẩn quẩn líp chíp xung quanh hai bàn chân tõe ngón rất thô kệch của bà mẹ. Mà tâm tính của mẹ chúng thì cũng “thô kệch” như hai bàn chân nọ. Mụ đàn độn đến phát ghét lên được. Thực ra là một thứ đàn bà tồi. Mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngơ, lúc nào cũng lắc lư như một bà nhiêu ra chợ mà bị kẻ cắp xén mất túi. Mỗi khi cất bước, đôi chân khụng khiêng đi lối vòng kiềng lại đu đưa tất cả mình lên. Nom đến chậm.

Cũng bởi cái tính ngu tối, chậm chạp ấy mà vô tình, mụ đã giết một đứa con của mụ.

Một hôm, cu Lặc đem ngô ra sân cho ngan ăn. Mụ ngan xô đến. Đàn con cũng tất tả chạy theo, chúng len, đùn, tranh nhau trèo vào chậu ngô. Mẹ chúng đứng ngoài xóc cànch cách từng hột nhỏ một.

Nhưng lũ trẻ leo vào đầy chậu, khiến cho mỏ mụ bị vướng, không xơi được hạt nào. Tức mình mụ cũng thò một chân vào cái chậu sành. Rồi mụ bước nốt cả chân kia vào. Thành ra mụ đứng phè phè giữa chậu, cứ cúi xuống mà xóc, tranh ăn của các con. Một bàn chân mụ - cái bàn chân có ba ngón trước xòe ra, mạng liền với nhau - giẫm lên lưng một con nhỏ. Con ngan nhỏ kêu thảm thiết. Nhưng mụ vẫn chưa biết, vẫn dí chặt chân lên lưng nó mà xóc

ngô như thường. Đến khi mục đích chân đi để thò mỏ ăn chỗ khác thì con ngan khôn nặn kia đã không thể đứng dậy được nữa. Nó gãy xương lưng.

Ăn no rồi, con mẹ vỗ hai cánh dẫn năm trẻ xuống ao lội chơi. Mặc thây một con bị trọng thương, cứ việc nằm rụi, kêu khắc khoải. Mục lò tí. Đến chiều, con nhỏ ấy chết. Mục làm như không biết rằng có một đứa con mình vừa mới chết. Và cố nhiên là không phải lỗi ở mục. Bởi vì vẫn thò ra thụt vào cái cổ, vẫn lúc lắc bộ đuôi. Những tiếng *kúu kúu* thốt ra, như vẫn biểu lộ một nỗi vui sướng vu vơ ngây ngô.

Thế là một con ngan nhỏ chết. Mười hôm sau, hai móng nữa cũng chết theo. Chúng bơi dưới ao, mò rúc đầu vào ven bờ. Hai con bị lươn rút vào tổ. Lũ trẻ con trong nhà đi tìm thì chỉ thấy hai cái đuôi chổng lên. Cái đầu cúi vào trong lỗ, bị lươn cắn thủng một lỗ sâu hoắm.

Còn lại chỉ có ba con lơ lảo.

Lại một hôm nữa, mục dẫn ba trẻ con ấy ra ngoài ruộng chơi. Máy bữa ấy đổi gió, nên nhiều điều hâu ở miền xa bay về. Chúng đang dang cánh ra lượn tròn trên đồng lúa. Chúng lửng lơ trong không, lẩn vào từng khoảng mây xanh. Những tiếng kêu riu rít nổi lên như tiếng sáo đầu. Không phải là chúng cứ “xây giếng cho tròn” mãi ở trên cao thăm thẳm ấy. Chúng liệng đi liệng lại và thỉnh thoảng sà xuống ở một chỗ rất quanh quẽ, hoặc để tìm một cái ngòi nước nào mà tắm hoặc để kiếm mồi. Hôm ấy, có một con điều hâu lượn vòng tròn rất cao. Bỗng nó nghiêng cánh, đâm bổ xuống tận nơi, thò dài hai cái chân sắt, quặp lấy một con ngan, rồi bay bỗng lên, vụt đi. Nó tìm đến một nơi thanh vắng, thả ngan xuống, mổ cho chết rồi ăn thịt. Một lát sau, có một gã điều hâu nữa sà đến cũng quặp một con ngan. Văng vẳng tiếng ngan kêu thảm thiết trên cao.

Mục ngan mẹ cũng nghe được rõ ràng những lời kêu cứu ấy. Bởi vì mục có nghén cổ, có liếc lên trời. Nhưng rồi mục lại cúi xuống mổ cỏ và lúc lắc cái đuôi của mục. Còn có mỗi con ngan nhỏ khiếp sợ, chúi vào bụng mẹ. Song mẹ nó vẫn vô tâm, không để ý chi. Thế là hai con nhỏ bị điều hâu bắt ăn thịt. Phải tay một mục gà thì không bao giờ mục chịu im như vậy. Sống chết mục cũng xù lông ra, nhảy lên đánh nhau ngay với quân thù. Đằng này, có thể như không bao giờ mục ngan nghĩ đến điều phiền nhiễu đó. Mục đứng đĩnh dẫn một con lông thõng về, mổ và mất thần nhiên như lúc đi ra.

Cả đàn sáu con ngan, chỉ còn vẹn vẹn có một. Cái sân gà vịt vừa bị một trận chết dây kinh khủng, bây giờ lại càng vắng vẻ thêm. Các công chuồng bỏ trống, không cài then.

Những lối bùn đã mọc rêu xanh, chẳng có mấy vết chân ba ngón qua lại.

Tối đến, hai vợ chồng nhà ngan ngủ dưới gầm chuồng gà. Con ngan nhỏ nằm bên cạnh, mở rúc xuống cánh. Bao giờ chúng cũng ngủ đấy. Cái giống ngan luộm thuộm yên trí rằng ngủ ở đây là sang lắm.

Một đêm kia, có một con rắn mai gầm từ dưới bờ ao bò lên. Thân nó trường bằng một cái đòn gánh và vằn những khúc vàng, khúc đen. Bởi vậy, rắn ấy còn có tên là rắn cạp nong cạp nia. Nó luôn ven bờ ao, đánh hơi thấy mùi tanh ở chuồng gà thì nó bò vào. Và nó bắt gặp ba con ngan liền rướn vành cổ ra, phun phè phè. Hai con ngan lớn lật đật chạy. Bởi rắn ấy là ông Ba Mươi đối với các loài vật trong nhà. Nhưng cũng chẳng biết có phải vì thế mà hai con ngan chạy! Chú ngan nhỏ chậm chân, bị rắn tiêm nọc độc vào lưng. Tội nghiệp, chú nằm quay lơ, giãy giữa một lát thì chết. Con rắn ghê gớm lù đừ trườn đi mất.

Sáng hôm sau, Lặc thấy xác con ngan nằm chết rũ. Nhìn một vết dài lằn nhẵn trong rãnh bùn ướt từ ao lên trên gầm chuồng thì Lặc biết ngay là con ngan kia bị rắn phun chết. Nó chạy vào nhà, hô hoán ầm lên. Lũ trẻ thập thò ra xem nhìn nhau, rón rén bước từng bước một, như sợ con rắn nguy hiểm hãy còn lẩn quẩn quanh ở đây.

Lặc xách cẳng ngan lên. Nó ngấm nghĩa và nói:

- Hoài của. Thế *lày* mà rắn cắn chết, thịt đang mềm *nắm* . Chóc *lừa* tôi vào xin ông mang về...

- Ăn?

- Chứ *nỵ* gì! Hôm *lọ* , con gà chọi tôi cũng mang về ăn đấy. Chỉ phải bỏ cái điều đựng com thôi. Ngon đáo để. Tội gì, thịt ăn chẳng có, *nại* có thịt vớt đi.

- Nhưng đằng này rắn phun độc lắm.

- Độc xộc vào mồm. Tôi khiếp sợ.

Lũ trẻ xanh mắt lại. Chúng chắc rằng ăn thịt ngan rắn cắn, thế nào Lặc với mẹ Lặc cũng chết ngay đuôi ra. Lặc mang con ngan về.

Nhưng sáng hôm sau. Lặc vẫn đến như thường. Mặt mũi vẫn hồng hào và bụng vẫn to. Cả bọn trẻ xúm lại.

- Ăn hết thịt ngan chưa?
- Mấy con *lừa* cũng ăn hết bay.
- Thế thực anh không sợ nọc rắn độc hử?

Lặc nói nhỏ. Ra lời bí mật:

- Sợ quái gì. *Núc núc* gà thì bỏ một cái đinh *lăm* phân vào *lời* . Sắt kỵ nhau với *lọc* rắn. Thế nà *lọc* rắn tan ra *lước* hết. Chỉ phải bỏ đi *lước* xuýt, còn thì nhắm được tuốt!

Lũ trẻ ngẩn ngơ nhìn nhau. Ra lời phục cái mẹo ấy là đúng.

*

* *

Con ngan nhỏ cuối cùng chết đi, hết dấu vết của đàn ngan.

Không ai nhớ nữa, cả mẹ và cả đến cha chúng. Tàn mùa hè thì hoa xoan rụng. Hai vợ chồng nhà ngan lại đi với nhau. Chồng là một chàng ngan bạch. Thằng cha to gấp đôi vợ. Loài này, bao giờ đực cũng lớn hơn mái. Toàn thân trắng muốt. Nhưng ở cuối mỏ, sùi lên một mụn đỏ. Nếu nó in ít, ta có thể tưởng đấy là trứng cá của loài ngan, nhưng đây nó đầy bì bì, đỏ tía như màu hoa mào gà và ngay ở trên trán, mụn đỏ ấy làm xấu đáng của ngan, dù là một con ngan trắng muốt. Vì còn có những thứ ngan khác hoặc đen biếc, hoặc trắng đốm đen bản như người đàn bà đi chợ mùa lạnh mà mặc váy rách vá chùm vá đụp.

Nhưng cũng chỉ có tính nết của ngan làm cho người ta ưa chúng.

Chàng ngan kia bướng bỉnh lạ. Nếu bị người đuổi, chàng chỉ đảo từng bước thùng thỉnh. Và lại còn thò cổ lại “hỏi han” người ta. Nếu chỉ bị đuổi xoàng, chàng còn mỗ lại người ta là đằng khác nữa. Chàng không nhát như mấy anh vịt, lúc nào cũng chỉ ngẩn tò te ra nghe ngóng để rình chạy. Song chắc là vốn được bẩm sinh ra thế chứ thực ngan ta chẳng có tâm tính chi. Đã một lần có một đứa trẻ ngắt hai chiếc lá khoai sau nhà. Nó vạt con ngan xuống và lấy lá khoai trùm kín cả đôi bên mắt chúng. Đôi ngan bừng mắt ra, thấy màu xanh xanh của lá phủ trên mặt thì quên hết cả trước sau. Chúng cho ngay rằng chúng đương được nằm lơ mơ ở trong bụi cỏ. Bụi cỏ non xanh và mát. Thế là chúng cứ nằm chổng chân lên, im lặng không nhúc nhích, cho mãi tới lúc hai chiếc lá khô cong, hé nhìn lên thấy trời, chúng mới lóp ngóp bò dậy. Lại thùng thỉnh bước một, gieo những bước nặng lạch bạch xuống nền sân.

Một hôm chàng ngan lừ đừ ra đầu ngõ. Hắn đi ngo ngác, lơ phờ, lắc lư cái người, lắc lư cái chân, mà lắc lư cả đến cái đuôi ngắn cùn. Bất đồ hắn gặp một đứa trẻ độ ba bốn tuổi, chập chững đi vào trong ngõ. Ngõ hẹp và sâu, có những cây xoan cao, thân mốc trắng, cành nặng trĩu những chùm quả chín khô, vàng thẫm. Thằng bé cũng trông thấy con ngan. Nó cời trần cời truồng nhưng nó không sợ ngan chút nào. Nó thò tay ra vớ lấy cái đầu con vật. Chàng ngan cũng chẳng sợ gì thằng bé. Chàng liền rúc một mỏ vào rốn nó. Thấy buồn buồn, nó lấy tay gạt đi. Chàng ngan lại rúc nữa. Lần này chàng rúc xuống phía dưới bụng. Đứng cái dái. Thế là chàng cứ bập bập hai cái mỏ vừa lòi vừa nhay thằng bé.

Thằng bé giãy giụa, gào “mẹ ơi! mẹ ơi!” âm lên. Mọi người chạy ra thì thằng bé đã cố dút được cái mỏ ngan tai quái ra rồi. Chẳng có ai ngờ là gã ngan dờ dẫm nọ lại vừa đánh nhau với thằng bé chưa biết nói sõi. Nó chỉ khóc khỏe. Mà gã ngan thì vẫn đứng cạnh đấy, thò dài cổ ra “hỏi han” mọi người, với một điệu rất ngẩn ngo: Người ta tưởng có một ổ kiến lửa đỏ ở quanh đấy.

*

* *

Đằng sau nhà, có một vườn cải. Đây là một khoảng đất tận góc vườn đằng kia, giáp bờ ao, vun xới, bón tưới do công trình của Lặc. Cùng là ở trong vườn, nhưng Lặc rào kín bốn phía, để đề phòng sự tàn phá của bọn ngan vịt nghịch ngợm. Chỉ hở một cái cửa nhỏ. Mỗi ngày hai buổi, Lặc xách vò nước vào tưới.

Bốn luống cải chạy đều một hàng. Màu xanh tươi tắn giải lên trên màu đất vàng sẫm. Có luống vừa bén chân, mới trở được đôi ba tờ lá bé. Những mảnh lá xanh ròn , có khía răng cưa, khum xuống sát đất. Cải này trông để ăn vào Tết Nguyên đán. Cũng có luống những tàu lá cải đã vòng cao. Khía lá rách mạnh vào chiều sâu. Ở giữa chòm lá lòe xòe, vươn lên một cái thân dài mụ mẫm và phần trắng. Đầu thân, lơ thơ có những chùm hoa nhỏ, những chùm hoa của những đóa hoa nhỏ xiu ấy, mở ra những cánh vàng li ti. Đó là những luống cải để làm dưa. Chúng đã già rồi. Nhưng vườn chỉ đẹp, khi những cây cải già nở hoa vàng. Có không biết bao nhiêu là bướm trắng từ xứ mô tê nào rủ nhau đến chơi ở vườn cải. Chúng họp thành đàn, bay rập rờn trên từng cánh lá. Chỉ bay thôi, mà không đậu. Những cánh trắng trắng phấp phới trên nền cải xanh lốm đốm điểm hoa vàng. Lại thêm có mưa xuân về sớm, mà là trời đổ bụi mưa xuống. Trước gió hiu hiu, những bụi trắng bay loảng quăng vắn vơ.

Căn vườn đẹp, xinh là thế, mà một bữa kia, có những kẻ rất phàm phu vào bới tung cả lên. Hôm ấy Lặc tưới vườn nhưng lúc ra quên cài then cửa. Một lúc sau, nghe có tiếng *khịt khịt* thở mũi. Rồi lại có tiếng chân đạch đạch. Rồi thì một chiếc mỏ vàng to bè bè, hai con mắt lơ lảo, và cả cái đầu đỏ khé, thò vào trong phen. Thấy phen ngổ rộng, hai cái chân lùn chũn cũng nhún lên nữa: À, chàng ngan đực đương ì ạch leo vào vườn. Chàng vừa leo vào xong, còn đứng ngẩn ngơ nhìn khu vườn man mác một màu xanh yêu mến, thì ở ngoài lại có tiếng thở, lại có tiếng chân đi, lại một cái đầu đỏ nữa thò vào phen. Con mụ! Con mụ ngan cũng nhảy vào vườn rồi.

Ôi chao! Thực là sung sướng, thực là phê pha. Máy khi có được những lá xanh, non và mềm thế kia để ăn cho mát ruột. Vợ chồng nhà ngan liền cầm cúi vặt mỏ lá cải. Chàng tia từng lá, xóc ngoem ngoém. Chúng ăn những cây lá cải già và chúng ăn những cây lá cải non. Chúng nằm xệp xuống giữa luống mà xóc soàn soạt. Vừa ăn, vừa giày vò, vừa ngoe nguẩy hai cái đuôi lý thú. Chẳng bao lâu quang đãng hết một góc hai luống cải. Còn trơ lại ở mặt đất những cái gốc trụ. Ăn một ư? Chàng chỉ vỗ cánh đành đạch, đứng nghỉ ngơi một lát rồi lại bắt đầu cuộc ăn nữa. Chúng ăn vô hồi kỳ trận. Vườn cải nát hết. Đàn bướm trắng lớn vờn trong bụi mưa. Bụi mưa vẫn phơi phới xuống. Hai cái mỏ, bốn cái chân, giẫm và nuột tan hoang cả.

Cuộc tàn phá đang dữ dội thì có một đứa trẻ đi ra vườn, ghé qua khe nứa trông thấy. Nó hốt hoảng chạy vào trong nhà.

Cu Lặc hót ha hót hải chạy ra. Môi nó mấp mí. Những bước chân giận dữ vang thành thịch, giá giẫm trúng thì chết cả chó. Có đứa cướp vườn cải! Có đứa cướp vườn cải! Làng nước ơi, hại cu Lặc chưa!

Lặc giương đôi mắt mà nhìn vào vườn: Hai con ngan mãi ăn, không biết, cũng có ghéch lên nhìn, nhưng lại cúi xuống ngay và lại xóc lá cải liên liên. Lặc thì Lặc, chúng ít cần, mà nói rằng chúng chẳng có cần mới đúng. Cửa ngõ thì những con vật đi vào. Có lá non đầy những con vật tha hồ xơi tự nhiên. Giản dị lắm. Nhưng người ta lại không nghĩ giản dị như vậy. Lặc co căng đá phốc cho anh ngan đực một đá. Thằng nôm bắn bổng lên, chúi rập vào khe giậu. Con mụ cũng được ăn một đá tương tự. Chúng lóp ngóp bò dậy, và dường như trong lúc sừng sốt, chúng không hiểu thế nào ra thế nào cả. Chúng vờn cái cỏ, chĩa là là xuống, trợn mắt lên, đồng thanh cất tiếng kêu kiu kiu. Cái gì thế, cái gì thế hở?

Lặc đá liên liên. Lũ trẻ reo lên à à. Mỗi lần bị ngã mà lóp ngóp bò dậy, hai bác ngan lại

càng vươn thườn cổ ra, đôi mỏ đánh vào nhau cặp cặp. Như cố ý kháng lại. Chúng quay cổ lại nghênh địch, mà không chịu chạy. Lặc đá tới tấp. Loài ngan khỏe thực. Đá lăm chỉ nghe tiếng bồm bộp. Sau Lặc xách cổ đôi ngan, đem nhốt vào chuồng gà. Nó cài kỳ lưỡng hai cái chốt lại.

Vợ chồng nhà ngan bị bỏ tù. Cho đến lúc ấy, chúng cũng không hiểu chi, cứ vươn cổ ra mà kêu rối rít, rất buồn.

Ba hôm sau, đôi ngan được thả ra. Chúng vỗ cánh, dướn chân, bay về về trong sân. Nhưng bỗng nhiên, chàng ngan đực vù cao lên. Chị vợ cũng nổi cánh. Hai con ngan trắng phau phau bay bổng lên không trung, thấp thoáng trong nền mây trắng. Chúng bay cả ra cánh đồng. Thực là một sự bất ngờ kỳ khôi. Loài ngan có bay biếc trên trời bao giờ đâu. Kỳ tình chúng cũng biết và có thể bay cao lắm. Nhưng ít khi chúng trở tài cho thiên hạ rõ. Chắc là mấy bữa nay cậu mợ quần chân lấm, bây giờ đã được tự do thì xê dịch đi một cái cho sướng cái thân.

Lặc co cẳng chạy đuổi theo. Hai con ngan hạ cánh xuống giữa cánh đồng. Nó tóm được và xách cổ cả hai bông bông lôi về nhà.

*

* *

Chàng ngan đực chết ngay hôm ấy.

Người ta bày ra sân một bát chiết yêu. Một đĩa tré được tóm hai cánh ngan, giơ cao lên. Một đĩa khác cầm hai chân. Lặc tóm cổ ngan, vặt nhẵn một túm lông ở phía mỏ dưới. Nó kẻ lưỡi dao vào đây và khía mạnh một cái. Máu đỏ tươi rùng chảy xuống bát. Con ngan giương mắt ra thở khò khè. Nhưng cái màng trắng ở một bên mí kéo lên, khép kín đôi mắt ấy lại. Nó giãy giụa mấy cái mạnh rồi nhuôi ra. Một vật sống từ giã cõi trần...

Mụ ngan đứng cạnh, nhìn vợ vẫn. Mụ nghĩ ngợi chi? Vẫn thở ra thụt vào cái cổ thần nhiên. Thực mụ chẳng biết người ta đương xúm lại để làm gì chồng mụ đấy. Giống này không nhớ chi bao giờ. Một việc qua rồi, được coi tựa như việc chưa có lần nào tới. Mụ chỉ nhớ rõ ràng khi có hạt ngô đỏ đỏ, hạt thóc vàng vàng, tàu lá xanh thì xô đến mà khởi sự ăn.

Mụ chưa bị chết. Mụ chỉ phải xén cụt hai đầu cánh, để từ giờ cụt húng bay. Nhưng án của mụ cũng đã được tuyên. Ông ngoại tôi nói:

- Còn con ngan này thì đến hăm ba, cho nó về châu ông Công.

Đực

Có một hôm nó trốn đâu từ lúc đương bữa cơm chiều. Cả nhà đi tìm quanh quẩn khắp xóm mà cũng chẳng thấy. Không thường con quái lại chạy tít ra tận ngoài đồng!

Nó tinh quá. Mới giờ có cái xích ống ra rung rung mà nó đã chạy phát nhọc lên. Có gì đâu! Người ta chỉ muốn làm cái việc trường cửu của nó thôi.

Nó là chó. Nhưng ở nhà gọi tên là Đực. Trước kia, hồi nó còn nhỏ, thầy tôi đặt tên là con Bô - Tô. Phải cái trí nhớ của cu cậu kém quá, chỉ có việc nghe gọi “Bô - Tô, Bô - Tô” mà cứ quên khuấy, đang chạy cũng nhãng cả quay cổ lại. Nếu lại hò tiếng thông thường, *cún cún ều cún ều*, thế thì nó sẽ ve vẩy cái đuôi, sán lại ngay đấy, song nghe thế mới tặc tịu làm sao! Có khi chỉ phải tặc tặc cái đầu lưỡi, nhờ một bãi nước bọt là chó ta cũng mon men đến.

Nên cả nhà tôi gọi nó là Đực. Nghe tiếng gọi “đực, đực” cũng gần giống tiếng tặc tặc cái lưỡi. Thế là dung hòa cả đôi cách. Có đâu vài ba bận nó đã quen được tên.

Mẹ nó quê gần bên kia sông - chẳng ai có thể biết được bố nó là dòng dõi nơi đâu. Cái loài chó má vô luân làm gì có sự giao kèo vợ chồng! Một lần ông ngoại tôi sang Phú Gia chơi với cụ Nhiều Vạng. Nhân nhà có một chị chó cái giống tốt để được một đàn năm con, cụ Nhiều bèn biểu ông tôi hai con lớn nhất: một đực, một cái. Ông cụ bỏ đôi chó bụ bẫm, mỗi chú vào trong một cái rọ tre. Bữa ấy, tôi chọc hai đầu gậy vào cặp rọ mà quấy thung thăng đôi chó về bên nhà. Đi đường, chúng kêu nhăng nhặng như kiêu chúng chửi bới tôi.

Về bên nhà, hai con chó chỉ biết có một việc hục đầu ăn no kênh, đi lục lặc cái bụng phình chắc nịch, trữu cả sống lưng xuống, và đùa giỡn nhau suốt cả ngày.

Chó nhỏ vui chơi chẳng khác gì trẻ con. Hóc đấy, nô đấy, lại cũng ngủ ngay đấy. Con Đực thật hết một đứa trẻ bướng bỉnh và anh hùng rơm. Nó hay bắt nạt con chó em. Nó vật cổ con kia ra, cắn một miếng chơi vào bụng rồi chuồn mất, để cho con bé cứ nằm chống bốn vó lên mà kêu ăng ẳng. Nó lại cọt với cái chổi dựng ở đầu hè. Nó lấy chân khều khều, làm như cái chổi là bạn tri kỷ của nó. Nó nhá cái chổi và nhá quai guốc của trẻ con bỏ quên ở ngoài sân, nghe còn cộn. Chân nó lại chạy ra đằng sân sau dọa dẫm lũ gà và ngỗng làm cho bác gà trông vừa phải nhảy hậu, vừa nhón nhác kêu quéc quéc rộn rã. Ông ngỗng thì gan hơn. Ông thò vươn cái cổ, nói khàn khàn trong cuống họng. Ông xử cặp mỏ dài và rắn, bỏ đập một

chùi vào sọ con chó như một người mẹ độc ác lấy tay cóc xuống đỉnh đầu đứa bé. Con chó nhai nhép vừa chạy vừa la om sòm.

Hễ có một khách lạ vào nhà, cả hai con chó cùng xò ra sủa ồm ồm. Nhưng người ta đi tiền thì chúng lại lùi sâu vào. Sau hết, cả hai nồm cùng lẫn vào gầm phản để giữ thế thủ với nhau và sủa hóng ra.

Thường giữa ban ngày chúng cũng ngủ lẫn lóc. Chúng gồi vào nhau mà say giấc. Con thì nằm úp mõm, duỗi thẳng bốn chân. Con thì khoanh người lại, đầu vắt xuống đuôi. Nhiều khi chúng mê hoảng, đang nằm cũng nghiêng răng kêu ư ử. Cũng có những bận chúng đá dầm nữa. Đương ngủ bình yên - đáng hẳn chợt mơ màng tưởng mình đứng tận ngoài đầu vườn - chúng đá tè ra ướt dầm thành một vũng nước. Thực là những đứa trẻ nằm mơ, những đứa trẻ con khoai củ nhà quê. Nhưng chúng càng lớn lại càng nằm xa nhau, cho đến khi thật đứng đắn thì không còn thấy lẫn nào chúng nằm ngủ vắt lên nhau mà ngáy nữa.

Trong vòng mấy tháng trời - từ độ ngoài Tết mừng Mười cho đến cận tháng Ba - đôi nhách chó tí tẹo đã trở nên hai con chó trẻ tuổi. Chúng vỡ da, vỡ thịt dễ nhón. Cái giọng cắn the the đã đổi sang giọng trầm trầm, nhát một. Cũng như ở cái thời mười sáu, mười tám ta bắt đầu lang mặt và vỡ tiếng nói ồ ồ.

Bộ lông của hai anh em nó rất giống nhau. Đó là cái màu vàng lợt lợt, không ra sẫm hẳn mà cũng không hẳn trắng bạch. Chân cao. Đuôi chổng lên trời. Khi bước đi, nó nghiêng ngả như cái cán cò. Các người sinh chó bảo giống này là giống chó thường, chẳng dữ mà cũng chẳng hiền. Cái thứ chó vừa tầm người, không cao, không to mà ở hầu khắp các vùng nhà quê người ta vẫn nuôi. Chả hiếm nên không quý. Chúng dốt bất chuột, nhưng cũng hiểu việc đánh hơi và cách hít. Một con mũi hung hung đỏ và một con mũi xám ngất.

*

* *

Những sớm tinh sương, anh Đực hay ra ngóng ở ngoài cổng tán. Đã biết cái khoe chơi của một gã trai tơ rồi đấy. Cậu đứng đợi người yêu.

Ở đâu, ở loài nào, khi cuộc đời đương độ, người ta cũng thờ hít thấy rất những không khí ái tình. Cái hương vị mơ hồ và băng khuâng ấy đã làm cho con Đực đang trẻ con láu táu bỗng trở nên người lớn đứng đắn và có lễ độ. Dáng đi của nó ra điệu gọn dẻo, từ tốn, khoan thai, và nó ít đùa nhả nữa.

Đôi mắt ốc nhồi của nó linh hoạt như có dầu trơn trong cặp con ngươi màu nâu đục. Chẳng biết bộ mắt ấy có phải là lẳng không, thế mà vô lũng các chị em lẳng giềng cảm Đực ra phết.

Con Đực yêu hăng lắm. Nó có hàng tá nhân tình. Bởi nó bảnh bao, phì nộn và cũng bởi nó tài năng, khỏe mạnh. Nó là một ông tướng, một ông đại tướng. Nó phải hành động rất lắm việc.

Nó đi chim các chó nhà người ta. Nó vơ vét mọi nơi. Nhưng nó vẫn không khỏi có cái tính ích kỷ nhỏ nhen. Con em Cái nó cũng đương tuần cập kê. Nó lại kiêm cả việc ở nhà để trông coi riết. Nó không muốn em nó hư hỏng vì sự đua đả bạn bè. Còn không bao giờ nó nghĩ đến sự hư hỏng của mình và không bao giờ nó để ý đến sự nó đã làm hư hỏng vô khối kẻ khác. Con bé cứ thập thò ra ngõ chực đi rong là nó lại cắn cho một chập. Và hễ cậu nào có lượn lờ, lẳng vẳng qua cửa, nó cũng nhảy ra đánh luôn.

Lúc nào nó cũng lo nghĩ bộn rộn. Đi ve vãn các chỗ lạ còn rào giậu ở nhà. Bao nhiêu công việc! Phải biết rằng khi trẻ tuổi nó chẳng chịu làm ăn chi cả, chỉ có nghĩ đến sự ái tình. Mà thực cũng buồn, nếu những con chó trẻ trung không có những chuyện ma chuột ấy thì tuổi thanh niên của nó còn biết dùng làm gì nữa!

Cho nên nó chiến đấu một cách mạnh mẽ. Sau những trận chơi bởi dữ dội, nó mệt nhọc về nằm ở cổng ngõ. Nhưng dù nằm nghỉ đấy, thoáng có bóng một chị cái nào lớn vồn, nó lại ve vẩy đuôi, thè cái lưỡi dài và đỏ, chạy theo. Chỉ một ít lâu, người nó tọp hẳn lại. Thân thể nó dài thượt và ngê ngu. Cái bộ mã vàng lợt có chỗ mất cả một mảng lông, để lộ làn da xám xám.

Một buổi kia, cả nhà đã com nước xong, đến bữa cho chó. Thằng cu Lặc lấy bát chắt nước vo gạo, đổ đầy com vào lon rồi gọi ồn lên mà chẳng thấy bóng con nào về ăn. Đi tìm: cậu Đực, trong bụi tre sau vườn, còn cô Cái cũng mãi đứ đờn bên gốc cây rom.

Thằng Lặc vác cái gậy to thô lồ ra phết cho cậu Đực của nhà những roi đòn kịch liệt. Thế là tan. Còn cái đuôi của con Cái, biết đấy, nhưng Lặc không “khủng bố” tới, Lặc nghĩ: “Cho nó đi lấy giống”. Hừm! Thằng Lặc đã ác độc quá lắm. Cái phương pháp nó đem khu trị giống chó quả là không cân và ức hiếp, trái hẳn với sự xét nhận loài người, nó dung túng cho phái khuyến yếu mà đi trừng trị bọn đàn ông. Chẳng ai người ta thừa com mà nuôi một con chó điểm đàn. Ông ngoại tôi bảo:

- Con Đực tốt nét lắm. Tao muốn đẻ nuôi nó. Nhưng phải cũi nó lại, không được cho nó đi lang thang như thế mà nó rạc đi.

Con Đực bị nhốt cũi. Nhưng làm sao đổi được tính nét nó! Chẳng nhẽ nhốt được mãi, mà cứ thả ra là lập tức nó chạy biến. Và bị kìm hãm như thế mỗi lần sổ lồng nó lại la cà hơn bao giờ hết.

Thấy vậy ông tôi bèn bảo thằng Lặc:

- Mày sửa sẵn lấy cái xích ông. Tao phải thiên nó mới được. Đến tuổi rồi. Chưa kịp thiên, cứ không nhổng lên thôi.

Lặc đem dao ra vườn chặt một đốt tre. Nó đóng thông lọng một đoạn thùng đay rồi xâu vào cái đốt tre ấy. Con chó sống đi từ hôm qua. Lặc rình. Nó ở một rặng cây ô rô. Lặc giả cách đi lừ đừ tới, giấu cái xích ông đằng sau lưng. Thấy người nhà, Đực ve vẩy đuôi, cúi mõm xuống. Nhưng chừng như nó đoán hắn nó có tội gì. Nếu không ai bỗng dừng lại đi đến gần nó làm chi. Quả thế, kia kìa cái đầu gậy thò lò ở sau lưng thẳng người. Tới gần, Lặc giơ cái xích ông lên. Thế là Đực xoải chân ra chạy thẳng. Bữa cơm chiều cũng không dám tưởng đến về ăn.

Người ta định bắt thiên con chó. Thiên nó thì còn gì là đời thanh xuân của nó? Nhưng bản thân người ta chỉ định cái việc lâu dài, cái việc trường cửu cho nó. Bởi có thiên thì con chó mới bó buộc phải sống lâu năm được. Ở đời, người ta chỉ chuộng cái giống khỏe khoản thôi chứ.

*

* *

Đã muốn rồi cũng được vậy. Một buổi sáng thằng Lặc lừa bắt nổi con Đực. Tay nó vẫn lăm lăm cái xích ông. Đực hoảng hốt.

Nhanh như cắt, Lặc quàng vội chiếc vòng thẳng vào đầu Đực rồi đẩy cái ống tre xuống co rút lại. Nó kéo con chó đi. Kéo một lại được cả hai! Con chó cái chạy giật lùi rít lên và kêu gâu gâu ồm tỏi... Thằng cha vô lương tâm, thấy thế, lại cười ằng ặc.

Đực bị nhét đầu vào gậm cái bậc cửa dưới nhà ngang. Lặc lấy chiếc ghế nhỏ chặn lên cổ con chó và giữ chặt lấy. Ông tôi kéo dài hai căng sau, lật ngửa tênh hênh bụng nó lên. Con

chó cõ cựa nhưng không quay được một mảy, cõ kêu nhưng chỉ ầm ứ ở trong họng. Ông cựa cầm sẵn con dao nhỏ, xẻo rất nhanh... Lặc nhét vài hột muối và quét một ít dầu ta vào chỗ vết cắt ấy. Thế để cho đến lúc se máu, vết thương không bị cứng dầu và đóng vảy được ngay. Máu tuôn đỏ lỏm. Đực kêu thất thanh. Ôi chao! Buốt đến thế nào?

Cái công việc đó ông tôi làm nhanh lắm. Dễ chẳng chỉ một vài giây đồng hồ đã xong hẳn và buông được con chó ra. Thật là một hành động chóng vánh, chỉ trong cõ một li đã biến đổi cả một đời.

Con chó được buông lỏng, hồng lên, hực hực chạy đi. Nó đến nằm rấp ở một xó bụi ô rô mà rên hừ hừ. Chẳng biết nó tiếc xuân, tiếc đời hay là tại đau quá? Bữa ấy cậu bỏ cả cơm.

Nhưng da dẻ loài chó rất chóng liền vết. Nên được độ một phiên chợ nó khỏi hẳn và đã đi lại dẻo dẻo.

Có lẽ bởi thế, con Đực mới nghĩ ức trong lòng. Mấy hôm Đực buồn thiêu, buồn thiêu, đi lừ khừ quên cả ăn uống. Chắc hẳn cu cậu ứa nước mắt ra mà sầu cái sự đời éo le.

Cái xó vườn cỏ dại đằng sau nhà không còn oanh yến dập dìu như xưa nữa.

Có một hôm, Lặc đang đứng cầm cái sào nứa dài để dõn vịt vào chuồng. Con Đực đi qua đó, trông thấy thằng cha đã hại mất nửa đời mình, liền chõm lên, cắn một miếng vào bắp chân dưới của Lặc. Thằng Lặc bị miếng đòn thù bất ngờ, không kịp kêu, vội vàng lấy sào đập con chó, vết cắn ấy sâu lắm, in rõ hẳn hai cái răng nanh dài ngoằn, ầm lỏm vào trong thịt, máu tuôn ra đầm đìa.

Lặc lấy mõi thuốc lào và cạo một ít rêu cau rịt ngay lại cho nó cầm máu rồi vác gậy đi tìm con chó hỗn láo. Ai cũng biết mà đoán ngay rằng con chó tinh ma ấy trả thù kẻ đã thiến nó. Nhưng cũng biết trông mặt mà rửa hờn nên nó chỉ dám dõ có thằng Lặc mà không đụng đến ai.

Lặc lũng được con chó. Lặc xích cấn thận lại rồi đánh Đực một trận như tử. Những cái đầu gậy to bằng đầu cái chày đâm riêng nện vun vút xuống lưng, xuống sườn, xuống mông, xuống đầu chàng Đực. Kêu chán rồi chàng chỉ đành nằm mọp. Cái giống chó chịu đòn giỏi hơn cả người.

Về sau, biết thân kém hèn, nên không một lần nào Đực dám nghĩ đến sự thù hận nữa. Nó yên phận thủ thường. Và đối với kẻ thâm độc, than ôi! - hỏi cái sự ngôn ngữ bất đồng - ý

như nó chỉ dành ở riêng với trời cao.

*

* *

Từ đây, bắt đầu những ngày tháng buồn tênh.

Thôi còn gì nữa! Hết cả rồi! Dù chẳng là tù nhưng thân con Đực có khác chi thân một tội nhân phải vĩnh viễn giam cầm bên trong cái cánh cửa sổ, kiếp kiếp đóng chặt lại, không thể có khóa nào mở được. Mà ngoài kia thì này là trời xanh, này là nước bạc, này bướm, này chim, vạn vật sinh linh như rạo rục lên trong một nguồn sống mãnh liệt.

Loài người mình, khi thất vọng một điều gì, thường hay cáu kỉnh và đâm ra liều lĩnh. Hoặc yếu linh hồn một chút, liền trở nên rầu rĩ, chán nản. Nhưng hễ cái kho trí khôn mờ tối của con chó không có, không biết đến những sự phiền phức ấy. Nó chỉ biết có một điều cáu kỉnh. Nó cáu kỉnh độp thẳng Lặc một miếng. Người ta đã trả lời cuộc báo thù của nó bằng một trận đòn dữ dội quá thì nó chưa hận thù rồi. Nó chỉ còn bực mình suông thôi. Nó bực mình với phía khác, với em nó, với đồng bào nhà nó. Bởi vì thế là nó *hết cả rồi* ! Đời còn chi?

Trước tiên là cáu với con em. Mấy hôm ốm vì bị thiếu, phải nằm lử một xó. Đực nhận ra rằng: cái con em đồn mạt đã chẳng thương xót gì anh thì chó mà nó lại còn kéo đàn, kéo lũ ở ngoài đường ngõ với bọn bạn hữu giăng hoa. Cho nên đến khi khỏi, suốt buổi Đực chỉ chuyên có việc căn vắn em. Gặp chỗ nào cũng gừ. Luôn luôn nó héch mép lên, nheo mắt lại và chìa cả hai hàm răng trắng tênh như ngà có đôi nanh nhọn hoắt mà gặm ghè, làm bộ như sắp giết em đến nơi. Chì ả sợ hãi, cúp đuôi lẩn ra chỗ khác. Nó bực em nó cả ngày. Cái trò bị đánh mãi thì coi thường đòn, con Cái không biết sợ nữa. Nó cũng gâu trả lại, mỗi khi thẳng anh bắt lương đả nó.

Sau con Đực chắc cũng biết hực hặc như thế là vô lý. Nó thôi. Bởi nếu mà cáu thì cứ cáu cả đời. Ở cái tuổi trẻ măng măng của con bé, nó đề nén làm sao được sóng tình dào dạt. Đực lại bỏ đi gây sự đánh nhau rắc rối với láng giềng. Nó sinh ra rất ghét tất cả những cuộc tụ bạ ở các ngã ba, ngã tư đường. Nó tưởng như lũ chó chưa thiên chỉ đứng đấy để chế giễu nó. Cho nên, nếu người ta còn trông thấy nó ra đó, là nó ra để choảng nhau. Nó cắn tuốt, không trừ một con nào. Thằng hoặc đôi khi, ngó thấy một con chó mơn mơn quá, động tình nó cũng hít hít... nhảy nhảy. Nhưng cái thời xuân xua đã đi đâu mất rồi!

Nó mới ngán ngẩm ra. Nó mới tộp cho chị ả một miếng nặng. Thế là cả họ, cả tui nhà con chó cái mỡ miều nó kéo đến gầm gừ, khởi một cuộc xung đột tan hoang.

Nhưng rồi anh em cắn nhau mãi cũng buồn. Đòi đã sẵn buồn, như thế lại càng buồn chán hơn.

Con Đực thôi không hay táo tợn nữa. Nó tìm kết bạn với một vài anh chó già hoặc cũng đã hết xuân như nó. Thiến lại chơi với thiến, đồng bệnh, người ta sẽ hiểu nhau hơn.

Quả nhiên thế thật. Những bác chó chán đời này thân mật với nhau lắm. Những sớm mùa hạ, trời mới hồng ứng chứ chưa có nắng, cả bọn quần nhau, đùa nghịch thung thăng ở ngoài cánh đồng lúa xanh. Đực không chơi bởi, hay là muốn cũng không chơi bởi được nữa - thì người hấn béo ra. Những chòm lông mọc dài, óng ả và mỡ màng. Dáng đi của nó đàng hoàng và bệ vệ, những gióng chân bước đều đặn, đôi con mắt lừ đừ như trong đầu nó đang nghĩ ngợi xa xôi hay triết lý một điều gì. Thân nó chắc nịch, và chỉ trong có đôi, ba năm trời nó đã to bằng một con chó hạng nhỏ.

Cái tính hung hăng thuở trẻ của nó mất hẳn. Nó lừ đừ và hiền hậu trở lại. Nếu có khách vào nhà, nó cũng chỉ cắn oảng oảng mấy tiếng làm hiệu chứ không xò đến tận chân người ta như trước nữa. Nó thường nằm ở gầm phản, hè, lối trông ra ngõ. Ngày nó nằm, đêm nó đi mò suốt canh. Nó tuần phòng. Con chó khôn quá! Khi người ta kéo nó ra khỏi con đường tình ái thì nó mới trông thấy con đường nghĩa vụ. Bởi vì giống chó sinh ra đời chẳng là để làm cái chức việc giữ nhà hay sao?

Bây giờ chó Cái đã chữa. Nó vác cái bụng đi khạng nặng như thế trông xấu đi nhiều, mất cả cái vẻ tự nhiên. Được ít lâu nó đẻ ra lúc nhúc bốn năm mụn chó con. Cái đàn chó nhỏ ấy cứ rúc đầu vào bú tằm tộp cả ngày. Những chiếc vú xinh xẻo của mẹ Cái dài ra, to và mẫm như những chiếc củ cải nốn. Mỗi bước đi, một chùm tám chiếc vú lại đánh lúc lắc sang hai bên, làm thốn thẹn cái bụng. Ra vẻ nạ dòng quá.

Con Cái cứ đẻ năm một sồn sồn. Mỗi lần nó ở cữ, các nhà bà con láng giềng có tình tới chơi, thấy những con chó xinh xinh lại xin một nhỏ.

Năm tháng lần trôi, con chó Cái gầy rạc và xấu mãi đi. Mà anh Đực vẫn như nguyên. Có phần anh lại càng béo đầy thêm. Thằng em con nhà dì tôi, mỗi khi nghịch tinh, thường túm cổ con chó, cưỡi lên lưng nó như người ta cưỡi ngựa. Chân thằng bé vừa sệt đất. Con Đực có thể mang trên lưng thằng bé lên tám tuổi ấy mà đi chậm chạp từng bước một, từ đầu

sân nọ tới đầu sân kia.

Bọn trẻ thích Đực lắm. Chúng nô đùa với nó cả ngày. Chúng buộc dây đeo và đeo chuông vào cổ con Đực mà giả cách tưởng nó làm ngựa, cho nó chạy nhong nhong. Mỗi bận, những đứa bé sờ tay vào đầu vào cổ con Đực, Đực lại sung sướng lim dim đôi mắt lại và ngoe nguẩy cái đuôi. Nó hiền như bụt đất.

Và nó ăn ở có giờ giấc hẳn hoi. Ngày đôi bữa ăn rồi lại nằm ườn bụng mà thở phập phồng. Ban đêm, nó đi mò mẫm. Nó dạo trên đường sân, mỗi một bước, những cái móng nhỏ, sắc và khoằm đập xuống mặt gạch, nổi lên những tiếng lách tách như âm thanh ở một thứ nhạc kim. Chóc chóc nghe hơi đâu có tiếng động, nó cắn vọng gâu gâu.

Đã đến ngoài mười mùa đông rét mướt đi qua. Thấm thoát mới ngày nào, giờ đã ra mười mấy năm trời.

Con Đực sống dưới mái gia đình tôi đã hơn mười năm, từ cái ngày tôi còn có ở trên đầu một nùm hoa roi dài lê thê xuống tận sống lưng và mặc một bộ quần áo nâu da bò có hai tay áo bóng nhẫy những quệt mũi.

Đã nhiều đổi thay. Ông ngoại tôi khuất núi từ một sớm mùa đông năm Canh Thìn. Cái người đem nó bên kia sông sang đây đã bỏ các cháu mà ra đi mãi mãi rồi. Bà ngoại tôi, thành lưng cao ngày một gục còng xuống, không cất nhắc được mấy nỗi công việc nữa.

Mấy đứa em con nhà dì tôi, thằng bé nhất cũng đã biết cắp sách đi học trường làng.

Còn Lặc, cái kẻ thù số một của con Đực già cũng đã lớn ngót ba mươi tuổi. Hắn không ở cho nhà tôi nữa. Sống mãi ở một nơi cũng chán. Nhưng có lẽ nó chán hơn cả là ở đâu cũng thấy cái xiềng nghèo kiệt đóng đai vòng quanh cổ. Năm vừa đây theo với chúng bạn, Lặc nhập vào bọn phu mộ sang vỡ rừng, ở một miền cao su đất đỏ tận trong xứ Nam xa xôi.

Riêng phần con Đực, con Đực chỉ lạnh lùng trước cuộc đời và lạnh lùng với tháng ngày. Tỉnh thoảng nó thả nỗi lòng vào vài tiếng hoáng lên trời.

Các bạn nó cũng tan tác hết. Con bé em chết đã lâu. Để nhiều quá, thân thể gầy nhòm, bữa kia người ta liền cho nó một cái chày vào đầu để làm một nồi nhựa mận. Con chó Nhốm bên hàng xóm, một Tết Nguyên đán, sợ pháo mà chạy mất tích, không thấy trở về. Con Vàng có tính hay cắn trộm, ghẻ lở đầy người cũng qua đời đã bốn năm nay. Những anh đồng niên với Đực mà không thiên thì chết từ lâu lắm, để có đến ngót mười năm. Nếu

chẳng thiếu thì thọ làm sao được! Một hai mùa chơi bời, gầy mõi xương ra, ai còn buồn phí cơm nuôi một con chó trụy lạc, còm xác đến tận răng!

Câu chuyện của nó đã ra chuyện ngày xưa. Thời gian làm ly tán cả. Trở đi, trở về, kẻ chết, kẻ giang hồ mất, kẻ bị bán đi nơi khác. Lại còn có kẻ xấu mắc vào những bẫy cò ke của tụi ăn trộm chẳng ở bờ giậu để đến nỗi chúng bắt được, đem bán cho các tửu quán. Họ đem làm thịt, lôi lòng gan ra và móc vào chiếc móc sắt, treo cong cái lưng chó vàng ngầy ở các cửa hàng cơm những dọc đường.

Mòn mỏi trong đám chó hậu sinh bây giờ, một mình con Đực lặng lẽ sống cái cuộc đời tàn cực buồn thiu.

*

* *

Đực nằm ở đầu ngõ vào, trên cái ổ rom cuộn tròn, lông trong một mảnh nắng mỏng của mùa đông hanh hao. Cái đuôi nó cuộn lại, ba chân thu vào, còn một chân để tỳ dưới chiếc mõm khép kín cho héch lên cái sống mũi xanh xám. Những chòm lông trắng đẹp ngày xưa bây giờ quăn lại và kết thành từng đám bù xù.

Qua thời kỳ trai trẻ chơi bời, đến lúc tỉnh ngộ với cái thân hình trắng kiện rồi lần lần bước sang tuổi già, con Đực cũng héo hắt dần.

Đực không còn thính tai nhanh chân như thuở trẻ. Ăn cũng thấy nhảm nháp in ít. Cả ngày chỉ nằm tròn. Đực mấy hôm nay hứng trời, không có mưa bụi phấn bay lẫn phẫn, con Đực tìm ra nằm sưởi nắng ở đầu tường.

Nó lão lắm, chả còn kham nổi việc coi nhà đêm hôm. Mà nhà có vườn rộng, không được con chó khôn ngoan, lanh lẹ, trong những đêm dài, người ta ngủ cũng chẳng dám trợn giấc.

Hôm qua, tôi đi mua ở trên chợ Bưởi về một con chó, lông vàng sẫm như lông bò. Anh này mới ra đời được gần một tuổi, khỏe và béo lắm. Chắc nhanh trai lắm. Nhưng phiền một nỗi, chàng ta lại chưa bị thiên.

Cu Lặc

Thành tên là cu Lặc, chính bởi cái bụng của hắn.

Thực ở trên đời này, có thể nói rằng không còn cái gì vĩ đại hơn cái bụng phì nhiêu của thằng cu Lặc vậy. Nó trương phình ra, nó nhẵn thín, nó tròn múp míp, nó choán mất cả ngực thằng Lặc và khum khum vòng từ cổ xuống tận háng. Trên đường cong ấy, xé một chút về phía dưới, nổi lên một cục thịt. Nom như cái nút ở lưng vò rượu. Đó cũng gọi là nút, nhưng là cái nút rón, nó mọc thây lầy ra, đứng trơ trên và lơ lảo giữa sa mạc bụng. Nếu mới nhắc thấy, người khéo tưởng tượng, có thể ví như một gã ma lạnh nào tinh nghịch, lại đi thò đầu ngón tay... từ trong bụng thằng bé ra.

Cu Lặc đeo cái bụng tày đình, phưỡn phệ đi lặc lè... lặc lè...

Bao nhiêu người ngấm nghĩa nó đi, và đều cười mủm mím, phê bình nhỏ với nhau. Những lời phê bình của quần chúng tạp nham đó đúc lại, tạo nên một câu chắc chắn như thế này:

- Chà! Ta gọi nó là thằng cu Lặc Lè!

Rồi người ta gọi bớt đi một chữ đằng sau. Thế là thành tên. Hắn không có quê quán gì. Một người đàn bà ở phương mô tê nào chẳng ai biết, đến Nghĩa Đô làm nghề quay to mươn, rồi chẳng may ốm chết, bỏ lại cho thiên hạ một đứa con. Thằng bé được người ta nuôi làm phúc, nó vào ở gia đình nhà tôi từ ngày xưa lắm, tôi cũng không được rõ gốc duyên do làm sao. Ngày còn bé cón con, thoát mới biết nhìn và biết nhận thì tôi đã nhìn và nhận thấy cái bụng cùng cái rón góm ghê của cu Lặc. Và hắn đã lớn hơn tôi nhiều.

*

* *

Người trong cả làng tả cu Lặc bằng mấy nét thực đơn sơ:

Bụng nó to hơn cái bụng ông phỗng. Rón nó vừa bằng cái bát mộc. Nó ăn như đánh trống.

Quả thật là cu Lặc ăn khỏe vừa ngoại ngạch mà vừa vô địch. Hình như chẳng bao giờ

hắn no miệng. Ăn lăm vào, cái bụng tích trữ bị phình ra quá cỡ, thì phải thôi đấy, chứ cu Lặc chẳng hề biết thế nào là no đâu. Lúc ngồi ăn, hai chân hắn xoạc ra, để cho cái bụng được tự do thở và chứa. Rồi thì hắn múa đũa lên để và, để húp soàn soạt. Cơm quện với nước canh cứ trôi xuống cuống họng ọc ọc như nước chảy xuống lỗ cống. Hắn ăn lấy ăn để, ăn ăn, thở thở, như ăn cướp.

Nhưng thực tình hắn lại mù mịt, hiền lành. Mà dường như lại đá lăm cảm. Bởi vì, có một ngày Tết, đương ngồi đông đủ cả nhà, u tôi sẽ vào bát cho một ít canh miến gọi là ai cũng có chút thơm ngày Tết. Hắn húp súp một cái, rồi há hốc mồm ra tru lên:

- Úi chà! *Ton ton* quá. Chưa *luốt* đã tụt vào *củ tử* !

Từ đấy, ngày Tết mà ai sẽ món canh miến cho cu Lặc, cu Lặc cũng lặc đầu. Hắn sợ những sợi miến trơn và lạnh, chưa kịp nuốt, đã trôi tuột xuống tận cuống họng.

Trẻ con trong nhà thân với cu Lặc lắm. Bởi vì cu Lặc vừa là con bò, cu Lặc lại là con voi. Hắn cúi lom khom, đứa nào cũng có thể tự do trèo lên lưng và bấu lấy hai tai hắn. Cu Lặc lại vui tính, và có nhiều trò chơi kỳ lạ.

Tôi hãy kể đại khái một trò: Hắn nằm thẳng xuống đất thì cái bụng của hắn vòng cao hơn mặt. Hắn bảo một kẻ cười lên. Hắn liền trợn mắt măm môi, thót túm bụng xuống, rồi thở phè ra một hơi dài. Thằng bé ở trên bụng cứ theo nhịp thở mà nhảy lên nhấp nhô, nhấp nhô.

Ăn cơm no rồi, cu Lặc phanh áo để lòi bụng. Hai tay hắn vỗ vào bụng, mồm hắn làm điệu trống cơm *bung bung bập bùng, bung bung bập bùng* . Ấy là cái hiệu cho lũ trẻ gọi nhau:

- Anh em ơi! Lại xem cu Lặc hát.

Cu Lặc sắp hát thực. Mặt hắn méo nhếch như cái bị nát. Nhưng lại là một câu rất hữu tình. Trăm lần cũng như một, hắn chỉ hát độc có mỗi một câu ấy, đến nỗi lũ trẻ chúng tôi sắp thuộc và bắt chước được điệu gân bằng. Hắn hát rằng:

Đào niêu, em ơi! Buông mình

Con oanh, học lói trên cành mai mĩa mai

Em nghĩ mình em cái cúc bạc nư tai

Cái bạc tình chung thì có, cái trâm cài vốn không

Một duyên, hai nợ, ba tình

Ấy cái tang tình, ngày hai tình mười một

Cái tình mong xong hồi tình!

À nên một, nên hai, nên ba, nên bốn

Năm con mẹ cha nên chín, nên mười

Soi gương tình chung nà đánh phấn

Tang tích tịch! Tang tình tang!

Cho ló đẹp, em sắp nẩy chồng

Ô í e... ò e í ò...

Trẻ con thích nhất đoạn này. Chúng reo lên để tán thưởng. Và cu Lặc cũng góp một hồi cười hề hề.

*

* *

Cu Lặc là người như trẻ con. Bởi vì, ngoài những thì giờ để làm, hắn chỉ đùa với trẻ con. Nhưng giá hai đứa trẻ trong nhà có công kêênh nhau lên, chắc cũng chỉ mới mó đến mũi cu Lặc. Trẻ con yêu nhất cái bụng trống của hắn. Rồi yêu đến câu hát ò í e kia.

Nhưng bỗng một hôm, không nhớ có việc gì, một đứa trẻ gọi:

- Cu Lặc! Cu Lặc!

Hắn trừng mắt:

- *Lày* tôi bảo. Từ giờ cấm không được gọi tôi là cu *Nặc* .

Hắn nói câu ấy với một giọng khá nghiêm nghị. Mặt hắn sầm lại, làm ra lối đứng đắn. Hắn tiếp:

- Phải gọi tôi *nà*. .. anh *Nặc* nghe không?

Lũ trẻ chẳng nói gì. Và chúng cũng không dám cười. Song thốt nhiên thấy hấn trở nên đứng đắn thế, chúng nhìn cu Lặc bằng những đôi mắt kỳ lạ, ngần ngại.

Một ngày kia, lại có một sự lạ hơn thế nữa. Ấy là một buổi chiều, tôi nghe u tôi nói chuyện với thầy tôi rằng:

- Thằng cu Lặc lấy vợ rồi đấy.

Thầy tôi sùng sốt:

- Thế hở?

- Nó lại xin ra ở riêng...

Từ hôm sau ấy, mỗi chiều chiều, lũ trẻ thấy Lặc xách guốc xuống ao, rửa chân xong lạch cạch đi lên, chào cả nhà rồi bước ra ngõ. Lặc đi về phía nhà của Lặc. Hấn ở với vợ của hấn. Việc đó là một việc hết sức mới mẻ và lạ lùng, khiến chúng tôi phải bàn tán với nhau dữ lắm, trong nhiều buổi sáng và nhiều buổi chiều.

Và từ khi nghe nói Lặc có vợ thì bọn trẻ trong nhà thường há háy nhìn trộm Lặc. Lặc lấy vợ ư? Kỳ nhỉ! Hấn hóa ra cũng chừng chặc rồi. Bởi có một hôm rõ ràng tôi trông thấy Lặc đội khăn xếp bằng lượt. Mặc áo dài vải nâu da bò. Lần thứ nhất đấy. Cái áo dài rộng rãi che vừa kín cái bụng trống.

Tôi đi báo cái tin như vậy cho mọi đứa trẻ trong nhà đều biết.

Thế rồi chúng tôi chìa tay ra *móc xấu* . Định với nhau rằng từ giờ không đùa nào thêm hay là chẳng dám chơi với Lặc nữa. Hấn đã là người lớn rồi còn chi!

*

* *

Lũ trẻ dò xem mặt vợ Lặc.

Tưởng ai, hóa ra vợ Lặc là cái con ở nhà bà hương Khoai, vẫn hay vào nhà tôi xin bèo. Vậy thì thường lắm.

Tên nó là Hoa. Tên đẹp thế, nhưng người nó béo phịch, mặt nó đen thui và rõ chẳng chít. Lúc cười, đôi mắt nó ti hí và cả hai hàm răng nó cùng chìa ra ngoài.

Chẳng phải là họ lấy nhau vu vơ. Cũng có cái ân tình cẩn thận. Nhưng lũ trẻ chúng tôi ngờ nghệch chẳng biết gì cả. Chúng tôi chỉ biết được rằng cô Hoa thường vào đây xin bèo về cho lợn và Lặc ta thường vác sào nứa, cõng truồng tòng ngồng ra để lội xuống ao vớt bèo hộ cô ả.

Thế mà đã có một ngày tốt lành, hai người đó lấy nhau. Họ mượn của làng một mảnh đất ở ngoài đầu xóm, làm nên một túp lều nhỏ. Chỗ ấy chỉ có cỏ dại tự do mọc hoang. Nhưng Lặc ta cũng chịu khó dọn được ở trước cửa một khu cỏ để làm sân và hẩn lại rào giậu bằng nứa đan chéo, như kiểu của những nếp nhà ngăn nắp. Trong sân, hẩn giồng mười cây đu đủ. Cái thứ cây xốc nổi, chóng được ăn quả nhất.

Bây giờ Lặc không ăn cơm ở nhà tôi nữa. Cuối tháng hẩn xin hai đồng rưởi tiền công. Hẩn mang tiền về để đóng gạo ăn chung với vợ. Vợ chồng ăn cùng một mâm. Cu Lặc lần thứ nhất, đã gặp một địch thủ lợi hại. Cô ả cũng ăn khỏe không kém gì chàng. Có nghĩa là cho đến khi vét nồi còn cật cũng chẳng còn sót lấy một hạt cơm thì phải đứng dậy. Mỗi lần xong bữa, cô vợ khệ nệ đứng dậy, vươn vai. Nếu cái bụng của nàng phồng ra to phình thì cái bụng của chàng cũng thế, không kém. Có phần lại hơn nữa. Cặp vợ chồng mới liền nhìn nhau mà cười. Chàng cù nàng một cái. Ôi! Hạnh phúc thay!

Nhưng ở đời, hạnh phúc vốn là một sự chẳng bao giờ có, người ta chỉ đặt ra hai chữ ấy để nói cho hoa mỹ mà thôi. Cho nên họ ở với nhau được hơn một tháng thì cả hai người cùng khám phá ra được một điều sâu lắm là họ cùng ăn khỏe đến bậc nhất nhì trong thiên hạ cả.

Tuy sức chứa của bụng Lặc vào loại nặng tấn, nhưng chưa khi nào Lặc biết mình ăn nhiều đến độ nào. Bởi hẩn chưa hề phải đóng gạo. Làm cho nhà người, hẩn chỉ có việc ngày đánh ba bữa no kênh. Bây giờ tiền túi bỏ ra thì hẩn thấy rằng một tháng còng lưng của hai người, cộng lại, không đủ cung cho miệng hai người ăn đủ. Thực là một nỗi buồn rầu. Nếu họ cùng không ăn khỏe, thì họ yêu nhau biết bao nhiêu!

Bởi cùng ăn khỏe nên họ không thể yêu nhau. Một hôm, người vợ hơi cáu một mảy vì phải ăn đói. Người chồng không nói gì, nhưng mà cũng không cười. Một hôm nữa, người vợ vét gạo để đi thổi cơm, thấy ít quá, văng ra một câu không được hay. Thế là họ xông vào đánh đá, cào cào nhau liên. Hăng quá. Con mụ vừa cào vừa kêu làng. Nhưng chẳng ai đến cả. Ở đấy không có tư bề hàng xóm. Họ đánh nhau chân tay, rồi thôi. Người đàn bà ôm mặt

khóc hu hu. Người đàn ông bỏ đi. Nhưng đến chiều họ lại ăn cơm với nhau như thường. Và họ lại cùng cười hề hề.

Song không thể còn yêu được nữa. Cái thói đánh nhau như đã thành tính và thành lệ. Không mấy ngày họ không réo năm đòi mười đòi nhau, cho ông bà ông vải của nhau ăn toàn những của ngon vật hiếm và để kết liễu cuộc đấu khẩu, họ thui nhau từng trận cật lực. Sức vóc cùng tương đương cả, nên không ai hề gì.

Một buổi chiều nọ, vợ Lặc ở nhà chủ về. Buổi sáng hai vợ chồng đã đánh nhau to lắm. Mụ về nhà gói ghém quần áo, đôi nón và bỏ cả đôi guốc mộc vào bọc cẩn thận. Rồi mụ đánh lên một que diêm. Que diêm xòe lên thì mụ tiếp vào một bó đóm. Cái mặt đỏ của mụ quặm lại, nom đến ghê. Mụ châm liền bó đóm ấy vào mái bếp, về phía trong. Lửa đỏ bùng lên và cháy lên.

Mụ cấp nón đi mất.

Lúc ngọn lửa bốc cao gần bằng ngọn tre mới có người biết. Người ta chạy dòn cả đến. Nhưng khi trông thấy lửa hoành hành ở một cái nhà chơ vơ giữa bãi hoang thì không ai xô vào chữa. Người ta lại nhăn nhẽ ra cười.

Mãi sau cu Lặc mới hay tin. Hắn học tóc chạy về. Thì nhà của hắn chỉ còn là một đồng than hầy còn hồng rực và còn ba cây đu đủ chảy đỏ hắt, chong chổng giữa sân. Hắn đứng chấp hai tay sau lưng, tàn ngằn nhìn đám khói đen.

Rồi Lặc huỳnh huých chạy đến nhà bà hương Khoai tìm vợ. (Tội nghiệp, hắn chẳng biết gì hết). Người ta bảo vợ hắn về từ lâu. Hắn liền cầm một chiếc gậy tre lớn, đi lòng vợ khắp bốn xóm trong làng Nghĩa Đô. Nhưng không thấy mụ đâu cả. Đến tận sáng hôm sau cũng vẫn bật vô âm tín con người nội trợ không được tốt ấy.

Bây giờ Lặc đã trở về cuộc đời xưa.

Lặc làm, rồi Lặc ăn cơm và lại đi ngủ ở nhà tôi. Còn có nghĩa nữa là Lặc ta lại về đánh bạn với lũ trẻ. Mọi khi, ở với vợ hắn chỉ làm lì cuộc vườn cả ngày, đợi đến lúc mặt trời tà tà, hắn cung cúc về ngay, quên cả các chú bạn tí nhau. Lũ trẻ cũng lảng đi chơi với nhau, lờ cái anh cu có vợ ấy đi.

Giờ lại chơi với nhau như thường rồi. Và hắn lại dễ dàng như trước. Anh nào muốn gọi hắn là Lặc, là cu Lặc cũng được, không hề giận dỗi chi. Ai hỏi gì về vợ hắn, hắn chỉ mím

cười vu vơ rồi lắc cái đầu. Nếu có vui chuyện lắm. Lặc mới nói:

- *Ló gớm nắm . Ló vừa đánh, ló vừa bóp. Tôi phải thua đấy.*

Một hôm, lũ trẻ nghe có tiếng *bập bùng bung* ở trong vườn. Chúng tôi chạy vào thì thấy Lặc ta đương giơ hai tay vỗ bụng và gân cổ lên hát cái bài “ò í e” quen thuộc ngày trước. Đã lâu mới lại được nghe hấn hát, vui lạ. Hát xong, hấn nheo mắt, cười. Và hấn lại làm cái trò phập phồng bụng.

Cu Lặc lại có thêm nhiều trò mới nữa. Hấn có một câu đố rằng:

- *Cái thúng mà thúng hai đầu. Bên ta thời có, bên Tàu thời không . Đó nà cái gì?*

- Không biết.

- Chịu.

Có thằng hóm hình:

- Là cái bụng anh Lặc.

Cả bọn cùng cười. Nhưng Lặc nói:

- Không phải. *Ló nà cái váy!*

Hấn giảng tỉ mỉ những tại làm sao mà lại là cái váy. Chúng tôi nghe, lấy làm phục lắm. Hấn hấn mới học mót được của vợ. Tôi hỏi. Hấn nhìn tôi, mặt xịu lại.

Tôi gặng:

- Có phải anh Lặc học của vợ anh không?

Buồn buồn, hấn nói:

- Không phải. Tôi *nại* hát thể *lày* cho cậu nghe nhé. Mà hát trống quân cẩn thận cơ!

- Anh Lặc hát đi...

Lặc phồng bụng, xòe hai bàn tay ra vỗ:

*Thình thùng thình... yêu nhau thì lém bã giầu, ghét nhau thì lém đá vỡ đầu nhau ra...
Thình thùng thình...*

Tiếng reo hoan hô vang động cả khu vườn. Mấy anh chicks chèo đờng vênh đuôi, cong cánh lên hót véo von, chẳng biết cà kê ra sao, vỗ cánh bay mát.

Câu hát lạ này, ý hẳn Lạc cũng mới học đợc của vợ. Đàn bà tài thực!

Một năm, đói kém quá. Hàng lựa ế đến nỗi ai đặt chân vào làng Nghĩa Đô đều thấy vắng tanh, không nghe tiếng một con thoi chạy. Nhà tôi cũng phải nghỉ dệt lựa.

Lạc không còn việc gì để làm. Ngày kia, hẳn bỏ đi đâu mát. Không có ai biết. Đợc ít lâu, có kẻ nói là nghe phong thanh thấy người ta đồn cu Lạc đã nhập với bọn phu mộ sang Tân thế giới làm ăn.

Ba năm sau, vào khoảng tháng Hai, gia đình tôi nhận đợc một lá thư xa. Ngoài bì thư có đóng dấu ở Thủ Dầu Một, Nam kỳ. Thư như sau:

Dầu Tiếng le 8 tháng Giêng,

Tên con là Lạc. Hôm nay là tháng Giêng năm mới, con có lời về mừng hai cụ, ông bà cùng các cậu, năm mới đều đợc phát tài bằng năm bằng mười năm ngoái. Con ở bên này lấy điều làm mừng lắm lắm. Từ ngày con ra đi làm ăn xa xôi, nhờ ơn thiên địa giờ đất vẫn cũng đợc như thường.

Thư bắt tận ngôn.

Bấy nhiêu chữ viết bằng mực tím nhòe nhoẹt bò cao thấp, lổm ngổm vừa kín cả một mảnh giấy con, dính đen sạm những chất nhờn của mồ hôi tay. Không thấy đề rõ chỗ ở. Dáng hẳn Lạc ta nhờ mãi, nói khó mãi mới có đợc một ông bạn tốt bụng viết cho ngần ấy chữ quý hóa.

Nghĩa Đô 1941

Võ tỉnh

Mới võ nhẽ ra rằng bấy lâu lão Nhã chỉ toàn nói dối!

Chiều hôm trước, tự dung lão lù lù từ Nghĩa Đô sang bên Bạc. Lục hỏi, lão bảo: “Giêng Hai thông thả, đi chơi”, lão nói thế, chứ Lục đã biết trên nhà lý Kiên sắp có cái giỗ đầu năm. Năm nào lão Nhã cũng khéo nhớ, và cũng mò lên. Và lại, trông ông lão càng rõ không phải là con người đương rồi, đi chơi. Nước da bủng màu nghệ thôi: cái dối đã về lên tận mặt!

Tuy vậy, Lục không hay dài dòng lời thôi. Thấy ông lão đến vào giữa thời buổi xác xơ, đôi khi Lục cũng có ý bực thân và tức lão. Nhưng, tức để bụng, vì một đời mới một lần người ta đến nhà! Hôm lão đến, Lục không nhóm bếp. Hôm sau Lục mới bê cái hũ gạo trên giàn bếp xuống. Tinh ý, lão Nhã đã nói đón:

- Chú mặc tôi, mặc tôi. Cứ tự nhiên, đừng lo cho tôi. Tôi cũng có cái ăn rồi. Tôi chỉ ở đồ vài hôm rồi tôi lên với chú Tư nó...

Ông khoe: “Chú Tư mở cửa hàng thợ cạo trên tỉnh Sơn, trừ chi tiêu, mỗi ngày còn phát tài được chục bạc”. Lục xuýt xoa:

- Ở tỉnh lúc này may ra mới có gạo, nhà quê ta thì đành tiết rồi. Mẹ cháu cũng phải lên kiếm miếng trên tỉnh từ năm sớm. Nhưng thế nào ông cũng phải đợi cái “rúi” [\[1\]](#) trên chú lý Kiên rồi ông hẵng đi chứ?

- Thôi, chả. Năm nào chứ năm nay thì rúi với ráy gì. Giời đất này chẳng ông bà nào trách đâu mà sợ. Chú bảo hộ vợ chồng anh lý rằng lão Nhã nói thế đấy. Nhà nó có, mình chẳng muốn đến, sợ cái tiếng dối khát vác miệng vào chơi. Đến nhà chú, anh em nghèo với nhau.

Lục nghĩ thầm: “Thôi đi bố! Đánh đến chết thì bố cũng đã tạt vào lý Kiên, không một bữa tát hai rồi”.

Rồi, “mai” mãi cũng chưa thấy ông lão lên Sơn. Hôm nào lão cũng đi, chẳng biết đi đâu. Có khi sẩm tối mới về, sặc sụa hơi rượu. Lão lẩn vào một xó ổ lá, suốt đêm làm nhàm nói mê.

Buổi sáng mới hừng nắng, lão ra ngồi giữa sân, cởi áo, vạch quần, sẵn rận một lúc rồi mới đi.

Ngồi bắt rận, lão kể những chuyện chết đói, chuyện trên tỉnh, chuyện buồn, chuyện vui bông phèng. Này, đi qua làng nào cũng không nghe một tiếng chó cắn. Người đói lử đừ hàng lũ ngoài đồng. Có những cái xác nằm chẳng ai chôn, từng đàn quạ bầu quanh, mổ, rĩa, mắt, mũi. Một đoàn quảy thóc đi nộp kho, vừa vượt tràn vừa chửi rủa, đằng sau có những toán đàn bà chạy theo hu hu khóc. Lão lại nghe kể ở bên Phú Gia có nhà đói quá, bốn mẹ con nấu một nồi cháo lẫn nhân ngôn, cùng ăn cho chết. Mẹ con lử lả nằm cạnh bếp lửa đợi cháo chín. Bất đồ, một bọn cướp đói đi qua, thấy nhà có khói bếp, bèn xông vào. Vớ được nồi cháo, cả lũ vục đầu húp sạch. Húp xong, giã giũa lẫn ra. Thế là mẹ con nhà nọ lại không được chết. Người ta còn kể dưới vùng Nam, hàng cơm nào còn bán thịt thì phải để cả miếng to, không được thái nhỏ hay nấu canh, nấu đông. Sợ chủ quán đánh tráo thịt người! Dưới ấy thịt người nhiều lắm. Nhưng lão không tin. Lão bảo:

- Đói lắm thì chết đi, chứ Nam quốc Nam nhân mà ăn thịt nhau thì không bằng con chó.

Lục cãi:

- Ô hay, con chó còn có giá hơn con người bây giờ. Bán con chó phải bả mà cũng được sáu chục. Tôi hay ông bây giờ mà ăn phải bả thì chết thối ra, ma nào khiêng!

- Là nói con chó khôn nó cũng không chịu ăn thịt chó, chứ chó bây giờ thì đúng là đắt hơn người rồi. Này, mai lên tỉnh, ta buôn một con lên, khéo cũng gỡ được cái tiền nước nôi, chú Lục ạ.

Thế rồi, mai, ngoài sân có nắng ấm, lão Nhã lại ngồi tuốt rận buổi sáng và kể những chuyện chết đói, chuyện trên tỉnh, chuyện vui chuyện buồn, như thường ngày.

Lão ở đã hơn một phiên chợ. Lục cũng không biết lão đã ăn bằng gì. Được cái, đương giữa lúc đói kém, cái việc cơm ai người ấy ăn, nó cũng quen, rồi Lục không áy náy gì nữa.

Lục vẫn đi làm cả ngày. Mấy hôm nay lên làm cỏ vườn, ăn một bữa cơm không, nhà lý Kiên. Cứ vai vế trong họ, Lục là vai trên lý Kiên. Lục mới rõ chuyện lão Nhã. Lão có vào nhà lý Kiên, đúng như Lục đã đoán.

Người làm trong nhà nói rằng lão đến ăn đêm ở đấy. Rượu vào, lão lè nhè tán lý Kiên:

“Nhờ giờ thì anh chị cũng được hơn người. Tôi năm nay sáu mươi rồi. Chuyện này tôi sang định ở dỗi già với anh chị dăm bảy tháng đấy”. Lý Kiên cười khanh khách: “Trên này đương chết đói hàng rùng người, ông giữ từ cửa đình bên ấy còn sướng chán. Say thì ông ngủ đi”. Lão Nhã giơ tay, trừng trợn: “Không, nói bằng thực đấy. Tôi bỏ chân thủ từ rồi. Thời buổi này mà giữ đình giữ đền để dỗi rã họng ra à? Không, tôi đã định thế mà. Có miếng vườn miếng bãi nào cho tôi cuốc xới cũng được”. Lý Kiên vẫn cười: “Được, được. Ông cứ ngủ đi. Mai hăng hay”.

Sáng hôm sau, lý Kiên dậy sớm, gọi ông Nhã xuống bếp, đưa cho một bát gạo và rì tai:

- Cái giỗ đầu năm tôi định không làm gì. Ăn uống lúc này nó ai oán thiên hạ, mà người ta nói cho. Ông về, cầm tạm lẻ gạo này ăn đường, khi khác thông thả lên chơi.

- Thế cái việc tôi nói với anh hôm qua...

- Cái nhà tôi nó như con dờ người, tính nét mặt tam mặt tứ. Thà tôi nói trước với ông còn hơn là rồi nó nói không tiện. Tôi chỉ tiếng cả nhà không, cũng kham khổ lắm, nếu có gì thì đã giữ ông lại ăn cơm sáng.

- Tôi kham khổ đã quen...

- Còn mỗi nơi một thung, ông ạ. Thôi đi đi, nhà tôi nó giờ dậy, trông thấy tôi thì thảo thế này thì khó nói lắm.

Không cách nào bấu lại được, ông lão Nhã đành xách nón đi. Chiều hôm ấy, ông xuống nhà Lục. Ra thế đấy!

Lão Nhã định lên kiểm cơm trên đây này. Ông lão biết đâu ở đây cũng như ở Nghĩa Đô, nhà nào có mới dám ăn mỗi ngày một bữa cơm ngũ. Người ta lũ lượt bỏ làng đi tránh chết. Vợ Lục đi ở vú trên tỉnh, con chủ thôi bú rồi, mà cứ lạy van xin ở. Thằng Khoai, cái Dĩ mẹ nó đem theo lên, cho làm đầu con nuôi các cửa người ta. Anh Ngũ - anh ruột Lục, cũng biệt tăm đâu từ năm ngoái. Có người nói Ngũ lên tỉnh, làm ăn phát tài. Nhưng Lục cũng không biết đâu. Ông lão Nhã chẳng khác con chuột chạy quanh trong cái nhà cháy.

Hôm Lục lên làm, ông lý Kiên gọi vào, bảo:

- Lão Nhã ở dưới bác, phỏng? Bác phải về tống ngay lão đi! Đầu trộm đuôi cướp chuyên dất dất đấy. Bác mà chứa, rồi lão đem cướp vào làng, người ta đổ vạ cho bác, bác chết. Tôi đã

phải tổng tiền, tương bước rồi, ai ngờ vẫn nấp dưới ấy. Về đuổi ngay lão đi.

Mới vỡ nhẽ ra rằng bấy nay lão Nhã nói dối là thế.

*

* *

Lục về, quyết đuổi cổ lão Nhã đi. Đến cổng, thấy cảnh rong rập ngõ vẫn nguyên như lúc sáng lão chưa về. Hay lão đi rồi?

Trong cánh đồng, tiếng quạ kêu quang quác. Lục nhớ hôm “sắp ảm” [\[2\]](#) năm ngoái, hai vợ chồng ngồi trước cửa, nhìn cái nền nhà tro trụi mới dỡ, hơi đất còn nóng hổi. Ngoài lũy, quạ kêu tha thiết. Gió rét buốt như cứa thịt. Hàng xóm bên Đông, hàng xóm bên Tây khóc rung rúc. Tết đến sau lưng, không nhà nào còn một hạt gạo.

Vợ Lục vừa ở tỉnh về, đưa cho Lục mười lăm đồng. Mười lăm đồng bạc chỉ đong nổi ca gạo, chị tính với chồng:

- Nhà ạ, ta bán quách mấy gian nhà trên, lấy cái ăn mà đợi việc. Chứ bây giờ cứ ngồi bóp bụng cho đến lúc có việc thì quy mất.

Ngày hôm ấy, chồng hì hụi dỡ nhà. Vợ chạy khắp bốn xóm dạm người mua củi. Hai vợ chồng bó rạ, lá tre, nan rùng, quây đi. Ai cũng chặc lưỡi, bảo: “Thôi, túng thì phải tính” và khen mục Lục tháo vát. Nhờ thế, Lục dè sẻn ăn dần, thành thử cũng chưa đến nỗi giờ xuong như lắm người khác. Nhưng bây giờ mỗi khi trông cái nền nhà đã giồng củi, anh bùi ngùi nhớ hôm “sắp ảm”, nhà đã dỡ đi rồi. Vợ chồng lẩn thẩn quanh quẩn trên cái nền đất ảm, chỉ còn tro hòn gạch chân cột và mấy hàng hột trám chôn thành hình bàn cờ.

Tiếng quạ kêu nhỏ dần, như bạt gió. Những chấm hoa cải rỗ vàng nằm rạt nghiêng bên hàng cọc tre. Ô hay không gió to mưa lớn mà hàng rào lại đổ rạp thế kia? À, có đứa nhỏ trộm củi, hai lỗ đất bật tung. Chả có ai vào đây, lại có kẻ trộm trong nhà này thôi. Chứ không có thì vạy rãng ra mà ăn. Lão nhổ củi. Lão lấy củi niêu đất kia lão luộc. Lão ăn vãi rau củi, nhá hết cả rễ, rồi đổ nước ra lỗ rãnh. Đích thế!

Cơn giận cứ bốc ngùn ngụt. Lục nhen lửa, rít một hơi thuốc lào. Xa xa, tiếng quạ trong sương lại thảm thiết, bồi hồi. Qua khói thuốc, lò mờ nền đất cũ... những rúm hoa cải vàng khè... Lục càng bực mình. Lục tưởng tượng cơ chừng lão Nhã ngộ gió, đã còng queo ngoài

ruộng. Quạ ngửi thấy mùi tanh, kéo đến lượn trên xác lão. Nếu không, sao quạ lại kêu nhiều vậy? Cái giống quạ đánh hơi xác chết giỏi lắm.

Lục dọn ổ lá, soạn chỗ nằm.

Ngoài ngõ, ai kéo cành rong lạch đạch. Lão đã về! Lão không chết. Lục núp nhìn lỗ vách. Lão đã vào đến trong sân. Như bóng cây nửa lêu đêu trên nền sân tờ mờ. Hai cái vạt áo nâu rách phơ phất như phướn nhà chùa. Một mẩu khăn quần chéo trên đầu, hết lão lái lợn. Tay vẫn khur khur thu trong bọc, giữ cái gì. Lão thở khà, chẹp mép. Cái người lúc nào cũng thêm ắn. Bóng mái bếp đổ xuống, chẳng nom rõ mặt lão nữa.

Lục ngả lưng vào ổ, vờ ngủ. Trong bụng vẫn nhớ một câu người ta nói: Ai hay chóp chép mồm là cái người suốt đời đói khát.

Lão Nhã chửi:

- Tiên nhân cái thằng cu này, giờ mà chưa về!

Tuy vậy, Lục không ngồi dậy, cũng không sùng sộ. Lão Nhã loạng quạng thò đầu vào bếp. Chân bồng đụng vào Lục. Lão tru lên:

- À chú ta đây rồi. Ngủ sớm thế? Dậy, dậy, anh bảo cái này, hay lắm.

Lão ngồi thụp xuống, thôi đông rằm. Ánh lửa nhen lên, lom đom trên cái nòm dạ giữa ba hòn gạch đầu rau.

- Mua được hai tiền bánh, một lẻ rượu. Giời đất này, nhin thềm nhin lạt mãi thì để cái sường cho chó à, phải không chú?

Lão đặt cút rượu vào nửa cái vành mâm gỗ. Lục ngồi lên, ngó qua vai lão, thấy lão đương cời củ khoai nướng.

- Khoai đâu thế này?

- Nó rờ non hay của ăn trộm, không biết. Thấy rẻ, tở mua. Rượu đấy, rượu...

- Không, tôi không uống.

- Một tộp thôi, cũng chẳng có đâu.

- Không uống mà!

Lão lại ngửa cổ tu cái cút con, chẳng biết thật là còn hay hết. Lão bới trong tàn than ra một củ khoai dài ngoằng, quắt queo như cái ruột gà. Những cái này chỉ là của ăn sương [3]. Chắc lúc nãy lão đã xuống ruộng móc vùi vài củ.

Lục toan hỏi toạc vào mặt, rồi mắng cho lão mấy câu. Nhưng không hiểu sao, Lục đã nhồm dậy từ lúc nào và đã ngồi thủ thủ chén hết hai củ khoai. Lão Nhã gật gù. Cái đầu rập rờn trên bóng lửa, hiện ra một vẻ lì lợm, kỳ quái. Hai mắt rìa vênh xoắn nhọn. Ánh lửa sáng bập bùng, hắt một bên má hõm sâu hoắm. Lục thủng thẳng hỏi:

- Ông đi đâu về thế?

Lão ngược lên, trông mắt lóe như mắt mèo. Cành củi dương tươi lếp bép nổ. Giữa hai cái chệp mép, lão cười khà khà:

- Chả giấu chú, tớ đi đánh thò lò. Lạy thánh mớ bái, hôm nay thánh cho ăn lộc. Thôi thì mong sao cho qua thời đói, khỏi thời loạn này...

Rồi lão bỗng nói to:

- Tao cần gì những thằng giàu. Đứa nào có đứa ấy ăn, chứ đã đến cái nước vác mặt đi ăn xin thì nhục lắm. Thằng lý Kiên ấy a? Tao chẳng thèm đến nhà nó. Phải không nào! Tôi không có thì tôi bỏ đất tôi đi, tôi đi tôi kiếm.

Từ nãy, Lục loay hoay tìm một câu đuổi khéo. Đến khi nghe lão khề khà... tôi đi... tôi kiếm chác... thì thật tình, Lục lại động lòng thương hại. Lão cứ ba hoa thế, chứ lão ấy còn biết đi đâu, đi đến đâu chẳng nữa cũng chỉ là đi chết chứ chẳng phải đi để sống chỗ nào. Và Lục buồn bã hỏi:

- Bao giờ ông lên tỉnh? Ông lên Sơn hay ông về dưới làng? Chứ ông là ông từ giữ đình...

- Tôi ôm lấy cái đình tôi gặm được ư? Làng nước cũng phải tha cho tôi đi cầu thực chứ.

Rồi ông kể lể:

- Anh buồn lắm, chú Lục ạ. Chú còn có thím ấy làm ăn đỡ đần, chứ thân phận anh là cái bè trôi dưới ao. Cái thằng Nhỡ mà ngày trước năm nào tôi cũng dắt nó sang ăn cỗ ấy. Ngày xưa còn mẹ nó, tôi còn có... Ngày xưa còn mẹ nó, nó sướng hơn vàng... hơn vàng...

Than đã vạc. Bàn tay lão lù lù trên ánh đỏ. Cái đầu trĩu xuống, hai cái sừng khắn tai chó vĩnh như sừng trâu. Ngoài sân tối mịt. Vò cút rượu lặn lóc cóc ra ngoài mảnh mâm gỗ. Lão chếp miệng, bưng hai tay lên trán, nói nho nhỏ, xa xôi:

- Ngày xưa, tôi còn có, chú Tư nó cũng nhờ vả tôi nhiều. Bây giờ chú ấy làm ăn khá giả.

Lục lại bực mình, nói kháy:

- Ông thì có cóc gì bao giờ! Chỉ thấy nói đi mà không thấy đi. Ông Tư ông ấy không nhìn ông rồi.

- Đừng tưởng thế. Chết cha còn anh chứ. Nhà nào cũng phải có nóc. Năm nay tôi sáu mươi. Chuyến này lên tỉnh tôi phải ở đối già với chú Tư nó dăm bảy tháng. Tôi nhất định thế rồi.

Lục bật cười:

- Ngộ chú ấy không chứa thì ông nhất định làm sao? Như nhà lý Kiên ấy.

Lão trợn trạo, dường sợ hãi, quát to:

- Láo nào! Láo!

Rồi lão hạ giọng:

- Ngày mai thì tôi lên Sơn sớm. Cùng đi nhé, ta kiếm...

Lục không nghe hết, cũng không nói, lẳng lặng nằm xuống ổ. Tiếng sột soạt cựa quậy trong vách tối. Lục cũng không nghĩ gì về lão Nhã nữa. Chỉ còn hai tiếng “mai đi” lại khiến Lục vụt nhớ đến vợ con. Từ năm ngoái, khi “nhà nó” về đem các con đi, “nhà nó” đã dặn: Đừng có lên tỉnh. Thì “nó” muốn sao cũng được. Nghe nói đứa nào bây giờ cũng béo mũm... Chao ôi, thóc lúa thiên hạ đầy đồng, mà ba bố con nhà ta chỉ nhồi nhét rệt rau sam, rau má, củ gấu, củ chuối. Ba bố con ngồi đầu ngõ. Ai đi trông vào cũng thấy sáu con mắt hau háu, sáu cái đầu gỏi trô trố. Nếu “nhà nó” năm ngoái mà chậm về, có lẽ bây giờ bố con đã nằm ngoài đồng cả rồi.

Lão Nhã hỏi bóng tối:

- Ngủ đây à?

- Ừ.

- Này nghe nói trên tỉnh Sơn bây giờ có thằng lính Nhật hay mượn thợ mộc. Dưới tôi khối người không biết cầm tràng, gõ cái đục không nổi, mà cũng vênh vác phó nhì, phó nhất cho cái thằng Nhật ấy. Chú đi với anh, thế nào cũng có cơm, anh bảo thực.

Đã dụ con tức, lại nghe lão cứ huyền thuyên hái ra tiền thế, Lục lại tức. Cứ nói hươu với vượn, chắc đâu lão đã biết mặt mũi giống Tây, giống Nhật thế nào.

Nhưng một lát sau, Lục nói một câu đương nghĩ, không ăn nhập gì vào câu hỏi của ông lão Nhã:

- Ông ạ, anh Ngũ tôi ấy mà, anh ấy đương phải ngồi tù trên tỉnh, tôi chả mặt mũi nào lên.

- Sao bảo thằng Ngũ buôn bán phát tài cơ mà?

- Nào biết được. Cũng nghe như thế, tưởng đùa xấu mồm hay nói nhăng, đến lúc một hôm mẹ cái Dĩ nhà tôi trông thấy anh ấy mặc áo số làm cỏ vê quét đường. Ngờ ngợ, đến lúc gọi, hóa đúng ông anh chồng. Thế có chết người ta không.

- Thời bây giờ ai đội mũ lệch thì người ấy xấu, chẳng quan ngại.

Hai người lảm nhảm chuyện. Lục đã quên hẳn cái ý định đuổi lão Nhã đi. Từ lúc nói đến cảnh mình, vợ con một nơi, anh thì phải tù, bây giờ Lục thấy thương lão cũng như mình mà thôi. Càng khuya, ông lão vẫn lẫu bẫu, rì rầm, nói cho tai lão nghe. Một lúc sau, đã nghe lão ngáy rền từng nhịp. Lục vẫn chưa ngủ. Trong lòng nghĩ ngợi nhiều bề. Ngoài sân trăng suông.

Một hồi chó sủa, sâu thẳm, xa vời vợi.

*

* *

Lục trở dậy từ lúc còn tối đất. Mắt nhắm mắt mở, Lục tắt tả đi làm buổi cho nhà lý Kiên, như mọi ngày.

Lục ráp cành rong ngô lại. Cũng không buồn ngó đến lão Nhã vẫn đương co quắp, khô khô ngáy trong lồng lá chuối khô. Chuyện “mai lên tỉnh” của lão vốn dĩ vẫn là chuyện để

đẩy rồi.

“Mày ăn hai củ mày chết hai đứa... Mày ăn ba củ mày chết cả nhà mày... ới thằng liên ông, ới con liên bà kia...”

Tiếng con mụ chua như mẻ đương léo nhéo đầu xóm. Thôi, đích đêm qua lão Nhã móc trộm khoai của người ta rồi. Đã biết mà. Tức quá, Lục quay ngay về.

Nghĩ thế nào, Lục lại trở đi.

Trong cánh đồng sương chưa tan, chơi voi trắng như biển mù. Những con quạ ở đâu về sớm, đã buông từng tiếng rời rạc, bẳng lẳng trên đầu, trước mặt. Nghe chân người lệt xệt qua ruộng, Lục ngẩng lên, thấy một người mặc quần áo nâu đương cung cúc bước tới. Đây là người phu lò, hôm nào cũng vào xe gạch ra bến đò. Thấy Lục, người ấy nói choang choác:

- Tôi hôm qua loạn võ tinh, có biết không?

Lục đứng sững:

- Thế nào cơ?

- Đêm qua thằng Nhật đánh tinh võ rồi.

Người ấy lại cắm cúi đi.

Lục ngăn người, rồi Lục quay lại, đuổi theo, hỏi:

- Người ở tỉnh có ai việc gì không, a bác?

- Thế đêm qua không nghe loạn súng à?

Lục vẫn hỏi:

- Có người chết không?

- Lắm lắm...

Sao? Chết nhiều lắm? Lục nghĩ đến vợ. Sao dạo Tết về, không thấy “nó” nói gì cả, loạn lạc thế nào? Ngày trước, Lục đã nghe nói loạn Cờ Đen, loạn Tây hạ thành. Năm Lục lên mười, một lần vỡ chợ Tổng, người ta nói hôm ấy loạn tinh Thái Nguyên. Bây giờ lại loạn. Mấy năm nay tiếng đồn nhiều nơi có loạn, có đánh nhau. Ở Hà Nội, tàu bay Mỹ đến thả

bom, đổ nhà, chết cả phố. Ở làng, dạo trước nhiều người phải vào lính sang dẹp loạn bên Tây. Người ta bảo rằng: Tây thua rồi, ta chết hết người rồi. Tây thua rồi cho nên Nhật mới tràn sang ta. Từ khi ấy, đồng tiền rẻ hơn bèo, thóc gạo biến đi đâu mất cả. Làng xóm nhếch nhác, thất thểu kéo đi, không biết đi đâu.

Bấy lâu, có người vẫn bảo: Rồi còn khổ, còn loạn to. Bởi thằng Nhật còn ở đây, còn nhiều nước sắp kéo đến đánh nhau với nó. Lục chưa được biết cái thằng Nhật mặt ngang mũi dọc thế nào, chỉ nghe nó thập lùn, khỏe và ác trần đời. Đi chợ tổng, Lục được nghe kể chuyện: Nhật mua cỏ ngựa. Chẳng may, con ngựa ốm rồi chết. Nó gọi người bán cỏ đến. Nó mổ bụng con ngựa bắt người đàn bà bán cỏ ngựa chui vào. Nó khâu bụng ngựa lại rồi đem chôn cả ngựa lẫn người. Ác thế, ác hơn cả Tây. Mà thôi thế là Nhật hay Tây đã đánh nhau vỡ tỉnh đêm qua. Loạn đến tỉnh Sơn rồi... Ngộ cái thằng xe gạch nói tam toạng? Nhưng, nếu thằng xe gạch nói thật, nếu cái thằng xe gạch nói đúng... Thế thì mẹ con nhà nó bây giờ ra thế nào?

Sương đã tan. Con đường cái lớn lên Sơn hiện ra một vạch kẻ thẳng xuyên giữa cánh đồng. Xa trông, lóm đóm vài bóng người đi im lặng.

Không có cái gì khác. Cũng như mọi khi.

Đầu ngõ, một đám người đứng trước nhà lý Kiên. Cả lý Kiên cũng ra đấy. Mặt lý Kiên khô quắt, đen thui, nhăn nhó, vẻ lo lắng, chốc chốc lại ngác nhìn cánh đồng. Họ xúm quanh quang gánh của hai người đàn bà đi mua tro, đương nói nói chỉ trở ra phía bên đò.

Những người này lên tỉnh mua khô dầu từ sáng sớm. Đến bến đò, họ gặp nhiều người chạy về, bảo rằng đêm qua Nhật Tây đánh nhau vỡ tỉnh. Họ cứ đi. Đi một lúc thì gặp hai thằng Tây, mặt tái ngoét, lêu đêu chạy. Họ hoảng quá, phải lộn trở lại.

Nghe thấy thế, Lục cũng dừng dừng bỏ chạy. Mặc kệ lý Kiên gọi réo đằng sau lưng. Lục chạy ngay về.

Nhưng xóm nhà Lục vẫn vắng lặng. Có lẽ chưa ai biết gì cả. Cái mụ mắt khoai vẫn đứng giữa ruộng, hai tay chống ngóat lên mạng sườn, lại bắt đầu: “Mày ăn hai củ, mày chết hai đứa... ới thằng liên ông, ới con liên bà kia...” Mấy đứa trẻ con cời trần run rẩy xúm đến, hiếng mắt ngó ruộng khoai. Lão Nhã đã ra đấy từ lúc nào, đương chẹp chẹp mép:

- Khoai nhà bà lên giò rồi, chửi làm gì cho mỗi mồm.

Lão Nhã thấy Lục về, quay ra hỏi:

- Chú có thấy gì ngoài ấy không?

Lục không hiểu câu hỏi thế nào, buông một tiếng:

- Không.

Lão Nhã lại chép miệng:

- Chỉ loạn mồm!

Rồi lão Nhã về, lại rúc vào đồng lá, ngủ nữa.

Tiếng ốc rúc từng hồi ánh ỏi.

Lục còn chưa ngót phân vân. Lên điểm tuần đầu đình xem ra sao. Chẳng có ai.

Mặt trời đã đóng đầu ngọn tre. Lục đành lờ một buổi làm. Lục đắm chiêu nhìn phía tỉnh. Cánh đồng màu óng ả xanh rờn. Bỗng trong ao có tiếng hỏi:

- Lục đây phỏng?

Từ trong cầu ao oang oang tiếng ai nói:

- Nhà Ngũ vừa ở trên tỉnh về đây.

Lục choáng cả người. Thế thì có nhẽ cả mẹ con nhà nó cũng về?

- Anh Ngũ béo quá, khuôn về nhà là quần áo, của cải, cả hòm tiền.

Lục khắp khênh nửa mừng nửa lo. Này bây giờ về mà gặp vợ. Này nó béo nung núc. Nó vác về một ôm sòng áo mới. Mẹ con nó đem về bao nhiêu là của, là tiền.

Trong nhà đã đen nghịt như ổ kiến. Cái lều của Lục hôm nay nom vẻ lạ lùng và chật hẹp quá. Trẻ con xúm xít chen nhau, ngõ vào. Anh Ngũ đứng giữa nhà, mặc cái áo ba-đờ-xuy lính, màu cắt ngựa. Anh ấy đứng im, mặt chín lừ không cười không nói còn lão Nhã cứ cúi lom khom, hai tay vuốt tẩm áo xám cắt ngựa, vuốt đến đâu lại dí mũi ngửi theo, và luôn luôn chép miệng: “Quý quá! Quý quá! Thành ông quan, rồi đáng trăm bạc đây, đáng nghìn bạc đây...”

Lục chạy xô vào:

- Bác có gặp mẹ con nhà nó trên ấy không?

- Không!

- Thế thì trên ấy bây giờ ra làm sao?

- Như thường! Chẳng sợ cóc gì cả.

Cũng trong khi ấy, khắp làng nhao lên như cá úi. Người ta cứ ngót ngát bàn tán về anh Ngũ bây giờ giàu to.

Lúc này Lục cũng cứ nghĩ tưởng tượng theo người ngoài ngõ đồn đại. Nhưng bây giờ thì Lục biết hơn người ngoài ngõ, anh Ngũ chỉ đem về cái áo ba-đờ-xuy, chẳng có của nả gì nữa.

Buổi tối, Ngũ mới kể.

Năm ngoái, Ngũ đi làm cho lò bánh. Vì Ngũ đánh nhau, phải vào nhà pha ngồi tù một năm rưỡi. Đêm hôm kia, nghe súng nổ ầm ầm, Nhật đánh trại lính. Cả nhà tù nhao chạy ra sân. Có người reo: “Phá được cửa nhà pha rồi”. Người ủa ra, súng bắn cũng mặc. Có người kêu: “Tây chết rồi. Tha cho anh em về nhà ăn! Không tha thì chúng ông cũng phá toang cái song sắt”. Lại có người kêu: “Nước ta sắp độc lập. Cứ về theo Việt Minh đi đánh Tây đuổi Nhật. Đâu bây giờ cũng có Việt Minh!” Người ta nháo nhào đẩy lưng nhau, chạy. Mấy trăm con người tràn ra các phố, vừa chạy vừa múa chân múa tay, xô vào cướp cả nhà quan công sứ. Ngũ quơ được cái áo ba-đờ-xuy này...

Ngũ nói:

- Ta không lấy thì Nhật nó cũng đốt ráo. Tòa sứ cháy rồi. Tây tích trữ thóc gạo lắm quá, tiếc đứt ruột ra mà đành bỏ về đây tìm Việt Minh.

Vẫn cái thói “gì cũng biết”, lão Nhã chẹp miệng:

- Việt Minh thì ở đây cũng sẵn.

- Đâu?

- Phiên chợ tổng nào chẳng có Việt Minh về nói chuyện.

Ngũ nói:

- Đấy, đấy. Ở trong tù, tôi đã nghe nói Việt Minh nhiều lắm.

Lão Nhã im lặng, không nói thêm. Từ nãy, ông luôn “úi chà”, luôn miệng chẹp đánh dấu từng câu Ngũ nói. Lão hau háu nhìn Ngũ. Tự dưng lão hỏi Ngũ:

- Mai lên tỉnh liệu có còn gì không?

- Có mà khuôn mấy ngày chưa hết.

Lão Nhã lại chẹp miệng, nói lửng lơ:

- Mai mình phải lên chú Tư xem sao. Chú Lục có lên thím ấy không?

Lục không nói.

Nửa đêm ấy, lão Nhã bò dậy, lay Lục, thì thào:

- Lên tỉnh.

Hai người chạy đến gần tỉnh, mới tang tảng sáng. Tuy sắp tới nơi, nhưng họ vẫn vừa rảo cẳng, vừa thở. Lão Nhã ấn luôn cái khăn tai chó trên đầu cho quàng vắt xuống cổ.

Đằng xa, lớp mái nhà đo đỏ, rập rờn trên khoảng đồng sương. Nhưng từ hai bên bờ ruộng, trong các đầu làng, lồ nhố kéo ra vô khối người. Lục quay sang nhìn lão Nhã, ý hỏi. Lão này tru tréo:

- Người ta vào tỉnh cướp của đấy, ời giời ôi! Nhanh lên.

Hai người lao đầu chạy. Chốc chốc lại gặp một đám đông cũng chạy. Lại càng hối hả nhanh hơn, hơn nữa. Trong đầu họ, cái tỉnh lỵ trước mặt đương xôn xao, ngổn ngang biết bao nhiêu của!

Đã đến Chót Nghệ. Rồi qua mấy phố, Lục thấy có vẻ vẫn thường, như thường. Bấy giờ mới để ý những hòn đá đường lổn nhổn, chốc chốc nhói dưới chân, đau tưởng thùng thít. Hai dãy bàng trụi lá, cành khô gơ ngược như những cái cây chết cháy. Từng dãy nhà so le, tường mốc thối như tường đình. Hàng phố còn ngái ngủ, chưa ai mở cửa. Họa hoằn mới có một cửa hé một cánh, lọt ra một người đứng đái vào góc cây rồi nhìn những người chạy qua. Bỗng nhiên, lão Nhã giật lưng áo Lục:

- Gì?

- Nhật.

- Nhật à?

- Đấy!

Lục trông vào một cái cổng chắn song sắt. Lục nhìn thấy một người như người ta, không giống Tây. Cái đó cũng làm Lục bớt sợ. Nhưng thanh lưỡi lê sáng trắng trên đầu súng lại khiến Lục sợ cuống. Trên đầu người ấy úp một cái mũ đen tròn tựa cái nồi đất. Mặt nó to tròn, cái cổ cũng bằng cái mặt. Tất cả, trắng phốp, thìn thít như sáp nặn. Quần áo thì một màu đất thó như mũ. Hai con mắt không chớp, gương lỗ đáo, tròn xoe. Rồi tự dưng nhúc nhích, đưa nghiêng lưỡi lê ra. Lục cúi mặt, sợ quá. Lục nhón gót, chạy nhanh, vừa chạy vừa nghĩ: nó khác ta, nó có khác ta.

Đã đi qua chỗ sợ ấy. Một điều khiến ông lão Nhã và cả anh Lục cùng ngơ ngác. Họ không thấy các phỏ lung tung như khi nghe Ngũ kể. Không có người vừa chạy vừa múa. Chóc chóc, lại gặp mấy người ta cầm roi gân bò, quát: “Đồ nhà quê, cút đi” cánh tay người nào cũng đeo băng có chữ “An” đỏ. Ai cũng đi đôi ủng thổ công giống hệt nhau. Ông lão Nhã chẹp chẹp miệng:

- Lại giống cái độ Tây mới sang, những tay này rồi sắp lên tri phủ, tri huyện cho Nhật đây. Quái, sao không thấy bọn vác đòn càn lúc nãy.

- Vừa trông có lũ nào đi đầu ngả đằng kia. Đấy... đấy...

Không biết có phải bọn vác đòn càn lúc nãy trong làng ra không, nhưng trong các ngõ lại thấy tuôn ra nhiều người chạy đến trại Con Gái. Thường ngày, lính Tây và lính ta vẫn ra vào ở đấy. Trong ấy còn có cái gì thì người ta vào khuân nốt. Lũ lượt rộn rịch chạy phấp phới như cò.

Họ cứ xô vào tay không rồi lại ôm vác ra đủ thứ. Cái hòm phản. Cái nôi. Một bu gà. Một con vịt. Một rô bát. Cái bình hương. Người xô đến mỗi lúc càng lắm...

Ông lão Nhã nhảy vào. Lục cùng chạy theo, quên cả việc đương đi tìm vợ.

Lục chúi sau mấy cái lưng. Dãy nhà, bên tay phải, đương cháy bùng bùng. Một người vác bó đuốc đâm lên cái phen nửa đầu mái nhà hét to:

- Đốt bỏ cha nó đi, anh em ơi!

Lửa lò vào lớp rui trên đầu, nóng rực xuống. Lục cuống cuống như mất cấp cái gì. Bởi vì chưa lấy được cái gì cả. Cái gì lấy được thì người ta bê đi cả rồi. A, cái chậu thau. Nhưng vừa chạy đến thì mấy người đằng kia nhanh tay đã ủa đến nắm mất. Chẳng nhẽ lại khiêng cái vại? - mà cũng chẳng còn chiếc nào lành. Một lũ người đương rầm rộ qua các cửa buồng vợ lính, cứ trông thấy chum vại là phang vỡ luôn.

Ánh lửa đã đỏ khé xung quanh, nóng rộp trên mặt Lục. Giữa tiếng lửa bùng bùng, tiếng người la hét dữ dội bên ngoài. Lục càng luýnh quýnh hơn. Không ra mau thì chết cháy. Lục ngó quanh xem có thấy lão Nhã. Chỉ thấy lửa và tiếng lửa reo ngùn ngụt.

Lửa đã rọi sáng hẳn gian buồng. Lục đụng vào một cái giường, bốn chân lênh khênh như cái chuồng lợn, còn trơ bộ khung. Lục cúi xuống. Cái giường to bằng cả tám liếp. Lục chui vào thang giường, hai tay bấu chặt hai thành. Lục giáng sức đứng hẳn lên, gân lưng nổi chảo. Lục nhảy ra đường cái, cổ đóng cái gông giường khùng khiếp ấy. Đụng vào ai cũng mặc, Lục phăng phăng chạy. Người ta nhìn theo Lục, nhưng Lục không nhìn ai hết.

Bên đường cái, ba thằng Nhật đội mũ nồi đất, chồm ra, hét một tiếng. Một tiếng súng nổ chói hai màng tai. Lục tối tăm mặt mũi. Lục quăng bừa cái giường xuống, rồi lao người chạy. Được một quãng, hai đầu gối Lục riu lại, dòn xuống. Lục nằm nhoài ra, như người say thuốc.

Nơi Lục ngã xuống là một bãi cỏ, bên chân một bức tường thấp. Người ta tưởng đấy là một cái xác chết đói, mấy lâu nay thường thấy rải rác, ít ai nhìn kỹ.

Lát sau, Lục tỉnh dậy, thất thểu, đi.

Trên đường cái, lại như không có gì lạ. Lục quay vào tỉnh. Bây giờ thì Lục chỉ bồn chồn nghĩ đến vợ.

Nhưng tìm đâu cho ra mẹ con nhà nó bây giờ? Lục hỏi thăm mấy người, mấy nhà. Chẳng ai biết cái người đi ở vú ấy là ai.

Đi quần quanh thế nào, một chốc, lại vòng về cái phố có chòm nhà thờ mọc đen lúc nãy.

Bỗng nhiên, Lục thấy các nhà xung quanh bảo nhau tấp nập lên cửa. Tiếng rôi rít, lớp lớp vỗ cánh cửa gỗ. Nhiều người thập thò, ngấp nghé trước thềm nhà. Trong khoảnh khắc

nhà phố đóng cửa hết, dưới đường cái chỉ còn mấy cái xe sắt. Người ta hỏi truyền cửa này sang cửa khác: “Cái gì thế hở ông? Hở bác?” Chẳng ai biết cái gì. Mãi sau mới có một người chạy qua, thở thở, nói:

- Nhật sắp đem bắn Tây trước cửa Tòa Sứ.

Khoảng ngã tư trước cái vườn hoa ngay cửa sắt Tòa Sứ trông ra đã đen ngòm như đồ đen. Lục lách vào, nghe người ta ào ào nói sau gáy: “Không phải bắn Tây”. Lục nhìn ra một quãng trống trước mặt. Mỗi bên đứng một hàng lính Nhật đều đặn như những cái nấm mọc. Người ta tạt ra phía sau.

Còn đương chưa biết để mắt vào đâu, bỗng một dãy người bên cạnh cùng kêu to:

- Thôi thế là chết rồi!

Đám đông dưới chân tường xông xáo nghiêng ngả. Lục nhìn thấy bên hồ nằm một người không đầu, như cái cây chuối cụt. Máu ở lỗ cổ còn đương xối ra, chảy tưới xuống hồ. Lục lạnh tê run cầm cập hai hàm răng. Cái xác cụt đầu ấy mặc áo nâu da bò, một vòng thắt lưng thắt ngang. Lục nhớ lúc lão Nhã vào tỉnh đã cởi chiếc khăn trên đầu, rồi quán xuống lưng cho gọn. Cái áo, cái thắt lưng ấy là ông lão Nhã. Lục lại đâm đầu chạy. Lục chạy thực mạng.

Đến giữa cánh đồng kia. Lục ngồi nghỉ bên gốc đa. Bấy giờ là đầu xuân. Ngõ mùa xanh bát ngát đầy đồng. Thế là lão Nhã chết rồi. Rõ ràng cái áo nâu da bò quán mảnh khăn cháo lòng của lão. Tại sao lão chết? Tại sao thằng Nhật lại chém đầu lão?

Những con quạ khoang xù lông đứng trên cành đa. Chúng đậu im như những bông kiến. Lục tưởng như có hồn lão Nhã ở trong lũ quạ.

Mấy người cũng ngồi nghỉ đấy. Họ cũng đương nói chuyện với nhau về “Nhật chém người trước cửa Tòa sứ”. Một ông áo the khăn lượt, tay nải đỏ, dáng ông đồ hay thầy tự, lễ nhẽ nói:

- Tôi vừa ở Bắc Giang xuống đây. Trên ấy đương đánh nhau to. Nhật đánh Tây, ta lại đánh Tây, ta đánh cả Nhật. Không còn đường nào chạy...

Một người khác:

- Ở Hà Giang cũng đương loạn. Việt Minh nổi lên ghê lắm. Giết hết các quan châu rồi.

Một anh, tay xách cái đòn ổng, bắn khoăn hỏi:

- Dưới xuôi này cũng có Việt Minh, có thấy người Việt Minh đánh ai đâu.

Ngồi trong góc đa, một ông đứng tuổi, dáng xóc vác như lái lợn, lái trâu, không biết đương nhần nhó điều gì, buông chỗ xuống một câu:

- Mỗi nơi một khác chứ.

Lục cho là cũng có nhẽ thế. Vài lần, Lục đã gặp các người Việt Minh ở chợ Tổng. Họ đeo súng lục, dao găm nhưng chỉ đứng nói chuyện.

Về nhà, Lục trông thấy anh Ngũ đang ngồi buộc nức lại một cái rọ lợn thật to. Lục hỏi buộc làm gì. Ngũ bảo: “Buộc có việc!” Rồi Ngũ hỏi lại Lục:

- Ông Nhã đâu?

- Nhật chém chết rồi.

Ngũ tặc lưỡi:

- Lão đại thì chết. Chúa ác là cái thằng Nhật. Phúc cho chú đấy.

Ngũ bảo Lục:

- Chú đi đảng này với tôi.

- Đi đâu?

- Đi bắt thằng Tây đem bán cho Nhật.

- Sao?

- Chả có hai thằng Tây chạy về núp cánh đồng làng ta. Chú không trông tôi đương đan rọ đây à!

- Nó có súng không?

- Xì, nước mẹ gì.

Ngoài ngõ ồn ào, nhiều người rậm rịch chạy qua. Trông ra thấy một lũ vác rá kéo ra. Lục hỏi:

- Người ta đi bắt Tây, hả?

Ngũ ngó ra:

- Không phải, bọn này sang bên kia sông đơi Việt Minh phá kho phát chẩn. Mẹ nó chứ, bắt xong hai thằng Tây này, tớ cũng đi theo Việt Minh phá thóc.

Một lúc đã buộc xong, Ngũ vác rọ đi.

Lục ngần ngại, định theo, rồi thôi.

Đơi Ngũ đi khuất, Lục ra ngõ, đi về phía bờ sông. Gặp lý Kiên xắn quần móng heo. Đầu hấn lù lù đơi nón. Hấn tắt tả ra bên đò. Lục hỏi chặn:

- Chú lý sang xin các ông Việt Minh phát chẩn, phỏng?

Lý Kiên lúng búng:

- Tôi thấy người ta nói...

- Này, Nhật chém chết lão Nhã giữa tỉnh rồi, ông biết chưa?

Xa xa, đằng đầu cánh đồng vắng một hồi tù và. Có lẽ đằng ấy anh Ngũ đương đi bắt Tây. Hay là đương phá thóc đánh Nhật? Lục nhớ cái dáng anh Ngũ vác rọ, huỳnh huých chạy. Anh ấy đã đi đây đi đó nhiều, đâm ra bạo.

Lý Kiên cứ hỏi đi hỏi lại: “Có thật, có thật lão Nhã chết chém không?”

Lục gắt:

- Rõ ràng cụt cổ rồi.

Lý Kiên bỗng đứng lại, nói một câu ngang dạ:

- Bác Lục này, nghe đâu kho thóc bên sông cũng có Nhật về giữ.

Lục hàm hàm, không đáp.

Rồi Lục vụt lên trước. Lục đoán lý Kiên đơi cái nón ấy để làm cái bung gạo. Lục chửi một câu. Lục chạy lội ừa xuống mặt nước cạn. Bên kia sông, tiếng tù và vẫn tu tu kéo dài. Chắc anh Ngũ đã sang đến kho thóc. Lục càng chạy nhanh. Cũng không quay lại xem lý Kiên có

đi nữa hay không.

[1]Tiếng địa phương: ngày giỗ nhỏ, thường lệ.

[2]Ngày 27 tháng Chạp âm lịch.

[3]Ăn trộm.